

TÔNG HUẤN
“NIỀM VUI CỦA TIN MỪNG”
EVANGELII GAUDIUM

CỦA ĐỨC THÁNH CHA PHANXICÔ
GỬI CÁC GIÁM MỤC, LINH MỤC VÀ PHÓ TẾ,
CÁC NGƯỜI THÁNH HIẾN VÀ GIÁO DÂN
VỀ VIỆC RAO GIẢNG TIN MỪNG
TRONG THẾ GIỚI HÔM NAY

LỜI MỞ

Kính thưa quý vị,

Tại Hội Thảo “Renewed Biblical Apostolate for New Evangelization” do Văn phòng Loan Báo Tin Mừng của Liên Hiệp Hội Đồng Giám Mục Châu Á (FABC-OE) tổ chức tại Thái Lan 05 - 07/12/2013, chúng tôi được trao văn bản Anh ngữ tông huấn Evangelii Gaudium. Vị chủ tọa khuyến khích chúng tôi phổ biến giáo huấn này của Đức Giáo Hoàng. Chúng tôi chuyển dịch sang Việt ngữ để chia sẻ với cộng đồng dân Chúa Việt Nam. Sau phần chủ thích, chúng tôi giới thiệu vài dòng phụ chú về các “đường link” để quý vị tham khảo.

Hy vọng đây là một lực đẩy mới cho nỗ lực Loan Báo Tin Mừng của sứ vụ mà Đức Kitô mời gọi chúng ta dần dần thực hiện.

Xin Chúa chúc lành cho việc Tông đồ của chúng ta.

*Linh Mục Đaminh Ngô Quang Tuyên
Thư ký, thay mặt UB LBTM/HĐGM.VN*

NỘI DUNG

- I. MỘT NIỀM VUI LUÔN LUÔN MỚI MẸ, NIỀM VUI ĐƯỢC CHIA SẺ [2-8]
- II. NIỀM VUI DỊU NGỌT VÀ PHẤN KHÔI CỦA VIỆC LOAN BÁO TIN MỪNG [9-13]
Sự mới mẻ vĩnh hằng [11-13]
- III. TÂN PHÚC ÂM HOÁ ĐỂ THÔNG TRUYỀN ĐỨC TIN [14-18]
Phạm vi và giới hạn của Tông Huấn này [16-18]

CHƯƠNG MỘT

SỰ BIẾN ĐỔI TRUYỀN GIÁO CỦA HỘI THÁNH [19]

- I. MỘT HỘI THÁNH “ĐI RA” [20-24]
Đi bước trước, dần dần và đồng hành, sinh hoa trái và vui mừng [24]

- II. HOẠT ĐỘNG MỤC VỤ VÀ SỰ HOÁN CẢI [25-33]
Một cuộc canh tân không thể trì hoãn của Hội Thánh [27-33]
- III. TỪ TÂM ĐIỂM CỦA TIN MỪNG [34-39]
- IV. TRUYỀN GIÁO HOÀ NHẬP TRONG NHỮNG GIỚI HẠN CỦA CON NGƯỜI [40-45]
- V. NGƯỜI MẸ VỚI TRÁI TIM RỘNG MỞ [46-49]

CHƯƠNG HAI **GIỮA CƠN KHỦNG HOẢNG VỀ SỰ DẪN THÂN CÔNG ĐỒNG** [50-51]

- I. CÁC THÁCH THỨC CỦA THẾ GIỚI HÔM NAY [52-75]
Nói không với một nền kinh tế loại trừ [53-54]
Nói không với ngẫu thần mới là tiền bạc [55-56]
Nói không với một hệ thống tài chính thống trị thay vì phục vụ [57-58]
Nói không với sự bất bình đẳng, nguồn gốc của bạo lực [59-60]
Các thách thức văn hoá [61-67]
Các thách thức cho việc hội nhập đức tin [68-70]
Các thách thức từ các nền văn hoá đô thị [71-75]

- II. THÁCH THỨC CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG MỤC VỤ [76-109]
Nói có với thách thức của một linh đạo truyền giáo [78-80]
Nói không với ích kỷ và nguội lạnh thiêng liêng [81-83]
Nói không với thái độ bi quan vô bổ [84-86]
Nói có với các mối tương quan mới mà Đức Kitô đem đến [87-92]
Nói không với tính thể tục trong đời sống thiêng liêng [93-97]
Nói không với việc tranh chấp lẫn nhau [98-101]
Các thách thức khác cho Hội Thánh [102-109]

CHƯƠNG BA **RAO GIẢNG TIN MỪNG** [110]

- I. TOÀN THỂ DÂN CHÚA RAO GIẢNG TIN MỪNG [111-134]
Một dân tộc cho mọi người [112-114]
Một dân tộc với nhiều bộ mặt [115-118]
Tất cả chúng ta là những môn đệ truyền giáo [119-121]
Sức mạnh truyền giáo của lòng đạo bình dân [122-126]
Tiếp xúc người với người [127-129]
Các đặc sủng phục vụ một sự hiệp thông truyền giáo [130-131]
Văn hoá, tư tưởng và giáo dục [132-134]
- II. BÀI GIẢNG [135-144]
Khung cảnh phụng vụ [137-138]
Như mẹ nói chuyện với con [139-141]
Những lời nói làm trái tim bừng cháy [142-144]

III. CHUẨN BỊ BÀI GIẢNG [145-159]

Tôn trọng sự thật [146-148]

Cá nhân hoá Lời Chúa [149-151]

Đọc sách thiêng [152-153]

Lắng nghe người dân [154-155]

Các nguồn hỗ trợ giảng thuyết [156-159]

IV. LOAN BÁO TIN MỪNG VÀ HIỆU SÂU SÚ ĐIỆP CƠ BẢN [160-175]

Huấn giáo cơ bản và khai tâm màu nhiệm [163-168]

Đồng hành với cá nhân trong các bước tăng trưởng [169-173]

Tập trung vào Lời Chúa [174-175]

CHƯƠNG BỐN

CHIỀU KÍCH XÃ HỘI CỦA VIỆC LOAN BÁO TIN MỪNG [176]

I. TÁC ĐỘNG CỦA LỜI RAO GIẢNG CƠ BẢN ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI [177-185]

Tuyên xưng đức tin và dẫn thân xã hội [178-179]

Nước Thiên Chúa và thách thức của nó [180-181]

Giáo huấn của Hội Thánh về các vấn đề xã hội [182-185]

II. SỰ BAO GỒM NGƯỜI NGHÈO TRONG XÃ HỘI [186-216]

Kết hiệp với Thiên Chúa, chúng ta nghe thấy một lời kêu xin [187-192]

Trung thành với Tin Mừng, kéo chúng ta ngược xuôi vô ích [193-196]

Vị trí đặc biệt của người nghèo trong dân của Thiên Chúa [197-201]

Kinh tế và sự phân phối nguồn thu nhập [202-208]

Quan tâm tới thành phần dễ tổn thương [209-216]

III. CÔNG ÍCH VÀ HOÀ BÌNH TRONG XÃ HỘI [217-237]

Thời gian lớn hơn không gian [222-225]

Hiệp nhất chiến thắng xung đột [226-230]

Thực tại lớn hơn ý tưởng [231-233]

Toàn thể lớn hơn thành phần [234-237]

IV. ĐỐI THOẠI XÃ HỘI, MỘT ĐÓNG GÓP CHO HOÀ BÌNH [238-258]

Đối thoại giữa đức tin, lý trí và khoa học [242-243]

Đối thoại đại kết [244-246]

Quan hệ với Do Thái giáo [247-249]

Đối thoại liên tôn [250-254]

Đối thoại xã hội trong bối cảnh tự do tôn giáo [255-258]

CHƯƠNG NĂM

NGƯỜI LOAN BÁO TIN MỪNG ĐẦY THÁNH THẦN [259-261]

I. LÝ DO CANH TÂN ĐỘNG LỰC TRUYỀN GIÁO [262-283]

Gặp gỡ cá nhân với tình yêu cứu độ của Chúa Giêsu [264-267]

Sự nếm cảm thiêng liêng được là một dân tộc [268-274]

Hoạt động nhiệm mầu của Đức Kitô Phục Sinh và Thần Khí của Người [275-280]
Sức mạnh truyền giáo của lời nguyện chuyển cầu [281-283]

II. ĐỨC MARIA, MẸ CỦA CÔNG CUỘC PHÚC ÂM HOÁ [284-288]

Quà tặng của Chúa Giêsu cho dân Người [285-286]

Ngôi Sao của cuộc tân phúc âm hoá [287-288]

1. NIỀM VUI CỦA TIN MỪNG đổ đầy trái tim và cuộc sống của tất cả những ai gặp Chúa Giêsu. Những ai chấp nhận đề nghị cứu độ của Người đều được giải thoát khỏi tội lỗi, buồn phiền, trống rỗng nội tâm và cô đơn. Với Đức Kitô, niềm vui luôn luôn được tái sinh. Trong Tông Huấn này, tôi muốn khích lệ các tín hữu đi vào một chương mới của công cuộc loan báo Tin Mừng ngập tràn niềm vui này, đồng thời vạch ra những lối đi mới cho hành trình của Hội Thánh trong những năm sắp tới.

I. MỘT NIỀM VUI LUÔN LUÔN MỚI MẸ, NIỀM VUI ĐƯỢC CHIA SẺ

2. Mỗi nguy lớn trên thế giới hôm nay, một thế giới hầu như thấm nhiễm chủ nghĩa tiêu thụ, đó là cảm giác cô đơn và lo lắng phát sinh từ một con tim tự mãn nhưng tham lam, sôi nổi chạy theo những thú vui phù phiếm, và một lương tâm chai lỳ. Khi mà đời sống nội tâm của chúng ta bị trói chặt trong những lợi ích và những mối quan tâm riêng của nó, thì không còn chỗ cho người khác, không còn chỗ cho người nghèo. Tiếng nói của Thiên Chúa không còn được nghe thấy, niềm vui an bình của tình yêu của Người không còn được cảm thấy, và ước muốn làm điều thiện bị phai mờ. Đây chính là một mối nguy cho cả người tín hữu. Nhiều người rơi vào mối nguy này, và kết cục là cảm giác bức bối, tức giận và chán nản. Đó không phải là cách để chúng ta sống một đời sống xứng đáng và sung mãn; đó không phải là ý muốn của Thiên Chúa đối với chúng ta, cũng không phải là đời sống trong Thần Khí bắt nguồn từ trái tim của Đức Kitô phục sinh.

3. Tôi kêu mời mọi Kitô hữu ở khắp nơi, ngay lúc này, đi vào một cuộc gặp gỡ mới mẻ với Đức Giêsu Kitô, hay ít là mở lòng ra để cho Chúa Giêsu gặp gỡ mình; tôi xin tất cả anh chị em không ngừng làm điều này mỗi ngày. Không ai được nghĩ rằng lời mời gọi này không phải dành cho mình, vì không một ai bị loại trừ khỏi niềm vui mà Chúa Giêsu đem đến”. [1] Chúa không làm thất vọng những ai chấp nhận sự liêu lĩnh này; mỗi khi chúng ta bước một bước đến gần Chúa Giêsu, chúng ta hiểu ra rằng Người đã đang ở đó, đang mở rộng vòng tay chờ đón chúng ta. Bây giờ là lúc để nói với Chúa Giêsu: “Chúa ơi, con đã để mình bị lừa; con đã trốn tránh tình yêu của Chúa bằng muôn ngàn cách, nhưng một lần nữa con lại đến đây, để canh tân giao ước của con với Chúa. Con cần Chúa. Xin cứu con một lần nữa, Lạy Chúa, xin đưa con vào lại vòng tay cứu độ của Chúa một lần nữa”. Vui biết chừng nào khi trở lại với Người sau mỗi lần chúng ta lạc lối! Xin cho tôi lặp lại điều này một lần nữa: Chúa không bao giờ thấy mệt khi tha thứ cho chúng ta; chỉ có chúng ta thấy mệt khi đi tìm lòng thương xót của Ngài. Là người dạy chúng ta phải tha thứ cho nhau, Đức Kitô đã làm gương: Ngài đã tha cho chúng ta bảy mươi lần bảy. Ngài không ngừng vác chúng ta lên vai trở lại. Không ai có thể lấy mất của chúng ta cái nhân phẩm Ngài đã ban cho chúng ta do lòng thương vô biên của Ngài. Với một sự dịu dàng không bao giờ gây thất vọng nhưng luôn luôn có sức phục hồi niềm vui của chúng ta, Ngài làm cho chúng ta có

thể ngẩng đầu lên và bắt đầu lại. Chúng ta đừng chạy trốn sự phục sinh của Chúa Giêsu, chúng ta đừng bao giờ ngã lòng, bất luận điều gì xảy ra. Chúng ta đừng để điều gì thúc đẩy chúng ta hơn là sự sống của Ngài, sự sống thôi thúc chúng ta tiến bước!

4. Các sách Cựu Ước báo trước niềm vui cứu độ sẽ ngập tràn vào thời thiên sai. Ngôn sứ Isaia hoan hỉ chào đón Đấng Mêsia từng được trông đợi: “Chúa đã làm cho dân nên đông số, đã cho dân chan chứa niềm vui” (9:3 [9:2]). Ông khuyến khích những ai đang ở Xion hãy ra nghênh đón Ngài với lời ca tiếng hát: “Hãy reo hò mừng rỡ!” (12:6). Ông bảo những ai đã thấy Ngài từ đàng xa hãy đem tin vui này đến cho người khác: “Hỡi kẻ loan tin mừng cho Xi-on, hãy trèo lên núi cao. Hỡi kẻ loan tin mừng cho Giê-ru-sa-lem, hãy cất tiếng lên cho thật mạnh” (40:9). Mọi tạo vật được chia sẻ niềm vui cứu độ: “Trời hãy hò reo, đất hãy nhảy múa, núi non hãy bật tiếng hò reo, vì Đức Chúa ủi an dân Người đã chọn và chạnh lòng thương những kẻ nghèo khổ của Người” (49:13).

Hướng về Ngày của Đức Chúa, ngôn sứ Dacaria kêu mời dân chúng tung hô Đức Vua ngự đến “khiêm tốn ngồi trên lưng một con lừa”: “Nào thiếu nữ Xi-on, hãy vui mừng hoan hỷ! Hỡi thiếu nữ Giê-ru-sa-lem, hãy vui sướng reo hò! Vì kìa Đức Vua của ngươi đang đến với ngươi: Người là Đấng Chính Trực, Đấng Toàn Thắng, khiêm tốn ngồi trên lưng lừa, một con lừa con vẫn còn theo mẹ.” (9:9).

Có lẽ phần khởi nhất là lời mời gọi của ngôn sứ Xôphônia, khi ông mô tả cảnh Thiên Chúa ở với dân Người đang tung bừng mừng lễ với đầy tràn niềm vui cứu độ. Tôi thấy vô cùng xúc động khi đọc lại bản văn này: “Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi đang ngự giữa ngươi, Người là Vị cứu tinh, là Đấng anh hùng. Vì ngươi, Chúa sẽ vui mừng hoan hỷ, sẽ lấy tình thương của Người mà đổi mới ngươi. Vì ngươi, Chúa sẽ nhảy múa tung bừng, như trong ngày lễ hội” (3:17).

Đây là niềm vui chúng ta cảm nghiệm hằng ngày, giữa những chuyện nhỏ nhặt trong đời sống, để đáp lại lời mời gọi yêu thương của Thiên Chúa Cha chúng ta: “Con ơi, hãy vui hưởng những gì con có... Đừng từ khước những niềm vui trong ngày” (Hc 14:11, 14). Dịu dàng biết bao tình phụ tử vang vọng trong những lời này!

5. Choáng ngợp vinh quang của thập giá Đức Kitô, sách Tin Mừng không ngừng mời gọi chúng ta vui mừng. Chỉ cần nêu ra đây một vài ví dụ. “Mừng vui lên!” là lời thiên thần chào Đức Maria (Lc 1:28). Đức Maria đến thăm bà Êlisabét làm cho Gioan nhảy mừng trong lòng mẹ (xem Lc 1:41). Trong bài ca tán tụng của Mẹ, Đức Maria thốt lên: “Thần trí tôi hơn hờ vui mừng trong Chúa, Đấng cứu độ tôi” (Lc 1:47). Khi Đức Giêsu bắt đầu sứ vụ của Ngài, ông Gioan kêu lên: “Vì thế niềm vui của tôi đã được trọn vẹn” (Ga 3:29). Chính Đức Giêsu “vui mừng trong Thần Khí” (Lc 10:21). Sứ điệp của Ngài đem niềm vui đến cho chúng ta: “Thầy đã nói những điều này cho anh em, để niềm vui của Thầy ở trong anh em, và niềm vui của anh em được trọn vẹn” (Ga 15:11). Niềm vui của người Kitô hữu chúng ta tuôn chảy từ trái tim dạt dào của Ngài. Ngài hứa với các môn đệ: “Anh em sẽ lo buồn, nhưng nỗi buồn của anh em sẽ trở thành niềm vui” (Ga 16:20). Rồi ngài tiếp: “Nhưng Thầy sẽ gặp lại anh em, lòng anh em sẽ vui mừng; và niềm vui của anh em, không ai lấy mất được” (Ga 16:22). Các môn đệ “vui mừng” (Ga 20:20) khi nhìn thấy Chúa Kitô phục sinh. Trong sách Công Vụ Tông Đồ, chúng ta thấy các Kitô hữu tiên khởi “dùng bữa với lòng đơn sơ vui vẻ” (2:46). Bất kể các môn đệ đi đến đâu, “ở đó, người ta rất vui mừng” (8:8); ngay cả giữa cơn bách hại, họ vẫn “ngập tràn niềm vui” (13:52). Viên quan thái giám vừa mới được rửa tội “tiếp tục lên đường, lòng đầy hoan hỉ” (8:39), trong khi người cai ngục của Phaolô “và cả nhà vui mừng vì đã tin Thiên Chúa” (16:34). Thế thì tại sao chúng ta lại không đi vào cùng dòng suối niềm vui ấy?

6. Có những Kitô hữu sống đời mình giống như chỉ có mùa Chay mà không có mùa Phục Sinh. Đương nhiên tôi hiểu rằng niềm vui ấy không phải lúc nào trong cuộc đời cũng được biểu

lộ giống nhau, nhất là trong những lúc hết sức khó khăn. Niềm vui tự thích ứng và thay đổi, nhưng nó luôn luôn tồn tại, dù chỉ như một ngọn đèn leo lét phát sinh từ niềm tin chắc của chúng ta rằng, bất luận thế nào, chúng ta được thương yêu vô bờ. Tôi hiểu được nỗi ưu phiền của những người phải chịu đau khổ nặng nề, nhưng tuy chậm mà chắc chắn, tất cả chúng ta phải để cho niềm vui của đức tin từ từ làm sống lại một lòng trông cậy âm thầm nhưng kiên vững, ngay cả giữa những thử thách nặng nề nhất: “Hồn tôi hết được bình an thư thái, tôi đã quên mùi hạnh phúc rồi... Đây là điều con suy đi gẫm lại, nhờ thế mà con vững dạ cậy trông: Lượng từ bi Đức Chúa đâu đã cạn, lòng thương xót của Người mãi không vơi. Sáng nào Người cũng ban ân huệ mới. Lòng trung tín của Người cao cả biết bao! ... Biết thỉnh lặng đợi chờ, đợi chờ ơn cứu độ của Đức Chúa, đó là một điều hay” (Ac 3:17, 21-23, 26).

7. Đôi khi chúng ta bị cám dỗ kiểm soát để than thở và hành động như thể chúng ta chỉ có thể hạnh phúc nếu có hàng ngàn các điều kiện. Phần nào đó là vì “xã hội kỹ thuật của chúng ta đã tạo ra vô số điều kiện để hưởng thụ, nhưng lại rất khó tạo ra niềm vui”.^[2] Tôi có thể nói rằng trong đời mình, tôi đã thấy những biểu hiện đẹp nhất và tự nhiên nhất của niềm vui nơi những người nghèo hầu như không có gì để bám víu vào. Tôi cũng nghĩ đến niềm vui đích thực được biểu lộ bởi những người khác, những người mà giữa những bó buộc đầy áp lực của nghề nghiệp, họ vẫn có thể giữ vững được niềm tin trong sự thanh thoát và đơn sơ của họ. Với mỗi người tùy theo cách của mình, tất cả các niềm vui này đều bắt nguồn từ tình thương vô biên của Thiên Chúa, Đấng tự mặc khải cho chúng ta trong Đức Giêsu Kitô. Tôi không bao giờ thấy chán khi lặp lại lời của Đức Bênêđictô đưa chúng ta vào chính tâm điểm của Tin Mừng: “Là Kitô hữu không phải là kết quả của một chọn lựa đạo đức hay một ý tưởng cao siêu, nhưng là gặp gỡ với một biến cố, một con người, sự gặp gỡ đem đến cho cuộc đời một chân trời mới và một hướng đi quyết định”.^[3]

8. Chỉ nhờ sự gặp gỡ này—hay sự gặp gỡ mới mẻ này—với tình yêu của Thiên Chúa, được triển nở thành một tình bạn phong phú, chúng ta được giải phóng khỏi sự chật hẹp và khép kín của mình. Chúng ta trở thành con người đầy đủ khi chúng ta trở thành hơn là con người, khi chúng ta để mình được Thiên Chúa đưa vượt qua chính mình để đạt tới sự thật đầy đủ nhất về hiện hữu của mình. Ở đây chúng ta tìm thấy nguồn mạch và cảm hứng cho mọi nỗ lực phúc âm hoá của chúng ta. Bởi nếu chúng ta đã nhận được tình yêu phục hồi ý nghĩa cho cuộc đời mình, làm sao chúng ta có thể không chia sẻ tình yêu ấy với người khác?

II. NIỀM VUI DỊU NGỌT VÀ PHẢN KHỞI CỦA VIỆC LOAN BÁO TIN MỪNG

9. Lòng tốt luôn có khuynh hướng lan toả. Tự bản chất, mọi kinh nghiệm đích thực về sự thật và lòng tốt đều tìm cách lớn lên trong chúng ta, và bất cứ ai đã từng trải nghiệm một sự giải thoát sâu xa đều trở nên mặn cảm hơn với nhu cầu của người khác. Khi lan toả, lòng tốt bén rễ và phát triển. Nếu chúng ta muốn có một cuộc sống xứng đáng và sung mãn, chúng ta phải vươn ra tới người khác và mưu cầu lợi ích cho họ. Hiểu theo nghĩa này, một số câu nói của Thánh Phaolô sẽ không làm chúng ta ngạc nhiên: “Tình yêu của Đức Kitô thúc bách tôi” (2C 5:14); “Vô phúc cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng” (1C 9:16).

10. Tin Mừng cho chúng ta cơ hội để sống ở một bình diện cao hơn nhưng không kém phần mãnh liệt: “Cuộc sống phát triển bằng cách cho đi, nó suy yếu khi sống cô lập và dễ dãi. Thực vậy, những người vui hưởng đời sống nhiều nhất là những người bỏ lại sự an toàn trên bờ và được kích thích bởi sứ mạng thông truyền cuộc sống cho người khác”.^[4] Khi kêu gọi người Kitô hữu đảm nhận nhiệm vụ loan báo Tin Mừng, Hội Thánh chỉ đơn giản vạch ra cho họ thấy nguồn mạch đích thực của sự hoàn thành bản thân. Bởi vì “ở đây chúng ta khám phá ra một qui luật sâu xa của thực tại: đó là chúng ta đạt được sự sống và làm nó phát triển tùy theo mức độ chúng ta từ

bỏ nó để trao ban sự sống cho người khác. Đây chắc chắn là ý nghĩa của truyền giáo”.^[5] Do đó người loan báo Tin Mừng không bao giờ được mang bộ mặt của một người vừa đi đưa đám về! Chúng ta hãy lấy lại và đào sâu sự phấn khởi của mình, đào sâu “niềm vui dịu ngọt và phấn khởi của việc loan báo Tin Mừng, cả khi chúng ta phải gieo trong nước mắt... Và chớ gì thế giới của thời đại chúng ta, một thế giới đang kiếm tìm, khi thì trong lo âu, khi thì trong hi vọng, có thể nhận được tin mừng không phải từ những người rao giảng rầu rĩ, chán nản, mất kiên nhẫn hay lo âu, nhưng từ những thừa tác viên Tin Mừng đang sống một cuộc đời đầy nhiệt huyết, những người trước đó đã nhận được niềm vui của Đức Kitô”.^[6]

Sự mới mẻ vĩnh hằng

11. Canh tân việc rao giảng có thể công hiến cho các tín hữu, cũng như cho những người nguội lạnh và không sống đạo, một niềm vui mới trong đức tin và hiệu quả trong hoạt động truyền giáo. Tâm điểm của sứ điệp rao giảng sẽ vẫn luôn luôn là một: Thiên Chúa, Đấng mặc khải tình thương vô biên của Người nơi Đức Kitô chịu đóng đinh và phục sinh. Thiên Chúa không ngừng đổi mới những người con trung thành của Người, bất kể ở lứa tuổi nào: “Họ sẽ trèo lên cao bằng đôi cánh đại bàng, sẽ chạy mà không mệt, sẽ đi bộ mà không xiêu” (Is 40:31). Đức Kitô là “Tin Mừng vĩnh cửu” (Kh 14:6); Ngài “vẫn là một, hôm qua, hôm nay và mãi mãi” (Dt 11:33), nhưng sự giàu có và vẻ đẹp của Ngài thì vô biên. Ngài mãi mãi trẻ trung và là nguồn mạch vĩnh hằng của cái mới. Hội Thánh không ngớt kinh ngạc trước “chiều sâu của sự giàu có, khôn ngoan và hiểu biết của Thiên Chúa” (Rm 11:33). Thánh Gioan Thánh Giá nói rằng “sự khôn ngoan và hiểu biết của Thiên Chúa giống như một khu rừng quá sâu và bao la khiến cho linh hồn dù đã biết nó nhiều đến đâu cũng vẫn có thể tiến sâu mãi vào trong đó”.^[7] Hay như Thánh Irêne viết: “Với việc đến trần gian này, Đức Kitô mang theo với Ngài tất cả sự mới mẻ”.^[8] Với sự tươi mới này, Ngài luôn luôn có thể đổi mới cuộc đời chúng ta và các cộng đoàn chúng ta, và cho dù sứ điệp Kitô giáo đã từng biết đến những thời kỳ đen tối và sự yếu đuối của Hội Thánh, sứ điệp ấy sẽ không bao giờ già đi. Đức Giêsu cũng có thể chọc thủng những phạm trù nhằm chán mà chúng ta dùng để giam hãm Ngài và Ngài luôn luôn làm chúng ta ngạc nhiên bằng sự sáng tạo thần linh của Ngài. Mỗi khi chúng ta cố gắng trở về nguồn và khôi phục lại sự tươi mới của Tin Mừng, những đại lộ mới sẽ xuất hiện, những con đường sáng tạo mới sẽ mở ra, với những hình thức biểu hiện khác nhau, những dấu chỉ và từ ngữ phong phú mang theo ý nghĩa mới cho thế giới hôm nay. Mọi hình thức loan báo Tin Mừng đích thực đều luôn luôn là “mới”.

12. Tuy đúng là sứ mạng này đòi chúng ta phải can đảm hơn, nhưng sẽ sai nếu chúng ta coi nó là một công trình anh hùng của một cá nhân, bởi vì trước hết và trên hết nó là công trình của Chúa, vượt quá mọi sự mà chúng ta có thể thấy và hiểu. Đức Giêsu là “người loan báo Tin Mừng đầu tiên và vĩ đại nhất”.^[9] Trong mọi hoạt động loan báo Tin Mừng, vị trí hàng đầu luôn luôn thuộc về Thiên Chúa, Đấng kêu gọi chúng ta hợp tác với Người và dẫn đưa chúng ta đi tới bằng sức mạnh Thần Khí của Người. Cái mới thực sự là cái mới mà chính Thiên Chúa đem đến một cách huyền nhiệm và soi sáng, kích thích, hướng dẫn và đi theo bằng hàng ngàn cách. Đời sống Hội Thánh phải luôn luôn biểu lộ rõ ràng rằng Thiên Chúa là người có sáng kiến, rằng “Người đã yêu chúng ta trước” (1Ga 4:19), và chỉ một mình Người “làm cho lớn lên” (1Cr 3:7). Niềm xác tín này giúp chúng ta luôn giữ được tinh thần vui tươi giữa một nhiệm vụ quá đòi hỏi và thách thức khiến chúng ta phải dẫn cả cuộc đời chúng ta vào. Người xin chúng ta mọi thứ, nhưng đồng thời cũng ban tặng chúng ta mọi thứ.

13. Chúng ta cũng không được coi sự mới mẻ của sứ mạng này như là bao gồm một thứ

chuyên đời hay quên lãng lịch sử sống động đang bao quanh chúng ta và kéo chúng ta tiến tới. Ký ức là một chiếc kích của đức tin mà chúng ta có thể gọi là “đệ nhị luật”, tương tự như ký ức của dân Israel về chính mình. Chúa Giêsu để lại cho chúng ta Thánh Thể như là sự tưởng nhớ hằng ngày của Hội Thánh về biến cố Vượt Qua của Ngài, và như là sự chia sẻ sâu xa hơn biến cố này (Lc 22:19). Niềm vui loan báo Tin Mừng luôn luôn phát sinh từ sự tưởng nhớ với tâm tình biết ơn: đó là ân sủng mà chúng ta phải liên li nài xin. Các tông đồ không bao giờ quên giây phút Đức Giêsu đánh động lòng họ: “Lúc ấy là khoảng 4 giờ chiều” (Ga 1:39). Cùng với Đức Giêsu, sự tưởng nhớ này làm hiện ra trước mắt chúng ta “cả một đám mây các chứng nhân” (Dt 12:1), trong số đó các tín hữu chúng ta hết sức vui sướng nhớ đến một số vị: “Anh em hãy nhớ đến các lãnh đạo của anh em, những người đã giảng lời Thiên Chúa cho anh em” (Dt 13:7). Một số vị là những con người bình thường sống giữa chúng ta và thông truyền đời sống đức tin cho chúng ta: “Tôi nhớ lại lòng tin chân thành của anh, một lòng tin đã có trước tiên nơi cụ Lôis, bà ngoại anh, và rồi nơi bà Eunikê, mẹ anh” (2Tm 1:5). Cơ bản người tín hữu là “người biết tưởng nhớ”.

III. TÂN PHÚC ÂM HOÁ ĐỂ THÔNG TRUYỀN ĐỨC TIN

14. Trong khi chú ý lắng nghe những thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, Đáng giúp chúng ta cùng nhau đọc các dấu chỉ thời đại, Hội Nghị Thường Kỳ Lần Thứ XIII của Thượng Hội Đồng Giám Mục đã nhóm họp từ 7- 28 tháng 10 năm 2010 để thảo luận đề tài: Tân Phúc Âm hoá để thông truyền Đức Tin. Thượng Hội Đồng đã tái khẳng định tân phúc âm hoá là một lời kêu gọi được gửi tới mọi người và được thực hiện trong ba lãnh vực chính.^[10]

Thứ nhất, chúng ta có thể nhắc đến lãnh vực thừa tác vụ thông thường, được “sinh động hoá bởi lửa của Thần Khí, để đốt cháy tâm hồn những tín hữu thường xuyên tham dự việc phụng tự cộng đoàn và tụ họp vào Ngày của Chúa để được nuôi dưỡng bằng Lời và Bánh sự sống trường sinh của Ngài”.^[11] Trong loại người này chúng ta cũng có thể kể những tín hữu vẫn duy trì một đức tin sâu xa và chân thành, biểu lộ đức tin bằng các cách khác nhau, nhưng ít khi tham dự việc thờ phượng.

Một lãnh vực thứ hai là thành phần “những người đã rửa tội nhưng không sống những đòi hỏi của phép Rửa”,^[12] những người thiếu một mối quan hệ có ý nghĩa với Hội Thánh và không còn cảm nghiệm niềm an ủi phát sinh bởi đức tin. Trong mối quan tâm từ mẫu của mình, Hội Thánh tìm cách giúp họ trải nghiệm một sự hoán cải để phục hồi niềm vui của đức tin cho tâm hồn họ và khơi dậy nơi họ một sự dẫn thân cho Tin Mừng.

Sau cùng, chúng ta không thể quên rằng loan báo Tin Mừng trước hết và trên hết là giảng Tin Mừng cho những người không biết Đức Giêsu Kitô hay luôn luôn chối bỏ Ngài. Nhiều người trong số họ vẫn đang âm thầm tìm kiếm Thiên Chúa, được dẫn dắt bởi ước vọng muốn thấy mặt Người, thậm chí tại những nước vốn có truyền thống Kitô giáo lâu đời. Tất cả họ có quyền đón nhận Tin Mừng. Người Kitô hữu có bổn phận rao giảng Tin Mừng cho mọi người, không loại trừ bất kỳ ai. Thay vì tỏ ra muốn áp đặt những bó buộc mới, người Kitô hữu phải tỏ ra như những người muốn chia sẻ niềm vui của mình, chỉ ra một chân trời của cái đẹp, và mời gọi mọi người khác tới dự một bữa tiệc ngon. Hội Thánh phát triển không phải bằng việc chiêu dụ, nhưng “bằng sức thu hút”.^[13]

15. Đức Gioan Phaolô II xin chúng ta nhận ra rằng “không được giảm bớt nỗ lực rao giảng Tin Mừng” cho những người ở xa Đức Kitô, “bởi vì đây là nhiệm vụ hàng đầu của Hội Thánh”.^[14] Thật vậy, “hoạt động truyền giáo hôm nay vẫn là thách thức lớn nhất cho Hội Thánh”,^[15] và “nhiệm vụ truyền giáo phải là nhiệm vụ hàng đầu”.^[16] Chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng ta hiểu nghiêm túc những lời này? Chúng ta sẽ thấy rằng việc vươn ra truyền giáo là một hệ hình cho mọi hoạt động của Hội Thánh. Theo hướng này, các Giám Mục Châu Mỹ Latinh đã

phát biểu rằng chúng ta “không thể thụ động và thản nhiên ngồi đợi trong các nhà thờ của chúng ta”;^[17] chúng ta cần phải chuyển đổi “từ một nền mục vụ thuần túy bảo tồn sang một mục vụ dứt khoát mang tính truyền giáo”.^[18] Nhiệm vụ này tiếp tục là một nguồn vui vô biên cho Hội Thánh: “Quả thật, tôi bảo anh em, trên trời sẽ vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn hối cải hơn chín mươi chín người công chính không cần ăn năn hối cải” (Lc 15:7).

Phạm vi và giới hạn của Tông Huấn này

16. Tôi rất vui được thực hiện lời yêu cầu của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng để viết Tông Huấn này.^[19] Làm công việc này, tôi đang gặt những thành quả phong phú từ các lao nhọc của Thượng Hội Đồng. Ngoài ra, tôi đã xin các lời khuyên từ một số người và tôi muốn bày tỏ các mối quan tâm riêng của tôi đối với chương đặc biệt này về công cuộc phúc âm hoá của Hội Thánh. Vô số vấn đề về loan báo Tin Mừng hôm nay có thể được thảo luận ở đây, nhưng tôi quyết định không đi sâu vào nhiều vấn đề vốn cần được suy tư và nghiên cứu xa hơn. Tôi cũng không nghĩ rằng huấn quyền của giáo hoàng phải đưa ra một lời nói cuối cùng hay đầy đủ về mọi vấn đề ảnh hưởng tới Hội Thánh và thế giới. Giáo hoàng không nên thay thế các giám mục trong việc làm rõ những vấn đề phát sinh trong địa hạt của họ. Về phương diện này, tôi ý thức được nhu cầu cổ xúy một sự “tán quyền” thích hợp.

17. Ở đây tôi quyết định trình bày một số đường hướng giúp khuyến khích và hướng dẫn Hội Thánh trong một giai đoạn mới của cuộc phúc âm hoá, một giai đoạn đặc biệt phấn khởi và sinh động. Trong bối cảnh này, và dựa trên cơ sở giáo huấn của Hiến Chế Tín Lý *Lumen Gentium*, tôi đã quyết định thảo luận đầy đủ về các vấn đề sau đây:

- a) cuộc cải tổ của Hội Thánh trong việc mở rộng truyền giáo;
- b) các cám dỗ cho những người hoạt động mục vụ;
- c) Hội Thánh, hiểu như là toàn thể Dân Chúa loan báo Tin Mừng;
- d) bài giảng và việc chuẩn bị;
- e) sự bao gồm người nghèo trong xã hội;
- f) hoà bình và đối thoại trong xã hội;
- g) các động cơ thiêng liêng cho việc truyền giáo.

18. Tôi đã xem xét một cách sâu rộng và chi tiết các đề tài này, và có người có thể cho là quá tỉ mỉ. Nhưng tôi đã làm như thế, không phải với mục đích cung cấp một khảo luận đầy đủ, mà chỉ là một cách để cho thấy các hệ lụy thực tiễn quan trọng của các vấn đề này đối với sứ mạng của Hội Thánh hôm nay. Tất cả sẽ giúp chúng ta định hình rõ nét một phong cách phúc âm hoá mà tôi xin anh em thể hiện trong mọi hoạt động của anh em. Bằng cách này, chúng ta có thể thực hành trong các cố gắng hằng ngày của mình lời khích lệ của Kinh Thánh: “Anh em hãy vui luôn trong Chúa; tôi nhắc lại: Hãy vui lên” (Pl 4:4).

CHƯƠNG MỘT

SỰ BIẾN ĐỔI TRUYỀN GIÁO CỦA HỘI THÁNH

19. Loan báo Tin Mừng là để đáp lại mệnh lệnh truyền giáo của Chúa Giêsu: “Vậy anh em hãy đi thu nạp môn đồ khắp muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, dạy họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em” (Mt 28:19-20). Qua những lời này, ta thấy Đức Kitô phục sinh đã sai các môn đệ đi rao giảng Tin Mừng mọi thời và mọi nơi như thế nào, để lòng tin vào Ngài được lan rộng đến tận cùng trái đất.

I. MỘT HỘI THÁNH “ĐI RA”

20. Lời Thiên Chúa không ngừng chỉ cho chúng ta thấy Thiên Chúa thách thức

những người tin Chúa phải “đi ra” như thế nào. Abraham nghe tiếng gọi ra đi đến một miền đất mới (x. St 12:1-3). Môsê nghe tiếng Chúa gọi: “Đi đi, Ta sai ngươi” (Xh 3:10) và ông đã đưa dân tới đất hứa (x. Xh 3:17). Với Giêrêmia, Thiên Chúa nói: “Ngươi hãy đi đến với tất cả những người mà Ta sai ngươi đến” (Gr 1:7). Vào thời chúng ta, lệnh truyền của Chúa Giêsu: “Anh em hãy đi thu thập môn đệ” đang vang dội trong những khung cảnh đổi thay và đầy thách thức mới cho sứ mạng loan báo Tin Mừng của Hội Thánh, và tất cả chúng ta được kêu gọi tham gia vào cuộc “đi ra” truyền giáo mới này. Mỗi Kitô hữu và mỗi cộng đoàn phải nhận ra con đường mà Chúa chỉ cho, nhưng tất cả chúng ta phải vâng theo tiếng gọi của Ngài là ra đi từ vùng đất tiện nghi của mình để đến với mọi vùng “ngoại vi” đang cần ánh sáng Tin Mừng.

21. Niềm vui Tin Mừng làm sinh động cộng đoàn các môn đệ là một niềm vui truyền giáo. Bẩy mươi hai môn đệ đã cảm nhận niềm vui này khi họ từ nơi truyền giáo trở về (xem Lc 10:17). Đức Giêsu đã cảm nhận niềm vui này khi ngài vui mừng hoan lạc trong Thánh Thần và ca tụng Cha vì đã mặc khải mình cho những người nghèo và những người bé mọn (Lc 10:21). Niềm vui này cũng đã được cảm nhận bởi những người trở lại đầu tiên khi họ kinh ngạc nghe các tông đồ giảng “bằng tiếng mẹ đẻ của họ” (Cv 2:6) vào ngày lễ Ngũ Tuần. Niềm vui này là một dấu chỉ rằng Tin Mừng đã được công bố và đang sinh hoa kết quả. Nhưng động lực để đi ra và trao ban, ra khỏi chính mình, không ngừng dần bước đi gieo hạt giống tốt, vẫn luôn luôn hiện diện hôm nay. Chúa nói: “Ta hãy đi sang các làng lân cận để Thầy cũng giảng ở đó, vì đó chính là lý do mà Thầy đến” (Mc 1:38). Mỗi khi hạt giống đã được gieo tại một nơi nào, Ngài không ở lại đó để cật nghĩa hay làm thêm các dấu lạ; Thần Khí thúc đẩy Ngài ra đi tới các thành khác.

22. Lời Chúa mang sức mạnh không thể đoán trước được. Tin Mừng nói về hạt giống, sau khi gieo xuống đất, tự nó mọc lên, cả khi người gieo hạt đang ngủ (Mc 4:26-29). Hội Thánh phải chấp nhận sự tự do tuyệt đối này của lời, nó hoàn thành điều nó muốn vượt quá những cách tính toán hay suy nghĩ của chúng ta.

23. Sự gắn gũi của Hội Thánh với Chúa Giêsu là một phần của một hành trình chung; “hiệp thông và truyền giáo liên kết mật thiết với nhau”.^[20] Trung thành noi gương Thầy mình, Hội Thánh hôm nay thấy tuyệt đối phải ra đi rao giảng Tin Mừng cho mọi người, mọi nơi, mọi dịp, không do dự, không miễn cưỡng hay sợ hãi. Niềm vui của Tin Mừng được dành cho mọi người: không thể loại trừ ai. Đó là điều thiên sứ đã công bố cho các mục đồng tại Bêlem: “Anh em đừng sợ; vì này, tôi đem đến cho anh em một tin vui trọng đại cho toàn dân” (Lc 2:10). Sách Khải Huyền nói về một Tin Mừng muôn thuở được công bố cho những người cư ngụ trên trái đất, cho mọi quốc gia, mọi ngôn ngữ, mọi bộ tộc và mọi dân tộc (Kh 14:6).

Đi bước trước, dẫn thân và đồng hành, sinh hoa trái và vui mừng

24. Hội Thánh “đi ra” là một cộng đoàn các môn đệ truyền giáo đi bước trước, dẫn thân và nâng đỡ, sinh hoa trái và vui mừng. Một cộng đoàn loan báo Tin Mừng biết rằng Chúa đã có sáng kiến, Ngài đã yêu chúng ta trước (xem Ga 4:19), và vì thế chúng ta có thể dẫn bước, mạnh dạn có sáng kiến, đến với người khác, tìm kiếm những người sa ngã, đứng ở các ngã đường để đón mời những người bị gạt ra bên lề. Một cộng đoàn như thế có một ước muốn khôn nguôi là tỏ lòng thương xót, kết quả của kinh nghiệm bản thân của cộng đoàn về sức mạnh lòng thương vô biên của Thiên Chúa. Chúng ta hãy thử cố gắng hơn một chút để đi bước trước và dẫn thân. Đức

Giêsu đã rửa chân cho các môn đệ. Chúa dẫn thân và mời gọi các môn đệ dẫn thân, khi Ngài cúi xuống rửa chân họ. Ngài bảo các môn đệ: “Nếu anh em thực hành, thì phúc cho anh em!” (Ga 13:17). Một cộng đoàn loan báo Tin Mừng dẫn mình vào đời sống hằng ngày của dân chúng bằng lời nói và hành động; cộng đoàn ấy vượt qua các khoảng cách, sẵn sàng hạ mình khi cần, và ôm ấp đời sống con người, chạm vào thân thể đau khổ của Đức Kitô nơi người khác. Như vậy, các người loan báo Tin Mừng mang lấy “mùi của đàn chiên” và đàn chiên sẵn sàng nghe tiếng của họ. Một cộng đoàn loan báo Tin Mừng cũng nâng đỡ, đồng hành với dân chúng ở mỗi bước đi trên đường, bất kể con đường này có thể dài hay khó đi bao nhiêu. Cộng đoàn này cũng quen với việc kiên nhẫn chờ đợi và sự chịu đựng tông đồ. Loan báo Tin Mừng phân lớn hệ tại sự kiên nhẫn và không quan tâm tới áp lực của thời gian. Trung thành với ơn Chúa, nó cũng sinh hoa kết quả. Một cộng đoàn loan báo Tin Mừng luôn luôn để tâm tới kết quả, vì Chúa muốn nó sinh hoa kết quả. Nó chăm sóc hạt giống và không mất kiên nhẫn với cỏ dại. Người gieo giống khi thấy cỏ dại mọc lên giữa hạt giống thì không cày nhàu hay phản ứng thái quá. Họ tìm cách để cho Lời được nhập thể trong một hoàn cảnh nhất định và phát sinh những hoa quả của đời sống mới, dù những kết quả này có vẻ chưa hoàn hảo hay đầy đủ. Người môn đệ sẵn sàng mạo hiểm đời mình, thậm chí chấp nhận tử đạo, để làm chứng cho Đức Giêsu, nhưng mục tiêu không phải là muốn có kẻ thù, mà là để thấy Lời của Thiên Chúa được chấp nhận và sức mạnh giải thoát và đổi mới của Lời được tỏ lộ. Sau cùng, một cộng đoàn loan báo Tin Mừng thì chan chứa niềm vui; nó biết cách để luôn luôn vui mừng. Nó ăn mừng trước mỗi chiến thắng nho nhỏ, mỗi bước tiến trong công cuộc loan báo Tin Mừng. Hân hoan loan báo Tin Mừng trở thành cái đẹp của phụng vụ, như một phần mỗi quan tâm hằng ngày của chúng ta trong việc làm lan toả lòng nhân hậu. Hội Thánh vừa giảng Tin Mừng vừa được nghe giảng Tin Mừng qua vẻ đẹp của phụng vụ, vì phụng vụ vừa là cử hành công việc rao giảng Tin Mừng, vừa là nguồn mạch canh tân hành vi trao hiến của Hội Thánh.

II. II. HOẠT ĐỘNG MỤC VỤ VÀ SỰ HOÁN CẢI

25. Tôi biết ngày nay các văn kiện không còn khơi dậy sự quan tâm giống như trong quá khứ và chúng mau bị rơi vào quên lãng. Tuy nhiên tôi muốn nhấn mạnh rằng những gì tôi đang cố gắng trình bày ở đây mang ý nghĩa của một kế hoạch và có những hậu quả quan trọng. Tôi hi vọng tất cả các cộng đoàn sẽ dành những cố gắng cần thiết để tiến tới theo con đường của một sự hoán cải mục vụ và truyền giáo không để tình hình tiếp tục như hiện tại. Việc “quản trị thuần túy” đã trở nên bất cập.^[21] Trên khắp thế giới, chúng ta phải “thường xuyên trong trạng thái truyền giáo”.^[22]

26. Đức Phaolô VI mời gọi chúng ta đào sâu ơn gọi canh tân và làm sáng tỏ rằng canh tân không chỉ liên quan đến các cá nhân nhưng tới toàn thể Hội Thánh. Chúng ta hãy trở về với một bản văn đáng nhớ mà nay vẫn còn thách thức chúng ta. “Hội Thánh phải nhìn sâu vào chính mình, suy gẫm mầu nhiệm hiện hữu của mình... Nhận thức sâu sắc và sinh động này về chính mình tất yếu dẫn tới một sự đối chiếu giữa hình ảnh lý tưởng về Hội Thánh như Đức Kitô mong muốn và yêu thương như là hôn thê thánh thiện và vô tì tích của Ngài (xem Ep 5:27), với hình ảnh thực tế mà Hội Thánh trình bày cho thế giới hôm nay... Đây là nguồn của cuộc chiến đấu anh dũng và không chần chừ của Hội Thánh: chiến đấu để sửa sai những khuyết điểm phạm phải bởi các thành viên của mình; những khuyết điểm ấy được nhận ra và bị lên án

khi Hội Thánh tự xét mình bằng cách soi vào mẫu gương của mình là Đức Kitô”.[23] Công Đồng Vaticanô II trình bày sự hoán cải của Hội Thánh như là một sự canh tân liên tục phát sinh từ lòng trung thành với Đức Giêsu Kitô: “Mọi việc canh tân Hội Thánh cốt yếu nhằm sống trung thành với ơn gọi của Hội Thánh hơn... Trên đường lữ hành, Hội Thánh được Chúa Kitô mời gọi canh tân luôn mãi, một sự canh tân mà Hội Thánh, vì là một định chế nhân trần, bao giờ cũng cần đến”.[24] Có những cơ cấu Hội Thánh có thể cản trở hoạt động loan báo Tin Mừng, nhưng ngay cả những cơ cấu tốt cũng chỉ hữu ích khi có một sức sống luôn thúc đẩy, nâng đỡ và đánh giá chúng. Không có sức sống mới và một tinh thần Tin Mừng đích thực, không có sự “trung thành với ơn gọi” của Hội Thánh, thì mọi cơ cấu đều trở nên vô hiệu.

Một cuộc canh tân không thể trì hoãn của Hội Thánh

27. Tôi ước mơ một “chọn lựa truyền giáo”, nghĩa là một nỗ lực truyền giáo có khả năng biến đổi mọi sự, để các thói quen, các cách hành động, các giờ giấc và chương trình, ngôn ngữ và các cơ cấu của Hội Thánh có thể được khai thông thích hợp cho việc loan báo Tin Mừng cho thế giới hôm nay, hơn là cho sự bảo tồn của Hội Thánh. Việc đổi mới các cơ cấu theo đòi hỏi của sự hoán cải mục vụ chỉ có thể được hiểu trong ánh sáng này: như một phần của cố gắng làm cho chúng có định hướng truyền giáo hơn, làm cho hoạt động mục vụ thông thường ở mọi cấp mang tính bao gồm và mở rộng hơn, khơi dậy nơi những người làm mục vụ một ước muốn không ngừng đi ra và nhờ đó kích thích một đáp ứng tích cực từ tất cả những người được Đức Kitô mời gọi đi vào tình bạn với Ngài. Như Đức Gioan Phaolô II có lần nói với các Giám Mục vùng Châu Đại Dương: “Mọi sự canh tân của Hội Thánh phải lấy truyền giáo làm mục tiêu để tránh rơi vào nguy cơ của một Hội Thánh qui vào chính mình”.[25]

28. Giáo xứ không phải là một cơ chế lỗi thời; lý do chính là nó có tính linh động cao, nó có thể tiếp thu những tình huống khá khác biệt tùy theo sự cởi mở và óc sáng tạo truyền giáo của người mục tử và của cộng đoàn. Chắc chắn giáo xứ không phải là cơ chế duy nhất loan báo Tin Mừng, nhưng nếu nó tỏ ra có khả năng tự canh tân và thích nghi không ngừng, nó vẫn tiếp tục là “Hội Thánh sống giữa các gia đình của các con trai con gái mình”.[26] Điều này có nghĩa là giáo xứ thực sự tiếp xúc với các gia đình và các cuộc đời của những con người, và không trở thành một cơ chế cách ly với con người hay một nhóm khép kín gồm một ít người được tuyển chọn. Giáo xứ là sự hiện diện của Hội Thánh tại một địa phương nhất định, một môi trường để nghe Lời Chúa, để tăng trưởng trong đời sống Kitô hữu, để đối thoại, rao giảng, làm việc bác ái, thờ phượng và mừng lễ.[27] Trong mọi hoạt động của mình, giáo xứ cổ vũ và huấn luyện các thành viên của mình để trở thành những người loan báo Tin Mừng.[28] Giáo xứ là một cộng đoàn của các cộng đoàn, một thánh điện để những người khát nước đến uống dọc đường, và một trung tâm thường xuyên vươn ra truyền giáo. Tuy nhiên, phải nhìn nhận rằng lời kêu gọi duyệt lại và canh tân các giáo xứ của chúng ta vẫn chưa đủ sức đưa các giáo xứ đến gần người dân hơn, biến các giáo xứ trở thành những môi trường sống hiệp thông và tham dự, và làm cho giáo xứ trở nên hoàn toàn hướng về truyền giáo.

29. Các cơ chế khác của Hội Thánh, các cộng đoàn cơ bản và các cộng đoàn nhỏ, các phong trào và các dạng hiệp hội là một nguồn làm phong phú Hội Thánh, được khơi dậy bởi Thần Khí để phúc âm hoá các vùng và các lãnh vực khác nhau. Các tổ

chức này thường mang một nhiệt huyết phúc âm hoá mới và một khả năng mới để đối thoại với thế giới nhờ đó Hội Thánh được canh tân. Nhưng sẽ rất hữu ích cho các cơ chế này nếu chúng không mất tiếp xúc với thực tế phong phú của giáo xứ tại địa phương và sẵn sàng tham gia vào hoạt động mục vụ toàn thể của Hội Thánh địa phương.^[29] Hình thức hoà nhập này sẽ giúp các cơ chế này tránh được tình trạng chỉ tập trung vào một phần của Tin Mừng hay của Hội Thánh, hay trở thành những nhóm du mục không có cội nguồn.

30. Mỗi Giáo Hội địa phương, trong tư cách là một phần của Hội Thánh Công Giáo được cai quản bởi một giám mục, cũng được kêu gọi có sự hoán cải truyền giáo. Giáo Hội địa phương là chủ thể hàng đầu của việc phúc âm hoá,^[30] vì nó là sự biểu hiện cụ thể của một Hội Thánh duy nhất tại một nơi xác định, và ở đó “Hội Thánh duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền thực sự hiện diện và hoạt động”.^[31] Đó chính là Hội Thánh nhập thể tại một địa phương, được trang bị mọi phương tiện cứu rỗi do Đức Kitô thông ban, nhưng với những nét đặc trưng địa phương. Niềm vui của giáo hội địa phương trong việc thông truyền Đức Kitô được biểu lộ vừa bởi mối quan tâm rao giảng về Người cho những vùng cần hơn, vừa bởi việc không ngừng đi ra những khu vực ngoại vi của lãnh thổ mình hay đến với những khung cảnh văn hoá xã hội mới.^[32] Bất cứ ở đâu cần ánh sáng và sự sống của Đức Kitô Phục Sinh nhiều nhất, giáo hội địa phương đều muốn có mặt ở đó.^[33] Để làm cho động lực truyền giáo này ngày càng tập trung, quảng đại và hiệu quả hơn, tôi khuyến khích mỗi giáo hội địa phương thực hiện một tiến trình phân định, thanh tẩy và cải tổ.

31. Giám mục phải luôn luôn nuôi dưỡng sự hiệp thông truyền giáo này trong Giáo Hội địa phương của mình, theo lý tưởng của các cộng đoàn Kitô giáo tiên khởi, ở đó các tín hữu đều một lòng một trí với nhau (xem Cv 4:32). Để làm điều này, có khi ngài sẽ đứng trước dân, chỉ đường cho họ và giữ cho niềm hi vọng của họ luôn sống động. Khi khác, ngài chỉ cần ở giữa họ bằng một sự hiện diện khiêm tốn và nhân từ. Khi khác nữa, ngài sẽ phải đi theo họ, giúp đỡ những ai bị bỏ lại đằng sau, và—trên hết—để cho đoàn chiên tự mình mở ra những lối đi mới. Trong sứ mạng nuôi dưỡng một sự hiệp thông năng động, cởi mở và truyền giáo này của ngài, ngài sẽ phải khuyến khích và phát triển các phương thức tham gia được đề nghị trong Bộ Giáo Luật,^[34] và các hình thức đối thoại mục vụ khác, với ước muốn lắng nghe hết mọi người chứ không chỉ những ai nói ra những gì ngài thích nghe. Nhưng mục tiêu chính của các tiến trình tham gia này không sự tổ chức giáo hội mà tốt hơn phải là khát vọng truyền giáo muốn đến được với mọi người.

32. Vì tôi được kêu gọi thực hành điều tôi yêu cầu người khác, nên bản thân tôi cũng phải nghĩ về một sự hoán cải của sứ vụ giáo hoàng. Là Giám Mục của Roma, tôi có bổn phận lắng nghe các đề nghị có thể giúp việc thực thi thừa tác vụ giáo hoàng của tôi trung thành hơn với ý nghĩa mà Đức Giêsu Kitô muốn gán cho sứ vụ này và cho các nhu cầu hiện nay của việc loan báo Tin Mừng. Đức Gioan Phaolô II từng xin giúp ngài tìm ra “một cách thực thi quyền tối thượng sao cho nó hoàn toàn không từ bỏ những gì thiết yếu cho sứ mạng, nhưng vẫn cởi mở trước các tình hình mới”.^[35] Chúng ta đã không có mấy tiến bộ về phương diện này. Giáo hoàng và các cơ cấu trung ương của Hội Thánh hoàn vũ cũng cần nghe tiếng gọi hoán cải mục vụ. Công Đồng Vaticanô II tuyên bố rằng, giống như các Giáo Hội trưởng lão thời xưa, các hội đồng giám mục ngày nay đang ở trong vị thế “cống hiến bằng nhiều cách thức hiệu quả cho việc hiện thực hoá tinh thần tập đoàn”.^[36] Nhưng ước muốn này

chưa được thể hiện đầy đủ, vì chúng ta vẫn chưa triển khai đủ một tư cách pháp lý của các hội đồng giám mục như là những chủ thể có những thuộc tính chuyên biệt.[37] Hình thức quản trị quá tập trung gây phức tạp cho đời sống và hoạt động truyền giáo của Hội Thánh thay vì giúp ích cho nó.

33. Thực hành mục vụ trong nhãn quan truyền giáo cố gắng từ bỏ thái độ tự mãn: “Chúng tôi vẫn luôn luôn làm như thế”. Tôi kêu mời mọi người mạnh dạn và sáng tạo trong việc suy xét lại các mục tiêu, cơ cấu, phong cách và phương pháp truyền giáo tại các cộng đoàn của mình. Một sự đề xuất các mục tiêu mà không có sự tìm kiếm chung thoả đáng của cộng đoàn về các phương tiện để đạt các mục tiêu ấy thì tất yếu chỉ là ảo tưởng. Tôi khuyến khích mọi người áp dụng các hướng dẫn trong văn kiện này một cách quảng đại và dũng cảm, không bị ức chế hay sợ hãi. Điều quan trọng là không đi một mình, nhưng cậy dựa lẫn nhau như anh chị em, và đặc biệt dưới sự lãnh đạo của các giám mục, trong một nhận thức mục vụ khôn ngoan và thực tế.

III. III. TỪ TÂM ĐIỂM CỦA TIN MỪNG

34. Nếu chúng ta cố gắng đặt tất cả vào trong một nhãn quan truyền giáo, việc này cũng sẽ ảnh hưởng tới cách chúng ta thông truyền sứ điệp. Trong thế giới hôm nay với tốc độ truyền thông tức thời và ảnh hưởng nhiều khi thiên lệch của các phương tiện truyền thông, sứ điệp chúng ta rao giảng có nhiều nguy cơ bị xuyên tạc hay bị giản lược vào những nội dung thứ yếu. Bằng cách này, một số vấn đề cơ bản của giáo huấn luân lý của Hội Thánh bị lấy ra khỏi bối cảnh tạo ý nghĩa cho chúng. Vấn đề lớn nhất là khi sứ điệp chúng ta rao giảng bị đồng hoá với những khía cạnh phụ thuộc, tuy quan trọng, nhưng tự chúng không chuyển đạt được trọng tâm của sứ điệp. Chúng ta phải thực tế và đừng giả thiết rằng người nghe chúng ta hiểu đầy đủ được bối cảnh của điều chúng ta đang nói, hay có khả năng liên kết điều chúng ta giảng với chính tâm điểm của Tin Mừng, cái tạo cho nó ý nghĩa, vẻ đẹp và sự hấp dẫn.

35. Thực hành mục vụ theo phong cách truyền giáo không quá bận tâm với việc thông truyền rời rạc thật nhiều giáo thuyết buộc phải theo. Khi chọn một mục tiêu mục vụ và một phong cách truyền giáo có khả năng thực sự đến được với mọi người mà không có biệt lệ hay loại trừ, sứ điệp phải tập trung vào những gì cốt yếu, những gì đẹp nhất, lớn nhất, lời cuốn nhất và đồng thời cần thiết nhất. Chúng ta làm cho sứ điệp trở thành đơn giản, nhưng đồng thời không làm mất sự thâm sâu và chân lý của nó, nhờ đó nó càng trở nên mạnh mẽ và có sức thuyết phục.

36. Tất cả các chân lý mạc khải đều bắt nguồn từ Thiên Chúa và phải tin tất cả với cùng một lòng tin, nhưng có một số quan trọng hơn số khác vì trực tiếp diễn tả tâm điểm của Tin Mừng. Trong cái cốt lõi cơ bản này, cái toả sáng chính là vẻ đẹp của tình thương cứu độ của Thiên Chúa được mạc khải nơi Đức Kitô đã chết và sống lại từ cõi chết. Theo nghĩa này, Công Đồng Vaticanô II giải thích, “trong giáo thuyết công giáo, có một thứ tự hay một ‘phẩm trật’ các chân lý, vì chúng khác biệt nhau tùy theo tương quan của mỗi chân lý với nền tảng của đức tin Kitô giáo”.[38] Điều này được áp dụng cả cho các tín điều cũng như cho toàn bộ giáo huấn của Hội Thánh, gồm cả các giáo huấn luân lý.

37. Thánh Tôma Aquinô dạy rằng giáo huấn luân lý của Hội Thánh có “phẩm trật” riêng của nó, trong các nhân đức và các hành vi phát xuất từ nhân đức.[39] Điều quan trọng trên hết là “đức tin hoạt động qua đức ái” (Gl 5:6). Các việc bác ái làm

cho tha nhân là biểu hiện bên ngoài hoàn hảo nhất của ơn Chúa Thánh Thần bên trong: “Nền tảng của Luật Mới hệ tại ân sủng của Chúa Thánh Thần, Đáng được tỏ lộ trong đức tin hoạt động qua đức ái”.[40] Thánh Tôma cắt nghĩa rằng, trong phạm vi các việc làm bên ngoài, lòng thương xót là nhân đức lớn nhất trong mọi nhân đức: “Lòng thương xót tự bản chất là lớn nhất trong mọi nhân đức, vì tất cả các nhân đức khác đều xoay quanh nó, hơn nữa, nó còn bù đắp những khiếm khuyết của các nhân đức khác. Đây là cái đặc thù của nhân đức siêu vời, vì vậy bản tính của Thiên Chúa là có lòng thương xót, nhờ đó quyền năng vô biên của Người được biểu hiện tới mức cao nhất”.[41]

38. Điều quan trọng là rút ra những hệ quả mục vụ của giáo huấn Công Đồng, vốn là một xác tín xa xưa của Hội Thánh. Trước hết, cần nói rằng khi giảng Tin Mừng, phải giữ một mức cân đối thích hợp. Sự cân đối này có thể thấy được qua tần suất các chủ đề được nêu lên và sự nhấn mạnh chúng ta dành cho chúng khi giảng. Ví dụ, nếu trong năm phụng vụ, một cha xứ giảng về đức tiết độ mười lần nhưng chỉ nói về bác ái hay công bình hai hay ba lần, như thế là mất cân đối, nhất là vì nó cho thấy có sự sao lãng các nhân đức lẽ ra phải được nhắc đến nhiều nhất trong bài giảng và giáo lý. Cũng có sự mất cân đối như thế khi ta nói về lề luật nhiều hơn là về ân sủng, về Hội Thánh nhiều hơn là về Đức Kitô, về Giáo Hoàng nhiều hơn là về Lời Chúa.

39. Cũng như sự thống nhất hữu cơ giữa các nhân đức có nghĩa là không một nhân đức nào có thể bị loại trừ khỏi lý tưởng Kitô giáo, thì cũng không được phép chối bỏ một chân lý nào. Không thể làm biến dạng tính toàn vẹn của sứ điệp Tin Mừng. Hơn nữa, mỗi chân lý có thể được hiểu rõ hơn khi ta liên kết nó với cái toàn thể hài hòa của sứ điệp Kitô giáo; theo nghĩa này, mọi chân lý đều quan trọng và làm sáng tỏ lẫn nhau. Khi lời giảng trung thành theo Tin Mừng, tâm điểm của một số chân lý trở nên hiển nhiên và ta sẽ thấy rằng luân lý Kitô giáo không phải là một dạng của chủ nghĩa khắc kỷ, hay thái độ từ bỏ mình, cũng không phải một thứ triết học thực hành, hay một danh mục các tội lỗi. Trên hết, Tin Mừng mời gọi chúng ta đáp lại vị Thiên Chúa của tình thương, Đáng cứu độ chúng ta, nhìn thấy Chúa nơi tha nhân và ra khỏi bản thân mình để tìm lợi ích cho tha nhân. Trong mọi hoàn cảnh, ta không được phép làm lu mờ lời mời gọi này! Tất cả các nhân đức là để giúp cho sự đáp lại tình thương này. Nếu lời mời gọi này không chiếu toả một cách sinh động và hấp dẫn, toà nhà giáo huấn luân lý của Hội Thánh có nguy cơ trở thành một căn nhà bằng giấy, và đây là mối nguy lớn nhất của chúng ta. Trong trường hợp này, điều chúng ta giảng không phải là Tin Mừng, mà là một số điểm về giáo điều hay luân lý dựa trên một số chọn lựa ý thức hệ đặc thù. Sứ điệp sẽ có nguy cơ mất đi sự tươi mát và sẽ không còn là “hương thơm của Tin Mừng”.

IV. IV. TRUYỀN GIÁO HOÀ NHẬP TRONG NHỮNG GIỚI HẠN CỦA CON NGƯỜI

40. Bản thân Hội Thánh là một người môn đệ truyền giáo, cần phải học phát triển việc giải thích lời mạc khải và sự hiểu biết của mình về chân lý. Các nhà chú giải và các nhà thần học có nhiệm vụ giúp “hoàn thiện phán đoán của Hội Thánh”.[42] Các khoa học khác cũng giúp thực thi nhiệm vụ này, mỗi khoa học theo cách riêng của mình. Chẳng hạn khi đề cập đến các khoa học xã hội, Đức Gioan Phaolô II nói Hội Thánh trân trọng các nghiên cứu của các khoa học này, vì chúng giúp Hội Thánh “rút ra những chỉ dẫn cụ thể có ích cho sứ mạng giảng dạy của Hội Thánh”.[43] Bên trong

Hội Thánh, vô số vấn đề đang được nghiên cứu và suy tư với rất nhiều sự tự do. Các triển tư tưởng khác nhau trong triết học, thần học và thực hành mục vụ, nếu chấp nhận để Chúa Thánh Thần làm cho hoà hợp trong sự tôn trọng và bác ái, có thể giúp Hội Thánh tăng trưởng, vì tất cả chúng đều giúp diễn tả rõ hơn sự phong phú vô biên của lời Thiên Chúa. Đối với những ai ước ao có một tổng thể học thuyết đồng nhất buộc mọi người phải theo và không có chỗ cho những khác biệt, ước muốn này xem ra không nên và có thể dẫn tới tình trạng hỗn độn. Nhưng trên thực tế, sự khác biệt có thể giúp làm sáng tỏ và phát triển các góc cạnh khác nhau trong sự phong phú vô tận của Tin Mừng.[44]

41. Đồng thời, những thay đổi văn hoá sâu rộng và nhanh chóng hôm nay đòi chúng ta không ngừng tìm kiếm những cách thức diễn tả các chân lý bất biến bằng một ngôn ngữ làm nổi bật sự mới mẻ vững bền của chúng. “Kho ký thác đức tin là một chuyện... cách diễn tả nó lại là chuyện khác”. [45] Có khi người Kitô hữu nghe một ngôn ngữ hoàn toàn chính thống, nhưng lại hiểu về một cái gì xa lạ với Tin Mừng đích thực của Đức Giêsu, bởi vì ngôn ngữ kia khác với cách họ dùng để nói với nhau và hiểu nhau. Với ý hướng thánh thiện muốn thông truyền chân lý về Thiên Chúa và loài người, chúng ta đôi khi [vô tình] công hiến cho họ một vị thần giả tạo hay một lý tưởng nhân loại không thực sự là Kitô giáo. Cứ thế, chúng ta cố bám vào một công thức trong khi không chuyển đạt được nội dung cơ bản của nó. Đây là mối nguy lớn nhất. Chúng ta đừng bao giờ quên rằng “chân lý có thể được diễn tả bằng những hình thức khác nhau. Việc đổi mới các cách diễn tả này trở thành cần thiết để thông truyền cho con người ngày nay sứ điệp Tin Mừng trong ý nghĩa không thay đổi của nó”. [46]

42. Tất cả những điều này có tầm quan trọng lớn đối với việc rao giảng Tin Mừng, nếu chúng ta thực sự quan tâm làm cho vẻ đẹp của Tin Mừng được mọi người nhận ra rõ hơn và đón nhận. Đương nhiên chúng ta sẽ không bao giờ có thể làm cho giáo huấn của Hội Thánh được mọi người hiểu một cách dễ dàng và sẵn sàng chấp nhận. Đức tin mãi mãi vẫn là một thứ thập giá; nó luôn luôn hàm chứa một mảng mờ tối bất chấp sự ưng thuận vững vàng. Một số điều chỉ có thể được hiểu và chấp nhận từ cơ sở của sự ưng thuận này, người chị em với đức ái, vượt lên trên các lý do hay lập luận rõ ràng. Chúng ta cần nhớ rằng mọi lời giảng dạy tôn giáo rất cuộc đều phải được phản chiếu nơi cách sống của người giảng dạy, chính cách sống này đánh thức sự ưng thuận của quả tim bằng sự gần gũi, yêu thương và chứng tá của nó.

43. Trong công cuộc phân định đang diễn ra hôm nay, Hội Thánh cũng có thể nhận ra rằng một số thói quen không trực tiếp liên quan tới cốt lõi của Tin Mừng, kể cả một số có gốc rễ sâu trong lịch sử, nay không còn được hiểu và được chấp nhận đúng như trước. Một số thói quen này có thể đẹp, nhưng không còn là phương tiện hiệu quả để thông truyền Tin Mừng. Chúng ta đừng sợ xét lại chúng. Đồng thời, Hội Thánh có các qui tắc hay giới luật có thể đã từng khá hiệu quả vào thời của chúng, nhưng không còn hữu ích để hướng dẫn và định hình cho đời sống của con người hôm nay. Thánh Tôma Aquinô chỉ ra rằng các giới luật mà Đức Kitô và các tông đồ truyền cho dân thì “rất ít”. [47] Dẫn lời Thánh Augustinô, ngài nhận xét rằng các giới luật mà Hội Thánh thời sau truyền dạy nên được nhấn mạnh một cách vừa phải thôi “để không đè nặng lên đời sống các tín hữu” và biến đạo chúng ta thành một dạng nô lệ, trong khi “lòng thương xót của Thiên Chúa muốn chúng ta phải được tự do”. [48] Lời khuyên cáo này đã được đưa ra từ nhiều thế kỷ, nay vẫn còn hết sức hợp thời. Nó

phải là một trong các tiêu chuẩn chúng ta phải lưu ý khi suy nghĩ về một cuộc cải tổ Hội Thánh và việc giảng dạy của Hội Thánh, giúp cho việc giảng dạy này đến được với mọi người.

44. Hơn nữa, các mục tử và giáo dân đang đồng hành với các anh chị em mình trong đức tin hay trong hành trình mở lòng đón nhận Thiên Chúa phải nhớ rằng sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo dạy rất rõ: “Việc quy lỗi và trách nhiệm về một hành động có thể được giảm bớt hay xóa bỏ do thiếu hiểu biết, sơ suất, do áp lực, sợ hãi, do thói quen, do tâm lý bất ổn, do các nhân tố tâm lý hay xã hội”.^[49] Do đó, trong khi vẫn không xa rời lý tưởng Tin Mừng, họ cần phải có lòng thương xót và kiên nhẫn để dõi theo và nâng đỡ các giai đoạn tăng trưởng khi chúng tuần tự diễn ra.^[50] Tôi muốn nhắc nhớ các linh mục rằng tòa giải tội không phải là một buổi tra tấn nhưng là một nơi gặp gỡ lòng từ bi của Chúa, thúc đẩy chúng ta làm hết sức mình. Một bước đi nhỏ giữa những hạn chế to lớn của con người, có thể làm vui lòng Thiên Chúa hơn là một cuộc sống bề ngoài xem ra đúng mực nhưng ngày ngày không phải đối diện với những khó khăn to lớn nào. Mọi người cần được đánh động bởi sự an ủi và hấp dẫn của tình thương cứu độ của Thiên Chúa, đang hoạt động một cách nhiệm mầu trong mỗi người, vượt lên trên các sa ngã và lỗi lầm của họ.

45. Vì vậy ta thấy công việc loan báo Tin Mừng hoạt động trong các giới hạn của ngôn ngữ và hoàn cảnh. Nó không ngừng tìm cách thông truyền sự thật của Tin Mừng một cách hiệu quả hơn trong một bối cảnh nhất định, không từ bỏ sự thật, sự thiện và ánh sáng mà nó có thể đem đến bất cứ nơi nào không thể có sự hoàn thiện. Một con tim truyền giáo ý thức về những giới hạn này và làm cho mình trở nên “yếu với người yếu... mọi sự cho mọi người” (1Cr 9:22). Nó không bao giờ đóng kín mình, không bao giờ lui về nơi an toàn của mình, không bao giờ chọn thái độ cố chấp hay tự vệ. Nó hiểu rằng nó phải gia tăng sự hiểu biết của mình về Tin Mừng và nhận ra các đường lối của Thần Khí, vì vậy nó luôn luôn làm bất cứ điều tốt lành nào có thể, dù trên đường đi, chân nó có thể bị lấm bùn.

V. V. NGƯỜI MẸ VỚI TRÁI TIM RỘNG MỞ

46. Một Hội Thánh “đi ra” là một Hội Thánh mở cửa. Đến với người khác để tới được các biên giới của loài người không có nghĩa là vội vã lao vào thế giới mà không có mục tiêu. Thường thì tốt hơn là nên đi từ từ, hãm bớt sự phấn khích của mình để nhìn và nghe người khác, không nhảy vội từ chuyện này sang chuyện khác, và nên ở lại bên người đã ngã dọc đường. Thịnh thoảng chúng ta phải giống như người cha của đứa con hoang đàng, luôn luôn để cửa mở hầu khi đứa con trở về, nó có thể vào ngay trong nhà.

47. Hội Thánh được kêu gọi trở thành Nhà Cha, luôn luôn mở rộng cửa. Một dấu hiệu của sự mở ra này là các nhà thờ của chúng ta phải luôn luôn mở cửa, để nếu có ai được Chúa Thánh Thần thúc đẩy đến đây tìm Thiên Chúa, họ sẽ không thấy cửa nhà thờ đang đóng. Cũng có những cửa khác không được đóng. Mọi người có thể tham dự một cách nào đó vào đời sống của Hội Thánh; mọi người có thể là thành phần của cộng đoàn, và các cửa của bí tích cũng không được đóng vì bất cứ lý do gì. Điều này đặc biệt đúng đối với bí tích được gọi là “cửa”: bí tích Rửa Tội. Bí tích Thánh Thể, tuy là sự sung mãn của đời sống bí tích, nhưng không phải là một phần thưởng cho người hoàn thiện, mà là một phương thuốc và lương thực cho người yếu đuối.^[51] Các xác tín này có những hệ quả mục vụ mà chúng ta cần phải xem xét một

cách thận trọng và mạnh dạn. Chúng ta nhiều khi hành động như là người ban phát ân sủng thay vì là người tạo điều kiện cho ân sủng. Nhưng Hội Thánh không phải là một trạm thu phí; Hội Thánh là Nhà Cha, có chỗ cho mọi người, với tất cả các vấn đề của họ.

48. Nếu toàn thể Hội Thánh chấp nhận động lực truyền giáo mới này, Hội Thánh phải đến với mọi người, không loại trừ một ai. Nhưng phải đến với ai trước? Khi đọc Tin Mừng, chúng ta thấy một dấu hiệu rõ ràng: không phải những bạn bè và láng giềng giàu có của chúng ta, nhưng trên hết là những người nghèo khổ bệnh tật, những người thường bị khinh dể và ruồng rẫy, những người “không có gì để trả lại người” (Lc 14:14). Không có chỗ cho sự hoài nghi hay những lời giải thích vồn chỉ làm yếu đi một sứ điệp rõ ràng như thế. Hôm nay và mãi mãi, “người nghèo là những người ưu tiên được đón nhận Tin Mừng”,^[52] và việc Tin Mừng được tự do rao giảng cho họ là dấu chỉ về vương quốc mà Chúa Giêsu đến để thiết lập. Chúng ta phải nói thẳng ra rằng “có một dây liên kết không thể phân ly giữa đức tin của chúng ta và người nghèo”. Chúng ta đừng bao giờ bỏ họ.

49. Vì vậy chúng ta hãy đi ra, đi ra để cống hiến cho mọi người sự sống của Chúa Giêsu Kitô. Ở đây tôi lặp lại cho toàn thể Hội Thánh điều tôi từng nói cho các linh mục và giáo dân ở Buenos Aires: Tôi thà có một Hội Thánh bị bầm dập, mang thương tích và nhor nhuốc vì đi ra ngoài đường, hơn là một Hội Thánh ốm yếu vì bị giam hãm và bám víu vào sự an toàn của mình. Tôi không muốn một Hội Thánh chỉ lo đặt mình vào trung tâm để rồi cuối cùng bị mắc kẹt trong một mạng lưới các nỗi ám ảnh và các thủ tục. Nếu có cái gì đáng phải khiến chúng ta trăn trở và áy náy lương tâm, thì đó chính là sự kiện nhiều anh chị em chúng ta đang sống mà không có sức mạnh, ánh sáng và niềm an ủi phát sinh từ tình bạn với Đức Giêsu Kitô, không có một cộng đoàn đức tin nâng đỡ họ, không tìm thấy ý nghĩa và mục tiêu trong đời. Tôi mong rằng, thay vì sợ đi lạc, chúng ta nên sợ bị giam hãm trong những cấu trúc làm cho chúng ta có một cảm giác an toàn giả tạo, những qui tắc biến chúng ta thành những quan toà tàn nhẫn, với những thói quen làm chúng ta cảm thấy an thân, trong khi ở ngoài cửa người ta đang chết đói và Đức Giêsu không ngừng nói với chúng ta: “Anh em hãy cho họ ăn đi!” (Mc 6:37).

VI. CHƯƠNG HAI

GIỮA CƠN KHỦNG HOẢNG VỀ DÂN THÂN CỘNG ĐỒNG

50. Trước khi bàn về một số vấn đề liên quan tới công cuộc loan báo Tin Mừng, tôi nghĩ nên vấn tắt nhắc đến bối cảnh trong đó tất cả chúng ta đang phải sống và làm việc. Ngày nay chúng ta thường xuyên nghe nói đến một hiện tượng “quá tải chẩn đoán” mà không luôn luôn kèm theo những phương pháp điều trị tương ứng trong thực tế. Một phân tích thuần túy xã hội học muốn gói trọn toàn thể thực tại bằng phương pháp gọi là “trung bình lâm sàng” cũng chẳng giúp gì được cho chúng ta. Cái mà tôi muốn đề nghị là một phương pháp phù hợp hơn với nhận thức Tin Mừng. Đó là phương pháp của người môn đệ truyền giáo, một phương pháp “được nuôi dưỡng bởi ánh sáng và sức mạnh của Chúa Thánh Thần”.^[53]

51. Nhiệm vụ của Giáo Hoàng không phải là cung cấp một phân tích chi tiết và đầy đủ về thực tại ngày nay, nhưng tôi khuyến khích mọi cộng đoàn “luôn tinh táo dò xét các dấu chỉ của thời đại”.^[54] Đây thực sự là một trách nhiệm nặng nề, vì một số thực tại ngày nay, nếu không được xử lý hiệu quả, sẽ có thể mở đường cho các tiến trình phi nhân hoá mà sau này sẽ khó có khả năng đảo ngược. Chúng ta cần phân biệt rõ cái gì có thể là kết quả của Nước Thiên Chúa với

cái gì đi ngược lại kế hoạch của Thiên Chúa. Điều này không những bao gồm việc nhận ra và phân biệt các loại thần trí, nhưng cũng bao gồm việc chọn lấy các tác động của thần lành và từ chối các tác động của thần dữ. Tôi mặc nhiên nhìn nhận các phân tích khác nhau mà các văn kiện khác của huấn quyền Hội Thánh đã công hiến, cũng như các văn kiện mà các hội đồng giám mục cấp vùng và cấp quốc gia đã đề nghị. Trong Tông Huấn này, tôi chỉ muốn trình bày một cách vắn tắt và từ quan điểm mục vụ, một số nhân tố có thể cản trở hay làm suy yếu động lực canh tân truyền giáo trong Hội Thánh, hoặc là vì chúng đe dọa sự sống và phẩm giá của Dân Thiên Chúa, hay vì chúng tác động tới những người trực tiếp tham gia vào các tổ chức của Hội Thánh và vào công cuộc truyền giáo của Hội Thánh.

I. CÁC THÁCH THỨC CỦA THẾ GIỚI HÔM NAY

52. Ở thời đại chúng ta, nhân loại đang trải qua một bước ngoặt trong lịch sử của mình, như chúng ta có thể thấy từ các tiến bộ đang được thực hiện trong rất nhiều lãnh vực. Chúng ta không thể không ca ngợi các bước đi đang được thực hiện để cải thiện phúc lợi của dân chúng trong các lãnh vực như chăm sóc sức khỏe, giáo dục và truyền thông. Nhưng đồng thời chúng ta phải nhớ rằng đa số dân chúng bây giờ sống ngày nào biết ngày ấy, với những viễn tượng đáng sợ. Một số dịch bệnh đang lan rộng. Tâm hồn nhiều người bị xâm chiếm bởi nỗi sợ hãi và thất vọng, ngay cả ở những nước được cho là giàu có. Niềm vui sống thường xuyên phai nhạt, thiếu tôn trọng người khác, và nạn bạo lực ngày càng nhiều, tình trạng bất bình đẳng cũng gia tăng. Người ta đấu tranh để sống, và thường là sống với phẩm giá tối thiểu. Thay đổi của thời đại đã được khởi động bởi những tiến bộ khổng lồ, mau chóng và tích lũy về phẩm và lượng trong các khoa học và kỹ thuật và được đem áp dụng ngay vào các lãnh vực khác nhau của tự nhiên và đời sống. Chúng ta đang ở một thời đại tri thức và thông tin, dẫn tới các hình thức quyền lực mới và thường là không được gọi tên.

Nói không với một nền kinh tế loại trừ

53. Cũng như giới răn “Chớ giết người” đặt ra một giới hạn rõ ràng để bảo vệ giá trị của sự sống con người, ngày nay chúng ta cũng phải nói “Không” với một nền kinh tế loại trừ và bất bình đẳng. Một nền kinh tế như thế cũng giết chết. Sao có thể khi một người vô gia cư chết vì không được che chở thì không được kể là một tin tức, trong khi thị trường chứng khoán mất hai điểm thì lại là tin tức? Đây là một trường hợp loại trừ. Chúng ta có thể điềm nhiên đứng nhìn khi lương thực bị đổ đi trong khi có những người đang đói? Đây là một trường hợp bất bình đẳng. Ngày nay mọi thứ đều theo luật cạnh tranh và luật sinh tồn của kẻ thích hợp nhất, ở đó những kẻ có quyền lực chèn ép những người yếu thế? Hậu quả là vô số người bị loại trừ và bị gạt ra bên lề: không việc làm, không phương tiện, không có bất kỳ lối thoát nào.

Chính con người bị coi là món hàng tiêu thụ sử dụng rồi vứt bỏ. Chúng ta đã tạo ra một văn hoá “dùng một lần” hiện đang lan rộng. Không còn đơn thuần là vấn đề bóc lột và áp bức, mà là một vấn đề mới. Rốt cuộc thái độ loại trừ làm thay đổi ý nghĩa của tư cách là thành phần của xã hội chúng ta đang sống; những người bị loại trừ không còn là phân phụ thuộc hay bên lề hay bị tước quyền trong xã hội—họ thậm chí không còn là thành phần của xã hội nữa! Những người bị loại trừ không phải là những người “bị bóc lột” mà là những người bị gạt ra ngoài, những “đồ thừa”.

54. Trong bối cảnh này, một số người vẫn còn tiếp tục bênh vực các lý thuyết kiểu “lọt sàng xuống nia”, [†] cho rằng sự tăng trưởng kinh tế, được khuyến khích bởi thị trường tự do, tự nó sẽ thành công trong việc tạo ra công bằng và sự bao gồm (*inclusion*) nhiều hơn trong xã hội. Ý kiến này chưa bao giờ được thực tế xác nhận, nó diễn tả một niềm tin thô thiển và ngây thơ vào lòng tốt của những người nắm giữ quyền lực kinh tế và các thao tác được thần thánh hoá của hệ thống kinh tế chủ đạo. Trong khi đó những người bị loại trừ vẫn đang chờ đợi. Để duy trì một lối sống loại trừ người khác, hay duy trì sự phân khích với lý tưởng ích kỷ ấy, một hiện tượng toàn cầu

hoá của sự dũng dung đã phát triển. Hầu như vô tình, rốt cuộc chúng ta trở nên vô cảm trước tiếng kêu của người nghèo, không còn có thể khóc trước nỗi đau của người khác hay cảm thấy cần cứu giúp họ, coi như tất cả đều là trách nhiệm của một ai khác chứ không phải của chính chúng ta. Văn hoá của sự thịnh vượng làm chúng ta mất đi sự mẫn cảm; chúng ta phản kích nếu thị trường cung cấp cho chúng ta một món hàng mới; trong khi tất cả những mảnh đời cần cỗi và thiếu cơ hội có vẻ chỉ là một cảnh tượng bình thường, không hề làm chúng ta tủi lòng.

Nói không với ngẫu thần mới là tiền bạc

55. Một nguyên nhân của tình huống này được thấy trong mối quan hệ của chúng ta với tiền bạc, vì chúng ta thân nhiên chấp nhận sự thống trị của nó trên chúng ta và các xã hội của chúng ta. Cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay có thể làm chúng ta không để ý tới sự kiện nó phát sinh trong một khủng hoảng sâu xa về con người: sự chối bỏ địa vị tối thượng của con người! Chúng ta đã tạo ra các ngẫu thần mới. Việc thờ con bò vàng thời xưa (xem Xh 32:1-35) nay đã trở lại dưới một dạng mới và sống sượng là việc sùng bái ngẫu thần tiền bạc và sự chuyên chế của một nền kinh tế phi nhân không có một mục đích nhân bản đích thực. Cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu bộc lộ rõ sự mất thăng bằng và trên hết là sự thiếu quan tâm đối với con người; con người bị giản lược vào một nhu cầu duy nhất của họ mà thôi: tiêu thụ.

56. Trong khi thu nhập của một thiểu số tăng theo cấp số nhân, thì hố ngăn cách giữa đa số với một thiểu số được hưởng sự thịnh vượng cũng tăng theo cấp số nhân. Tình trạng chênh lệch này là kết quả của các hệ tư tưởng muốn bảo vệ độc lập tuyệt đối của thị trường và đầu cơ tài chính. Hậu quả là chúng phủ nhận mọi quyền kiểm soát của các nhà nước vốn có trách nhiệm lo cho công ích. Thế là sinh ra một thứ chuyên chế mới, vô hình và thường là hư hư ảo ảo, nó đơn phương và tàn nhẫn áp đặt những luật pháp và qui tắc riêng của nó. Các món nợ và lãi tích lũy cũng làm cho các quốc gia khó thể hiện tiềm năng nền kinh tế riêng của họ để giúp các công dân nước họ được hưởng sức mua thực sự của họ. Cũng còn phải kể thêm tình trạng tham nhũng và trốn thuế tràn lan vì ích kỷ, nay đã ở cấp độ toàn cầu. Khát vọng quyền lực và của cải là vô giới hạn. Trong hệ thống này, với khuynh hướng xâu xé bất cứ cái gì cản đường cho sự gia tăng lợi nhuận, những thực tại mong manh, như môi trường chẳng hạn, hoàn toàn không có khả năng tự vệ trước những lợi ích của một thị trường được thần thánh hoá và trở thành qui luật duy nhất.

Nói không với một hệ thống tài chính thống trị thay vì phục vụ

57. Đáng sau thái độ này ẩn chứa một sự chối bỏ đạo đức và chối bỏ Thiên Chúa. Đạo đức được nhìn với con mắt khinh bỉ chế nhạo. Người ta coi đạo đức là phi sản xuất, quá nhân đạo, vì nó coi tiền bạc và quyền lực là cái gì tương đối. Người ta cảm thấy nó là một mối đe dọa, vì nó kết án những hành vi thao túng và hạ thấp phẩm giá con người. Trên thực tế, đạo đức dẫn con người tới Thiên Chúa, Đáng kêu gọi một lời đáp dẫn thân vượt ra ngoài các phạm trù của thị trường. Khi thị trường được coi là tuyệt đối, thì người ta chỉ có thể coi Thiên Chúa như là cái gì không kiểm soát được, không quản lý được, thậm chí nguy hiểm, vì Thiên Chúa kêu gọi con người thể hiện đầy đủ bản thân và tự do khỏi mọi hình thức nô lệ. Đạo đức—một thứ đạo đức phi ý thức hệ—có thể đem lại sự cân bằng và một trật tự xã hội nhân đạo hơn. Với những ý tưởng này, tôi khuyến khích các chuyên gia tài chính và các chính khách suy gẫm những lời của các bậc hiền nhân thời xưa: “Không chia sót của cải với người nghèo là ăn cắp của họ và lấy đi kế sinh nhai của họ. Của cải chúng ta giữ không phải của riêng chúng ta, mà là của họ”.^[55]

58. Một sự cải cách tài chính theo các suy tư đạo đức như thế đòi hỏi các nhà lãnh đạo chính trị phải thay đổi mạnh mẽ cách tiếp cận. Tôi khuyến khích họ đối diện với thách thức này bằng sự quyết tâm và một cái nhìn về tương lai, đồng thời không bỏ qua những yếu tố cụ thể của từng trường hợp. Tiền phải phục vụ, không phải cai trị! Giáo hoàng yêu thương mọi người, người giàu cũng như người nghèo, nhưng ngài buộc phải nhân danh Đức Kitô nhắc nhở mọi người rằng

những người giàu phải giúp đỡ, tôn trọng và thăng tiến người nghèo. Tôi khuyên anh chị em có tình liên đới quảng đại và đưa kinh tế và tài chánh trở về với một phương thức đạo đức phục vụ lợi ích con người.

Nói không với tình trạng bất bình đẳng, nguồn gốc của bạo lực

59. Ngày nay tại nhiều nơi chúng ta nghe thấy tiếng kêu gọi phải có an ninh hơn. Nhưng bao lâu tình trạng loại trừ và bất bình đẳng trong xã hội còn chưa được đảo ngược, thì không thể nào xoá bỏ bạo lực. Người nghèo và các dân tộc nghèo bị tố cáo sử dụng bạo lực, nhưng nếu không có các cơ hội bình đẳng thì các hình thức gây hấn và xung đột khác nhau sẽ tìm được mảnh đất màu mỡ để phát triển và bùng nổ. Khi một xã hội—địa phương, quốc gia, hay thế giới—muốn gạt ra bên lề một thành phần của mình, thì không một chương trình hay nguồn lực chính trị nào dành cho việc thực thi pháp luật hay các hệ thống giám sát có thể bảo đảm vĩnh viễn sự an bình. Không chỉ đơn giản vì sự bất bình đẳng khơi dậy một phản ứng bạo lực từ những người bị loại trừ khỏi hệ thống, nhưng là vì hệ thống kinh tế-xã hội là bất công tận gốc. Cũng như sự tốt lành có xu hướng lan toả, việc dung túng sự ác, nghĩa là bất công, có khuynh hướng mở rộng ảnh hưởng độc hại của nó và âm thầm huỷ hoại mọi hệ thống chính trị và xã hội, bất kể hệ thống ấy có vẻ vững chắc đến đâu. Nếu mọi hành động đều có những hậu quả của chúng, thì một sự ác nằm trong các cơ cấu của một xã hội cũng có một tiềm năng phá hoại và huỷ diệt lâu dài. Nó chính là sự xấu được kết tinh trong những cơ cấu xã hội bất công, và không thể là cơ sở để hi vọng một tương lai tốt đẹp hơn. Chúng ta còn ở xa cái gọi là “tận cùng của lịch sử”, vì các điều kiện cho một sự phát triển bền vững và hoà bình vẫn chưa được thấy rõ và thể hiện đầy đủ.

60. Ngày nay các cơ chế vận hành kinh tế cổ xúy việc tiêu thụ quá mức, nhưng rõ ràng chủ nghĩa tiêu thụ xả láng kết hợp với tình trạng bất bình đẳng làm cho cơ cấu xã hội bị huỷ hoại gấp hai lần. Bất bình đẳng sẽ sinh ra bạo lực sử dụng vũ khí và sẽ không bao giờ có thể giải quyết được. Nó chỉ có thể tạo ra hi vọng giả tạo cho những người kêu gọi gia tăng an ninh, mặc dù ngày nay chúng ta biết rằng các vũ khí và bạo lực không hề giúp tìm ra giải pháp, mà chỉ tạo ra những xung đột mới và nghiêm trọng hơn. Một số người bằng lòng với việc chỉ trích những người nghèo và các quốc gia nghèo vì là nguồn gốc của các rắc rối; bằng những sự khái quát hoá vô căn cứ, họ cho rằng giải pháp phải là “giáo dục” để xoa dịu những người nghèo, thuần hoá họ và làm họ trở thành vô hại. Tất cả quan điểm này càng làm cho những người bị loại trừ cảm thấy tức giận khi chứng kiến tình trạng tham nhũng tràn lan và ăn rễ sâu tại nhiều quốc gia—trong các chính phủ, các doanh nghiệp và các tổ chức—bất kể xu hướng chính trị của các nhà lãnh đạo của họ là gì.

Các thách thức văn hoá

61. Chúng ta cũng lo âu báo Tin Mừng khi cố gắng đối mặt với các thách thức có thể xuất hiện.^[56] Có khi những thách thức này có thể đến dưới dạng những cuộc tấn công thực sự vào tự do tôn giáo hay những cuộc bách đạo mới nhắm vào người Kitô hữu; tại một số nước, tình trạng này đã tới mức báo động của sự căm thù và bạo lực. Tại nhiều nơi, thách thức nổi trội hơn là sự lan rộng của chủ nghĩa dửng dưng và chủ nghĩa tương đối, gắn liền với sự thất vọng và khủng hoảng ý thức hệ bắt nguồn từ một phản ứng chống lại bất cứ cái gì có vẻ là độc tài. Tình trạng này không chỉ làm hại Hội Thánh mà cũng làm hại toàn thể xã hội. Chúng ta phải nhận ra rằng, trong một nền văn hoá mà mỗi người chỉ muốn chấp nhận sự thật chủ quan của mình, thì sẽ khó biết bao để các công dân tìm ra được một kế hoạch chung vượt lên trên các lợi ích riêng tư và các tham vọng cá nhân.

62. Trong nền văn hoá đang thịnh hành, thế thượng phong được dành cho cái bề ngoài, cái trực tiếp, cái có thể thấy được, cái nhanh, cái phù phiếm và cái tạm bợ. Cái thật nhường chỗ cho cái ảo. Tại nhiều nước, toàn cầu hoá có nghĩa là một sự đẩy nhanh tiến trình suy yếu các góc rễ

văn hoá truyền thống và sự xâm nhập các lối suy nghĩ và hành động của các nền văn hoá khác tiến bộ hơn về mặt kinh tế nhưng yếu kém hơn về đạo đức. Sự kiện này đã được nêu lên bởi các giám mục từ nhiều châu lục tại các Thượng Hội Đồng khác nhau. Các giám mục Châu Phi, chẳng hạn, khi đọc Thông Điệp Sollicitudo Rei Socialis, đã vạch ra từ nhiều năm trước rằng người ta đã thường xuyên tìm cách biến các nước Châu Phi thành “những bộ phận của một cái máy, những vòng răng trên một cái bánh răng khổng lồ. Điều này cũng đúng trong lãnh vực truyền thông xã hội, chủ yếu được điều hành bởi các trung tâm tại bắc bán cầu, nó không quan tâm đầy đủ đến các ưu tiên và các vấn đề của các nước như thế, hay không tôn trọng bản chất của các nền văn hoá ấy”.[57] Tương tự, các giám mục Châu Á cũng “nêu lên những ảnh hưởng bên ngoài đang tác động đến các nền văn hoá Á Châu. Các mẫu hành vi mới đang xuất hiện như là kết quả của việc chịu ảnh hưởng quá nhiều vào các phương tiện truyền thông xã hội... Hậu quả là các khía cạnh tiêu cực của các công nghệ truyền thông và giải trí đang đe dọa các giá trị truyền thống, đặc biệt đe dọa sự thánh thiêng của hôn nhân và sự bền vững của gia đình”.[58]

63. Đức tin Công Giáo của nhiều người ngày nay đang bị thách thức bởi sự nở rộ các phong trào tôn giáo, một số có khuynh hướng cực đoan trong khi một số khác đề nghị một linh đạo không có Thiên Chúa. Một mặt, đây là một phản ứng của con người trước một xã hội duy vật, tiêu thụ và cá nhân chủ nghĩa, nhưng mặt khác, đây cũng là một sự khai thác sự yếu đuối của những người sống trong nghèo khổ và bên lề xã hội, những người đang tranh đấu để sinh tồn trong tình trạng đau khổ nặng nề của con người và đang tìm những giải pháp trước mắt cho các nhu cầu của họ. Không thiếu sự sắc sảo, các phong trào tôn giáo này xuất hiện, trong một bối cảnh văn hoá đậm nét cá nhân chủ nghĩa, để lấp đầy khoảng trống do chủ nghĩa duy lý thế tục để lại. Chúng ta phải nhìn nhận rằng, sở dĩ một phần các tín hữu đã rửa tội của chúng ta thiếu ý thức thuộc về Hội Thánh, đó cũng là do một số cơ cấu và một số bầu khí thiếu thân thiện cởi mở tại một số giáo xứ và cộng đồng của chúng ta, hoặc cũng do tính quan liêu trong cách xử lý các vấn đề đơn sơ hay phức tạp trong đời sống các tín hữu của chúng ta. Tại nhiều nơi, phương thức quản trị lẫn lướt phương thức mục vụ, cũng như sự tập trung vào việc ban các bí tích tách rời với các hình thức truyền giáo khác.

64. Tiến trình tục hoá có khuynh hướng giản lược đức tin và Hội Thánh vào lãnh vực cá nhân và riêng tư. Hơn nữa, bằng việc phủ nhận cái siêu việt, nó làm cho đạo đức ngày càng xuống cấp, ý thức của cá nhân và tập thể về tội lỗi suy yếu dần, và chủ nghĩa tương đối ngày càng gia tăng. Tình trạng này dẫn đến một sự mất phương hướng chung, đặc biệt ở lứa tuổi thiếu niên và thanh niên vốn là tuổi rất dễ bị tổn thương do sự thay đổi. Như các giám mục Hoa Kỳ đã vạch ra một cách chí lý, trong khi Hội Thánh nhấn mạnh sự tồn tại của các qui tắc đạo đức khách quan có giá trị cho mọi người, thì lại “có những người trong nền văn hoá của chúng ta mô tả giáo huấn này là không đúng, nghĩa là chống lại các quyền cơ bản của con người. Những tuyên bố loại này thường đi theo một dạng chủ nghĩa tương đối về đạo đức, và một cách bất nhất, kèm theo một niềm tin vào các quyền tuyệt đối của các cá nhân. Quan niệm này coi Hội Thánh như là nơi cổ vũ một thành kiến riêng và can thiệp vào tự do của cá nhân”.[59] Chúng ta đang sống trong một xã hội lệ thuộc thông tin không ngừng dội xuống chúng ta đủ loại dữ liệu—tất cả đều được coi là quan trọng như nhau—và dẫn tới tình trạng hời hợt trong lãnh vực nhận thức đạo đức. Đáp lại, chúng ta cần cung cấp một nền giáo dục dạy lối suy nghĩ có phê bình và khuyến khích phát triển các giá trị đạo đức trưởng thành.

65. Bất chấp làn sóng tục hoá đã quét qua các xã hội chúng ta, tại nhiều nước—ngay cả những nước mà người Kitô hữu chỉ là thiểu số—Hội Thánh Công Giáo được công luận coi là một tổ chức khả tín, và được tin cậy vì sự liên đới và quan tâm tới những người cùng khổ. Hội Thánh không ngừng hành động như một người trung gian trong việc tìm kiếm các giải pháp cho

các vấn đề liên quan tới hoà bình, hoà hợp xã hội, đất đai, bảo vệ sự sống, nhân quyền và dân quyền, v.v.... Và các trường học và đại học công giáo trên khắp thế giới đã đem lại biết bao lợi ích! Đây là điều rất tốt. Thế nhưng chúng ta còn gặp khó khăn trong việc làm cho dân chúng thấy rằng khi chúng ta nêu lên những vấn đề khác không hợp sở thích của công luận, chúng ta làm việc này chính là vì trung thành với cùng những xác tín về phẩm giá con người và lợi ích chung.

66. Gia đình đang trải nghiệm một khủng hoảng văn hoá sâu xa, và mọi cộng đồng và quan hệ xã hội cũng thế. Trong trường hợp gia đình, sự suy yếu các mối quan hệ này đặc biệt nghiêm trọng vì gia đình là tế bào cơ bản của xã hội, ở đó chúng ta học cách sống với người khác bất chấp các khác biệt giữa chúng ta, và học cách thuộc về lẫn nhau; gia đình cũng là nơi cha mẹ truyền thụ đức tin cho con cái. Hôn nhân bây giờ có khuynh hướng được coi như một hình thức thoả mãn tình cảm đơn thuần và có thể được xây dựng bằng mọi hình thức hoặc thay đổi tuỳ ý. Nhưng sự đóng góp thiết yếu của hôn nhân cho xã hội vượt lên trên các tình cảm và các nhu cầu của đôi vợ chồng. Như các giám mục Pháp đã dạy, hôn nhân không phát sinh “từ cảm xúc yêu đương, theo định nghĩa có tính phù du, nhưng từ nghĩa vụ sâu xa được chấp nhận bởi đôi vợ chồng ưng thuận đi vào một sự hiệp thông đời sống trọn vẹn”.[\[60\]](#)

67. Chủ nghĩa cá nhân của thời hậu hiện đại và toàn cầu hoá của chúng ta tạo điều kiện cho một nếp sống làm suy yếu sự phát triển và vững bền của các mối tương quan nhân vị và làm biến dạng các mối dây ràng buộc gia đình. Hoạt động mục vụ cần làm sáng tỏ hơn sự thật rằng mối quan hệ của chúng ta với Cha đòi hỏi và khuyến khích một sự hiệp thông giúp chữa lành, cổ vũ và tăng cường các mối quan hệ giữa người với người. Trong thế giới chúng ta, đặc biệt trong một số nước, các hình thức chiến tranh và xung đột đang xuất hiện trở lại, nhưng người Kitô hữu chúng ta vẫn kiên trì trong ý muốn tôn trọng người khác, chữa lành các vết thương, bắc cầu, tăng cường các mối quan hệ và “chịu đựng gánh nặng của nhau” (Gl 6:2). Ngày nay cũng vậy, nhiều loại hiệp hội khác nhau nhằm bảo vệ các quyền và theo đuổi các mục tiêu cao quý đang được lập ra. Đây là dấu hiệu cho thấy ước muốn của nhiều người muốn đóng góp cho sự tiến bộ văn hoá và xã hội.

Các thách thức cho việc hội nhập đức tin

68. Nền tảng Kitô giáo của một số dân tộc—đa phần ở Phương Tây—là một thực tại sống động. Ở đây chúng ta tìm thấy, đặc biệt giữa những người thiếu thốn nhất, một nguồn lực đạo đức giúp họ giữ gìn các giá trị của một nền nhân bản Kitô giáo đích thực. Nhìn thực tại bằng con mắt đức tin, chúng ta không thể không nhìn nhận những gì mà Chúa Thánh Thần đang gieo. Chúng ta sẽ tỏ ra thiếu tin tưởng vào hoạt động tự do và hào phóng của Chúa Thánh Thần nếu chúng ta nghĩ rằng các giá trị Kitô giáo đích thực đang vắng bóng tại những nơi mà rất nhiều người đã rửa tội đang biểu lộ đức tin và tình liên đới với người khác bằng nhiều cách khác nhau. Có nghĩa là ta không chỉ nhìn nhận những “hạt giống lời Chúa” rải rác đó đây, mà hơn thế nữa, đây là một đức tin Kitô giáo đích thực với các cách biểu hiện riêng và các phương tiện cho thấy mối quan hệ của nó với Hội Thánh. Không thể coi nhẹ tầm quan trọng của một nền văn hoá thấm nhuần đức tin; trước sức tấn công của chủ nghĩa thế tục, một nền văn hoá được phúc âm hoá, tuy có những giới hạn của nó, nhưng nó cũng có rất nhiều nguồn lực chứ không chỉ đơn thuần là tổng dân số tín hữu. Một nền văn hoá bình dân được phúc âm hoá bao hàm những giá trị của đức tin và tình liên đới có sức khuyến khích sự phát triển của một xã hội công bằng và có niềm tin hơn, và chứa đựng một sự khôn ngoan mà chúng ta phải nhìn nhận với lòng biết ơn.

69. Chúng ta có bốn phận phúc âm hoá các nền văn hoá để đưa Tin Mừng vào văn hoá. Tại các nước có truyền thống Công Giáo, chúng ta có bốn phận khuyến khích, nuôi dưỡng và tăng cường một sự phong phú vốn đã có rồi. Tại các nước có các truyền thống tôn giáo khác, hay các nước tục hoá sâu đậm, chúng ta có bốn phận mở ra những tiến trình mới để phúc âm hoá nền văn

hoá, mặc dù công việc này đòi hỏi một kế hoạch dài hạn. Tuy nhiên chúng ta phải lưu ý rằng, chúng ta không ngừng được mời gọi tăng trưởng. Mỗi nhóm văn hoá và xã hội cần được thanh tẩy và lớn lên. Trong trường hợp các nền văn hoá bình dân của dân Công Giáo, chúng ta có thể thấy những khuyết tật cần phải được chữa lành bởi Tin Mừng: thói trọng nam khinh nữ, tật nghiện rượu, bạo lực gia đình, ít đi lễ, các khái niệm về số phận hay mê tín dị đoan làm người ta chạy theo ma thuật phù phép, v.v... Chính lòng đạo bình dân có thể là một điểm xuất phát để chữa lành và thoát khỏi những khuyết tật này.

70. Cũng đúng là đôi khi chúng ta nhấn mạnh quá nhiều vào các biểu hiện bên ngoài và các truyền thống của một số nhóm, hoặc quá đề cao các mặc khải riêng thay cho mọi thứ khác, hơn là tập trung vào năng động lực của lòng đạo Kitô giáo. Có một thứ Kitô giáo được cấu tạo bởi những việc sùng mộ phản ánh một đời sống đức tin mang tính cá nhân chủ nghĩa và tình cảm, mà trên thực tế không tương ứng với một “lòng đạo bình dân” chân chính. Một số người cổ xúy các cách biểu hiện này trong khi hoàn toàn không quan tâm tới việc thăng tiến xã hội hay việc đào luyện giáo dân, và trong một số trường hợp, họ chỉ nhắm tới những lợi lộc kinh tế hay quyền lực trên những người khác. Chúng ta cũng không thể bỏ qua sự kiện trong những thập niên gần đây đã có một sự suy thoái trong cách mà người Công Giáo truyền thụ đức tin cho giới trẻ. Không thể phủ nhận rằng nhiều người cảm thấy thất vọng và không còn nhận mình thuộc về truyền thống công giáo nữa. Ngày càng nhiều bậc cha mẹ không cho con chịu phép rửa hoặc dạy con cầu nguyện. Cũng có hiện tượng nhiều người bỏ sang các đạo khác. Các nguyên nhân của sự suy sụp này bao gồm: thiếu cơ hội đối thoại trong gia đình, ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông, chủ nghĩa tương đối chủ quan, chủ nghĩa tiêu thụ vô độ chỉ làm giàu cho thị trường, thiếu chăm sóc mục vụ cho người nghèo, các tổ chức của chúng ta không thu hút, và chúng ta gặp khó khăn trong việc khôi phục một sự gắn bó nhiệm mầu với đức tin trong một bối cảnh đa nguyên tôn giáo.

Các thách thức từ nền văn hoá đô thị

71. Giêrusalem mới, Thành Thánh (xem Kh 21:2-4), là điểm đến mà toàn thể nhân loại đang đi tới. Chúng ta ngạc nhiên khi mặc khải của Thiên Chúa dạy rằng sự viên mãn của nhân loại và của lịch sử đấng hiển hiện trong một thành trì. Chúng ta cần phải nhìn vào các thành phố của chúng ta với một cái nhìn chiêm niệm, một cái nhìn đức tin thấy Thiên Chúa cư ngụ trong các ngôi nhà, các đường phố, các công viên. Sự hiện diện của Thiên Chúa nâng đỡ các cố gắng của các cá nhân và tập thể để tìm được sự khích lệ và ý nghĩa trong đời họ. Ngài cư ngụ giữa họ, nuôi dưỡng tình liên đới, tình huynh đệ, và ước muốn sự thiện, sự thật và công lý. Sự hiện diện của Ngài không phải được tạo ra, mà phải được tìm kiếm, được phát hiện. Thiên Chúa không giấu mình với những ai thành tâm kiếm tìm Người, dù họ tìm kiếm một cách mò mẫm, mơ hồ và cầu may.

72. Tại các đô thị, khác với tại nông thôn, chiều kích tôn giáo của đời sống được biểu lộ bằng những cách sống khác nhau, những nhịp độ sống thường nhật khác nhau tùy nơi và tùy người. Trong đời sống hằng ngày, người dân thường phải đấu tranh để sinh tồn và cuộc đấu tranh này chứa đựng một sự hiểu biết sâu xa về cuộc đời mang đậm một ý thức tôn giáo. Chúng ta phải xem xét vấn đề này kỹ hơn để có khả năng đi vào một cuộc đối thoại giống như cuộc đối thoại giữa Chúa Giêsu và người phụ nữ bên bờ giếng, nơi chị tìm nước để giải cơn khát (xem Ga 4:1-15).

73. Các nền văn hoá mới đang không ngừng xuất hiện trong những không gian mới rộng lớn này, ở đó người Kitô hữu không còn là những người giải thích hay tạo ra ý nghĩa giống như trước kia. Ngược lại, chính họ lấy từ các nền văn hoá này những ngôn ngữ, những biểu tượng, những thông điệp và những hệ hình mới đề xuất những cách tiếp cận mới với cuộc đời, những

cách tiếp cận thường tương phản với Tin Mừng của Chúa Giêsu. Một nền văn hoá hoàn toàn mới đã sinh ra và tiếp tục lớn lên trong các đô thị. Thượng Hội Đồng lưu ý rằng hôm nay các thay đổi đang diễn ra trong các không gian rộng lớn này và các nền văn hoá mà chúng tạo ra là một nơi ưu tiên để loan báo Tin Mừng.[61] Điều này thách thức chúng ta phải sáng tạo ra những không gian và điều kiện mới thuận lợi cho việc cầu nguyện và hiệp thông, sao cho chúng hấp dẫn và có ý nghĩa hơn đối với các cư dân đô thị. Qua ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông, các vùng nông thôn đang chịu sự tác động của cùng những thay đổi văn hoá này, khiến cho họ cũng thay đổi một cách đáng kể cách sống của họ.

74. Việc phải làm là một cuộc loan báo Tin Mừng có khả năng dội ánh sáng vào những cách thức mới trong mối liên hệ với Thiên Chúa, với tha nhân và với thế giới xung quanh chúng ta, và khơi dậy những giá trị cơ bản. Nó phải đến được những nơi mà các lối kể chuyện và các hệ hình đang hình thành, đem lời Chúa Giêsu đến tận tầng thâm sâu nhất của tâm hồn các thành phố chúng ta. Các thành phố đều mang tính đa văn hoá; tại các thành phố lớn, có một mạng nối kết để các nhóm người chia sẻ với nhau sức tưởng tượng và các ước mơ về cuộc đời, và các mối tương tác mới giữa người với người cũng phát sinh, các văn hoá mới, các thành phố vô hình. Các nền văn hoá phụ cũng xuất hiện bên nhau, chúng thường mang tính chất kỳ thị và bạo lực. Hội Thánh được kêu gọi phục vụ một cuộc đối thoại khó khăn. Một mặt, có những người có các điều kiện cần thiết để phát triển cuộc sống cá nhân và gia đình của họ, nhưng mặt khác cũng có nhiều người không được gọi là công dân, những “công dân hạng hai”, và những “căn bã đô thị”. Các đô thị tạo ra một loại mâu thuẫn trường kỳ, vì trong khi chúng cống hiến cho cư dân của chúng vô vàn khả thể, chúng đồng thời cũng tạo ra rất nhiều cản trở cho sự phát triển đầy đủ cuộc sống của họ. Tình trạng mâu thuẫn này gây nên sự đau đớn. Tại nhiều vùng trên thế giới, các thành phố là sân khấu của các cuộc phản kháng quần chúng, ở đó hàng ngàn người đứng lên kêu gọi tự do, có tiếng nói trong đời sống công cộng, công lý và đủ loại các đòi hỏi khác mà nếu không được hiểu đúng, thì vũ lực cũng không thể giải quyết.

75. Chúng ta không thể làm ngơ trước sự kiện tại các thành phố đang diễn ra nạn buôn người, buôn bán chất ma tuý, lạm dụng và bóc lột trẻ em, quên lãng người già và người tàn tật, và nhiều hình thức tham nhũng và hoạt động tội phạm. Đồng thời, những nơi mà lẽ ra phải là chỗ gặp gỡ và liên kết thì thường lại trở thành những nơi cách ly và nghi kỵ lẫn nhau. Các nhà cửa và các khu láng giềng thường được xây dựng để có thể cách ly và bảo vệ hơn là để liên kết và hoà hợp. Rao giảng Tin Mừng sẽ là một cơ sở để khôi phục phẩm giá con người trong những bối cảnh này, vì Chúa Giêsu muốn tuôn đổ dồi dào sự sống xuống các thành phố của chúng ta (xem Ga 10:10). Ý nghĩa thống nhất và đầy đủ của đời sống con người mà Tin Mừng đề nghị là phương thuốc cho những căn bệnh của các đô thị chúng ta, mặc dù chúng ta phải nhìn nhận rằng một chương trình đồng nhất và cứng nhắc về phúc âm hoá thì không phù hợp với thực tại phức tạp này. Nhưng chúng ta sẽ trở thành những Kitô hữu tốt hơn và mang lại lợi ích cho các đô thị nếu chúng ta sống trọn vẹn đời sống con người và đối diện với mọi thách thức như là men để làm chứng cho Tin Mừng trong mọi nền văn hoá và mọi đô thị.

II. THÁCH THỨC CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG MỤC VỤ

76. Tôi vô cùng biết ơn tất cả những người đang dẫn thân hoạt động trong Hội Thánh và cho Hội Thánh. Ở đây tôi không muốn đi vào chi tiết các hoạt động của những người hoạt động mục vụ khác nhau, từ các giám mục xuống tới những người cung cấp các việc phục vụ âm thầm và khiêm tốn nhất. Đúng hơn, tôi muốn suy tư về những thách thức mà tất cả họ phải đối diện trong bối cảnh văn hoá toàn cầu hoá hiện nay. Nhưng một cách công tâm, tôi phải nói trước tiên rằng sự đóng góp của Hội Thánh trong thế giới hôm nay là vô cùng to lớn. Nỗi đau và sự xấu hổ chúng ta cảm thấy vì tội lỗi của một số thành viên của Hội Thánh, và tội lỗi của chính chúng ta,

không bao giờ được làm chúng ta quên rằng có vô số người Kitô hữu đang hiến dâng cuộc đời mình trong hi vọng. Họ giúp biết bao nhiêu người được khỏi bệnh hay được chết trong bình an tại các bệnh viện tạm bợ. Họ hiện diện với những người mắc các tật nguyền ngập khác nhau tại những nơi nghèo khổ nhất trên thế giới. Họ hiến mình cho việc giáo dục các trẻ em và thanh niên. Họ chăm sóc những người già không được ai lo cho. Họ tìm cách thông truyền những giá trị trong các môi trường thù nghịch. Họ dẫn thân bằng những cách thức khác nhau để chứng tỏ một tình thương vô biên đối với nhân loại được khơi dậy bởi vị Thiên Chúa làm người. Tôi biết ơn vì gương sáng tôi nhận được từ rất nhiều Kitô hữu khi họ vui vẻ hi sinh cuộc đời và thời giờ của họ. Những chứng tá này an ủi và nâng đỡ tôi trong cố gắng của chính mình để khắc phục tính ích kỷ và để tôi hiến mình trọn vẹn hơn.

77. Tuy nhiên, là những đứa con của thời đại này, tất cả chúng ta một cách nào đó cũng chịu ảnh hưởng bởi nền văn hoá toàn cầu hoá hôm nay, nó cho chúng ta những giá trị và khả thể mới, nhưng cũng có thể hạn chế, chi phối và rút cuộc làm hại chúng ta. Tôi ý thức rằng chúng ta cần tạo ra những khoảng không gian mới trong đó những người hoạt động mục vụ có thể tìm được sự giúp đỡ và chữa trị, “những nơi mà chính đức tin vào Chúa Giêsu chết và phục sinh được canh tân, những nơi mà các vấn đề sâu xa nhất và các mối quan tâm hằng ngày được chia sẻ, nơi mà nhận thức sâu xa hơn về các kinh nghiệm của chúng ta và chính đời sống được thực hiện trong ánh sáng Tin Mừng, vì mục đích định hướng các quyết định của cá nhân và xã hội tới cái tốt và cái đẹp”.^[62] Đồng thời, tôi muốn kêu gọi chú ý tới một số cám dỗ đặc biệt ảnh hưởng tới những người hoạt động mục vụ.

Nói có với thách thức của một linh đạo truyền giáo

78. Chúng ta hôm nay đang thấy nơi nhiều người hoạt động mục vụ, gồm cả những người thánh hiến nam cũng như nữ, một sự quan tâm quá mức về tự do và sự thoải mái của bản thân họ, khiến họ coi công việc của họ như chỉ là một cái gì phụ thuộc chứ không phải một thành phần thuộc căn tính của họ. Đồng thời, đời sống thiêng liêng trở nên bị đồng hoá với một ít việc thực hành tôn giáo có thể đem lại một sự an ủi nào đó chứ không khuyến khích việc gặp gỡ người khác, dẫn thân vào thế giới hay một niềm say mê loạn báo Tin Mừng. Kết quả là chúng ta thấy nhiều người hoạt động rao giảng Tin Mừng, tuy họ vẫn cầu nguyện, nhưng có một lối sống rất cá nhân chủ nghĩa, một sự khủng hoảng căn tính và nhiệt tình trở nên nguội lạnh. Có ba điều xấu tác động lẫn nhau.

79. Có những lúc nền văn hoá truyền thông của chúng ta và một số giới trí thức truyền đi một chủ nghĩa hoài nghi rất mạnh đối với sứ điệp của Hội Thánh, cùng với những chỉ trích giễu cợt. Hậu quả là nhiều nhà hoạt động mục vụ, mặc dù họ cầu nguyện, nhưng ngày càng thêm mặc cảm tự ti dẫn họ tới thái độ tương đối hoá căn tính và các niềm tin Kitô giáo của họ. Điều này tạo ra một cái vòng lẩn quẩn. Rút cuộc họ cảm thấy không hài lòng với bản thân họ và với công việc họ làm; họ không đồng hoá mình với sứ mạng loan báo Tin Mừng của mình và điều này làm suy yếu sự dẫn thân của họ. Tình trạng này cuối cùng bóp nghẹt niềm vui truyền giáo bằng một thứ ám thị rằng họ giống như mọi người và có tất cả những gì người khác có. Như thế hoạt động rao giảng Tin Mừng của họ trở thành bị ép buộc, họ dành rất ít công sức và thời gian cho công việc này.

80. Các nhà hoạt động mục vụ như thế có thể rơi vào một thứ chủ nghĩa tương đối còn nguy hiểm hơn chủ nghĩa tương đối lý thuyết, bất kể phong cách linh đạo hay tư duy riêng của họ là gì. Nó chạm tới các quyết định thâm sâu và riêng tư nhất định hình lối sống của họ. Chủ nghĩa tương đối thực tế này hệ tại việc hành động như thể Thiên Chúa không hiện hữu, thực hiện các quyết định như thể người nghèo không tồn tại, đề ra các mục tiêu như thể người khác không tồn tại, hoạt động như thể không có sự tồn tại của những người chưa đón nhận Tin Mừng. Đáng ngạc

nhiên là những người rõ ràng từng có những xác tín học thuyết và thiêng liêng vững chắc cũng thường rơi vào một lối sống bám víu vào sự an toàn về tài chánh, hay một ước muốn quyền lực và danh vọng bằng bất cứ giá nào, thay vì hiến mình truyền giáo cho tha nhân. Chúng ta đừng để mình bị cướp mất niềm say mê truyền giáo!

Nói không với ích kỷ và nguội lạnh thiêng liêng

81. Khi mà chúng ta đang cần nhiều nhất một năng động truyền giáo để đem muối và ánh sáng cho đời, thì nhiều giáo dân sợ rằng có thể họ sẽ được yêu cầu đảm nhận một hoạt động tông đồ nào đó, và họ tìm cách tránh né mọi trách nhiệm có thể lấy mất thì giờ rảnh rỗi của họ. Ví dụ, ngày nay tại các giáo xứ thật khó tìm được những giáo lý viên đã được huấn luyện mà sẵn sàng kiên trì trong công việc này trong một thời gian dài. Điều tương tự cũng xảy ra đối với các linh mục sợ mất thời giờ rảnh rỗi của mình. Lý do thường là vì người ta cảm thấy nhu cầu quá mạnh muốn bảo vệ sự tự do riêng của họ, họ coi nhiệm vụ loan báo Tin Mừng như thể là một chất độc nguy hiểm thay vì là một lời đáp hân hoan trước tình yêu của Thiên Chúa mời gọi chúng ta truyền giáo, hoàn thiện bản thân và sinh hoa kết quả. Một số người hoàn toàn từ chối hiến thân cho truyền giáo và rốt cuộc đi đến một tình trạng tê liệt và nhàm chán thiêng liêng.

82. Vấn đề không luôn luôn ở chỗ quá nhiều hoạt động, nhưng hoạt động được thực hiện không tốt, không có động lực thích hợp, không có một linh đạo thấm nhuần hoạt động ấy và làm cho nó thú vị. Kết quả là hoạt động trở nên mệt nhọc quá mức, nhiều khi dẫn tới bệnh tật. Thay vì cảm thấy mệt nhưng vui và thoải mái, người ta cảm thấy căng thẳng, nặng nề, không thoải mái và rốt cuộc là không chịu đựng nổi. Nhàm chán mục vụ có thể đến từ một số nguyên nhân. Một số người rơi vào tình trạng này vì họ lao mình vào những kế hoạch không thực tế và không thoải mái với những gì họ có thể làm hợp với sức của họ. Số khác vì họ thiếu kiên nhẫn để cho phép các tiến trình chín muồi; họ muốn đạt mọi sự ngay tức khắc. Số khác vì họ bám chặt vào một số ít dự án hay ước mơ thành công vô bổ. Số khác nữa vì họ đã mất tiếp xúc thực tế với dân và quá vật chất hoá công việc của họ khiến họ quan tâm nhiều tới bản đồ lộ trình hơn là tới chính cuộc hành trình. Cũng có người rơi vào nhàm chán vì họ không thể đợi; họ muốn làm chủ nhịp độ đời sống. Mỗi ám ảnh ngày nay với những những kết quả tức thời khiến các nhà hoạt động mục vụ khó chấp nhận bất cứ điều gì có chút dính dáng tới những ý kiến bất đồng, thất bại, chỉ trích hay thập giá.

83. Thế là mối đe dọa lớn nhất từ từ hình thành: “chủ nghĩa thực dụng màu xám của đời sống hằng ngày của Hội Thánh, trong đó mọi sự có vẻ diễn tiến bình thường, nhưng trên thực tế đang hao mòn dần và rơi xuống tình trạng thiếu cận”.^[63] Bằng cách này một tâm lý nắm mồ phát triển và từ từ biến những người Kitô hữu thành những xác ướp trong một viện bảo tàng. Vô vọng với thực tế, với Hội Thánh và với bản thân mình, họ trải nghiệm một cảm dỗ ở lại trong một thái độ u buồn vô vọng, níu kéo con tim như “liều thuốc quý nhất của qui”.^[64] Vốn được kêu gọi toả ánh sáng và truyền sự sống, rốt cuộc họ bị giữ chặt trong những cái chỉ sinh ra bóng tối và mệt mỏi nội tâm và dần dần làm tan đi mọi nhiệt tình tông đồ. Về tất cả chuyện này, tôi lặp lại: Chúng ta đừng để mình bị cướp mất niềm vui loan báo Tin Mừng!

Nói không với thái độ bi quan vô bổ

84. Niềm vui của Tin Mừng là cái không ai hay điều gì có thể lấy mất được của chúng ta (xem Ga 16:22). Những điều xấu của thế giới—và của Hội Thánh—không thể là cái có để chúng ta giảm bớt sự dấn thân và nhiệt tình. Chúng ta hãy coi chúng như là những thách thức có thể giúp chúng ta lớn lên. Với con mắt đức tin, chúng ta có thể thấy ánh sáng mà Chúa Thánh Thần luôn luôn chiếu soi giữa bóng tối, đồng thời không bao giờ quên rằng “ở đâu tội lỗi đã lan tràn, ở đó ân sủng càng chứa chan gấp bội” (Rm 5:20). Đức tin của chúng ta được thách thức để biết rằng nước có thể biến thành rượu như thế nào và lúa mì có thể mọc giữa cỏ dại ra sao. Năm mươi

năm sau Công Đồng Vaticanô II, trong khi chúng ta đau buồn vì những rắc rối của thời đại, thay vì một sự lạc quan ngây thơ, thái độ thực tế lớn lao hơn của chúng ta không được có nghĩa là chúng ta ít tin cậy hơn vào Thần Khí hay ít quảng đại hơn. Theo nghĩa này, chúng ta có thể nghe lại một lần nữa những lời của Chân Phước Gioan XXIII vào ngày đáng nhớ 11 tháng 10 năm 1962: “Đôi khi chúng ta ân hận khi phải nghe những tiếng nói của những người thiếu thận trọng và thiếu chừng mực, mặc dù họ cháy bỏng nhiệt tình. Trong thời đại hôm nay, họ không nhìn thấy gì khác ngoài sự bấp bênh và tàn phá... Chúng ta thấy không thể đồng tình với những nhà tiên tri của thảm họa, những người luôn luôn tiên báo có thảm họa, như thể ngày tận thế đã tới gần. Ở thời đại chúng ta, Chúa Quan Phòng đang đưa chúng ta tới một trật tự mới của các mối tương quan giữa con người; nhờ sự cố gắng của con người và thậm chí vượt quá mọi mong đợi, các mối tương quan này được qui hướng tới sự hoàn thành các ý định cao cả và khôn dò của Thiên Chúa, trong đó mọi sự, kể cả các thất bại của con người, đều dẫn tới lợi ích lớn hơn cho Hội Thánh”.^[65]

85. Tại một số nơi đã xuất hiện rõ một sự “sa mạc hoá” thiêng liêng, kết quả của những cố gắng nơi một số xã hội muốn xây dựng mà không có Thiên Chúa, hay muốn loại trừ mọi gốc rễ Kitô giáo của chúng. Tại những nơi ấy, “thế giới Kitô giáo đang trở nên cằn cỗi và đang tự đánh mất mình giống như một mảnh đất bị khai thác quá mức và biến thành sa mạc”.^[66] Tại những nước khác, sự chống đối Kitô giáo buộc các Kitô hữu phải che giấu đức tin của họ trên chính mảnh đất quê hương họ. Đây là một loại sa mạc thương đau. Nhưng gia đình và nơi làm việc cũng có thể là một nơi khô cằn mà dù sao đức tin vẫn phải được bảo tồn và truyền thụ. Tuy nhiên, “xuất phát từ chính kinh nghiệm về sa mạc này, về sự trống rỗng này, chúng ta có thể khám phá lại niềm vui đức tin, tầm quan trọng sinh tử của đức tin đối với chúng ta, nam cũng như nữ. Trong sa mạc, chúng ta khám phá lại giá trị của những gì thiết yếu cho cuộc sống; chẳng hạn, trong thế giới hôm nay, có vô số những dấu chỉ, thường được biểu lộ một cách mặc nhiên hay âm thầm, về sự khao khát Thiên Chúa, về ý nghĩa tối hậu của cuộc đời. Và trong sa mạc, những người có đức tin là những người cần thiết để, bằng chính gương sáng đời sống của họ, họ chỉ cho thấy con đường dẫn tới Đất Hứa và giữ vững niềm hi vọng”.^[67] Trong những hoàn cảnh này, chúng ta được kêu gọi làm những mạch nước sự sống cho người khác có thể đến uống. Lắm khi nhiệm vụ này là một cây thập giá nặng nề, nhưng chính từ thập giá, từ cạnh sườn bị đâm thấu của Người, Đức Giêsu đã hiến mình cho chúng ta như một nguồn nước sự sống. Chúng ta đừng để mình bị cướp mất niềm hi vọng!

Nói có với các mối tương quan mới do Đức Kitô đem đến

87. Ngày nay, khi các mạng và các phương tiện truyền thông đã đạt những bước tiến bộ chưa từng có, chúng ta cảm nhận một thách thức phải tìm ra và chia sẻ một ‘khoa thần bí’ của việc sống chung với nhau, hoà mình và gặp gỡ, đón nhận và nâng đỡ lẫn nhau, lao mình vào giòng thác này, giòng thác hỗn mang nhưng có thể trở thành một trải nghiệm đích thực về tình huynh đệ, một giòng người thể hiện tình liên đới, một cuộc hành hương thánh. Như thế những khả thể của truyền thông càng lớn thì càng trở thành những khả thể lớn cho sự gặp gỡ và tình liên đới với mọi người. Ra khỏi mình để hoà vào với người khác là điều tốt cho chúng ta. Tự đóng kín mình là ném cam vị đắng độc hại của tính tự tại, và loài người sẽ trở nên tồi tệ hơn vì mỗi một chọn lựa ích kỷ của chúng ta.

88. Lý tưởng Kitô giáo sẽ luôn luôn là một lời kêu gọi khắc phục tính hoài nghi, thói quen nghi kỵ lẫn nhau, sợ mất cái riêng tư của mình, tất cả những thái độ tự vệ mà thế giới hôm nay áp đặt trên chúng ta. Nhiều người tìm cách trốn tránh người khác và tìm ẩn náu nơi cái tiện nghi tư riêng của mình hay nơi một nhóm thân hữu ít ỏi, từ chối quan điểm hiện thực về khía cạnh xã hội của Tin Mừng. Bởi vì giống như một số người muốn có một Đức Kitô thuần túy thiêng liêng,

không xác thể và không thập giá, họ cũng muốn các mối tương quan nhân vị của họ được cung cấp bởi những thiết bị tinh vi, những màn hình và những hệ thống mà họ có thể bật và tắt bằng lệnh. Trong khi đó, Tin Mừng không ngừng dạy chúng ta mạo hiểm vào những cuộc gặp gỡ trực diện với người khác, với sự hiện diện thể chất của họ vốn thách thức chúng ta, với nỗi đau và các lời kêu xin của họ, với niềm vui của họ lan toả sang chúng ta trong mỗi tương tác gần gũi và liên tục. Lòng tin đích thực vào Con Thiên Chúa nhập thể thì không thể tách rời khỏi sự tự hiến, tư cách thành viên của cộng đoàn, sự phục vụ, sự hoà giải với người khác. Bằng việc nhập thể, Con Thiên Chúa kêu gọi chúng ta tới cuộc cách mạng của sự dịu dàng.

89. Là một hình thức của tính tự tại, thái độ cách ly có thể được biểu hiện bằng một sự tự lập giả tạo, ở đó không có chỗ cho Thiên Chúa. Nhưng trong lãnh vực tôn giáo, nó cũng có thể khoác bộ áo của một chủ nghĩa tiêu thụ thiêng liêng được cắt cho vừa với chủ nghĩa cá nhân bệnh hoạn. Xu hướng trở về với cái thánh thiêng và đi tìm đời sống thiêng liêng của thời đại chúng ta là một hiện tượng mơ hồ. Ngày hôm nay, thách thức của chúng ta không phải là chủ nghĩa vô thần cho bằng nhu cầu đáp ứng một cách thích hợp cơn khát Thiên Chúa của nhiều người, kéo họ tìm cách thoả mãn cơn khát này bằng các giải pháp sai lạc hay với một Đức Kitô phi xác thể, một Đức Kitô không đòi hỏi chúng ta bất cứ điều gì đối với tha nhân. Nếu những người này không tìm thấy trong Hội Thánh một sự sống thiêng liêng có thể giúp chữa lành và giải thoát, và đổ đầy sự an bình vào đời sống họ, đồng thời kêu gọi họ tới sự hiệp thông huynh đệ và hiệu năng truyền giáo, thì rốt cuộc họ sẽ bị lôi kéo bởi những giải pháp không làm cho đời sống họ thực sự là nhân bản, cũng không làm vinh danh Thiên Chúa.

90. Các hình thức chân chính của lòng đạo bình dân là nhập thể, vì chúng được sinh ra từ sự nhập thể của đức tin Kitô giáo trong văn hoá bình dân. Vì lý do này, lòng đạo ấy bao gồm một mối quan hệ nhân bản, không phải với các thần lực hay quyền năng thiêng liêng mơ hồ, nhưng với Thiên Chúa, với Đức Kitô, với Đức Mẹ và các thánh. Các việc sùng đạo này có xác thể, có một khuôn mặt. Chúng có khả năng nuôi dưỡng các mối quan hệ chứ không chỉ giúp người ta trốn tránh. Tại các phân khúc của xã hội chúng ta, chúng ta thấy ngày càng tăng sức hấp dẫn của các hình thức khác nhau của một thứ “linh đạo phúc lợi” cách ly với mọi đời sống cộng đồng, hay một thứ “thần học thịnh vượng” không bao hàm trách nhiệm đối với các anh chị em chúng ta, hay những kinh nghiệm phi cá thể mà thực chất chỉ là một hình thức qui về bản thân mình.

91. Một thách thức quan trọng là cho thấy rằng giải pháp sẽ không bao giờ có trong việc trốn tránh mối quan hệ cá nhân và gắn bó với Thiên Chúa, cũng là dần dần phục vụ tha nhân. Ngày nay thái độ trốn tránh này thường xảy ra khi các tín hữu tìm cách xa tránh hay cách ly với người khác, hay âm thầm bỏ chỗ này sang chỗ khác, bỏ công việc này sang một công việc khác, mà không tạo ra được những mối liên hệ sâu xa và bền chặt ở bất cứ đâu. “*Imaginatio locorum et mutatio multos fefellit*” (“Mơ đến những nơi khác nhau, bỏ chỗ này sang chỗ khác, đã làm nhiều người lạc lối”).[68] Đây là một phương thuốc sai gây nguy hại cho tâm hồn và đôi khi cho cả thân xác. Chúng ta cần giúp người khác hiểu rằng cách duy nhất là học biết gặp gỡ người khác với thái độ đúng đắn, nghĩa là biết chấp nhận họ làm bạn đồng hành mà không miễn cưỡng. Và học chịu đau khổ trong việc ôm ấp thập giá Chúa Giêsu chịu đóng đinh mỗi khi chúng ta bị chống đối một cách bất công hay gặp phải sự vô ơn, không bao giờ mệt mỏi vì lựa chọn sống trong tình huynh đệ.[69]

92. Quả vậy, ở đó chúng ta tìm thấy sự chữa lành thực sự, vì cách chúng ta liên kết với người khác có tác dụng chữa lành chứ không làm chúng ta yếu đi, nó là một tình huynh đệ màu nhiệm, một tình huynh đệ chiêm niệm. Nó là một tình thương huynh đệ có khả năng nhìn thấy sự cao cả thánh thiêng của người khác, của việc nhìn thấy Thiên Chúa nơi mọi người, của việc chấp nhận những phiền toái của cuộc sống chung bằng cách gắn bó với tình yêu của Thiên Chúa, của việc

mở lòng ra cho tình thương của Thiên Chúa và tìm kiếm hạnh phúc của tha nhân theo gương Cha chúng ta ở trên trời. Ở đây và bây giờ, đặc biệt ở những nơi chúng ta là một “đoàn chiên nhỏ” (Lc 12:32), các môn đệ Chúa Kitô được kêu gọi sống như một cộng đồng là muối cho đời và ánh sáng cho trần gian (xem Mt 5:13-16). Chúng ta được kêu gọi làm chứng cho một cách sống chung luôn luôn mới mẻ trong sự trung thành với Tin Mừng.^[70] Chúng ta đừng để mình bị cướp mất đời sống chung!

Nói không với tính thế tục trong đời sống thiêng liêng

93. Núp dưới dáng vẻ của lòng đạo đức và thậm chí lòng yêu đối với Hội Thánh, tính thế tục thiêng liêng hệ tại việc không tìm kiếm vinh quang Thiên Chúa mà là tìm vinh quang loài người và sự thoả mãn của bản thân. Đó là điều Chúa mắng những người Biệt Phái: “Các ông tôn vinh lẫn nhau và không tìm kiếm vinh quang phát xuất từ Thiên Chúa duy nhất, thì làm sao các ông có thể tin?” (Ga 5:44). Đây là một cách tinh vi để tìm “lợi ích cho riêng mình chứ không phải tìm lợi ích cho Đức Giêsu Kitô” (Pl 2:21). Hành động này có nhiều hình thức tùy theo mỗi loại người hay nhóm người mà nó ngấm vào. Vì nó dựa trên những vẻ bề ngoài được trau chuốt cẩn thận, bề ngoài nó không có vẻ gì là tội lỗi; từ ngoài nhìn vào, mọi sự đều nghiêm túc. Nhưng nếu nó ngấm vào Hội Thánh, “nó sẽ vô vàn tai hại hơn bất cứ thái độ thế tục nào chỉ mang tính chất đạo đức”^[71]

94. Tính thế tục này có thể gia tăng bằng hai cách có liên hệ mật thiết với nhau. Một là sự hấp dẫn của thuyết ngộ đạo, một đức tin thuần túy chủ quan chỉ quan tâm duy nhất tới một kinh nghiệm nào đó hay một tập hợp các ý niệm và các thông tin có mục đích an ủi và soi sáng, nhưng rốt cuộc nó giam hãm một cá nhân trong các tư tưởng và tình cảm của mình. Hai là thuyết tân-Pêlagiô mang tính tự phụ của những người ỷ vào sức riêng của mình và coi mình hơn những người khác vì biết được một số qui luật hoặc trung thành một cách cố chấp với một kiểu công giáo đặc thù của quá khứ. Một sự đúng đắn được họ giả định về học thuyết hay kỷ luật làm phát sinh một chủ nghĩa tinh túy tự mãn và chuyên chế, theo đó người ta phân tích xếp loại những người khác thay vì loan báo Tin Mừng, và thay vì mở cửa ân sủng ra, người ta tiêu hao sức lực vào việc tra xét và kiểm chứng. Trong cả hai trường hợp, người ta không thực sự quan tâm tới Đức Kitô hay người khác. Đây là những biểu hiện của một thái độ tự tại lấy con người làm trung tâm. Không thể nghĩ rằng một động lực loan báo Tin Mừng đích thực có thể phát sinh từ những hình thức biến chất này của Kitô giáo.

95. Tính thế tục nguy hiểm này được thấy rõ trong một số thái độ có vẻ đối chọi nhau nhưng tất cả đều mang một thái độ tự phụ muốn “giành quyền kiểm soát của Hội Thánh”. Nơi một số người, chúng ta thấy một sự quan tâm phô trương đối với phụng vụ, giáo lý hay uy tín của Hội Thánh, nhưng không hề lo cho Tin Mừng có một tác động thực sự đối với các tín hữu và các nhu cầu cụ thể của thời đại. Theo cách này, đời sống của Hội Thánh bị biến thành một cỗ vật trong viện bảo tàng hay một vật thuộc sở hữu của một nhóm ưu tú. Nơi những người khác, tính thế tục này ẩn nấp bên dưới vẻ hào nhoáng của lợi lộc xã hội và chính trị, hay dưới sự kiêu căng vì họ có khả năng xử lý các vấn đề thực tế, hay một sự say mê đối với các chương trình tự lực và tự thể hiện mình. Tính thế tục cũng có thể được biểu hiện bằng việc muốn được người khác để ý tới, xuất hiện với đủ vẻ sang trọng trong đời sống xã hội, trong các buổi gặp gỡ, tiệc tùng và tiếp tân. Nó cũng có thể dẫn tới một não trạng doanh nghiệp, luôn bận bịu với các công việc quản lý, các vấn đề thống kê, kế hoạch và đánh giá mà lợi ích chính không phải là dân Chúa mà là Giáo Hội được nhìn như là một tổ chức. Không hề có dấu ấn của Đức Kitô nhập thể, chịu đóng đinh và phục sinh; các nhóm ưu tú khép kín được hình thành, và không có cố gắng nào để đi ra bên ngoài tìm kiếm những người còn xa cách hay đám quần chúng bao la đang khát Đức Kitô. Nhiệt huyết Tin Mừng bị thay thế bằng sự hưởng thụ trống rỗng tính tự mãn và buông thả.

96. Lỗi suy nghĩ này cũng nuôi dưỡng thói háo danh của những người có chút ít quyền lực và thà làm tướng của một đạo quân thất trận hơn chỉ là người lính quen vẫn tiếp tục chiến đấu. Biết bao lần chúng ta mơ mộng những dự án tông đồ to tát, được lên kế hoạch tỉ mỉ, không khác gì những ông tướng bại trận! Nhưng suy nghĩ như thế là chối bỏ lịch sử của chúng ta như một Hội Thánh mà vinh quang của nó chính là vì nó là một lịch sử của hi sinh, của hi vọng và các phần đầu hằng ngày, lịch sử của những cuộc đời tiêu hao vì phục vụ và trung thành với công việc, dù có thể mệt mỏi, bởi vì mọi lao động đều là “mồ hôi nước mắt”. Ngược lại, chúng ta phí phạm thời giờ để bàn luận về việc “cần phải làm gì”—tiếng Tây Ban Nha gọi là tội “*habria-queísmo*”—giống như những thầy dạy linh đạo và những chuyên gia mục vụ đứng trên bục cao để giảng dạy. Chúng ta để mình bị cuốn theo những ảo mộng và mất tiếp xúc với những mảnh đời thực và những khó khăn của dân chúng.

97. Những người đã từng rơi vào thái độ thế tục này thường nhìn từ trên cao và từ đằng xa, họ phủ nhận những lời tiên tri của các anh chị em của họ, họ coi nhẹ tính khả tín của những ai đặt câu hỏi, họ không ngừng vạch lá tìm sâu và bị ám ảnh bởi những vẻ bề ngoài. Tâm hồn họ chỉ mở ra với chân trời hạn hẹp của tính tự tại và tư lợi của họ, và hậu quả là họ chẳng học được gì từ những tội lỗi của họ hay thực sự muốn đón nhận ơn tha thứ. Đây là một sự sa đọa nguy trang dưới lớp vỏ của một điều thiện. Chúng ta cần tránh nó bằng cách làm cho Hội Thánh luôn luôn ra khỏi chính mình, qui hướng việc truyền giáo của mình vào Đức Kitô, và dẫn thân cho người nghèo. Xin Chúa cứu chúng ta khỏi một Hội Thánh thế tục với những cam bẫy của hoạt động thiêng liêng và mục vụ bề ngoài! Tính thế tục ngọt ngào này chỉ có thể được chữa lành bằng việc hít thở không khí trong lành của Chúa Thánh Thần, Đấng giải thoát chúng ta khỏi tính vị kỷ trong bộ áo đạo đức bề ngoài mà không có Thiên Chúa. Chúng ta đừng để mình bị cướp mất Tin Mừng!

Nói không với việc tranh chấp lẫn nhau

98. Biết bao cuộc chiến diễn ra trong nội bộ Dân Chúa và trong các cộng đồng của chúng ta! Trong khu vực sinh sống và nơi làm việc của chúng ta, biết bao cuộc chiến xảy ra do ghen ghét và đố kỵ, ngay cả giữa những người Kitô hữu với nhau! Tính thế tục thiêng liêng khiến người Kitô hữu gây chiến với những người Kitô hữu khác cản trở con đường tìm kiếm quyền lực, uy tín, thú vui và an toàn kinh tế. Một số thậm chí không còn bằng lòng sống như một phần tử của cộng đồng Hội Thánh rộng lớn hơn nhưng phát triển một tinh thần loại trừ, tạo ra một “phe nhóm nội bộ”. Thay vì thuộc về một Hội Thánh toàn thể trong tất cả sự đa dạng, họ thuộc về nhóm này hay nhóm nọ, nghĩ rằng mình thì khác hay đặc biệt.

99. Thế giới chúng ta đang bị xâu xé bởi chiến tranh và bạo lực, và bị thương tổn vì một chủ nghĩa cá nhân lan rộng chia rẽ người ta với nhau, khiến họ chống đối lẫn nhau khi đi tìm lợi ích riêng của mình. Tại nhiều nước, các xung đột và các mối chia rẽ cũ trong quá khứ nay xuất hiện trở lại. Tôi đặc biệt xin các Kitô hữu trong các cộng đồng trên khắp thế giới công hiến một chứng tá rực sáng và hấp dẫn về tình hiệp thông huynh đệ. Hãy làm cho mọi người thán phục vì anh chị em chăm lo cho nhau, khích lệ và nâng đỡ lẫn nhau: “Ở điểm này, mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy: là anh em có lòng yêu thương nhau” (Ga 13:35). Đây là lời cầu nguyện cảm động của Đức Giêsu: “Xin cho tất cả nên một... trong chúng ta... để thế gian tin...” (Ga 17:21). Hãy cảnh giác trước cám dỗ của sự đố kỵ! Tất cả chúng ta cùng trên một con thuyền hýóng về cùng một bến bờ! Chúng ta hãy xin ơn vui mừng vì các ân điển của mỗi người, chúng thuộc về mọi người.

100. Những người bị tổn thương vì các mối chia rẽ trong lịch sử thường cảm thấy khó chấp nhận lời mời gọi tha thứ và hoà giải của chúng ta, vì họ nghĩ chúng ta làm ngơ trước đau khổ của họ và muốn họ từ bỏ ký ức và các lý tưởng của họ. Nhưng nếu họ thấy chứng tá của các cộng

đoàn có tình huynh đệ và hoà giải thực sự, họ sẽ thấy rằng chúng tá ấy sáng ngời và hấp dẫn. Tôi rất đau lòng khi thấy một số cộng đoàn Kitô hữu, thậm chí cả những người thánh hiến, có thể dung dưỡng những hình thức thù nghịch, chia rẽ, vu khống, nói xấu, oán thù, đố kỵ và ước muốn áp đặt một số ý tưởng bằng bất cứ giá nào, thậm chí bằng các hành động bách hại giống như những cuộc săn lùng phù thủy thực sự. Chúng ta sẽ rao giảng Tin Mừng cho ai nếu chúng ta hành động theo cách này?

101. Chúng ta hãy xin Chúa giúp chúng ta hiểu luật yêu thương. Tốt biết bao khi có luật này! Ích lợi biết bao vì nó làm chúng ta thương yêu nhau, bắt chập tất cả. Phải, bắt chập tất cả. Lời khuyên nhủ của Thánh Phaolô nhắm vào mỗi người chúng ta: “Đừng để cho sự ác thắng được mình, nhưng hãy lấy thiện mà thắng ác” (Rm 12:21). Và một lời nữa: “Khi làm điều thiện, chúng ta đừng nản chí” (Gl 6:9). Tất cả chúng ta đều có những cái ưa cái ghét, và có lẽ ngay lúc này chúng ta đang tức giận với một ai đó. Ít ra chúng ta hãy thưa cùng Chúa: “Chúa ơi, con đang giận người này, người kia. Con cầu nguyện cùng Chúa cho ông ấy, bà ấy”. Cầu nguyện cho một người mà ta tức giận là một bước rất đẹp tiến tới tình yêu, và là một hành vi loan báo Tin Mừng. Chúng ta hãy làm điều đó hôm nay! Chúng ta đừng để mình bị cướp mất lý tưởng tình yêu huynh đệ!

Các thách thức khác cho Hội Thánh

102. Giáo dân rõ ràng là thành phần đại đa số của Dân Chúa. Thành phần thiểu số—các thừa tác viên có chức thánh—là để phục vụ giáo dân. Ngày càng có một sự ý thức nhiều hơn về căn tính và sứ mạng của giáo dân trong Hội Thánh. Chúng ta có thể cậy dựa vào nhiều giáo dân, tuy hầu như vẫn chưa đủ, là những người có một ý thức cộng đoàn sâu xa và một sự trung thành lớn lao đối với các công việc bác ái, dạy giáo lý và cổ vũ đức tin. Nhưng đồng thời, không phải ở mọi nơi đều có một sự ý thức rõ ràng về trách nhiệm này của giáo dân, ăn rễ sâu trong phép rửa tội và thêm sức của họ như thế. Trong một số trường hợp, lý do là vì người giáo dân đã không được cung cấp một sự đào luyện cần thiết để đảm đương những trách nhiệm quan trọng. Trong những trường hợp khác, lý do là vì trong các giáo hội địa phương của họ, người ta đã không dành chỗ để họ lên tiếng và hành động, do một chủ trương giáo sĩ trị thái quá khiến họ không được tham gia vào việc làm các quyết định. Dù rằng nhiều người nay đã tham gia vào các thừa tác vụ giáo dân, sự tham gia này không phản ánh một sự xâm nhập sâu xa hơn các giá trị Kitô giáo vào các lãnh vực xã hội, kinh tế và chính trị. Nó thường vẫn chỉ bó gọn vào các công việc trong nội bộ Hội Thánh, mà không có một sự dân thân thực sự để đem Tin Mừng làm biến đổi xã hội. Sự đào luyện của giáo dân và việc phúc âm hoá đời sống nghề nghiệp và tri thức là một thách thức mục vụ quan trọng.

103. Hội Thánh nhìn nhận sự đóng góp không thể thiếu của phụ nữ cho xã hội nhờ sự nhạy cảm, trực giác và các năng khiếu đặc trưng mà họ có, nhiều hơn đàn ông. Tôi nghĩ, ví dụ như phụ nữ thường có mối quan tâm đặc biệt đối với những người khác, được biểu hiện cách đặc biệt, tuy không phải là biểu hiện duy nhất, trong tình mẫu tử. Tôi vui mừng nhìn nhận rằng các phụ nữ đang chia sẻ trách nhiệm với các linh mục, giúp họ hướng dẫn dân chúng, các gia đình và các nhóm, và có nhiều đóng góp mới cho suy tư thần học. Nhưng chúng ta cần tạo ra nhiều cơ hội hơn nữa để có sự tham gia nhiều hơn của phụ nữ trong Hội Thánh. Bởi vì “tài năng thiên phú của nữ giới là cần thiết trong mọi biểu hiện trong đời sống xã hội, sự hiện diện của phụ nữ cũng phải được bảo đảm tại nơi làm việc”^[72] và trong các khung cảnh khác nhau trong đó các quyết định được đề ra, cả trong Hội Thánh và trong các cơ cấu xã hội.

104. Các đòi hỏi rằng các quyền hợp pháp của phụ nữ phải được tôn trọng, dựa trên sự xác tín vững vàng rằng người nam và người nữ bình đẳng với nhau về phẩm giá, đang đặt ra cho Hội Thánh những vấn đề sâu xa và thách thức mà chúng ta không thể coi nhẹ và lẩn tránh. Việc chức

linh mục được dành riêng cho nam giới, như một dấu chỉ Đức Kitô là Phu Quân hiến mình trong bí tích Thánh Thể, là vấn đề không thể bàn cãi, nhưng nó có thể tỏ ra gây chia rẽ đặc biệt nếu quyền năng của bí tích bị đồng hoá với quyền năng nói chung. Phải nhớ rằng khi nói về quyền năng bí tích “chúng ta đang ở trong lãnh vực chức năng hoạt động, chứ không phải lãnh vực phẩm giá hay sự thánh thiện”.^[73] Chức tư tế thừa tác là phương tiện Chúa Giêsu dùng để phục vụ dân Ngài, nhưng phẩm giá cao cả của chúng ta bắt nguồn từ phép rửa tội mà mọi người có thể lãnh nhận. Việc đồng hoá người linh mục với Đức Kitô là đầu—nghĩa là nguồn mạch chính của ân sủng—không có nghĩa là đặt người linh mục lên trên những người khác. Trong Hội Thánh, các chức vụ “không đặt một số người lên địa vị cao hơn những người khác”.^[74] Trên thực tế, Đức Maria là một phụ nữ nhưng quan trọng hơn các giám mục. Thậm chí khi chức năng của chức linh mục thừa tác được coi là thuộc “phẩm trật”, ta vẫn phải nhớ rằng “nó hoàn toàn được qui hướng về sự thánh thiện của các chi thể của Đức Kitô”.^[75] Chìa khoá và trục của chức năng này không phải là quyền lực hiểu như là sự thống trị, nhưng là quyền lực để cử hành bí tích Thánh Thể; đây là nguồn gốc quyền bính của chức linh mục, đó luôn luôn là một sự phục vụ Dân Chúa. Hiểu như thế, đây là một thách thức lớn cho các mục tử và các nhà thần học, những người có điều kiện thích hợp để nhận ra đầy đủ hơn điều này bao gồm những yếu tố gì liên quan tới vai trò mà người phụ nữ có thể đóng trong việc làm các quyết định trong các lãnh vực khác nhau của đời sống Hội Thánh.

105. Thừa tác vụ giới trẻ, như được tổ chức theo truyền thống, cũng đã chịu tác động bởi các thay đổi xã hội. Giới trẻ thường không thể tìm thấy những giải đáp cho các mối quan tâm, nhu cầu, vấn đề và các thương tổn của họ trong các cơ cấu bình thường. Là người lớn, chúng ta cảm thấy khó kiên nhẫn lắng nghe họ, trân trọng các mối quan tâm và đòi hỏi của họ, và nói với họ bằng một ngôn ngữ họ có thể hiểu. Cùng một lý do ấy, các cố gắng của chúng ta trong lãnh vực giáo dục không tạo ra những kết quả mong muốn. Sự xuất hiện và phát triển của các hiệp hội và các phong trào mà đa phần là giới trẻ có thể được nhìn như là công trình của Chúa Thánh Thần, Đấng mở ra những lối đi mới để đáp ứng các mong đợi của họ và cuộc tìm kiếm một đời sống thiêng liêng sâu xa và một ý thức thực tế hơn về tư cách thuộc về. Tuy nhiên vẫn cần bảo đảm rằng các hiệp hội này tham gia một cách tích cực vào các cố gắng mục vụ toàn thể của Hội Thánh.^[76]

106. Mặc dù không phải luôn luôn dễ tiếp cận giới trẻ, nhưng chúng ta đã có tiến bộ trong hai lãnh vực: sự ý thức mà toàn thể cộng đồng được kêu gọi loan báo Tin Mừng và giáo dục cho giới trẻ, và nhu cầu cấp bách để giới trẻ thực thi vai trò lãnh đạo nhiều hơn. Chúng ta phải nhìn nhận rằng bất chấp cơn khủng hoảng hiện nay về dân thân và các mối quan hệ cộng đồng, nhiều người trẻ đang chia sẻ mối quan tâm chung về các vấn đề của thế giới chúng ta và đang thực hiện những hình thức khác nhau trong việc cổ động tích cực và hoạt động tình nguyện.

107. Nhiều nơi đang trải qua một tình trạng thiếu ơn gọi linh mục và tu sĩ. Đây thường là do thiếu một nhiệt tình tông đồ có sức lan toả trong các cộng đồng, dẫn đến sự nguội lạnh của niềm phấn khởi và sức hấp dẫn. Ở đâu có sự sống, nhiệt tình và ước muốn đem Đức Kitô đến cho người khác, ở đó sẽ xuất hiện các ơn gọi đích thực. Thậm chí tại những giáo xứ mà các linh mục không đặc biệt dân thân và vui vẻ, đời sống huynh đệ và nhiệt tình của cộng đồng có thể đánh thức nơi giới trẻ một ước muốn hiến mình hoàn toàn cho Thiên Chúa và cho việc rao giảng Tin Mừng. Điều này đặc biệt đúng nếu một cộng đồng sinh động như thế liên lý cầu nguyện cho các ơn gọi và can đảm đề nghị cho những người trẻ của mình con đường thánh hiến đặc biệt. Mặt khác, bất chấp tình trạng thiếu ơn gọi, ngày nay chúng ta ngày càng ý thức hơn về nhu cầu có một qui trình tuyển lựa các ứng sinh cho chức linh mục. Các chủng viện không thể tiếp nhận các ứng sinh căn cứ vào bất cứ động cơ nào, đặc biệt nếu các động cơ ấy liên quan tới sự an toàn tình

cảm hay sự theo đuổi quyền lực, danh vọng hay của cải.

108. Như đã nói trên kia, tôi không có ý cung cấp một bản chẩn đoán đầy đủ, nhưng tôi mời gọi các cộng đồng bổ sung và làm giàu những quan điểm này trên cơ sở ý thức của họ về những thách thức đang đặt ra trước mặt họ và những người xung quanh. Bằng cách này, tôi hi vọng họ sẽ nhận ra rằng mỗi khi đọc những dấu chỉ của thời đại, chúng ta nên nghe ý kiến của những người trẻ và những người già. Cả hai hạng người này là một nguồn hi vọng cho mọi người. Người già cống hiến những ký ức và sự khôn ngoan của kinh nghiệm để cảnh giác chúng ta tránh lặp lại những lỗi lầm của chúng ta trong quá khứ. Người trẻ kêu gọi chúng ta đổi mới và mở rộng niềm hi vọng, vì họ biểu thị những hướng đi mới cho loài người và mời gọi chúng ta hướng tới tương lai, để chúng ta khỏi bám víu vào một sự tiêc nuối những cơ cấu và những tập quán cũ không còn đem lại sức sống cho thế giới hôm nay.

109. Các thách thức xuất hiện là để bị vượt qua! Chúng ta hãy là những con người thực tế, nhưng không để mất niềm vui, sự táo bạo và sự dẫn thân trong hi vọng tràn trề của chúng ta. Đừng để mình bị cướp mất nhuệ khí truyền giáo.

CHƯƠNG BA

RAO GIẢNG TIN MỪNG

110. Sau khi đã xem xét một số thách thức ngày nay, giờ đây tôi muốn nói đến nhiệm vụ của chúng ta ở mọi thời và mọi nơi, bởi vì “không thể có phúc âm hoá thực sự nếu không rao giảng một cách minh nhiên Đức Giêsu là Chúa”, và nếu không “đặt việc rao giảng Đức Giêsu Kitô lên hàng đầu trong mọi hoạt động loan báo tm”.[77] Khi nhìn nhận các mối quan tâm của các giám mục Châu Á, Đức Gioan Phaolô II đã nói với họ rằng nếu Hội Thánh “muốn hoàn thành vận mệnh Chúa đã quan phòng cho mình, loan báo Tin Mừng như là sự rao giảng hân hoan, kiên nhẫn và tiệp tiến về cái chết và sự phục sinh cứu độ của Đức Giêsu Kitô phải là ưu tiên tuyệt đối của anh em.”[78] Những lời này có giá trị cho tất cả chúng ta.

I. TOÀN THỂ DÂN CHÚA RAO GIẢNG TIN MỪNG

111. Loan báo Tin Mừng là nhiệm vụ của Hội Thánh. Là tác nhân rao giảng Tin Mừng, Hội Thánh không chỉ là một tổ chức có hệ thống và phẩm trật; Hội Thánh trước hết và trên hết là một dân tộc đang trên đường lữ hành tiến về Thiên Chúa. Hội Thánh chắc chắn là một *mẫu nhiệm* ăn rễ sâu trong Ba Ngôi, nhưng Hội Thánh tồn tại một cách cụ thể trong lịch sử như một dân tộc lữ hành và như là những người loan báo Tin Mừng, vượt lên trên mọi hình thức tổ chức, dù điều này cũng cần thiết. Tôi muốn vấn tất bàn đến cách hiểu này về Hội Thánh mà nền tảng tối hậu là ở sáng kiến tự do và yêu thương của Thiên Chúa.

Một dân tộc cho mọi người

112. Ôn cứu độ mà Thiên Chúa ban cho chúng ta là công trình của lòng từ bi của Người. Không một cố gắng nhân loại nào, dù tốt đến đâu, có thể làm chúng ta xứng đáng được một hồng ân như thế. Bằng ân sủng độc đáo của Người, Thiên Chúa kéo chúng ta lại với Người và làm chúng ta nên một với Người.[79] Người sai Thần Khí Người đến với tâm hồn chúng ta để làm chúng ta trở nên con cái Người, biến đổi chúng ta và giúp chúng ta có thể đáp lại tình thương của Người bằng đời sống chúng ta. Hội Thánh được Đức Kitô Giêsu sai đến như là bí tích cứu độ của Thiên Chúa.[80] Qua hoạt động loan báo Tin Mừng, Hội Thánh hợp tác như một công cụ của ân sủng Thiên Chúa hoạt động không ngừng và không thể dò thấu. Đức Bênêđictô XVI trước khi khai mạc Thượng Hội Đồng: “Điều luôn luôn quan trọng là biết rằng lời đầu tiên, sáng kiến thực sự, hoạt động thực sự đến từ Thiên Chúa và chỉ khi chúng ta đưa mình vào trong sáng kiến của Thiên Chúa, chỉ khi nài xin sáng kiến này, chúng ta mới có thể, với Người và trong Người, trở

thành những người loan báo Tin Mừng”.^[81] Nguyên tắc *địa vị tối thượng của ân sủng* này phải là ngọn hải đăng không ngừng soi sáng các suy tư của chúng ta về việc loan báo Tin Mừng.

113. Sự cứu độ mà Thiên Chúa đã thực hiện và Hội Thánh vui mừng loan báo là ơn được dành cho hết mọi người.^[82] Thiên Chúa đã tìm ra một cách để kết hợp với mọi con người trong mọi thời đại. Người đã quyết định kêu gọi họ trong tư cách một dân tộc chứ không phải từng cá nhân riêng lẻ.^[83] Không ai được cứu rỗi một mình hay nhờ cố gắng riêng của mình. Thiên Chúa thu hút chúng ta bằng cách lưu ý tới các mối quan hệ nhân vị đan xen với nhau và phức tạp trong đời sống của một cộng đồng con người. Dân tộc được Chúa chọn và gọi này chính là Hội Thánh. Đức Giêsu không bảo các môn đệ hợp thành một nhóm ưu tú và độc quyền. Ngài nói: “Không có chuyện phân biệt Do Thái hay Hy Lạp, ... vì tất cả anh em chỉ là một trong Đức Kitô” (Gl 3:28). Với những ai cảm thấy xa cách Thiên Chúa và Hội Thánh, với tất cả những ai sợ hãi hay dửng dưng, tôi muốn nói thế này: với đầy lòng tôn trọng và yêu thương, Chúa cũng đang kêu gọi anh chị em trở thành dân của Người!

114. Là Hội Thánh có nghĩa là dân của Thiên Chúa, theo kế hoạch tình yêu phụ tử vô biên của Người. Nó có nghĩa là chúng ta phải là men của Thiên Chúa giữa loài người. Nó có nghĩa là rao giảng và đem ơn cứu độ của Thiên Chúa vào thế giới, một thế giới thường xuyên đi lạc và cần được khích lệ, cần được trao ban hi vọng và bổ sức trên đường. Hội Thánh phải là một nơi tự do trao ban lòng thương xót, nơi mà mọi người thấy mình được hoan nghênh, được yêu thương và khích lệ để sống đời sống tốt lành của Tin Mừng.

Một dân với nhiều khuôn mặt

115. Dân Thiên Chúa được nhập thể giữa các dân tộc trên thế giới, mỗi dân tộc với nền văn hoá riêng của mình. Khái niệm văn hoá có giá trị cho việc nắm bắt được những biểu hiện khác nhau của đời sống Kitô giáo hiện nay trong dân Thiên Chúa. Nó liên quan tới phong cách sống của một xã hội nhất định, cách thức cụ thể mà các thành viên của xã hội này quan hệ với nhau, với các tạo vật khác và với Thiên Chúa. Hiểu theo cách này, văn hoá bao hàm toàn bộ đời sống của một dân tộc.^[84] Mỗi dân tộc trong dòng lịch sử của mình đều phát triển văn hoá của mình với sự độc lập hợp pháp.^[85] Sở dĩ như thế là vì con người, “tự bản chất hoàn toàn cần đến đời sống trong xã hội”^[86] và luôn luôn tồn tại trong tương quan với xã hội, và tìm được ở xã hội một cách thức cụ thể để liên hệ với thực tại. Con người luôn luôn được đặt trong một nền văn hoá: “bản tính và văn hoá liên hệ mật thiết với nhau”.^[87] Ân sủng đòi hỏi văn hoá, và ân huệ của Thiên Chúa được nhập thể trong nền văn hoá của những ai đón nhận ân huệ ấy.

116. Trong hai thiên niên kỷ đầu này của Kitô giáo, vô số dân tộc đã đón nhận ơn đức tin, phát huy nó trong đời sống hằng ngày của mình và truyền lại cho các thế hệ sau bằng ngôn ngữ của nền văn hoá riêng của họ. Mỗi khi một cộng đồng đón nhận sứ điệp cứu độ, Chúa Thánh Thần làm giàu nền văn hoá của cộng đồng ấy bằng quyền năng biến đổi của Tin Mừng. Lịch sử Hội Thánh cho thấy rằng Kitô giáo không chỉ có một cách biểu hiện văn hoá duy nhất, nhưng “trong khi hoàn toàn trung thực với mình, vững vàng trung thành với việc rao giảng Tin Mừng và truyền thống của Hội Thánh, Kitô giáo cũng phản ánh những bộ mặt khác nhau của các nền văn hoá và các dân tộc đã tiếp nhận nó và làm cho nó bén rễ”.^[88] Trong sự đa dạng của các dân tộc trải nghiệm ân huệ của Thiên Chúa, mỗi dân theo văn hoá riêng của mình, Hội Thánh diễn tả tính công giáo đích thực của mình và phô bày “vẻ đẹp của khuôn mặt đa dạng của mình”.^[89] Nơi các tập tục của một dân tộc đã được phúc âm hoá, Chúa Thánh Thần trang điểm Hội Thánh, chỉ cho Hội Thánh thấy những khía cạnh mới của mặt khải và ban cho Hội Thánh một bộ mặt mới. Qua hội nhập văn hoá, Hội Thánh “dẫn đưa các dân tộc, cùng với văn hoá của họ, vào trong cộng đồng của chính Hội Thánh”,^[90] vì “mỗi dân tộc công hiến những giá trị và những hình thức tích cực để làm phong phú cách thức mà Tin Mừng được rao giảng, hiểu và sống”.^[91] Bằng cách

này, Hội Thánh đón nhận những giá trị của các nền văn hoá khác nhau và trở thành *sponsa ornata monilibus suis*, ‘cô dâu được trang điểm lộng lẫy’ (xem Is 61:10)”.^[92]

117. Khi được hiểu đúng, đa dạng văn hoá không phải là mối đe dọa cho sự hiệp nhất của Hội Thánh. Chúa Thánh Thần, Đấng được Chúa Cha và Chúa Con sai đến, biến đổi lòng trí chúng ta và giúp chúng ta đi vào mối hiệp thông của Chúa Ba Ngôi, ở đó mọi sự tìm được mối duy nhất của chúng. Ngài xây dựng sự hiệp thông và hoà hợp của Dân Chúa. Cũng chính Thánh Thần là sự hoà hợp, cũng như Ngài là mối dây yêu thương giữa Cha và Con.^[93] Ngài là Đấng đem đến dồi dào các ân huệ khác nhau, đồng thời tạo ra một sự hiệp nhất không đơn điệu nhưng muôn màu muôn vẻ và mời gọi sự hoà hợp. Loạn báo Tin Mừng vui sướng nhìn nhận các kho báu đa dạng này mà Chúa Thánh Thần tuôn đổ trên Hội Thánh. Chúng ta sẽ không công bằng với cái lôgích của nhập thể nếu chúng ta nghĩ về Kitô giáo như là đơn văn hoá và đơn điệu. Tuy đúng là một số nền văn hoá đã được liên kết mật thiết với việc rao giảng Tin Mừng và sự phát triển tư tưởng Kitô giáo, nhưng sứ điệp mặc khải không bị đồng hoá với bất cứ nền văn hoá nào; nội dung của sứ điệp mang tính xuyên văn hoá. Thế nên trong việc loạn báo Tin Mừng cho các nền văn hoá mới, hay các nền văn hoá chưa tiếp nhận sứ điệp Kitô giáo, điều cơ bản không phải là áp đặt cùng với Tin Mừng một hình thức văn hoá nhất định, dù nó đẹp hay lâu đời bao nhiêu. Sứ điệp chúng ta rao giảng luôn luôn mang một bộ áo văn hoá nào đó, nhưng trong Hội Thánh chúng ta đôi khi có thể rơi vào tình trạng sùng bái nền văn hoá riêng của mình và vì thế tỏ ra có thái độ cuồng tín hơn là nhiệt tình truyền giáo thực sự.

118. Các Giám Mục vùng Châu Đại Dương đã xin Hội Thánh “phát triển một sự hiểu biết và trình bày chân lý của Chúa Kitô đang hoạt động từ các truyền thống và các nền văn hoá trong vùng” và mời gọi “mọi người truyền giáo hoạt động hoà hợp với các Kitô hữu bản xứ để bảo đảm rằng đức tin và đời sống của Hội Thánh được diễn tả bằng những hình thức hợp pháp và phù hợp với mỗi nền văn hoá”.^[94] Chúng ta không thể đòi các dân tộc của mỗi châu lục, khi diễn tả đức tin Kitô giáo của mình, phải bắt chước các cách diễn tả mà các nước Châu Âu đã phát triển vào một thời điểm nhất định trong lịch sử của họ, vì chúng ta không được phép bó gọn đức tin vào trong những giới hạn về sự hiểu biết và cách diễn tả của một nền văn hoá nào.^[95] Điều không thể tranh cãi là không một nền văn hoá duy nhất nào có thể diễn tả hết màu nhiệm ơn cứu chuộc trong Đức Kitô.

Chúng ta tất cả là những môn đệ truyền giáo

119. Nơi tất cả những người đã rửa tội, từ người đầu tiên cho đến người cuối cùng, sức mạnh thánh hoá của Chúa Thánh Thần luôn hoạt động và thúc đẩy chúng ta truyền giáo. Dân Thiên Chúa là dân thánh nhờ sự xúc dầu này của Chúa Thánh Thần, làm cho nó không thể sai lầm *in credendo*, nghĩa là không thể sai lầm trong đức tin, dù nó không thể tìm được những từ ngữ để cắt nghĩa đức tin ấy. Thánh Thần hướng dẫn dân Chúa trong chân lý và dẫn dân Chúa đến ơn cứu độ.^[96] Để chia sẻ tình thương nhiệm mầu của mình, Thiên Chúa ban cho toàn thể các tín hữu một *bản năng đức tin—sensus fidei*—là khả năng giúp họ phân định rõ cái gì thực sự là của Thiên Chúa. Sự hiện diện của Thần Khí ban cho người Kitô hữu một sự đồng bản tính nào đó với các thực tại của Thiên Chúa, và một sự khôn ngoan giúp họ nắm bắt các thực tại ấy bằng trực giác, cả khi họ không có đủ phương tiện cần thiết để diễn tả nó một cách chính xác.

120. Do phép rửa tội, mọi thành viên của Dân Chúa phải trở nên những môn đệ truyền giáo (xem Mt 28:19). Tất cả những ai đã được rửa tội, dù ở vị trí nào trong Giáo Hội hay ở mức độ đào luyện nào về đức tin, cũng đều là những nhà truyền giáo, và sẽ là bất cập nếu chỉ nghĩ đến một kế hoạch truyền giáo được thực hiện bởi những nhà truyền giáo chuyên nghiệp trong khi số các tín hữu khác chỉ là những người thụ hưởng thụ động. Tân phúc âm hoá đòi hỏi sự dân thân thực sự của từng cá nhân tín hữu. Mọi Kitô hữu được thách thức, ở đây và lúc này, tích cực tham

gia vào việc truyền giáo; thực vậy, bất cứ ai đã thực sự trải nghiệm tình thương cứu độ của Thiên Chúa thì không cần nhiều thời gian hay một sự đào tạo lâu để đi rao giảng tình thương ấy. Mọi Kitô hữu đều là người truyền giáo theo mức độ họ đã gặp gỡ tình thương của Thiên Chúa trong Đức Giêsu Kitô: chúng ta không còn nói mình là những “người môn đệ” và “người truyền giáo”, nhưng đúng hơn, chúng ta luôn luôn là những “người môn đệ truyền giáo”. Nếu điều này chưa thuyết phục, chúng ta hãy nhìn vào những môn đệ đầu tiên, vừa khi bắt gặp cái nhìn của Đức Giêsu, các ông vui vẻ đi loan báo về Ngài: “Chúng tôi đã gặp Đấng Mê-sia!” (Ga 1:41). Người phụ nữ Samaria đã trở thành người truyền giáo ngay sau khi nói chuyện với Đức Giêsu và nhiều người Samaria đã tin Ngài “vì lời chứng của người phụ nữ” (Ga 4:39). Thánh Phaolô cũng vậy, sau khi gặp Đức Giêsu, “lập tức đi rao giảng về Đức Giêsu” (Cv 9:20; xem 22:6-21). Vậy chúng ta còn chờ gì nữa?

121. Đương nhiên chúng ta được kêu gọi trưởng thành trong công việc của người loan báo Tin Mừng. Chúng ta muốn có một sự đào luyện tốt hơn, một tình yêu sâu hơn và một chứng tá Tin Mừng rõ hơn. Theo nghĩa này, chúng ta phải không ngừng để cho người khác loan báo Tin Mừng cho chúng ta. Nhưng điều này không có nghĩa là chúng ta phải trì hoãn sứ mạng loan báo Tin Mừng; đúng hơn, mỗi người chúng ta phải tìm ra cách thức để thông truyền Đức Giêsu tại bất cứ nơi nào chúng ta hiện diện. Tất cả chúng ta được kêu gọi làm chứng một cách minh nhiên về tình thương cứu độ của Chúa, Đấng bất chấp những khiếm khuyết của chúng ta, vẫn cho chúng ta đến gần Ngài, cho chúng ta lời và sức mạnh của Ngài, và đem đến ý nghĩa cho đời sống chúng ta. Trong lòng mình, anh chị em biết rằng sống mà không có Ngài thì không được như thế; những gì anh chị em đã nhận ra, những gì đã giúp anh chị em sống và cho anh chị em niềm hi vọng, thì anh chị em cũng phải thông truyền những điều ấy cho người khác. Sự khiếm khuyết của chúng ta không thể là cái cớ để tránh né; trái lại, truyền giáo là một kích thích để chúng ta không ở yên trong tình trạng tầm thường nhưng phải tiếp tục lớn lên. Chứng tá đức tin mà mỗi người Kitô hữu được kêu gọi công hiến khiến chúng ta có thể nói cùng với Thánh Phaolô: “Không phải là tôi đã đoạt giải, hay đã nên hoàn thiện đâu; nhưng tôi đang cố gắng chạy tới, mong chiếm đoạt, bởi lẽ chính tôi đã được đức Kitô Giêsu chiếm đoạt” (Pl 3:12-13).

Sức mạnh truyền giáo của lòng đạo bình dân

122. Cũng thế, chúng ta có thể thấy rằng các dân tộc khác nhau mà Tin Mừng đã được hội nhập vào nên văn hoá của họ cũng là những chủ thể hay tác nhân tập thể tích cực của việc truyền giáo. Lý do là vì mỗi dân tộc là người sáng tạo nên văn hoá của mình và là vai chính của lịch sử của họ. Văn hoá là một thực tại năng động mà một dân tộc không ngừng tái tạo; mỗi thế hệ truyền lại cho thế hệ sau cả một chuỗi các cách tiếp cận các tình huống hiện sinh khác nhau, để cho thế hệ sau tiếp tục định hình lại chúng khi đối diện với những thách thức riêng của mình. Là người có nghĩa là “vừa là con vừa là cha của nền văn hoá của mình”.^[97] Một khi Tin Mừng đã được hội nhập vào văn hoá của một dân tộc, trong tiến trình thông truyền văn hoá của họ, họ cũng thông truyền đức tin trong những hình thức luôn luôn mới mẻ; vì vậy hiệu truyền giáo như là hội nhập văn hoá là điều quan trọng. Bằng việc cụ thể hoá ân huệ Chúa ban trong chính cuộc sống mình và phù hợp với tài năng riêng của mình, mỗi thành phần của dân Thiên Chúa làm chứng cho đức tin mình đã lãnh nhận và làm làm giàu cho nó bằng những cách diễn tả mới và có sức thuyết phục. Ta có thể nói rằng “một dân tộc không ngừng tự phúc âm hoá chính mình”.^[98] Ở đây ta thấy tầm quan trọng của lòng đạo bình dân, một cách diễn tả đích thực về hoạt động truyền giáo tự phát của Dân Chúa. Đây là một tiến trình đang phát triển liên tục mà Chúa Thánh Thần là tác nhân chính.^[99]

123. Lòng đạo bình dân giúp chúng ta thấy rằng đức tin, sau khi được lãnh nhận, sẽ hội nhập vào một nền văn hoá và không ngừng được truyền lại cho các thế hệ sau như thế nào. Từng có

thời bị coi thường, lòng đạo bình dân đã được đánh giá cao trở lại trong những thập niên sau Công Đồng. Trong Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi*, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã tạo một động lực quyết định trong lãnh vực này. Trong Tông Huấn, Đức Giáo Hoàng nói rằng lòng đạo bình dân “biểu lộ một lòng khao khát Thiên Chúa mà chỉ những kẻ đơn sơ và nghèo khó mới cảm nhận được”[100] và “nó khiến người ta có thể quảng đại và hy sinh đến mức anh hùng khi cần chứng tỏ đức tin”. [101] Gần chúng ta hơn, Đức Bênêđictô khi nói về Châu Mỹ Latinh, đã vạch ra rằng lòng đạo bình dân là “một kho báu của Hội Thánh Công Giáo”, ở đó “chúng ta thấy được tâm hồn của các dân tộc Mỹ Latinh”. [102]

124. *Văn Kiện Aparecida* mô tả những sự phong phú mà Chúa Thánh Thần tuôn đổ vào lòng đạo bình dân qua sáng kiến tự do của Ngài. Tại châu lục thân yêu ấy, nơi nhiều Kitô hữu bộc lộ đức tin qua lòng đạo bình dân, các giám mục cũng gọi nó là “linh đạo bình dân” hay “khoa thần bí của dân chúng”. [103] Nó đúng là “một linh đạo nhập thể trong văn hoá của những người thấp hèn”. [104] Và nó không thiếu nội dung; đúng hơn, nó khám phá và diễn tả nội dung ấy bằng các biểu tượng hơn là bằng lý luận của ngôn từ, và trong hành vi đức tin, nó nhấn mạnh vào *credere in Deum* (“tin vào Thiên Chúa”) hơn là *credere Deum* (“tin Thiên Chúa”). [105] Nó là một cách sống đức tin hợp lệ, một cách cảm nhận mình là thành phần của Hội Thánh và biểu lộ tư cách người truyền giáo”; [106] nó mang theo mình ơn gọi làm người truyền giáo, vượt ra khỏi bản thân mình để lên đường hành hương: “Cùng lên đường tới các đền thánh và tham gia vào các cuộc biểu dương lòng đạo bình dân, đồng thời đem theo con cái và mời gọi người khác cùng đi, việc ấy tự nó là một cử chỉ loan báo Tin Mừng”. [107] Chúng ta đừng bóp nghẹt hay tìm cách kiểm soát sức mạnh truyền giáo này!

125. Để hiểu thực tại này, chúng ta cần tiếp cận nó bằng cái nhìn của người Mục Tử Nhân Hậu, không xét đoán nhưng tìm cách yêu thương. Chỉ với bản tính đồng cảm phát sinh từ tình yêu, chúng ta mới có thể đánh giá cao đời sống hướng thần (*theological*) hiện tại trong lòng đạo của các dân tộc Kitô giáo, đặc biệt giữa những người nghèo. Tôi nghĩ đến lòng tin kiên vững của các bà mẹ chăm sóc những đứa con bệnh tật của họ, họ là những người rất yêu mến chuỗi mân côi dù có lẽ họ chỉ biết sơ sài những điểm của Kinh Tin Kính; tôi cũng nghĩ đến niềm hi vọng trọn vẹn được đổ vào một cây nến đốt lên trong nhà để cầu xin ơn trợ giúp của Đức Mẹ, hay cái nhìn triu mến hướng lên tượng Chúa Kitô chịu nạn. Không một ai yêu mến dân thánh của Thiên Chúa mà có thể coi những hành động này chỉ là biểu hiện của một cố gắng thuần túy phàm trần trong cuộc tìm kiếm Thiên Chúa. Chúng là biểu hiện của một đời sống hướng thần được nuôi dưỡng bởi tác động của Chúa Thánh Thần, Đấng đã được đổ vào lòng chúng ta (xem Rm 5:5).

126. Lòng đạo bình dân như là kết quả của Tin Mừng hội nhập trong văn hoá, là một sức mạnh phúc âm hoá tích cực mà chúng ta không được coi nhẹ: nếu không, chúng ta sẽ không thể nhận ra tác động của Chúa Thánh Thần. Trái lại, chúng ta được kêu gọi cổ vũ và tăng cường lòng đạo bình dân để đi sâu vào tiến trình không bao giờ kết thúc của hội nhập văn hoá. Các biểu hiện của lòng đạo bình dân dạy chúng ta nhiều điều; với những ai có khả năng đọc được những biểu hiện này, chúng là một *locus theologicus* (“cơ sở thần học”) mà chúng ta phải chú ý, đặt biệt ở thời điểm chúng ta đang hướng về cuộc tân phúc âm hoá.

Tiếp xúc người với người

127. Ngày nay, khi Hội Thánh tìm kiếm các trải nghiệm về một cuộc canh tân truyền giáo sâu xa, có một loại rao giảng mà mỗi người chúng ta phải coi như một bòn phạn hằng ngày. Nó liên quan tới việc đem Tin Mừng tới những người chúng ta gặp gỡ, dù họ là những người lân cận hay hoàn toàn xa lạ với chúng ta. Đây là việc rao giảng không chính thức diễn ra trong một cuộc trò chuyện, giống như kiểu các thừa sai thường làm khi thăm viếng các gia đình. Là môn đệ có nghĩa là luôn luôn sẵn sàng đem tình thương của Đức Giêsu đến với người khác, và điều này có

thể xảy ra một cách bất ngờ và ở bất cứ đâu: trên đường phố, trong một công viên thành phố, khi làm việc, lúc đi đường.

128. Trong kiểu rao giảng này, vốn luôn luôn phải kính trọng và dịu dàng, bước đầu tiên là một cuộc đối thoại cá nhân, khi người kia nói và chia sẻ các niềm vui, hi vọng và quan tâm của họ đối với những người thân, hay vô số các nhu cầu thiết thân nhất. Chỉ sau đó chúng ta mới có thể đưa lời Chúa vào, có thể bằng cách đọc một câu Kinh Thánh hay kể một câu truyện, nhưng luôn luôn để tâm tới sứ điệp cơ bản: tình thương của Thiên Chúa làm người, Đấng hiển mình cho chúng ta, Đấng đang sống và ban cho ta ơn cứu độ và tình bằng hữu của Ngài. Sứ điệp này phải được chia sẻ với thái độ khiêm tốn để cho thấy chúng ta làm chứng trong tư cách của một người luôn luôn muốn học hỏi, vì biết rằng sứ điệp quá phong phú và quá sâu khiến nó luôn luôn vượt quá tầm hiểu biết của chúng ta. Sứ điệp có thể được trình bày khi thì trực tiếp, khi thì bằng một chứng từ hay điệu bộ cá nhân, hay bằng bất cứ cách nào mà Chúa Thánh Thần có thể soi sáng chúng ta trong tình huống cụ thể ấy. Tuỳ sự thận trọng và hoàn cảnh cho phép, việc gặp gỡ huynh đệ và truyền giáo này có thể kết thúc bằng một kinh nguyện vẫn liên quan tới các mối quan tâm mà người đối thoại có thể đã bày tỏ. Bằng cách này họ sẽ cảm nghiệm rằng họ đã được lắng nghe và cảm thông; họ sẽ biết rằng tình huống cụ thể của họ đã được đặt ra trước mặt Thiên Chúa, và tin rằng lời của Thiên Chúa thực sự nói với cuộc đời họ.

129. Tuy nhiên chúng ta không được nghĩ rằng sứ điệp Tin Mừng phải luôn luôn được trình bày bằng những công thức có sẵn mà chúng ta đã học thuộc lòng hay bằng những lời đặc biệt nào diễn tả một nội dung tuyệt đối không thể thay đổi. Việc truyền thông này diễn ra bằng rất nhiều cách thức khác nhau khiến chúng ta không thể mô tả hay liệt kê ra tất cả, và dân Thiên Chúa, với vô số cử chỉ và dấu hiệu, chính là chủ thể tập thể của việc truyền thông này.

Nếu Tin Mừng được hội nhập trong một nền văn hoá, sứ điệp không còn chỉ được truyền đạt từ người sang người. Tại các nước mà Kitô giáo chỉ là một thiểu số, thì cùng với việc khuyến khích mỗi người đã rửa tội rao giảng Tin Mừng, các Giáo Hội địa phương cũng phải tích cực cổ xúy ít là các hình thức sơ đẳng của việc hội nhập văn hoá. Mục tiêu cuối cùng phải là làm sao cho Tin Mừng, như được giảng bằng các phạm trù phù hợp với mỗi nền văn hoá, có thể tạo ra một tổng hợp mới với nền văn hoá cụ thể ấy. Đây luôn luôn là một tiến trình chậm chạp khiến chúng ta có thể rất sợ. Nhưng nếu chúng ta để cho những mối hoài nghi và lo sợ làm nhụt nhuệ khí của mình, thì thay vì tỏ ra sáng tạo, chúng ta sẽ tiếp tục ở yên trong an nhàn và không có tiến bộ gì cả. Trong trường hợp này, chúng ta sẽ không góp phần tích cực vào các tiến trình lịch sử, nhưng trở thành những người bàng quan trong khi Hội Thánh ngày càng trì trệ hơn.

Các đặc sủng phục vụ một sự hiệp thông truyền giáo

130. Chúa Thánh Thần cũng làm phong phú toàn thể Hội Thánh truyền giáo bằng các đặc sủng khác nhau. Các ân huệ này có mục đích canh tân và xây dựng Hội Thánh.^[108] Các đặc sủng không phải là một di vật được cất giữ an toàn và được uỷ thác cho một nhóm nhỏ để cất giữ; đúng hơn, chúng là những ân huệ được Chúa Thánh Thần thác nhập vào thân thể Hội Thánh, được kéo về trung tâm là Đức Kitô và rồi được truyền vào dòng lực truyền giáo. Một dấu hiệu chắc chắn về đặc sủng đích thực là đặc tính giáo hội của nó, khả năng nó kết hợp hài hoà vào đời sống của dân thánh trung thành của Thiên Chúa vì lợi ích của mọi người. Một cái gì thực sự mới mẻ do Chúa Thánh Thần ban cho không cần làm lu mờ các ân huệ và các đường lối thiêng liêng khác để nó được cảm nhận rõ ràng. Một đặc sủng càng được qui hướng nhiều về tâm điểm của Tin Mừng bao nhiêu thì việc thực thi đặc sủng ấy sẽ càng có đặc tính Hội Thánh nhiều hơn. Chính trong sự hiệp thông, cả khi là một sự hiệp thông đau đớn, mà một đặc sủng được coi là chân chính và hiệu quả một cách nhiệm mầu. Trên cơ sở sự đáp lại của mình trước thách thức này, Hội Thánh có thể là một mô hình cho hoà bình thế giới.

131. Những khác biệt giữa các cá nhân và các cộng đồng đôi khi có thể gây ra tình trạng khó chịu, nhưng Chúa Thánh Thần, Đấng là nguồn của sự đa dạng này, có thể đem đến một điều gì tốt lành từ tất cả những khác biệt ấy, và biến nó thành một phương tiện truyền giáo hấp dẫn. Sự khác biệt phải được hoà giải bằng ơn trợ giúp của Chúa Thánh Thần; chỉ mình Ngài có thể khơi dậy sự đa dạng, đa nguyên và phong phú, đồng thời đem lại sự duy nhất. Còn chúng ta, khi muốn sự khác biệt, chúng ta thường trở nên đóng kín, loại trừ và gây chia rẽ; tương tự, khi chúng ta cố gắng tạo sự duy nhất dựa trên các tính toán nhân loại của mình, chúng ta lại đi đến chỗ áp đặt một sự đồng nhất đơn điệu. Tình trạng này không có lợi cho việc truyền giáo của Hội Thánh. Văn hoá, tư tưởng và giáo dục

132. Rao giảng sứ điệp Tin Mừng cho các nền văn hoá khác nhau cũng bao hàm việc rao giảng Tin Mừng cho các lãnh vực nghề nghiệp, khoa học và học thuật. Đây là một sự gặp gỡ giữa đức tin, lý trí và các khoa học nhằm phát triển các cách tiếp cận và lý luận mới về vấn đề gọi là tính khả tín, một khoa học giáo sáng tạo^[109] có khả năng khuyến khích mọi người mở lòng ra nhiều hơn với Tin Mừng. Khi một số phạm trù của lý trí và các khoa học được sử dụng cho việc rao giảng sứ điệp, các phạm trù này trở thành những công cụ truyền giáo; nước được biến đổi thành rượu. Bất cứ điều gì được đón nhận thì không chỉ được cứu chuộc, mà còn trở thành một công cụ của Thần Khí để soi sáng và canh tân thế giới.

133. Người truyền giáo tìm cách đến được với từng người, hay Tin Mừng được rao giảng cho các nền văn hoá như một tổng thể, các việc này không đủ. Một khoa thần học—không chỉ thần học mục vụ—trong đối thoại với các khoa học khác và các kinh nghiệm của con người, là yếu tố quan trọng nhất để chúng ta thấy rõ cách nào là tốt nhất để đem sứ điệp Tin Mừng đến với các bối cảnh và các nhóm văn hoá khác nhau.^[110] Trong sự dẫn thân truyền giáo của mình, Hội Thánh trân trọng và khuyến khích đặc sủng của các nhà thần học và các cố gắng học thuật của họ để thăng tiến cuộc đối thoại với thế giới văn hoá và khoa học. Tôi kêu gọi các nhà thần học thực thi việc phục vụ này như một thành phần của sứ mạng cứu độ của Hội Thánh. Tuy nhiên, khi làm công việc này, họ phải luôn nhớ rằng Hội Thánh và thần học hiện hữu là để loan báo Tin Mừng, và không được bằng lòng với một thứ thần học bàn giấy.

134. Các trường đại học là những môi trường nổi bật để diễn tả mạch lạc và phát triển sự dẫn thân truyền giáo này một cách liên ngành và tích hợp. Các trường công giáo, vốn luôn cố gắng kết hợp công việc giáo dục với việc rao giảng Tin Mừng một cách minh nhiên, là một nguồn lực quý giá nhất cho việc phúc âm hoá văn hoá, kể cả trong các quốc gia và các thành phố mà hoàn cảnh thù nghịch ở đó thách thức chúng ta phải có óc sáng tạo nhiều hơn trong việc tìm ra những phương pháp thích hợp.^[111]

II. BÀI GIẢNG

135. Bây giờ chúng ta nhìn vào việc giảng trong phụng vụ mà các mục tử cần phải xem xét nghiêm túc. Tôi sẽ bàn một cách đặc biệt, và thậm chí hơi tỉ mỉ, về bài giảng và sự chuẩn bị bài giảng, vì có quá nhiều mối quan tâm đã được bày tỏ về tác vụ quan trọng này và chúng ta không thể làm ngơ. Bài giảng là viên đá thử để đánh giá sự gần gũi và khả năng truyền thông của người mục tử với dân chúng. Chúng ta biết các tín hữu rất coi trọng bài giảng, và cả các tín hữu lẫn các thừa tác viên có chức thánh đều khổ sở vì các bài giảng: giáo dân vì phải nghe các bài giảng, còn các giáo sĩ vì phải giảng bài! Đây là trường hợp đáng buồn. Bài giảng thực ra có thể là một trải nghiệm sâu đậm và vui sướng về Thần Khí, một cuộc gặp gỡ đầy an ủi với lời Thiên Chúa, một nguồn mạch canh tân và tăng trưởng thường xuyên.

136. Chúng ta hãy lấy lại niềm tin tưởng nơi bài giảng, dựa trên xác tín rằng chính Thiên Chúa tìm cách đến với người khác thông qua người giảng thuyết, và Ngài bày tỏ quyền năng của Ngài qua ngôn ngữ nhân loại. Thánh Phaolô nói rất mạnh về việc giảng dạy, vì lời Chúa muốn đến

được với người khác thông qua lời của chúng ta (xem Rm 10:14-17). Bằng lời của Ngài, Chúa đã chinh phục trái tim của dân chúng: từ khắp nơi họ tuôn đến nghe Ngài (xem Mc 1:45); họ kinh ngạc về những lời Ngài giảng (xem Mc 6:2), và họ cảm thấy Ngài nói với họ như một người có uy quyền (xem Mc 1:27). Các tông đồ là những người đã được Đức Kitô chọn để “ở với Ngài và được sai đi rao giảng” (Mc 3:14), các lời giảng của các ngài đã đem mọi dân tộc vào trong lòng của Hội Thánh (xem Mt 16:15-20).

Bối cảnh phụng vụ

137. Nên nhớ rằng “việc rao giảng lời Chúa trong phụng vụ, đặc biệt trong cuộc tụ họp Thánh Thể, không phải là thời gian suy niệm hay huấn giáo cho bằng một cuộc đối thoại giữa Thiên Chúa và dân của Người, một cuộc đối thoại trong đó các hành vi cứu độ vĩ đại được công bố và các đòi hỏi của giao ước được liên tục nhắc lại”.^[112] Bài giảng có tầm quan trọng đặc biệt vì bối cảnh Thánh Thể của nó: nó vượt quá mọi hình thức huấn giáo vì là thời điểm tột đỉnh trong cuộc đối thoại giữa Thiên Chúa với dân Người, và dẫn tới việc hiệp thông bí tích. Bài giảng một lần nữa tiếp nối cuộc đối thoại mà Chúa đã thiết lập với dân Người. Người giảng thuyết phải biết lòng cộng đoàn của mình, để biết chỗ nào ước muốn của nó về Thiên Chúa đang sống động và cháy bỏng, cũng như chỗ nào mà cuộc đối thoại ấy trước kia rất thân thương nay đã bị thuì chốt và cần cỗi.

138. Bài giảng không thể mang một hình thức giải trí giống như những bài giảng trên các phương tiện đại chúng, nhưng bài giảng phải ban sức sống và ý nghĩa cho cuộc cử hành. Nó là một thể loại đặc trưng, vì việc giảng dạy được đặt trong khung cảnh một cuộc cử hành *phụng vụ*; thế nên bài giảng phải ngắn và tránh mang dáng dấp của một bài diễn văn hay thuyết trình. Một giảng viên có thể thu hút sự chú ý của người nghe trong suốt một giờ đồng hồ, nhưng lúc ấy các lời giảng của họ trở thành quan trọng hơn việc cử hành đức tin. Nếu bài giảng quá dài, nó sẽ ảnh hưởng tới hai yếu tố đặc trưng của cử hành phụng vụ: sự cân bằng và nhịp độ. Khi bài giảng diễn ra trong bối cảnh phụng vụ, nó là một phần của lễ hiến dâng lên Cha và là một trung gian cho ân sủng mà Đức Kitô đã tuôn đổ trong cuộc cử hành. Bối cảnh này đòi hỏi việc giảng phải hướng dẫn cộng đoàn và giảng viên tới một sự hiệp thông với Đức Kitô trong bí tích Thánh Thể, để giúp họ thay đổi cuộc sống. Muốn được thế, các lời giảng của giảng viên phải điều độ, để cho tâm điểm của sự chú ý Chúa, chứ không phải là thừa tác viên của Chúa.

Như mẹ nói chuyện với con

139. Chúng ta đã nói rằng, nhờ Chúa Thánh Thần liên tục hoạt động trong tâm hồn, dân Chúa không ngừng tự phục âm hoá chính mình. Nguyên tắc này có hệ lụy gì đối với các giảng viên? Nó nhắc nhở chúng ta rằng Hội Thánh là một người mẹ, và Hội Thánh giảng giống như cách một người mẹ nói chuyện với con, bà biết con tin rằng mẹ dạy gì cũng là vì lợi ích của nó, vì con cái biết rằng chúng được yêu. Hơn nữa, một người mẹ tốt có thể nhận ra mọi sự mà Thiên Chúa đang làm nơi con của bà, nên bà lắng nghe các mối quan tâm của chúng và học hỏi từ chúng. Tình yêu thương ngự trị trong gia đình hướng dẫn mẹ và con trong câu chuyện; khi trò chuyện, mẹ và con cùng dạy và học, trải nghiệm sự sửa sai và tăng trưởng trong cách đánh giá điều gì là tốt. Một điều tương tự cũng xảy ra trong bài giảng. Cùng một Thần Khí gợi hứng cho các sách Tin Mừng và hành động trong Hội Thánh cũng chính là Thần Khí soi sáng cho giảng viên để nghe đức tin của dân Chúa và tìm cách thích hợp để giảng vào mỗi Thánh Lễ. Bài giảng Kitô giáo vì thế tìm được nơi con tim của dân chúng và nên văn hoá của họ một nguồn nước sự sống, giúp giảng viên biết phải nói gì và nói thế nào. Như tất cả chúng ta đều thích được người khác nói với mình bằng tiếng mẹ đẻ của mình, thì cũng vậy, trong đức tin, chúng ta thích được người khác nói với mình bằng “văn hoá mẹ” của chúng ta”, bằng tiếng bản xứ của chúng ta (xem 2 Mcb 7:21, 27), và quả tim chúng ta sẵn sàng nghe hơn. Ngôn ngữ này là một thứ âm nhạc kêu gọi sự

khích lệ, sức mạnh và niềm phấn khởi.

140. Khung cảnh này, vừa từ mẫu vừa hội thánh, trong đó diễn ra cuộc đối thoại giữa Chúa và dân của Người, phải được khuyến khích bởi sự gần gũi của giảng viên, sự ấm áp của âm giọng, sự đơn sơ không phô trương trong cách nói, và sự vui vẻ trong các điệu bộ của giảng viên. Cho dù bài giảng đôi khi có thể có phần tẻ nhạt, nhưng nếu có tinh thần từ mẫu và hội thánh, nó sẽ luôn luôn hiệu quả, giống như những lời khuyên bảo nhằm chán của một người mẹ, khi đến lúc, cũng sinh hoa kết quả trong lòng các con của bà.

141. Chúng ta không thể không thán phục những nguồn lực Chúa Giêsu đã dùng để nói chuyện với dân của Ngài, để mặc khải mầu nhiệm của Ngài cho mọi người và lôi cuốn những người dân bình thường bằng các giáo huấn và các đòi hỏi cao siêu của Người. Tôi tin rằng bí quyết nằm ở cách Đức Giêsu nhìn dân chúng, thấy được bên kia những yếu đuối lỗi lầm của họ: “Hỡi đoàn chiên nhỏ bé, đừng sợ, vì Cha anh em đã vui lòng ban Nước của Người cho anh em” (Lc 12:32); Đức Giêsu giảng bằng tinh thần ấy. Đầy hoan lạc trong Thánh Thần, Ngài ngợi khen Cha là Đấng đã lôi kéo những kẻ bé mọn đến với Người: “Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu kín không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn” (Lc 10:21). Chúa thực sự vui thích nói chuyện với dân của Ngài; người giảng thuyết cũng phải cố gắng thông truyền cùng một niềm vui thích ấy cho các thánh giả của mình.

Những lời nói làm trái tim bùng cháy

142. Đối thoại không chỉ là thông truyền một sự thật, nó phong phú hơn rất nhiều. Đối thoại phát xuất từ sự vui thích khi nói và làm phong phú những ai biểu lộ tình yêu của mình với nhau bằng lời nói. Sự phong phú này không nằm ở những sự vật nhưng ở những người chia sẻ với nhau trong đối thoại. Một bài giảng mà chỉ nhắm dạy đạo đức hay lý thuyết, hoặc biến thành một bài giảng về chú giải Kinh Thánh, là đi lạc khỏi sự thông truyền đích thực từ trái tim đến trái tim diễn ra trong bài giảng và mang một tính chất gần như bí tích: “Có đức tin là nhờ nghe giảng, mà nghe giảng là nghe công bố lời Đức Kitô” (Rm 10:17). Trong bài giảng, chân-thiện-mỹ đi chung với nhau. Thay vì nói về các chân lý trừu tượng và các kiểu lý luận khô khan, bài giảng truyền đạt vẻ đẹp của các hình ảnh đã được Chúa dùng để khuyến khích người ta hành thiện. Ký ức của người tín hữu, như của Đức Maria, phải đầy ắp những kỳ công Thiên Chúa đã thực hiện. Tâm hồn các tín hữu, đang khi lớn lên trong niềm hi vọng từ việc vui vẻ thực thi tình yêu mà mình đã nhận được, sẽ cảm nhận ra rằng từng lời của Kinh Thánh là một quà tặng trước khi là một lời xin.

143. Giảng với sự hội nhập văn hoá cần phải đối diện với thách thức là công bố một tổng hợp, chứ không phải các ý tưởng hay các giá trị rời rạc. Tổng hợp của bạn ở đâu thì lòng trí bạn ở đó. Sự khác biệt giữa những người có một tổng hợp sáng suốt với những người chỉ có những ý tưởng rời rạc thì giống như sự khác biệt giữa sự sôt sáng và sự nhầm chán. Người giảng có nhiệm vụ tuyệt vời nhưng khó khăn là kết nối những trái tim yêu thương, trái tim của Chúa và của dân Người. Đối thoại giữa Thiên Chúa với dân của Người kiện cường giao ước giữa họ và củng cố tình bác ái. Trong bài giảng, lòng các tín hữu giữ thanh lặng để nghe Chúa nói. Chúa và dân Người trực tiếp nói chuyện với nhau bằng vô vàn cách thức mà không cần đến trung gian. Nhưng trong bài giảng, họ muốn có người làm trung gian và bày tỏ tình cảm của mình sao cho sau bài giảng, mỗi người có thể quyết định mình sẽ tiếp nối cuộc đối thoại theo cách nào mình thích. Tự bản chất, lời là một phương tiện và cần phải có không chỉ là hai người đối thoại mà cũng cần một người trung gian để trình bày lời đúng theo nghĩa của nó, với sự xác tín rằng “chúng tôi không rao giảng chính mình, mà chỉ rao giảng Đức Kitô Giêsu là Chúa; còn chúng tôi, chúng tôi chỉ là tôi tớ của anh em, vì Đức Giêsu” (2 Cr 4:5).

144. Nói từ trái tim có nghĩa là trái tim chúng ta không chỉ phải bùng cháy, mà còn phải được soi sáng bởi sự sung mãn của mặc khải và bởi con đường mà lời Chúa đã đi qua trong trái tim của Hội Thánh và dân tộc trung thành của chúng ta trong suốt lịch sử. Căn tính Kitô hữu của chúng ta, như là vòng tay Cha ôm ấp chúng ta trong bí tích rửa tội, làm cho chúng ta, nhứt những đứa con hoang đàng—và những đứa con cýng của Mẹ Maria—ao ước nhận đợc một vòng tay khác nữa, vòng tay của Cha nhân từ đang đợi chúng ta trong vinh quang. Giúp dân chúng cảm nhận rằng họ đang sống giữa hai vòng tay này là một nhiệm vụ khó khăn nhưng đẹp đẽ của người rao giảng Tin Mừng.

III. CHUẨN BỊ GIẢNG

145. Chuẩn bị giảng là một nhiệm vụ hết sức quan trọng đòi chúng ta phải dành một lượng thời gian dài cho việc học hỏi, cầu nguyện, suy tư và óc sáng tạo mục vụ. Với tất cả tấm lòng trìu mến, tôi muốn dừng lại chốc lát để cung cấp một phương pháp chuẩn bị bài giảng. Có thể có người cho những gợi ý này là đương nhiên ai cũng biết, nhưng tôi nghĩ nói về chúng sẽ có ích để nhấn mạnh nhu cầu phải dành thời gian chất lượng cho thừa tác vụ quý giá này. Một số mục tử lý luận rằng một sự chuẩn bị như thế là không khả thi vì khối lượng công việc họ phải làm quá nhiều; tuy nhiên, tôi muốn xin rằng mỗi tuần phải dành một phần thời gian cá nhân và cộng đoàn đủ cho công việc này, dù có phải bớt xén thời gian của các công việc quan trọng khác. Tin Chúa Thánh Thần Đấng hoạt động trong bài giảng không phải là chỉ thụ động nhưng phải chủ động và sáng tạo. Nó đòi chúng ta hiến mình và mọi khả năng của mình để làm công cụ (xem Rm 12:1) cho Chúa sử dụng. Một người giảng thuyết không chuẩn bị thì không “có thần khí”; họ là người bất lương và vô trách nhiệm đối với các ân huệ họ đã nhận.

Kính cẩn đối với sự thật

146. Bước đầu tiên sau khi cầu nguyện với Chúa Thánh Thần là dồn tất cả sự chú ý vào bản văn Kinh Thánh, vì nó phải là cơ sở cho bài giảng của chúng ta. Mỗi khi ta dừng lại và tìm cách hiểu sứ điệp của một bản văn cụ thể là ta đang thực hành “lòng kính trọng sự thật”.^[113] Đây là sự khiêm tốn của con tim nhìn nhận rằng lời luôn luôn vượt quá chúng ta, “chúng ta không phải là chủ, người sở hữu, nhưng là người giữ gìn, người loan báo và người phục vụ lời”.^[114] Thái độ khiêm nhường và cung kính này được biểu lộ qua việc dành thời gian để học lời một cách hết sức kỹ lưỡng và với một lòng kính sợ thánh thiện để không xuyên tạc lời. Để cắt nghĩa một bản văn Kinh Thánh, chúng ta cần nhẫn nại, gạt sang một bên mọi quan tâm khác, và dành cho nó thời giờ, sự quan tâm và cảm lòng cảm trí. Chúng ta phải gạt sang một bên mọi mối lo cấp bách khác và tạo ra một môi trường thanh thản để tập trung chú ý. Nếu chúng ta chỉ muốn tìm những kết quả chóng vánh, dễ dàng và có ngay lập tức thì đọc bản văn Kinh Thánh là chuyện vô ích. Chuẩn bị giảng đòi hỏi tình yêu. Chúng ta chỉ dành những thời giờ yên tĩnh cho những sự vật và những người mình yêu; và ở đây chúng ta đang nói chuyện với Thiên Chúa mà chúng ta yêu, một Thiên Chúa muốn nói chuyện với chúng ta. Vì tình yêu này, chúng ta có thể dành đủ thời giờ chúng ta cần, như mọi người môn đệ đích thực: “Lạy Chúa, xin hãy nói, vì tôi tớ Chúa đang nghe” (1 S 3:9).

147. Trước hết, chúng ta cần chắc chắn mình hiểu nghĩa của những *lời* chúng ta đọc. Ở đây tôi muốn nhấn mạnh một điều có vẻ hiển nhiên, nhưng không luôn luôn được chúng ta lưu ý: bản văn Kinh Thánh mà chúng ta học đã có từ hai hay ba ngàn năm rồi; ngôn ngữ của nó rất khác với ngôn ngữ chúng ta nói ngày nay. Cả khi chúng ta tưởng mình hiểu những từ được dịch sang tiếng của chúng ta, điều đó cũng không có nghĩa là chúng ta đã hiểu đúng những gì mà tác giả thánh muốn nói. Chúng ta thành thạo các công cụ khác nhau do khoa phân tích văn chương cung cấp: chú ý tới các từ lặp đi lặp lại hay nhấn mạnh, nhận ra cấu trúc và chuyển động cụ thể của một bản văn, xem xét vai trò của các nhân vật khác nhau, v.v... Nhưng mục tiêu của chúng ta không

phải là hiệu từng chi tiết nhỏ bé của một bản văn; mục đích quan trọng nhất của chúng ta là khám phá ra sứ điệp chính của nó, sứ điệp tạo nên cấu trúc và sự thống nhất của bản văn. Nếu người giảng thuyết không cố gắng làm việc này, bài giảng của họ thường sẽ không có sự thống nhất hay trật tự; những điều họ nói sẽ chỉ là một sự chồng chất các ý tưởng rời rạc không thể tạo cảm hứng cho người nghe. Sứ điệp trung tâm là điều mà tác giả chủ yếu muốn thông truyền; nó đòi hỏi phải nhận ra không chỉ các ý tưởng của tác giả nhưng hiệu quả mà tác giả muốn tạo ra. Nếu một bản văn được viết ra để an ủi, ta không được sử dụng nó để sửa sai các lỗi lầm; nếu nó được viết để khuyến dụ, ta không được dùng nó để dạy học thuyết; nếu được viết để Thiên Chúa, ta không được dùng nó để trình bày các ý kiến thần học khác nhau; nếu được viết để kêu gọi lời ngợi khen hay ra đi truyền giáo, ta đừng dùng nó để bàn về các tin tức mới nhất.

148. Chắc chắn để hiểu đúng ý nghĩa sứ điệp trọng tâm của một bản văn, chúng ta cần liên kết nó với giáo huấn của toàn bộ Kinh Thánh như được Hội Thánh truyền lại. Đây là một nguyên tắc quan trọng của khoa chú giải Kinh Thánh, nó nhìn nhận rằng Chúa Thánh Thần đã linh hứng không chỉ một phần Kinh Thánh, nhưng toàn bộ Kinh Thánh, và trong một số lãnh vực người ta đã phát triển sự hiểu biết về ý muốn của Thiên Chúa dựa trên kinh nghiệm bản thân của họ. Nguyên tắc này cũng ngăn ngừa những cách giải thích sai lạc hay cục bộ có thể mâu thuẫn với các giáo huấn khác của cùng bộ Sách Thánh. Nhưng điều này không có nghĩa là chúng ta có thể giảm nhẹ sự nhấn mạnh đặc trưng và cụ thể của một bản văn mà chúng ta phải giảng. Một trong các khuyết điểm của một bài giảng tẻ nhạt và kém hiệu quả chính là nó không có khả năng thông truyền sức mạnh nội tại của bản văn đã được công bố.

Cá nhân hoá lời Chúa

149. Người giảng thuyết “trước hết phải phát triển một sự thân mật sâu xa với Lời Chúa. Hiểu biết các khía cạnh ngôn ngữ hay chú giải chắc chắn là cần nhưng không đủ. Họ cần đến với Lời Chúa bằng một con tim ngoan ngoãn và cầu nguyện, để lời thấm sâu vào các tư tưởng và tình cảm của họ và tạo một cái nhìn mới nơi họ”.^[115] Canh tân lòng sốt sắng của chúng ta mỗi ngày và mỗi Chúa Nhật khi chúng ta chuẩn bị bài giảng, xét mình để xem chúng ta có lớn lên trong tình yêu đối với lời chúng ta giảng hay không, đó là những điều có ích cho chúng ta. Chúng ta cũng không được quên rằng “sự thánh thiện của thừa tác viên cao hay thấp có một ảnh hưởng thực sự đối với việc rao giảng lời”.^[116] Như Thánh Phaolô nói, “chúng tôi rao giảng, không phải để làm vừa lòng người phàm, mà để làm đẹp lòng Thiên Chúa, Đấng thử luyện tâm hồn chúng tôi” (1 Tx 2:4). Nếu chúng ta có một ước muốn sống động được là người đầu tiên nghe lời mà mình phải giảng, chắc chắn lời này sẽ được thông truyền cho những người dân trung thành của Chúa, vì “lòng có đầy, miệng mới nói ra” (Mt 12:34). Các bài đọc ngày Chúa Nhật sẽ vang dội với tất cả sự rạng rỡ của chúng trong tim các tín hữu nếu trước tiên chúng đã vang dội trong tim người mục tử của họ.

150. Đức Giêsu tức giận với những hạng thầy dạy đòi hỏi nhiều ở người khác, dạy lời Thiên Chúa mà không để cho lời Thiên Chúa soi sáng mình: “Họ bỏ những gánh nặng mà chất lên vai người ta, nhưng chính họ thì lại không buồn động ngón tay vào” (Mt 23:4). Thánh Giacôbê tông đồ khuyên: “Thưa anh em, đừng có nhiều người trong anh em ham làm thầy thiên hạ, vì anh em biết rằng chúng ta sẽ bị xét xử nghiêm khắc hơn” (Gc 3:1). Ai muốn giảng thì trước tiên phải để cho lời Thiên Chúa lay động mình một cách sâu xa và thấm nhập vào trong đời sống hằng ngày của mình. Như vậy, giảng chủ yếu là ở hoạt động quá sâu xa và hiệu quả ấy, đó là “thông truyền cho người khác điều mình đã chiêm ngắm”.^[117] Vì tất cả các lý do trên, trước khi sửa soạn những gì mình sẽ thực sự nói ra khi giảng, chúng ta cần để cho lời thấm nhập chúng ta, cũng là lời sẽ thấm nhập người khác, vì đó là một lời sinh động và sắc bén, như thanh gươm “xuyên thấu chỗ phân cách tâm linh, cốt với tủy; lời đó phê phán tâm tình cũng như tư tưởng của lòng

người” (Dt 4:12). Đây là điều rất quan trọng trong hoạt động mục vụ. Ngày nay cũng vậy, người ta thích nghe những chứng nhân hơn: họ “khát sự chân thực” và “đòi có những người rao giảng Tin Mừng nói cho họ về một vị Thiên Chúa mà mình biết và thân quen, như thể đang nhìn thấy Người”.^[118]

151. Không ai đòi chúng ta phải vô tì tích, nhưng chúng ta buộc phải không ngừng lớn lên và muốn lớn lên khi tiến bước trên con đường của Tin Mừng; chúng ta không bao giờ được chùn chân. Điều cơ bản là người giảng thuyết phải tin chắc rằng Thiên Chúa yêu thương họ, rằng Đức Kitô Giêsu đã cứu họ và tình yêu của Ngài luôn luôn có tiếng nói cuối cùng. Gặp gỡ một mối tình đẹp như thế, người giảng thuyết sẽ thường xuyên cảm nhận rằng đời sống họ không tôn vinh Thiên Chúa cho đủ, và họ sẽ thành tâm muốn đáp lại tình yêu khôn lường ấy một cách trọn vẹn hơn. Nhưng nếu họ không dành thời giờ để nghe lời Thiên Chúa với con tim rộng mở, nếu họ không để cho lời đánh động cuộc đời họ, thách thức họ, thúc đẩy họ, và nếu họ không dành thời giờ cầu nguyện bằng lời ấy, thì quả thực họ sẽ là một tiên tri giả, một kẻ lừa đảo, một kẻ huênh hoang trống rỗng. Nhưng bằng cách nhìn nhận sự nghèo hèn của mình và muốn lớn lên trong sự dẫn thân của mình, họ sẽ luôn luôn có thể phó thác mình cho Đức Kitô và nói lên những lời của Thánh Phêrô: “Vàng bạc thì tôi không có; nhưng cái tôi có, tôi cho anh đây” (1 P 3:6). Chúa muốn sử dụng chúng ta như những con người sống động, tự do và sáng tạo, những con người để cho lời Người thâm nhập lòng mình trước tiên rồi truyền sang cho người khác. Sứ điệp của Đức Kitô phải thực sự thâm nhập và chiếm hữu người giảng thuyết, không chỉ phần trí óc nhưng toàn thể hiện hữu của họ. Chúa Thánh Thần, Đấng linh hứng lời, “hôm nay, giống như lúc khởi đầu của Hội Thánh, Người vẫn hoạt động trong mỗi người giảng thuyết biết để mình được Người chiếm hữu và dẫn dắt. Chúa Thánh Thần đặt trên môi người giảng thuyết những lời mà họ không thể tự mình tìm ra”.^[119]

Đọc sách thiêng

152. Có một cách đặc biệt để nghe những điều Chúa muốn nói với chúng ta trong lời của Ngài và để mình được biến đổi bởi Thần Khí. Chúng ta gọi đó là *lectio divina*. Nghĩa là đọc lời Chúa trong một lúc cầu nguyện và để cho lời soi sáng và đổi mới chúng ta. Việc đọc Kinh Thánh trong cầu nguyện này không phải là một cái gì tách biệt với việc học hỏi mà người giảng thuyết thực hiện để nắm bắt được sứ điệp trọng tâm của bản văn; trái lại, nó phải bắt đầu với việc học hỏi ấy rồi tiếp tục phân định xem sứ điệp ấy nói thế nào với đời sống của người ấy. Việc đọc sách thiêng liêng phải bắt đầu với nghĩa chữ của bản văn. Nếu không, chúng ta có thể dễ dàng bắt bản văn nói điều mà chúng ta nghĩ là thuận tiện, ích lợi để xác nhận các quyết định trước đó của chúng ta, hợp với lối suy nghĩ của chúng ta. Rốt cuộc sẽ chẳng khác gì sử dụng một điều thánh thiêng vì lợi ích riêng của chúng ta rồi truyền lại sự lẫn lộn này sang cho dân Chúa. Chúng ta không bao giờ được quên rằng đôi khi “ngay cả Satan cũng tự hoá trang thành một thiên thần ánh sáng” (2 Cr 11:14).

153. Trong sự hiện diện của Thiên Chúa, đang khi hồi tâm đọc bản văn, chúng ta nên hỏi, chẳng hạn: “Chúa ơi, đoạn sách này nói gì với con? Qua bản văn này, Chúa muốn thay đổi điều gì trong đời con? Bản văn có điều gì làm con bối rối? Tại sao con không quan tâm tới điều này? Hoặc có thể hỏi: “Tôi thấy điều gì thú vị trong bản văn này? Cái gì trong thế giới này đánh động tôi? Cái gì lôi cuốn tôi? Tại sao nó lôi cuốn tôi?, các dấn dỗ thường xuất hiện khi tôi cố gắng nghe Chúa. Một cảm dỗ thường chỉ là tôi cảm thấy bối rối hay khó chịu khiến tôi bỏ đi. Một cảm dỗ khác là nghĩ về ý nghĩa của bản văn đối với những người khác, và vì thế tôi tránh áp dụng nó cho đời sống của chính mình. Cũng có thể có cảm dỗ khiến tôi tìm cơ để coi nhẹ ý nghĩa hiển nhiên của bản văn. Hoặc chúng ta cũng có thể thắc mắc không biết Chúa có đang đòi hỏi quá nhiều ở chúng ta, đòi hỏi một quyết định mà chúng ta chưa sẵn sàng để thực hiện. Những cảm dỗ

này khiến nhiều người không còn hứng thú gặp gỡ lời Chúa nữa; nhưng như thế là quên rằng không một ai kiên nhẫn bằng Thiên Chúa Cha chúng ta, không một ai cảm thông và sẵn sàng chờ đợi như Người. Người luôn luôn mời gọi chúng ta tiến tới, nhưng không đòi chúng ta một câu trả lời hoàn chỉnh nếu chúng ta chưa sẵn sàng. Ngài chỉ xin chúng ta thành thật nhìn vào đời sống mình và giải bày đời mình một cách chân thật với Người, và xin chúng ta sẵn sàng tiếp tục lớn lên, cầu xin Người ban cho điều mà bản thân chúng ta chưa đạt được.

Lắng nghe dân chúng

154. Người giảng thuyết cũng cần để tai nghe dân và tìm xem các tín hữu cần nghe những gì. Người giảng thuyết phải nhìn xem thế giới, nhưng cũng phải nhìn xem người dân. Bằng cách này họ học biết được về “những ước vọng, những nguồn lực và những giới hạn, những cách cầu nguyện, yêu thương, quan niệm về cuộc đời và thế giới, là những cái tạo sự khác biệt giữa một cuộc gặp gỡ này với một cuộc gặp gỡ khác,” trong khi chú ý “tới những con người cụ thể, sử dụng ngôn ngữ của họ, các ký hiệu và biểu tượng của họ, trả lời các câu hỏi họ đặt ra”.[120] Họ phải có khả năng liên kết sứ điệp của bản văn Kinh Thánh với một tình huống nhân loại, với một kinh nghiệm kêu gào ánh sáng của lời Chúa. Sự quan tâm này không có chút gì là mảnh lối hay tính toán; nó mang tính chất tôn giáo và mục vụ sâu xa. Cơ bản nó là một “sự nhạy cảm thiêng liêng đối với việc đọc sứ điệp của Thiên Chúa qua các biến cố”, [121] và đây là điều có giá trị hơn là chỉ tìm xem có cái gì hay để nói. Cái chúng ta tìm là “Chúa muốn nói gì trong hoàn cảnh cụ thể này hay hoàn cảnh cụ thể kia”. [122] Thế nên chuẩn bị giảng trở thành một việc luyện tập phán đoán theo Tin Mừng, ở đó chúng ta nhận ra—trong ánh sáng của Thần Khí—“một tiếng gọi mà Thiên Chúa cho dội lên trong chính hoàn cảnh lịch sử. Trong hoàn cảnh này, và cũng qua hoàn cảnh này, Thiên Chúa kêu gọi người có lòng tin.” [123]

155. Trong cố gắng này, chúng ta có thể chỉ cần nghĩ đến một kinh nghiệm thông thường nào đó của con người như một cuộc tụ họp vui vẻ, một lúc chán nản, nỗi sợ cô đơn, niềm cảm thông những đau khổ của người khác, sự hoang mang về tương lai, sự lo lắng cho một người thân, v.v... Nhưng chúng ta cần phát triển một sự nhạy cảm sâu rộng đối với những gì tác động đến đời sống của những người khác. Chúng ta cũng lưu ý không bao giờ nên trả lời những câu hỏi mà không ai hỏi. Cũng không nên nói về những tin tức mới nhất để lôi kéo sự quan tâm của dân chúng; chúng ta đã có các chương trình truyền hình để làm chuyện này rồi. Tuy nhiên, có thể mở đầu bằng một sự kiện hay một câu chuyện để lời Chúa có thể vang dội mạnh mẽ trong tiếng gọi hoán cải, thờ phượng, dẫn thân cho tình huynh đệ và phục vụ, v.v... Thế nhưng vẫn sẽ luôn luôn có những người thích nghe người giảng thuyết bình luận về các chuyện thời sự trong khi bản thân họ không để mình bị thách thức.

Các nguồn hỗ trợ giảng thuyết

156. Một số người nghĩ mình có thể là người giảng giỏi vì họ biết phải nói cái gì, nhưng họ không chú ý tới việc phải nói *thế nào*, nghĩa là cụ thể phải cấu tạo một bài giảng như thế nào. Họ phàn nàn khi người ta không nghe hay trân trọng họ, nhưng có lẽ họ không bao giờ chịu khó tìm cách thích hợp để trình bày sứ điệp. Chúng ta nên nhớ rằng “nội dung loan báo Tin Mừng có tầm quan trọng hiển nhiên nhưng không được làm che mờ tầm quan trọng của cách thức và phương tiện loan báo Tin Mừng”. [124] Cũng vậy, quan tâm tới cách chúng ta giảng là một sự quan tâm thiêng liêng sâu xa. Nó bao gồm việc đáp lại tình yêu của Thiên Chúa bằng cách đặt tất cả các năng khiếu và óc sáng tạo của mình vào việc phục vụ sứ mạng Ngài đã trao cho chúng ta; đồng thời, nó chứng tỏ một tình yêu tinh tế và tích cực bằng cách từ chối không cống hiến một sản phẩm có chất lượng tồi. Trong Kinh Thánh, chẳng hạn, chúng ta có thể tìm thấy những lời khuyên về cách chuẩn bị một bài giảng thế nào để có thể đến được với dân một cách hiệu quả nhất: “Hãy nói cho gọn, ít lời, nhiều ý” (Hc 32:8).

157. Chỉ dùng một vài ví dụ, chúng ta hãy nhớ lại một số nguồn trợ giúp thực hành có thể làm bài giảng của chúng ta phong phú và hấp dẫn hơn. Một trong những điều quan trọng nhất là học cách sử dụng hình ảnh khi giảng, cách kêu gọi hình ảnh. Đôi khi các ví dụ được dùng để làm sáng tỏ một điểm nào đó, nhưng các ví dụ này thường chỉ kêu gọi trí khôn; trái lại, các hình ảnh giúp người nghe nhiều hơn trong việc quý chuộng và chấp nhận sứ điệp chúng ta muốn truyền đạt. Một hình ảnh hấp dẫn có thể làm cho người nghe cảm nếm được sứ điệp, đánh thức ước muốn và đánh động ý chí hướng tới Tin Mừng. Một thầy giáo cũ từng nói với tôi, một bài giảng tốt phải có “một ý tưởng, một tình cảm, một hình ảnh.”

158. Đức Phaolô VI nói rằng “các tín hữu... mong đợi nhiều từ bài giảng, và sẽ được rất nhiều lợi ích từ bài giảng, miễn là nó đơn sơ, rõ ràng, trực tiếp và thích hợp”.^[125] Đơn sơ là về ngôn ngữ chúng ta sử dụng. Phải là ngôn ngữ người dân có thể hiểu được, bằng không chúng ta như nói vào chỗ không người. Những người giảng thuyết thường sử dụng các từ ngữ họ đã học trong thời kỳ học tập và trong các môi trường chuyên môn không nằm trong ngôn ngữ thông thường của người nghe. Các từ ngữ này thích hợp trong thần học và huấn giáo, nhưng ý nghĩa của nó thì đa số các Kitô hữu không hiểu được. Nguy cơ lớn nhất đối với một người giảng thuyết là họ quá quen với ngôn ngữ riêng của mình khiến họ nghĩ mọi người khác tất nhiên cũng hiểu và sử dụng được nó. Nếu chúng ta muốn thích nghi với ngôn ngữ của dân chúng và đem lời Chúa đến được với họ, chúng ta cần chia sẻ đời sống của họ và có sự quan tâm trù mên đối với họ. Đơn sơ và rõ ràng là hai chuyện khác nhau. Có thể chúng ta dùng ngôn ngữ đơn sơ nhưng cách giảng của chúng ta không rõ. Rốt cuộc là bài giảng khó hiểu vì nó vô tổ chức, thiếu trình tự lôgic hay cố nói đến quá nhiều điều một lúc. Vì vậy chúng ta cần bảo đảm bài giảng của chúng ta có một chủ đề thống nhất, có trật tự rõ ràng và có sự mạch lạc giữa các câu, để dân có thể dễ dàng theo một cách dễ dàng và nắm được triển lý luận của bài giảng.

159. Tích cực là một đặc trưng nữa của một bài giảng tốt. Bài giảng tốt không quan tâm nhiều tới việc nói ra điều gì không được làm, nhưng gợi ý chúng ta có thể làm gì tốt hơn. Bất luận thế nào, nếu kêu gọi chú ý tới một điều gì tiêu cực, nó cũng phải cố gắng vạch ra một giá trị tích cực và hấp dẫn, nếu không nó sẽ bị mắc kẹt giữa những lời phàn nàn, than vãn, phê bình và trách móc. Giảng tích cực luôn luôn công hiến hi vọng, vạch ra tương lai, không để chúng ta mắc kẹt trong tiêu cực. Tốt biết bao khi các linh mục, phó tế và giáo dân định kỳ tụ họp lại với nhau để khám phá ra các nguồn hỗ trợ có thể giúp cho việc giảng thuyết hấp dẫn hơn!

II. LOAN BÁO TIN MỪNG VÀ HIỂU SÂU SỨ ĐIỆP CƠ BẢN

160. Mệnh lệnh truyền giáo của Chúa bao hàm một lời kêu gọi lớn lên trong đức tin: “Hãy dạy họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em” (Mt 28:20). Vì vậy, rõ ràng việc rao giảng đầu tiên cũng đòi hỏi sự đào luyện thường xuyên và sự trưởng thành. Loan báo Tin Mừng nhắm tới một tiến trình tăng trưởng bao gồm việc coi trọng từng con người và kế hoạch của Thiên Chúa cho cuộc đời của họ. Tất cả chúng ta phải lớn lên trong Đức Kitô. Loan báo Tin Mừng phải kích thích ước muốn tăng trưởng này, để mỗi người chúng ta có thể nói thật lòng: “Không còn là tôi sống, mà là Đức Kitô sống trong tôi” (Gl 2:20).

161. Sẽ không đúng nếu hiểu tiếng gọi tăng trưởng này theo nghĩa thuần túy hay chủ yếu là đào luyện về giáo lý. Lời kêu gọi này liên quan đến việc “tuân giữ” tất cả những gì Chúa đã chỉ cho chúng ta như phương thế để đáp lại tình yêu của Ngài. Liên quan tới các nhân đức, điều này có nghĩa trước hết là giới răn mới, giới răn cao trọng nhất trong các giới răn, và là giới răn xác định rõ nhất chúng ta là môn đệ Đức Kitô: “Đây là điều răn của Thầy: anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 15:12). Rõ ràng, mỗi khi các tác giả Tân Ước muốn trình bày tâm điểm của sứ điệp luân lý của Tin Mừng, họ trình bày đòi hỏi cơ bản về tình yêu đối với tha nhân: “ai yêu người, thì đã chu toàn Lễ Luật... yêu thương là chu toàn Lễ Luật vậy” (Rm

13:8, 10). Đây là những lời dạy của Thánh Phaolô, theo ngài thì giới răn yêu thương không chỉ thu tóm lề luật mà còn là tâm điểm và mục đích của lề luật: “Vì tất cả Lề Luật được nên trọn trong điều răn duy nhất này là: Hãy yêu mến tha nhân như chính mình ngươi” (Gl 5:14). Với các cộng đoàn của ngài, Thánh Phaolô mô tả cuộc đời của người Kitô hữu như một hành trình tăng trưởng trong đức ái: “Xin Chúa cho tình thương của anh em đối với nhau và đối với mọi người ngày càng thêm đậm đà thắm thiết” (1Tx 3:12). Thánh Giacôbê cũng khuyên nhủ các tín hữu chu toàn “luật vàng của Kinh Thánh: Ngươi phải yêu người thân cận như chính mình” (Gc 2:8), để không lỗi bất cứ giới luật nào.

162. Mặt khác, tiến trình đáp lời và tăng trưởng này luôn luôn được ơn Thiên Chúa dẫn trước, vì trước tiên Chúa nói: “Anh em hãy làm phép rửa cho họ nhân danh...” (Mt 28:19). Ơn ban nhưng không của Thiên Chúa biến chúng ta thành con cái Người, và tính ưu việt của ân sủng Người (xem Ep 2:8-9; 1 Cr 4:7), giúp chúng ta khả năng không ngừng thánh hoá bản thân, là điều đẹp lòng Chúa và tôn vinh Người. Bằng cách này, chúng ta để mình được biến đổi trong Đức Kitô nhờ sống một đời sống “theo Thần Khí” (Rm 8:5).

Huấn giáo cơ bản và khai tâm mẫu nhiệm

168. Giáo dục và huấn giáo là để phục vụ sự tăng trưởng này. Chúng ta đã có một số văn kiện của Huấn Quyền và những trợ liệu huấn giáo được phát hành bởi Toà Thánh và các Hội Đồng Giám Mục khác nhau. Tôi đặc biệt nghĩ tới Tông Huấn *Catechesi Tradendae* (1979), *Hướng Dẫn Chung về Huấn Giáo* (1997) và các văn kiện khác mà tôi nghĩ không cần lặp lại nội dung ở đây. Tôi muốn cung cấp một vài suy tư mà tôi tin là có tầm quan trọng đặc biệt.

164. Về huấn giáo cũng vậy, chúng ta đã tái khám phá vai trò cơ bản của việc loan báo tiên khởi hay *kerygma*, nó phải là trọng tâm của mọi hoạt động loan báo Tin Mừng và mọi cố gắng canh tân của Hội Thánh. Lời loan báo tiên khởi mang tính Ba Ngôi. Lửa của Chúa Thánh Thần được ban cho dưới dạng các cái lưỡi và giúp chúng ta tin vào Đức Kitô, Đấng nhờ sự chết và sống lại của Ngài, mặc khải và thông truyền cho chúng ta lòng thương xót vô biên của Cha. Trên môi miệng người dạy giáo lý, lời rao giảng tiên khởi phải không ngừng vang to: “Đức Giêsu Kitô yêu bạn; Ngài hiến mạng sống mình để cứu bạn; và bây giờ Ngài đang sống bên cạnh bạn mỗi ngày để soi sáng, ban sức mạnh và giải thoát bạn.” Lời rao giảng đầu tiên này được gọi là “đầu tiên” không phải vì nó xuất hiện lúc ban đầu và rồi có thể bị lãng quên hay thay thế bằng một cái gì quan trọng hơn. Nó là đầu tiên theo nghĩa phẩm tính vì nó là lời rao giảng *chính*, lời rao giảng mà chúng ta phải nghe đi nghe lại bằng nhiều cách khác nhau, phải loan báo bằng cách này hay cách khác trong suốt tiến trình huấn giáo, ở mọi cấp độ và mọi thời điểm.^[126] Cũng vì lý do này, “linh mục—như mọi thành viên khác của Hội Thánh—phải lớn lên trong sự ý thức rằng bản thân họ luôn luôn cần được loan báo Tin Mừng”.^[127]

165. Chúng ta không được nghĩ rằng trong huấn giáo, lời rao giảng đầu tiên (*kerygma*) nhường chỗ cho một sự đào luyện được cho là “vững chắc” hơn. Không có gì vững chắc, sâu xa, bảo đảm và khôn ngoan hơn lời rao giảng ban đầu này. Mọi sự đào luyện Kitô giáo đều bao gồm việc ngày càng đi sâu hơn vào *kerygma*, được phản ánh trong huấn giáo và không ngừng soi sáng huấn giáo, nhờ đó nó giúp chúng ta hiểu đầy đủ hơn tầm quan trọng của mỗi đề tài mà huấn giáo đề cập đến. Nó là sứ điệp có khả năng đáp lại khát vọng về sự vô biên luôn nằm trong trái tim mỗi người. Vị trí trung tâm của *kerygma* đòi phải nhấn mạnh những yếu tố cần nhất hôm nay: nó phải diễn tả tình thương cứu độ của Thiên Chúa, là cái đi trước mọi bốn phận luân lý hay tôn giáo của chúng ta; nó không được áp đặt sự thật nhưng kêu gọi tự do; nó phải được đánh dấu bằng niềm vui, sự khích lệ, sức sống và một sự cân bằng hài hoà để không gián lược việc rao giảng vào một ít giáo thuyết đôi khi mang tính triết học hơn là tính phúc âm. Tất cả điều này đòi hỏi người giảng thuyết phải có một số thái độ nuôi dưỡng sự mở lòng ra cho sứ điệp: để đến gần,

sẵn sàng đối thoại, kiên nhẫn, nồng ấm, niềm nở, tự trung là thái độ không phê phán.

166. Một khía cạnh khác của huấn giáo mới phát triển trong những thập niên gần đây là sự *khai tâm màu nhiệm (mystagogic initiation)*.^[128] Tự cơ bản, khai tâm màu nhiệm gồm hai điều: một trải nghiệm đào luyện tiệm tiến lôi kéo sự tham gia của toàn cộng đoàn và một sự đánh giá mới về các dấu hiệu phụng vụ của việc khai tâm Kitô giáo. Nhiều sách cẩm nang và chương trình chưa lưu ý đủ về nhu cầu canh tân việc khai tâm màu nhiệm, một việc đòi có những hình thức rất khác nhau dựa trên phán đoán của mỗi cộng đoàn giáo dục. Huấn giáo là một sự công bố lời Chúa và luôn luôn tập trung vào lời ấy, nhưng nó cũng đòi hỏi một môi trường và một cách trình bày hấp dẫn, việc sử dụng các biểu tượng giàu ý nghĩa, sự tháp nhập vào một tiến trình tăng trưởng rộng hơn và sự tích hợp mọi chiều kích của con người trong một lộ trình nghe và trả lời của cộng đoàn.

167. Mọi hình thức huấn giáo cần chú ý tới *via pulchritudinis*, “con đường của cái đẹp”.^[129] Rao giảng Đức Kitô có nghĩa là cho thấy rằng tin Ngài và theo Ngài không chỉ là điều đúng và chính đáng, mà còn là một cái gì đẹp, có khả năng đổ đầy đời sống bằng sự rực rỡ mới mẻ và niềm vui sâu xa, ngay cả giữa những hoàn cảnh khó khăn. Thế nên mọi cách diễn tả cái đẹp đích thực đều có thể được nhìn nhận là một con đường dẫn tới sự gặp gỡ Chúa Giêsu. Nó không liên quan gì tới việc cổ vũ một thứ học thuyết tương đối về thẩm mỹ^[130] vốn coi nhẹ mối tương quan bất khả phân giữa chân, thiện và mỹ, nhưng đúng hơn, nó là một sự quý chuộng mới đối với cái đẹp như là phương tiện làm rung động trái tim con người và giúp cho sự thật và sự tốt lành của Đức Kitô Phục Sinh trở nên rạng rỡ trong đó. Như Thánh Augustinô nói, nếu chúng ta chỉ yêu cái gì đẹp,^[131] thì Con Chúa nhập thể, hiện thân của mặc khải về cái đẹp vô biên, là Đấng đáng yêu tốt độ và lôi kéo chúng ta đến với Ngài bằng sợi dây tình yêu. Vì vậy một sự đào luyện theo *via pulchritudinis* phải là một thành phần trong cố gắng của chúng ta để bước vào đức tin. Mỗi giáo hội địa phương phải khuyến khích việc sử dụng nghệ thuật trong truyền giáo, bằng cách dựa trên những kho tàng của quá khứ nhưng đồng thời cũng sử dụng những cách thể hiện đa dạng đương thời để thông truyền đức tin bằng một “ngôn ngữ dụ ngôn” mới^[132] Chúng ta phải đủ mạnh dạn để khám phá ra những ký hiệu mới và những biểu tượng mới, da thịt mới để thông truyền lời, cùng với những cách biểu hiện khác nhau của cái đẹp được ưa thích trong các nền văn hoá khác nhau, gồm cả những hình thái phá cách của cái đẹp, tuy có thể ít quan trọng đối với những người rao giảng Tin Mừng, nhưng lại đặc biệt hấp dẫn đối với những người khác.

168. Về yếu tố luân lý trong huấn giáo, là cái giúp phát huy sự tăng trưởng trung thành với lối sống phúc âm, cần liên tục nhân mạnh sự hấp dẫn và lý tưởng của một đời sống khôn ngoan, hoàn thành và làm phong phú bản thân. Dưới ánh sáng của sứ điệp tích cực ấy, chúng ta có thể hiểu rõ hơn tại sao mình xa tránh những điều xấu gây nguy hại cho đời sống ấy. Thay vì có thái độ của những chuyên gia chỉ tiên đoán những tai hoạ, hay những quan toà khắc nghiệt luôn tìm cách nhổ tận gốc mọi mối đe doạ hay hành vi sai trái, chúng ta phải tỏ ra là những sứ giả hân hoan về những đề nghị đầy thách thức, những người bảo vệ cái tốt và cái đẹp rạng ngời trong một đời sống trung thành với Tin Mừng.

Đồng hành với cá nhân trong các bước tăng trưởng

169. Trong một nền văn hoá đầy nghịch lý giữa sự đau khổ vì không được ai biết đến và đồng thời bị ám ảnh vì các tình tiết trong cuộc đời của những người khác khiến chúng ta rơi vào thái độ tò mò bệnh hoạn và đáng xấu hổ, Hội Thánh phải nhìn người khác bằng đôi mắt thân tình và thiện cảm hơn. Trong thế giới chúng ta, các mục tử có chức thánh và các nhà hoạt động mục vụ khác có thể hiện thực hoá hương thơm sự gần gũi và cái nhìn thân mật của Đức Kitô. Hội Thánh sẽ phải dẫn đưa mọi người—linh mục, tu sĩ, và giáo dân—vào trong “nghệ thuật đồng hành” này, nó dạy chúng ta biết cởi dép khi đứng trên nền đất thánh thiêng của người khác (xem Xh 3:5).

Bước chân đồng hành này phải có nhịp đều và vững vàng, phản ánh thái độ gần gũi và cái nhìn cảm thông của chúng ta, giúp chữa lành và khích lệ sự tăng trưởng trong đời sống Kitô giáo.

170. Mặc dù nghe có vẻ hiển nhiên, sự đồng hành thiêng liêng phải dẫn đũa người khác đến gần Thiên Chúa hơn, nối Người chúng ta đạt tới tự do đích thực. Một số người nghĩ họ có tự do nếu tránh được Thiên Chúa; nhýng họ không thấy được rằng họ vẫn đang là những người mồ côi, cô độc, vô gia cý. Họ không còn là những người lữ hành, nhưng trở thành những nạn nhân trôi dạt bồng bềnh và không bao giờ đi đến đâu. Đồng hành với họ sẽ phản tác dụng nếu sự đồng hành này chỉ là một trị liệu pháp hỗ trợ sự tự mãn của họ và không còn là một cuộc lữ hành với Đức Kitô để đến với Chúa Cha.

171. Ngày nay hơn bao giờ hết, chúng ta cần những người nam người nữ biết dựa trên kinh nghiệm bản thân trong việc đồng hành với người khác, những người thành thạo trong các tiến trình đòi hỏi sự thận trọng, cảm thông, kiên nhẫn và ngoan ngoãn vâng nghe Chúa Thánh Thần, để họ có thể bảo vệ chiên khỏi sói dữ làm tan tác đàn chiên. Chúng ta cần phát triển nghệ thuật lắng nghe, chứ không chỉ là nghe suông. Trong lãnh vực truyền thông, lắng nghe là sự mở lòng để có được thái độ gần gũi mà thiếu nó thì không thể có sự gặp gỡ thiêng liêng. Lắng nghe giúp chúng ta tìm ra cử chỉ và lời nói thích hợp để chứng tỏ chúng ta không chỉ là những khách qua đường. Chỉ khi có thái độ lắng nghe với lòng tôn trọng và cảm thông, chúng ta mới có thể bước vào con đường tăng trưởng đích thực và đánh thức một khát vọng về lý tưởng Kitô giáo: ước muốn đáp lại trọn vẹn tình yêu của Thiên Chúa và làm cho những gì Ngài đã gieo trong cuộc đời chúng ta sinh hoa kết quả. Nhưng điều này luôn đòi hỏi sự kiên nhẫn của người biết rõ điều mà Thánh Tôma Aquino từng nói: ai cũng có thể có ân sủng và đức ái, nhưng họ do dự trong việc thực thi các nhân đức bởi vì những “xu hướng trái ngược” dai dẳng của họ.^[133] Nói khác đi, tính duy nhất hữu cơ của các nhân đức luôn luôn tồn tại một cách tất yếu *in habitu* (“trong thói quen”), mặc dù các hoàn cảnh chi phối khác nhau có thể ngăn cản các *hoạt động* của các thói quen nhân đức này. Thế nên cần có “một khoa sư phạm dẫn đưa người ta từng bước một tới sự lãnh hội đầy đủ mầu nhiệm”.^[134] Việc đạt đến một mức độ trưởng thành mà ở đó các cá nhân có thể làm các quyết định tự do và có trách nhiệm cần nhiều thời gian và kiên nhẫn. Như Chân Phước Peter Faber thường nói: “Thời gian là sứ giả của Thiên Chúa”.

172. Ai đồng hành với người khác cần hiểu rằng mỗi tình huống của một cá nhân trước mặt Chúa và đời sống trong ân sủng của họ là những mầu nhiệm mà không một ai có thể hiểu đầy đủ từ bên ngoài. Tin Mừng dạy chúng ta sửa lỗi cho người khác và giúp họ lớn lên dựa trên việc nhìn nhận sự xấu xa của các hành động của họ (xem Mt 18:15), nhưng không phê phán về trách nhiệm và sự có tội của họ (xem Mt 7:1; Lc 6:37). Một số người giỏi trong việc đồng hành này không đầu hàng trước những thất bại hay những nỗi sợ hãi. Họ mời gọi những người khác sẵn sàng để mình được chữa lành, vác giường lên, ôm ấp thập giá, bỏ mọi sự lại phía sau và luôn luôn tiếp tục lên đường để loan Tin Mừng. Kinh nghiệm bản thân của chúng ta khi được người khác đồng hành và nâng đỡ, và sự mở lòng của chúng ta cho người đồng hành với mình, sẽ dạy chúng ta biết kiên nhẫn và cảm thông với người khác, và tìm ra đúng con đường để chinh phục sự tin tưởng, sự mở lòng và thái độ sẵn sàng lớn lên.

173. Sự đồng hành thiêng liêng chân chính luôn luôn bắt đầu và phát triển trong lãnh vực phục vụ sứ mạng truyền giáo. Mối quan hệ giữa Thánh Phaolô với Timôthê và Titô là một ví dụ điển hình về sự đồng hành và đào luyện này trong hoạt động tông đồ. Khi giao cho họ nhiệm vụ ở lại tại mỗi thành phố để “hoàn thành công việc tổ chức” (Tt 1:5; xem 1 Tm 1:3-5), Thánh Phaolô cũng cung cấp cho họ những qui tắc cho đời sống cá nhân và hoạt động mục vụ của họ. Cách làm này rõ ràng khác hẳn mọi kiểu đồng hành can thiệp hay tự thể hiện độc lập. Các môn đệ truyền giáo đồng hành với các môn đệ truyền giáo.

Tập trung vào Lời Chúa

174. Không chỉ bài giảng phải được nuôi dưỡng bằng Lời Chúa. Mọi việc loan báo Tin Mừng cũng phải dựa trên lời ấy, phải lắng nghe, suy niệm, sống, cử hành và làm chứng cho lời ấy. Kinh Thánh chính là nguồn mạch của việc loan báo Tin Mừng. Do đó, chúng ta cần không ngừng được huấn luyện trong việc nghe lời Chúa. Hội Thánh không loan báo Tin Mừng nếu chính mình không được nghe Tin Mừng. Lời Chúa thiết yếu phải “không ngừng được đặt một cách đầy đủ hơn vào tâm điểm của mọi hoạt động của Hội Thánh”.^[135] Lời Chúa khi được lắng nghe và cử hành, trước hết trong Thánh Thể, sẽ nuôi dưỡng và kiện cường tâm hồn các Kitô hữu, giúp họ cống hiến một chứng tá đích thực cho Tin Mừng trong đời sống hằng ngày. Chúng ta từ lâu đã vượt qua được sự đối chọi xưa kia giữa lời và bí tích. Việc giảng lời sống động và hiệu quả có tác dụng chuẩn bị cho việc lãnh nhận bí tích, và lời đạt được hiệu quả tối đa trong bí tích.

175. Việc học hỏi Kinh Thánh phải là một cánh cửa rộng mở cho mọi tín hữu.^[136] Nhất thiết lời mạc khải phải triệt để làm cho việc dạy giáo lý và mọi cố gắng truyền thụ đức tin của chúng ta trở nên phong phú.^[137] Loan báo Tin Mừng đòi hỏi sự thân mật với lời Chúa, nó kêu gọi các giáo phận, giáo xứ và các hiệp hội Công Giáo tổ chức các cuộc học hỏi nghiêm túc và thường xuyên về Kinh Thánh, đồng thời khuyến khích các cá nhân và cộng đoàn đọc Kinh Thánh với tâm tình cầu nguyện.^[138] Chúng ta không tìm kiếm Thiên Chúa một cách mò mẫm, hay chờ đợi Ngài nói với chúng ta trước, bởi vì “Thiên Chúa đã nói với chúng ta rồi, và không có gì chúng ta cần biết mà Ngài đã không mạc khải cho chúng ta”.^[139] Chúng ta hãy đón nhận kho tàng siêu vời này của lời mạc khải.

CHƯƠNG BỐN

CHIỀU KÍCH XÃ HỘI CỦA LOAN BÁO TIN MỪNG

176. Loan báo Tin Mừng là làm cho Vương Quốc Thiên Chúa hiện diện trong thế giới chúng ta. Thế nhưng “mọi định nghĩa cục bộ hay manh mún nào với tham vọng diễn tả tất cả thực tại loan báo Tin Mừng trong sự phong phú, phức tạp và năng động của nó đều có nguy cơ làm cho nó trở nên nghèo nàn và thậm chí xuyên tạc nó”.^[140] Giờ đây tôi muốn chia sẻ mối quan tâm của mình về chiều kích xã hội của việc loan báo Tin Mừng, chính là vì nếu chiều kích này không được hiểu một cách đúng đắn, thì luôn luôn có nguy cơ xuyên tạc ý nghĩa đích thực và trọn vẹn của sứ mạng loan báo Tin Mừng.

I. TÁC ĐỘNG CỦA LỜI RAO GIẢNG CƠ BẢN ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

177. Lời rao giảng cơ bản (*kerygma*) có một nội dung xã hội rõ rệt: ở tâm điểm của Tin Mừng là đời sống cộng đồng và sự tham dự với những người khác. Nội dung của lời rao giảng ban đầu này có một hệ quả đạo đức trực tiếp được qui vào đức ái.

Tuyên xưng đức tin và dẫn thân xã hội

178. Tin vào một người Cha yêu thương mọi người với một tình yêu vô biên có nghĩa là nhận ra rằng “qua đó Người ban cho họ một phẩm giá vô hạn”.^[141] Tin rằng Con Thiên Chúa mặc lấy xác thịt nhân loại có nghĩa là mỗi con người đã được đưa vào chính trái tim của Thiên Chúa. Tin rằng Đức Giêsu đã đổ máu mình ra vì chúng ta có nghĩa là loại bỏ mọi nghi ngờ về tình yêu vô biên làm cho mỗi một người trở nên cao quý. Ôn cứu chuộc chúng ta có một chiều kích xã hội bởi vì “Thiên Chúa, trong Đức Kitô, không chỉ cứu chuộc từng cá nhân, nhưng còn cứu chuộc các mối tương quan xã hội giữa con người với nhau”.^[142] Tin rằng Chúa Thánh Thần hoạt động trong mỗi người có nghĩa là nhận ra rằng Người tìm cách thâm nhập mọi tình huống của con người và mọi mối liên kết xã hội: “Có thể nói, Chúa Thánh Thần có một sự sáng tạo vô biên,

thuộc tính riêng của thần trí, nó biết cách tháo gỡ mọi khúc mắc của thể sự, cả những khúc mắc phức tạp và khó lường nhất”.[143] Loan báo Tin Mừng có nghĩa là hợp tác với hoạt động giải thoát này của Chúa Thánh Thần. Chính mầu nhiệm Ba Ngôi nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta đã được dựng nên theo hình ảnh sự hiệp hồng thần linh ấy, vì vậy chúng ta không thể hoàn thành bản thân hay được cứu độ mà chỉ dựa vào cố gắng của riêng mình. Từ tâm điểm của Tin Mừng chúng ta thấy mối liên kết sâu xa giữa loan báo Tin Mừng và thăng tiến con người, sự thăng tiến này bắt buộc phải được biểu hiện và phát triển trong mọi hoạt động loan báo Tin Mừng. Chấp nhận lời rao giảng cơ bản này—lời rao giảng mời gọi chúng ta đón nhận tình yêu của Thiên Chúa và đáp lại tình yêu ấy bằng chính tình yêu là quà tặng của Người—sẽ tạo ra trong đời sống và hành động của chúng ta một lời đáp trước tiên và cơ bản: ước muốn, tìm kiếm, và bảo vệ lợi ích của người khác.

170. Mối liên kết giữa việc chúng ta chấp nhận sứ điệp cứu độ và tình yêu huynh đệ đích thực được thấy trong một số bản văn Kinh Thánh mà chúng ta cần suy gẫm để đánh giá được hết các hệ quả của chúng. Sứ điệp là cái mà chúng ta thường coi là hiển nhiên và có thể lặp lại hầu như một cách máy móc, mà không nhất thiết bảo đảm rằng nó có một hiệu ứng thực sự đối với đời sống chúng ta và trong các cộng đồng của chúng ta. Tình trạng này quá nguy hiểm, bởi nó làm chúng ta mất đi sự kinh ngạc, phấn khích và nhiệt tình để sống Tin Mừng của tình huynh đệ và công lý! Lời Chúa dạy rằng anh chị em của chúng ta là sự nối dài mầu nhiệm nhập thể cho mỗi người chúng ta: “mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta vậy” (Mt 25:40). Cách chúng ta đối xử với người khác có một chiều kích siêu việt: “anh em đừng bằng đầu nào, thì Thiên Chúa cũng sẽ đong cho anh em bằng đầu ấy” (Mt 7:2). Nó tương ứng với lòng thương xót mà Thiên Chúa đã tỏ cho chúng ta: “Anh em hãy có lòng nhân từ, như Cha anh em Đấng nhân từ. Anh em đừng xét đoán, thì anh em sẽ không bị Thiên Chúa xét đoán. Anh em đừng lên án, thì sẽ không bị Thiên Chúa lên án. Anh em hãy tha thứ, thì sẽ được Thiên Chúa thứ tha. Anh em hãy cho, thì sẽ được Thiên Chúa cho lại... Vì anh em đong bằng đầu nào, thì Thiên Chúa sẽ đong lại cho anh em bằng đầu ấy” (Lc 6:36-38). Các đoạn Kinh Thánh này cho thấy rõ rằng ưu tiên tuyệt đối của việc “đi ra khỏi bản thân chúng ta để đến với các anh chị em chúng ta” là một trong hai giới răn lớn làm nền tảng cho mọi qui tắc luân lý và là dấu hiệu rõ ràng nhất để nhận ra sự tăng trưởng thiêng liêng trong việc đáp lại ân huệ hoàn toàn cho không của Thiên Chúa. Vì lý do này, “việc phục vụ bác ái cũng là một yếu tố cấu thành của sứ mạng Hội Thánh và là một biểu hiện thiết yếu của chính sự hiện hữu của Hội Thánh”.[144] Hội Thánh tự bản chất là truyền giáo; Hội Thánh tràn trề đức ái hiệu quả và một sự cảm thông có sức thấu hiểu, giúp đỡ và phát huy.

Nước Thiên Chúa và thách thức của nó

180. Đọc Kinh Thánh cũng cho ta thấy rõ rằng Tin Mừng không chỉ thuần túy là về mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa. Chúng ta cũng không được coi lời đáp yêu thương của chúng ta với Thiên Chúa như chỉ là tập hợp các nghĩa cử nhỏ bé và riêng lẻ của chúng ta đối với các cá nhân gặp hoàn cảnh khó khăn, một kiểu gọi là “bác ái trên giấy”, hay một chuỗi các hành vi chỉ cốt làm cho lương tâm chúng ta khỏi áy náy. Tin Mừng là về *Nước Thiên Chúa* (xem Lc 4:43); về yêu mến Thiên Chúa Đấng ngự trị trong thế giới chúng ta. Bao lâu Người ngự trị giữa chúng ta, đời sống xã hội sẽ là một môi trường của tình huynh đệ phổ quát, công lý, hòa bình và nhân phẩm. Vì vậy, cả việc rao giảng và đời sống Kitô giáo đều phải có một ảnh hưởng trên xã hội. Chúng ta đang tìm kiếm Nước Chúa: “Trước hết hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người, còn tất cả những thứ kia, Người sẽ thêm cho” (Mt 6:33). Sứ mạng Đức Kitô là thiết lập vương quốc của Cha Người; Ngài truyền cho các môn đệ đi rao giảng tin vui rằng “Nước Trời đã đến gần” (Mt 10:7).

181. Vương quốc này, vốn đã hiện diện và lớn lên giữa chúng ta, lôi kéo sự tham dự của chúng ta trên mọi bình diện và nhắc nhở chúng ta về nguyên tắc phân định mà Đức Phaolô VI áp dụng cho sự phát triển đích thực: nó phải hướng tới “mọi người và trọn vẹn con người”.^[145] Chúng ta biết “loạn báo Tin Mừng sẽ không hoàn hảo nếu nó không lưu tâm tới tác động qua lại liên tục của Tin Mừng và đời sống cụ thể của con người, đời sống cá nhân cũng như xã hội”.^[146] Đây là nguyên tắc về tính phổ quát nội tại của Tin Mừng, vì Cha muốn sự cứu rỗi của mọi người, nam cũng như nữ, và kế hoạch cứu độ của Người là “qui tụ muôn loài trong Đức Kitô, mọi loài trên trời và dưới đất” (Ep 1:10). Sứ mạng chúng ta là “đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo” (Mc 16:15), vì “muôn loài thọ tạo những ngong ngóng đợi chờ ngày Thiên Chúa mặc khải vinh quang của con cái Người” (Rm 8:19). Ở đây, “loài thọ tạo” chỉ về mọi khía cạnh của đời sống con người; do đó, “sứ mạng rao giảng Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô có một đích đến hoàn vũ. Nhiệm vụ của sứ mạng này bao gồm mọi chiều kích của đời sống, mọi lãnh vực của đời sống cộng đồng, và mọi dân tộc. Không có gì của con người có thể xa lạ với nó”.^[147] Niềm hi vọng Kitô giáo đích thực là tìm kiếm vương quốc cánh chung, nó luôn luôn sinh ra lịch sử.

Giáo huấn của Hội Thánh về các vấn đề xã hội

182. Các giáo huấn của Hội Thánh liên quan đến các tình huống trần thế đều chịu sự chi phối các sự phát triển mới và xa hơn và có thể được mở ra cho tranh luận, nhưng chúng ta phải cụ thể—tuy không quá đi vào chi tiết—nếu không các nguyên tắc lớn về xã hội sẽ mãi mãi chỉ là những điều khái quát chẳng thách thức được một ai. Cần phải rút ra những kết luận thực hành, để chúng “có tác động lớn đến sự phức tạp của các tình huống hiện hành”.^[148] Các mục tử của Hội Thánh, trong khi lưu tâm tới các đóng góp của các khoa học khác nhau, có quyền đưa ra các ý kiến về tất cả những gì ảnh hưởng đến đời sống con người, vì nhiệm vụ loan báo Tin Mừng bao hàm và đòi hỏi sự thăng tiến toàn vẹn mỗi con người. Không còn có thể chủ trương rằng tôn giáo phải được hạn chế trong lãnh vực tư riêng và nó chỉ tồn tại để chuẩn bị các linh hồn vào thiên đàng. Chúng ta biết Thiên Chúa muốn các con cái Người được hạnh phúc cả ở đời này nữa, mặc dù họ được kêu gọi để hưởng sự viên mãn trong cõi vĩnh cửu, vì Người đã tạo dựng nên mọi sự “cho chúng ta hưởng dùng” (1 Tm 6:17), cho *mọi người* hưởng dùng. Hệ quả là sự hoán cải của người Kitô hữu đòi hỏi phải duyệt xét lại đặc biệt những lãnh vực và những khía cạnh của đời sống “liên quan đến trật tự xã hội và việc theo đuổi lợi ích chung”.^[149]

183. Do đó, không ai có thể đòi tôn giáo phải bó gọn vào trong nội cung của đời sống cá nhân, không có ảnh hưởng gì tới đời sống xã hội và quốc gia, không quan tâm gì tới sự lành mạnh của các cơ chế dân sự, không có quyền đóng góp ý kiến về các vấn đề ảnh hưởng tới xã hội. Có ai dám tuyên bố khoá chặt và bắt nín lặng sứ điệp của Thánh Phanxicô Assisi hay Chân Phước Têrêxa Calcutta? Hẳn là chính các ngài sẽ coi đó là chuyện không thể chấp nhận được. Một đức tin chân chính—không bao giờ dễ chịu hay cá nhân—luôn luôn bao hàm một ước muốn sâu xa là biến đổi thế giới, truyền thông các giá trị, làm cho thế giới này phần nào tốt hơn khi ta gặp nó. Chúng ta yêu quý hành tinh tuyệt vời này, nơi Thiên Chúa đã đặt chúng ta vào, chúng ta yêu quý gia đình nhân loại đang cư ngụ ở đây, với tất cả những thảm cảnh và những đấu tranh, những hi vọng và ước mơ, những yếu đuối và sức mạnh của nó. Trái đất là nhà chung của chúng ta và tất cả chúng ta là anh chị em của nhau. Nếu quả thực “việc điều hoà trật tự công bằng của xã hội và nhà nước là một trách nhiệm chính trị”, thì Hội Thánh “không thể đứng bên lề cuộc đấu tranh cho công lý”.^[150] Mọi Kitô hữu, bao gồm cả các mục tử của họ, được kêu gọi bày tỏ quan tâm đối với việc xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Đây là điều cơ bản, vì tư tưởng xã hội của Hội Thánh chủ yếu là tích cực: Hội Thánh công hiến các đề nghị, Hội Thánh hoạt động cho sự thay đổi và theo nghĩa này Hội Thánh vạch ra niềm hi vọng phát sinh từ trái tim yêu thương của Đức

Giêsu Kitô. Đồng thời, Hội Thánh nói kết “sự dẫn thân của chính mình với sự dẫn thân trong lãnh vực xã hội của các Hội Thánh và các Cộng Đồng Hội Thánh khác, dù trên bình diện suy tư về học thuyết hay bình diện thực hành”.^[151]

184. Đây không phải lúc cũng chẳng phải chỗ để xem xét chi tiết rất nhiều vấn đề xã hội đang ảnh hưởng tới thế giới hôm nay, và tôi cũng đã đề cập đến một số vấn đề này ở chương hai. Tông huấn này không phải là một văn kiện xã hội, ví chúng ta có một công cụ thích hợp nhất để suy tư về các chủ đề khác nhau ấy, đó là cuốn *Toát Yếu Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh Công Giáo*, là văn kiện mà tôi nhiệt liệt khuyến khích anh chị em đọc và học hỏi. Hơn nữa, Giáo Hoàng hay Hội Thánh không độc quyền về việc diễn giải các thực tại xã hội hay đề nghị các giải pháp cho các vấn đề đương đại. Ở đây tôi có thể lặp lại nhận định sâu sắc của Đức Phaolô VI: “Đối diện với những tình huống thay đổi sâu rộng như thế, chúng ta thật khó có thể phát biểu một thông điệp thống nhất và đưa ra một giải pháp có giá trị phổ quát. Đây không phải là tham vọng hay sứ mạng của chúng ta. Các cộng đồng Kitô có nhiệm vụ phân tích một cách khách quan tình huống riêng của quốc gia mình”.^[152]

185. Dưới đây tôi muốn tập trung vào hai vấn đề lớn mà tôi coi là rất cơ bản trong thời kỳ này của lịch sử. Tôi sẽ trình bày hai vấn đề này đầy đủ hơn vì tôi tin chúng sẽ định hình tương lai của nhân loại. Vấn đề thứ nhất là sự bao gồm người nghèo trong xã hội, và vấn đề thứ hai là hoà bình và đối thoại xã hội.

II. SỰ BAO GỒM NGƯỜI NGHÈO TRONG XÃ HỘI

186. Đức tin của chúng ta vào Đức Kitô, Đấng đã trở nên nghèo khó và luôn luôn gần gũi những người nghèo và những người bị hắt hủi, là cơ sở cho mối quan tâm của chúng ta đối với sự phát triển toàn diện của các thành viên bị lãng quên nhất của xã hội.

Kết hiệp với Thiên Chúa, chúng ta nghe thấy một lời kêu xin

187. Mỗi cá nhân và mỗi cộng đồng Kitô hữu được kêu gọi trở thành một dụng cụ của Thiên Chúa cho việc giải phóng và thăng tiến người nghèo, và giúp họ là thành viên đầy đủ của xã hội. Việc này đòi chúng ta phải mở lòng và chăm chú lắng nghe tiếng kêu của người nghèo và đến cứu giúp họ. Chỉ cần lướt qua Sách Thánh cũng đủ để chúng ta thấy Cha nhân từ của chúng ta hằng muốn lắng nghe tiếng kêu của người nghèo: “Ta đã thấy rõ cảnh khổ cực của dân Ta bên Ai-cập, Ta đã nghe tiếng chúng kêu than vì bọn cai hành hạ. Phải, Ta biết các nỗi đau khổ của chúng. Ta xuống giải thoát chúng... Bây giờ, người hãy đi! Ta sai người...” (Xh 3:7-8, 10). Chúng ta cũng thấy Người quan tâm tới các nhu cầu của họ như thế nào: “Bây giờ con cái Ít-ra-en kêu lên Đức Chúa, Đức Chúa liền cho xuất hiện một vị cứu tinh” (Tl 3:15). Nếu chúng ta, những người được Chúa dùng để lắng nghe người nghèo, mà bịt tai trước tiếng kêu xin này, chúng ta chống lại ý muốn và kế hoạch của Người; người nghèo kia “có thể sẽ kêu lên Đức Chúa tố cáo anh (em) và anh (em) sẽ mang tội” (Đnl 15:9). Thiều tình liên đới với các nhu cầu của người nghèo sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa: “Ai cay đắng trong lòng mà nguyên rủa con, thì Đấng tạo thành ra nó sẽ nghe lời nó thỉnh nguyện” (Hc 4:6). Câu hỏi xa xưa luôn luôn vang vọng trở lại: “Nếu ai có của cải thế gian và thấy anh em mình lâm cảnh túng thiếu, mà chẳng động lòng thương, thì làm sao tình yêu Thiên Chúa ở lại trong người ấy được?” (1 Ga 3:17). Chúng ta cũng hãy nhớ lại tông đồ Giacôbê đã nói thẳng như thế nào về tiếng kêu của người bị áp bức: “Các người đã gian lận mà giữ lại tiền lương của những người thợ đi cắt lúa trong ruộng của các người. Kìa, tiền lương ấy đang kêu lên oán trách các người, và tiếng kêu của những thợ gặt ấy đã thấu đến tai Chúa các đạo binh” (5:4).

188. Hội Thánh đã nhận ra rằng chính nhu cầu lắng nghe tiếng kêu cứu này phát sinh từ hành động giải thoát của ân sủng trong mỗi người chúng ta, và vì thế đây không phải là sứ mạng chỉ dành riêng cho một số ít người: “Được hướng dẫn bởi Tin Mừng của lòng thương xót và tình yêu

thương đối với loài người, Hội Thánh nghe thấy tiếng kêu đòi công lý và muốn đáp lại tiếng kêu này bằng tất cả sức lực của mình”.^[153] Trong bối cảnh này chúng ta có thể hiểu lệnh truyền của Đức Giêsu cho các môn đệ: “Thì chính anh em hãy cho họ ăn đi!” (Mc 6:37): có nghĩa là làm việc để loại trừ các cơ cấu gây nên đói nghèo, đồng thời cổ vũ sự phát triển toàn diện của người nghèo, cũng như có những hành vi nhỏ nhỏ hằng ngày để đáp ứng các nhu cầu thực sự mà chúng ta gặp. Từ “tình liên đới” đã hơi cũ và đôi khi bị hiểu một cách hạn chế, nhưng nó chỉ về một cái gì lớn hơn là một ít hành vi quảng đại lẻ tẻ. Nó muốn chỉ về việc tạo ra một não trạng biết nghĩ đến cộng đồng và vị trí ưu tiên của sự sống vượt lên trên việc chiếm hữu của cải bởi một số ít người.

189. Tình liên đới là một phản ứng tự nhiên của những người nhận ra rằng chức năng xã hội của tài sản và mục tiêu phổ quát của của cải là những thực tại đi trước quyền tư hữu. Quyền tư hữu tài sản được biện minh bởi nhu cầu bảo vệ và gia tăng chúng, để chúng có thể phục vụ công ích tốt hơn; vì lý do này, tình liên đới phải được sống như là quyết định hoàn trả cho người nghèo những gì thuộc về họ. Các xác tín và thói quen này về tình liên đới, khi được đem ra thực hành, sẽ mở đường cho những biến đổi khác về cơ cấu và làm cho chúng trở thành hiện thực. Thay đổi các cơ cấu mà không tạo ra được những niềm tin và thái độ mới thì chắc chắn chỉ làm cho các cơ cấu ấy sớm hay muộn sẽ trở thành tham nhũng, áp bức và vô bổ.

190. Đôi khi đây là vấn đề lắng nghe tiếng kêu của cả dân tộc, những dân tộc nghèo khổ nhất trên trái đất, vì “hoà bình không chỉ được đặt nền trên sự tôn trọng các quyền của con người, mà còn được đặt nền trên sự tôn trọng các quyền của các dân tộc”.^[154] Buồn thay, ngay cả các quyền của con người cũng bị lợi dụng để biện minh cho một sự bênh vực các quyền của các cá nhân hay các quyền của các dân tộc giàu có hơn. Trong khi tôn trọng chủ quyền và văn hoá của mỗi quốc gia, chúng ta không bao giờ được quên rằng hành tinh này thuộc về toàn thể nhân loại và được dành cho toàn thể nhân loại; sự kiện một số dân tộc được sinh ra tại những nơi có ít tài nguyên hơn hay ít phát triển hơn không biện minh cho sự kiện họ đang sống kém phẩm giá hơn. Cần phải nói lại rằng “những người may mắn hơn phải từ bỏ một số quyền lợi của mình để đặt của cải của mình một cách quảng đại hơn vào việc phục vụ người khác”.^[155] Để nói đúng về các quyền của mình, chúng ta cần mở rộng tầm nhìn và nghe tiếng kêu của các dân tộc và các vùng khác ngoài đất nước của chính chúng ta. Chúng ta cần lớn lên trong tình liên đới để nó “giúp mọi dân tộc trở thành những người tạo nên vận mệnh của chính mình”,^[156] vì “mọi người được kêu gọi hoàn thành bản thân mình”.^[157]

191. Ở mọi nơi và trong mọi hoàn cảnh, với sự trợ giúp của các mục tử, người Kitô hữu được kêu gọi nghe tiếng kêu của người nghèo. Điều này đã được phát biểu một cách hùng hồn bởi các giám mục Brazil: “Chúng tôi muốn mang lấy những niềm vui và hi vọng, những khó khăn và đau buồn của dân tộc Brazil, đặc biệt của những người đang sống tại các vùng ngoại ô và nông thôn—những người không ruộng đất, không nhà cửa, thiếu lương thực và sự chăm sóc y tế—khiến các quyền lợi của họ phải thiệt thòi. Nhìn cảnh nghèo khổ của họ, nghe những tiếng kêu của họ và biết những đau khổ của họ, chúng tôi cảm thấy nhức nhối vì biết rằng có đủ lương thực cho mọi người và nạn đói là kết quả của một sự phân phối của cải và thu nhập thấp kém. Vấn đề còn tồi tệ hơn nữa vì tình trạng phí phạm tràn lan”.^[158]

192. Nhưng chúng ta còn ước ao nhiều hơn thế; ước mơ của chúng ta bay cao hơn. Chúng ta không chỉ đang nói về việc bảo đảm dinh dưỡng hay một “điều kiện sinh sống xứng đáng” cho mọi người, mà cả “hạnh phúc và sự thịnh vượng vật chất chung” của họ.^[159] Điều này có nghĩa là được hưởng một nền giáo dục, chăm sóc y tế, và trên hết là việc làm, vì chính nhờ lao động tự do, sáng tạo, tham gia và nâng đỡ lẫn nhau mà con người biểu hiện và nâng cao phẩm giá cuộc sống của họ. Một mức lương công bằng sẽ giúp họ tiếp cận một cách thoả đáng mọi món hàng

khác để sử dụng trong đời sống bình thường.

Trung thành với Tin Mừng, kéo chúng ta ngược xuôi vô ích

193. Chúng ta hiện thực hoá bốn phận nghe tiếng kêu của người nghèo khi chúng ta cúi lòng trước cảnh đau khổ của người khác. Chúng ta hãy nghe lời Chúa dạy chúng ta như thế nào về lòng thương người, và để cho lời ấy vang dội trong đời sống Hội Thánh. Tin Mừng nói với chúng ta: “Phúc thay ai xót thương người, vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương” (Mt 5:7).

Thánh tông đồ Giacôbê dạy rằng lòng thương người sẽ biện hộ cho chúng ta trong ngày Chúa phán xét: “Anh em hãy nói năng và hành động như những người sẽ bị xét xử theo luật tự do. Vì Thiên Chúa không thương xót khi xét xử kẻ không biết thương xót. Còn ai thương xót, thì chẳng quan tâm đến việc xét xử” (Gc 2:12-13). Ở đây Thánh Giacôbê trung thành với truyền thống tinh tể nhất của linh đạo Do Thái sau thời lưu đày, là linh đạo gán cho lòng thương xót một giá trị đặc biệt: “Hãy gỡ bỏ các tội lỗi mình bằng thực thi công chính, gỡ bỏ các điều gian ác bằng cách tỏ lòng thương xót với những người bị áp bức, để may ra có thể kéo dài thời an bình của đức vua” (Đn 4:27 [4:24]). Các sách thuộc thể loại khôn ngoan quan niệm việc bố thí là một cách thực thi cụ thể lòng thương xót đối với những người nghèo: “Việc bố thí cứu cho khỏi chết và tẩy sạch mọi tội lỗi” (Tb 12:9). Ý tưởng này thậm chí được sách Huấn Ca diễn tả giàu hình ảnh hơn nữa: “Nước dập tắt lửa hồng, bố thí đền bù tội lỗi” (Hc 3:30). Tân Ước cũng có cùng một tổng hợp: “Anh em hãy yêu thương nhau nồng nàn, vì lòng yêu thương che phủ muôn vàn tội lỗi” (1 P 4:8). Chân lý này đã ảnh hưởng sâu đậm đến các Giáo Phụ và giúp tạo nên một sự phản kháng mang tính tiên tri và kháng văn hoá chống lại chủ nghĩa hưởng thụ ích kỷ của ngoại giáo. Chúng ta có thể đơn cử một ví dụ: “Nếu chúng ta gặp nguy hiểm vì lửa, chắc chắn chúng ta sẽ chạy đi lấy nước để dập tắt lửa... cũng vậy, nếu một tia lửa tội lỗi bùng lên từ đồng rom của chúng ta làm chúng ta gặp rắc rối, thì khi có cơ hội để thực thi một việc thương người, chúng ta phải vui mừng như thể đang có trước mặt một suối nước để có thể dập tắt lửa”.^[160]

194. Thông điệp này quá rõ ràng và trực tiếp, quá đơn sơ và hùng hồn, nên không một lối chú giải nào của Hội Thánh có quyền tương đối hoá nó. Suy tư của Hội Thánh về các bản văn này không được che khuất hay làm yếu đi sức mạnh của nó, nhưng thôi thúc chúng ta đón nhận những lời khuyên này một cách can đảm và nhiệt tình. Tại sao lại phải làm cho một điều đơn sơ trở thành phức tạp? Các khái niệm là những công cụ để tăng cường sự tiếp xúc với các thực tại chứ không phải để làm chúng ta xa thực tại. Điều này đặc biệt đúng với những lời khuyên của Kinh Thánh kêu gọi chúng ta một cách mạnh mẽ về tình yêu thương huynh đệ, về việc phục vụ khiêm tốn và quảng đại, về công bằng và lòng thương xót đối với người nghèo. Đức Giêsu dạy chúng ta cách nhìn này về người khác bằng chính những lời nói và hành động của Ngài. Vậy có gì lại phải làm cho một điều đã quá rõ trở nên khó hiểu? Chúng ta không được chỉ quan tâm tránh rơi vào những sai lạc về giáo thuyết, mà còn phải lo sao để trung thành với con đường sự sống và sự khôn ngoan chứa chan ánh sáng này. Vì “những người bên vực sự chính thống của học thuyết đôi khi bị tố cáo là thụ động, bao dung, hay đồng lõa liên quan đến những tình huống bất công không thể dung thứ và các thể chế chính trị nuôi dưỡng chúng”.^[161]

195. Khi Thánh Phaolô lên Giêrusalem gặp các tông đồ tại để xác định rõ liệu ngài đang “ngược xuôi hay đã ngược xuôi vô ích” (Gl 2:2), thì tiêu chí các ngài nêu ra để đánh giá tính xác thực là ngài không được bỏ quên người nghèo (xem Gl 2:10). Nguyên tắc quan trọng này—nghĩa là các cộng đoàn của Phaolô không được rơi vào lối sống vị kỷ của người ngoại giáo—vẫn còn mang tính thời sự hôm nay, khi mà lối sống vị kỷ của một thứ ngoại giáo mới đang gia tăng. Có thể chúng ta không luôn luôn suy tư đầy đủ được về vẻ đẹp của Tin Mừng, nhưng có một dấu hiệu mà chúng ta không bao giờ được thiếu: chọn lựa vì những người hèn mọn nhất, những người bị xã hội loại trừ.

196. Đôi khi lòng trí chúng ta ra chai đá; chúng ta dễ quên, dễ phân tâm và bị lôi đi bởi những khả năng tiêu thụ và giải trí vô giới hạn do xã hội ngày nay cung cấp. Tình trạng này dẫn tới một sự tha hoá về mọi phương diện, vì “một xã hội bị tha hoá khi các hình thức tổ chức xã hội, sản xuất và tiêu thụ của nó làm cho người ta khó trao hiến bản thân mình và thiết lập tình liên đới giữa những con người với nhau”.[162]

Vị trí đặc biệt của người nghèo trong dân của Thiên Chúa

197. Trong trái tim của Thiên Chúa có một chỗ đặc biệt cho người nghèo, vì chính Thiên Chúa “đã trở nên nghèo khó” (2 Cr 8:9). Toàn thể lịch sử cứu độ đợc đánh dấu bởi sự hiện diện của người nghèo. Ôn cứu độ đến với chúng ta qua lời thứa “xin vâng” thốt ra từ một thiếu nữ nghèo hèn xuất thân từ một làng nhỏ ở ngoài rìa một đế quốc vĩ đại. Đấng Cứu Thế sinh ra trong một máng cỏ, giữa đàn súc vật, giống như bao trẻ em của các gia đình nghèo; Ngài đợc dâng trong Đền Thờ với một cặp bồ câu non, là loại lễ vật của những người không có khả năng mua một con chiên con (xem Lc 2:24; Lv 5:7); Ngài đợc nuôi dạy trong một gia đình lao động bình thường kiếm sống bằng bàn tay lao động của mình. Khi Ngài bắt đầu rao giảng Nước Thiên Chúa, đám đông dân chúng nghèo hèn đi theo Ngài, minh hoạ cho lời tuyên bố của Ngài: “Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn” (Lc 4:18). Ngài quả quyết với những người trĩu nặng buồn phiền và bị đè nặng bởi cảnh nghèo khó rằng Thiên Chúa có một chỗ đặc biệt cho họ trong trái tim Người: “Phúc cho anh em là những kẻ nghèo khó, vì Nước Thiên Chúa là của anh em” (Lc 6:20); Ngài đồng hoá mình với họ: “Ta đói, các ngươi đã cho ăn”, và Ngài dạy họ rằng lòng thương xót đối với những người này là chìa khoá để vào nước trời (xem Mt 25:5tt.).

198. Đối với Hội Thánh, lựa chọn người nghèo là một phạm trù chủ yếu thần học hơn là một phạm trù xã hội học, chính trị hay triết học. Thiên Chúa tỏ “lòng thương xót của Người trước tiên” cho những người nghèo.[163] Sự ưu ái này của Thiên Chúa có những hệ quả cho đời sống đức tin của người Kitô hữu, vì chúng ta đợc kêu gọi để có “tâm tình như Chúa Giêsu Kitô” (Pl 2:5). Đợc gọi hứng bởi điều này, Hội Thánh đã có sự chọn lựa vì người nghèo, đợc hiểu như là một “hình thức đặc biệt của vị trí hàng đầu trong việc thực thi bác ái Kitô giáo mà toàn thể truyền thống của Hội Thánh luôn làm chứng”.[164] Sự chọn lựa này—như Đức Bênêđictô dạy—“hàm ẩn trong đức tin Kitô giáo của chúng ta vào một vị Thiên Chúa đã trở nên nghèo khó vì chúng ta, để chúng ta trở nên giàu có với sự nghèo khó của Người”.[165] Đây là lý do tại sao tôi muốn một Hội Thánh nghèo và cho người nghèo. Họ có nhiều điều để dạy chúng ta. Không những họ tham dự vào cảm thức đức tin (*sensus fidei*), nhưng giữa những khó khăn họ biết Đức Kitô chịu đau khổ. Chúng ta cần phải để mình đợc phúc âm hoá bởi họ. Tân phúc âm hoá là một lời mời gọi nhìn nhận quyền năng cứu độ đang hoạt động trong đời sống của họ và đặt nó vào tâm điểm cuộc lữ hành của Hội Thánh. Chúng ta đợc kêu gọi tìm thấy Đức Kitô nơi họ, lên tiếng bênh vực mục đích của họ, nhưng đồng thời cũng là bạn của họ, nghe họ, nói với họ và ôm ấp sự khôn ngoan mâu nhiệm mà Thiên Chúa muốn chia sẻ với chúng ta thông qua họ.

199. Sự dẫn thân của chúng ta không chỉ duy nhất hệ tại các hoạt động hay chương trình thăng tiến và cứu giúp; cái mà Chúa Thánh Thần huy động không phải là một thái độ hiếu hoạt vô trật tự, nhưng trên hết là một sự chú tâm coi người khác “hầu như là một với chúng ta”.[166] Sự chú tâm yêu thương này là khởi đầu cho một sự quan tâm thực sự đối với nhân vị của họ, thúc đẩy chúng ta hoạt động để mưu cầu lợi ích cho họ. Điều này đòi hỏi sự trân trọng người nghèo trong lòng tốt của họ, kinh nghiệm cuộc đời của họ, văn hoá của họ, và cách họ sống đức tin. Tình yêu đích thực luôn luôn suy gẫm và cho phép chúng ta phục vụ người khác không phải vì nhu cầu hay để phô trương, nhưng đúng hơn vì họ đẹp vượt trên dáng vẻ bề ngoài của họ: “Tình yêu làm chúng ta thấy người khác dễ thương khiến chúng ta tự ý trao tặng họ một điều gì đó”.[167] Khi

được yêu, người nghèo “được quý chuộng như một giá trị lớn”,[\[168\]](#) và đây chính là điều làm cho chọn lựa đích thực vì người nghèo khác với mọi ý thức hệ khác, khác với mọi cố gắng bóc lột người nghèo vì lợi ích cá nhân hay chính trị. Chỉ trên cơ sở của sự gần gũi thực sự và chân thành này, chúng ta mới có thể đồng hành với người nghèo trên con đường giải phóng của họ. Chỉ có sự gần gũi này mới bảo đảm rằng “trong mỗi cộng đồng Kitô giáo, người nghèo cảm thấy như ở nhà mình. Đây chẳng phải là phương pháp quan trọng và hiệu quả nhất để loan báo tin mừng về Nước Thiên Chúa sao?”[\[169\]](#) Nếu không có sự lựa chọn ưu tiên vì người nghèo, “việc rao giảng Tin Mừng, tự nó là hình thức cơ bản của đức ái, sẽ có nguy cơ bị ngộ nhận hay bị nhấn chìm bởi đại dương những lời nói hăng ngày nuốt trửng chúng ta trong cái xã hội truyền thông hôm nay”.[\[170\]](#)

200. Vì Tông Huấn này nói với các thành viên Hội Thánh Công Giáo, tôi muốn nói với lòng đau buồn rằng sự kỳ thị tồi tệ nhất mà người nghèo phải chịu là thiếu chăm sóc thiêng liêng. Đa số người nghèo có một sự mở lòng đặc biệt với đức tin; họ cần Thiên Chúa và chúng ta không thể không cống hiến cho họ tình bạn, sự chúc lành, lời nói, việc cử hành các bí tích và một hành trình lớn lên và trưởng thành trong đức tin. Chọn lựa ưu tiên của chúng ta vì người nghèo phải chủ yếu trở thành một sự chăm sóc tôn giáo đặc biệt và ưu tiên cho họ.

201. Không ai được nói mình không thể gần gũi người nghèo vì nếp sống của mình đòi hỏi phải chú ý tới những lãnh vực khác. Đây là một lời bao biện thường nghe thấy trong các giới học thuật, doanh nghiệp hay chuyên môn, thậm chí cả trong giới giáo sĩ. Tuy đúng là ơn gọi cơ bản của người tín hữu giáo dân là cố gắng làm cho các thực tại trần thế và mọi hoạt động nhân loại được biến đổi bởi Tin Mừng,[\[171\]](#) nhưng không một ai trong chúng ta được miễn khỏi sự quan tâm tới người nghèo và công bằng xã hội: “Sự hoán cải thiêng liêng, tình yêu sâu đậm với Thiên Chúa và tha nhân, nhiệt tình đối với công lý và hoà bình, ý nghĩa Tin Mừng của người nghèo và cảnh nghèo, là những điều đòi hỏi mọi người”.[\[172\]](#) Tôi e rằng chính những lời này cũng có thể khơi dậy những lời bình phẩm hay tranh luận mà không thực sự đem lại hiệu quả thực hành nào. Nói vậy, nhưng tôi tin vào sự cởi mở của mọi Kitô hữu, và tôi xin anh chị em, với tư cách một cộng đồng, tìm ra những cách thức sáng tạo để chấp nhận lời kêu gọi canh tân này.

Kinh tế và sự phân phối nguồn thu nhập

202. Nhu cầu giải quyết các nguyên nhân của nghèo khó không thể bị trì hoãn, không chỉ vì lý do thực dụng là sự cấp bách của nó đối với trật tự tốt đẹp của xã hội, mà còn vì xã hội cần được chữa khỏi căn bệnh đang làm nó suy yếu và thất bại và chỉ có thể dẫn tới những khủng hoảng mới. Các chương trình an sinh xã hội đáp ứng được một số nhu cầu khẩn cấp, nhưng chỉ được coi là những giải pháp tạm thời. Chừng nào mà các vấn đề của người nghèo không được giải quyết triệt để bằng cách loại bỏ tính tự trị tuyệt đối của các thị trường và nạn đầu cơ tài chính cũng như bằng cách tấn công vào các nguyên nhân của cơ cấu bất bình đẳng,[\[173\]](#) thì không một giải pháp nào có thể được tìm thấy cho các vấn đề của thế giới, hay cho bất cứ vấn đề nào trong lãnh vực này. Bất bình đẳng là cội rễ của mọi tệ nạn xã hội.

203. Phẩm giá của mỗi con người và sự mưu cầu lợi ích chung là những mối quan tâm phải định hình mọi chính sách kinh tế. Tuy nhiên có khi chúng chỉ là những thêm thắt từ bên ngoài để bù đắp cho một lý thuyết chính trị thiếu tầm nhìn hay thiếu kế hoạch cho một sự phát triển toàn diện. Biết bao nhiêu từ gây khó chịu cho hệ thống này! Khó chịu khi vấn đề đạo đức được nêu lên, khi tình liên đới toàn cầu được khơi dậy, khi sự phân phối của cải được nhắc đến, khi có ám chỉ về một vị Thiên Chúa đòi hỏi sự dấn thân cho công lý. Khi khác, các vấn đề này bị khai thác bởi một hình thức tu từ làm cho chúng trở nên rẻ mạt. Thỉnh thoảng sự dửng dưng trước những vấn đề như thế làm cho cuộc đời chúng ta trở nên trống rỗng và các lời nói của chúng ta mất hết ý nghĩa. Kinh doanh là một ơn gọi, một ơn gọi cao quý, miễn là những người tham gia kinh

doanh thấy mình được thách thức bởi một ý nghĩa lớn hơn trong cuộc sống; nó sẽ giúp họ thực sự phục vụ công ích bằng cách cố gắng làm gia tăng của cải cho thế giới này và làm cho mọi người có thể có nhiều của cải hơn.

204. Chúng ta không còn có thể tin vào những lực lượng giấu mặt và bàn tay vô hình của thị trường. Gia tăng sự công bằng đòi hỏi một cái gì lớn hơn là tăng trưởng kinh tế, trong khi vẫn nhìn nhận sự tăng trưởng này: nó đòi hỏi những quyết định, chương trình, cơ chế vận hành và các qui trình được thiết kế chuyên biệt để có một sự phân phối thu nhập tốt hơn, tạo ra các nguồn lực về việc làm và một sự thăng tiến toàn diện người nghèo, một sự thăng tiến vượt lên trên nỗi trạng thuần túy an sinh. Tôi hoàn toàn không chủ trương một thứ chủ nghĩa dân túy vô trách nhiệm, nhýng nền kinh tế không còn có thể cậy dựa vào những liều thuốc mà thực ra là những bài thuốc độc mới, như tìm cách tăng lợi nhuận bằng việc giảm lực lượng lao động khiến thành phần những người bị loại trừ tăng lên.

205. Tôi cầu xin Thiên Chúa ban cho chúng ta nhiều chính trị gia có khả năng đối thoại chân thành và hiệu quả nhằm chữa lành những cội rễ sâu nhất—chứ không chỉ những hiện tượng—của những sự dữ trong thế giới chúng ta! Chính trị, dù thường bị chê bai, vẫn là một ơn gọi cao cả và một trong những hình thức cao quý nhất của bác ái, khi nó tìm kiếm lợi ích chung.^[174] Chúng ta cần xác tín rằng bác ái “là nguyên tắc không chỉ của các mối quan hệ vi mô (với bạn bè, với các thành viên trong gia đình hay trong các nhóm nhỏ), mà còn là nguyên tắc của các mối quan hệ vĩ mô (các quan hệ xã hội, kinh tế và chính trị)”.^[175] Tôi cầu xin Chúa cho chúng ta nhiều chính trị gia biết thực lòng lo âu trước tình trạng của xã hội, dân chúng, và cuộc sống của những người nghèo! Điều cốt tử là các lãnh đạo chính quyền và các lãnh đạo tài chính biết lắng nghe và mở rộng tầm nhìn của mình, làm việc để bảo đảm mọi công dân có công ăn việc làm, sự giáo dục và chăm sóc sức khỏe xứng đáng. Sao chúng ta không chạy đến với Thiên Chúa để xin Người soi sáng cho các kế hoạch của họ? Tôi hoàn toàn tin chắc rằng sự mở lòng với Đấng Siêu Việt có thể đem lại một não trạng mới về chính trị và kinh tế có khả năng phá đổ bức tường ngăn cách giữa kinh tế và lợi ích chung của xã hội.

206. Kinh tế, như chính từ này diễn tả, phải là nghệ thuật để đạt được một sự quản lý thích hợp cho ngôi nhà chung của chúng ta, nghĩa là cho thế giới xét như một toàn thể. Mỗi một quyết định có ý nghĩa về kinh tế được thực hiện tại một vùng trên thế giới có tác động tại mọi nơi khác; do đó, không một chính quyền nào có thể hành động mà không quan tâm tới trách nhiệm chung. Thực vậy, ngày càng khó tìm ra những giải pháp địa phương cho những vấn đề to lớn toàn cầu phủ lên các nền kinh tế địa phương đang gặp những vấn đề khó giải quyết. Nếu chúng ta thực sự muốn đạt được một nền kinh tế toàn cầu vững mạnh, điều cần ở giao điểm này của lịch sử là một cách thức tương tác hữu hiệu hơn, trong khi tôn trọng chủ quyền của mỗi quốc gia, nó bảo đảm sự thịnh vượng kinh tế của tất cả các nước, chứ không chỉ của một số ít.

207. Bất cứ cộng đồng Kitô giáo nếu nghĩ rằng mình có thể ung dung đi theo con đường riêng của mình mà không có sự hợp tác sáng tạo và hiệu quả trong việc giúp người nghèo sống hợp với nhân phẩm, và không vượt ra khỏi bản thân mình để đến với người khác, cộng đồng ấy có nguy cơ bị đổ vỡ, cho dù nó có thể nói về các vấn đề xã hội hay chỉ trích chính phủ. Nó sẽ dễ rơi vào thái độ thế tục thiêng liêng được che đậy bởi những việc thực hành tôn giáo, những cuộc gặp gỡ vô bổ và những lời nói rỗng tuếch.

208. Nếu có ai bị xúc phạm bởi những lời tôi nói, tôi muốn trả lời rằng tôi nói với họ với lòng yêu mến và thiện ý, không hề vì một chút tư lợi hay ý hệ chính trị nào cả. Những lời tôi nói không phải của một kẻ thù hay đối thủ. Tôi chỉ muốn giúp những ai đang bị lệ thuộc vào não trạng cá nhân chủ nghĩa, dửng dưng và vị kỷ, để họ có thể thoát khỏi những sợi dây trói buộc không đáng có và đạt được một cách sống và tư duy nhân đạo hơn, cao thượng và hiệu quả hơn,

đem lại phẩm giá cho sự hiện diện của họ trên mặt đất này.

Quan tâm tới thành phần dễ tổn thương

209. Là người rao giảng Tin Mừng tuyệt hảo và là hiện thân của Tin Mừng, Đức Giêsu đặc biệt tự đồng hoá mình với những người hèn mọn (xem Mt 25:40). Sự kiện này nhắc nhở người Kitô hữu chúng ta rằng chúng ta được kêu gọi chăm sóc những người dễ bị tổn thương trên thế giới này. Nhưng mô hình hiện nay, với sự nhấn mạnh vào thành công và sự tự lực, xem ra không thuận lợi cho việc đầu tư vào các nỗ lực cứu giúp những người thấp hèn, yếu đuối hay ít khả năng để họ có thể tìm ra những cơ hội trong cuộc sống.

210. Điều cơ bản là phải tiếp cận các hình thức mới của tình trạng nghèo khó và dễ tổn thương mà chúng ta được kêu gọi đi vào để nhận ra Đức Kitô chịu đau khổ, cả khi việc này có vẻ như không mang lại cho chúng ta lợi ích cụ thể và tức thời nào. Tôi nghĩ đến những người vô gia cư, những người nghiện ngập, những người tỵ nạn, những dân tộc bản địa, những người già đang ngày càng bị cô lập và bỏ rơi, mà nhiều thành phần khác. Thành phần di dân là một thách thức đặc biệt đối với tôi, vì tôi là mục tử của một Giáo Hội không biên giới, một Giáo Hội coi mình là mẹ cho mọi người. Vì lý do này, tôi khuyến khích tất cả các nước hãy quảng đại mở cửa, và thay vì sợ mất đi bản sắc địa phương của mình, họ sẽ có khả năng tạo ra những hình thức tổng hợp văn hoá mới. Đẹp biết bao những thành phố vượt qua được thái độ nghi kỵ tê cứng của mình để đón nhận những người khác với mình và làm cho sự hội nhập này trở thành một nhân tố phát triển mới! Hấp dẫn biết bao những thành phố mà, ngay cả trong thiết kế kiến trúc của họ, có đầy những không gian để nối kết, liên hệ và tạo thuận lợi cho sự nhìn nhận người khác!

211. Tôi luôn luôn đau buồn trước số phận của nhiều người là nạn nhân của các kiểu buôn người khác nhau. Ước gì tất cả chúng ta nghe được tiếng kêu của Thiên Chúa: “Em người đâu?” (St 4:9). Anh em chị em người bị nô lệ đang ở đâu? Anh chị em người đang bị giết mỗi ngày nơi những nhà kho hàng lậu, nơi những ô gái điếm, nơi như trẻ em bị bắt đi ăn xin, nơi việc bóc lột sức lao động không có giấy tờ gì. Chúng ta đừng nhìn cách khác. Có một sự đồng lõa nghiêm trọng hơn chúng ta tưởng. Vấn đề liên quan đến mọi người! Mạng lưới tội phạm ghê tởm bây giờ đã được thiết lập hẳn hoi tại các thành phố của chúng ta, và tay nhiều người đã vấy máu do hậu quả của sự đồng lõa trong thái độ ung dung và im lặng của họ.

212. Nghèo gặp đôi là những phụ nữ đang phải sống trong hoàn cảnh bị loại trừ, đối xử tệ hại và bạo lực, vì họ thường có ít khả năng bảo vệ quyền lợi của họ. Dù vậy chúng ta không ngừng chứng kiến giữa họ những tấm gương anh hùng hằng ngày trong việc bảo vệ và bênh vực các gia đình dễ thương tổn của họ.

213. Trong số những thành phần dễ tổn thương mà Hội Thánh muốn chăm sóc bằng tình thương và quan tâm đặc biệt là những thai nhi, những đứa trẻ vô phương tự vệ và vô tội nhất trong chúng ta. Ngày nay người ta đang cố phủ nhận nhân phẩm của các thai nhi và làm bất cứ điều gì họ thích về chúng, cướp mất mạng sống của chúng và ra các đạo luật chống lại bất cứ ai cản đường họ. Rất thường xuyên, để nhạo báng nỗ lực của Hội Thánh nhằm bảo vệ mạng sống các thai nhi, người ta ra sức mô tả lập trường của Hội Thánh như là ý thức hệ, ngu dân và bảo thủ. Nhưng việc bảo vệ sự sống chưa được sinh ra này liên hệ mật thiết với việc bảo vệ tất cả các quyền khác của con người. Nó bao hàm niềm tin rằng một con người luôn luôn là thánh thiêng và bất khả xâm phạm, trong mọi hoàn cảnh và mọi giai đoạn phát triển của nó. Con người tự nó là mục đích chứ không bao giờ là phương tiện để giải quyết các vấn đề khác. Một khi mất niềm tin này, thì cũng mất các nền tảng vững chắc và lâu bền của việc bảo vệ quyền con người, và khi ấy tất cả sẽ lệ thuộc ý thích tùy tiện của các thế lực nắm quyền. Một mình lý trí cũng đủ để nhìn nhận giá trị bất khả xâm phạm của mỗi mạng người, nhưng nếu chúng ta cũng nhìn vấn đề từ quan điểm đức tin, “mọi vi phạm nhân phẩm của cá nhân đòi sự báo oán của Thiên Chúa và là

một sự xúc phạm đối với Đấng dựng nên mỗi cá nhân”.[176]

214. Chính vì điều này bao hàm sự nhất quán nội tại của sứ điệp của chúng ta về giá trị của nhân vị, không thể nào mong đợi Hội Thánh thay đổi lập trường của mình về vấn đề này. Tôi muốn hoàn toàn thành thật trong vấn đề này. Đây không phải một cái gì phụ thuộc vào những kiểu được cho là cải cách hay “hiện đại hoá”. Tìm cách giải quyết các vấn đề bằng việc loại trừ sự sống con người thì không phải là “tiến bộ”. Mặt khác, cũng đúng là chúng ta đã làm quá ít để hỗ trợ thoả đáng các phụ nữ trong các tình huống rất khó khăn, khi mà việc phá thai được xem là giải pháp nhanh cho mối lo lắng sâu xa của họ, đặc biệt khi sự sống đang phát triển bên trong họ là kết quả của hành vi cưỡng hiếp hay một hoàn cảnh nghèo khó tột cùng. Ai có thể điềm nhiên trước những tình huống đau đớn này?

215. Có những tạo vật yếu đuối và vô phương tự vệ khác thường xuyên phải làm nô lệ cho những lợi lộc kinh tế và sự bóc lột bừa bãi. Tôi đang nói đến toàn thể tạo thành. Loài người chúng ta không chỉ là những người được thụ hưởng nhưng còn là những người quản lý các tạo vật khác. Nhờ chúng ta có thân xác, Thiên Chúa đã kết hợp chúng ta quá mật thiết với thế giới xung quanh khiến chúng ta cảm thấy tình trạng sa mạc hoá đất đai gần như là một căn bệnh nơi thân xác chúng ta, và sự tuyệt chủng của một loài như là một sự biến dạng đau đớn. Chúng ta đừng để lại sau mình vết tích của sự tàn phá và chết chóc sẽ ảnh hưởng tới đời sống của chính chúng ta và của các thế hệ tương lai.[177] Ở đây tôi muốn lấy lại làm của mình lời than thở đầy cảm động và có tính tiên tri mà các giám mục Philippin đã thốt lên ít năm trước đây: “Một số lượng nhiều vô kể các loài côn trùng sinh sống trong rừng và bận bịu với đủ loại công việc... Các loài chim bay trên trời, các bộ lông sặc sỡ cùng với tiếng hót líu lo của chúng tạo thêm màu sắc và tiếng ca cho những cánh rừng xanh... Thiên Chúa muốn dành mảnh đất này cho chúng ta, những tạo vật đặc biệt của Người, nhưng không phải để chúng ta huỷ diệt nó và biến nó thành một mảnh đất hoang... Chỉ sau một đêm mưa, thử nhìn xuống những dòng sông nâu xạm màu sôcôla tại địa phương của chúng ta và nhớ rằng chúng đang mang máu sự sống ra biển... Làm sao cá có thể bơi lội trong những dòng nước thải như con sông Pasig và biết bao nhiêu con sông khác mà chúng ta đã làm ô nhiễm? Ai đã biến cái thế giới kỳ diệu của biển cả thành những nghĩa trang dưới nước không màu sắc và không sự sống?”[178]

216. Là những tạo vật bé nhỏ nhưng mạnh mẽ trong tình yêu Thiên Chúa giống như Thánh Phanxicô, mọi người Kitô hữu chúng ta được kêu gọi canh chừng và bảo vệ cái thế giới mong manh mà chúng ta đang sống, cùng với tất cả dân cư của nó.

III. CÔNG ÍCH VÀ HOÀ BÌNH TRONG XÃ HỘI

217. Chúng ta đã nói nhiều về niềm vui và tình yêu, nhưng lời Chúa cũng nói về những hoa quả của hoà bình (xem Gl 5:22).

218. Hoà bình trong xã hội không thể được hiểu như là sự bình định hay vắng bóng bạo lực do sự thống trị của một bộ phận xã hội trên các bộ phận khác. Hoà bình thực cũng không phải là cái cơ để biện minh cho một cơ cấu xã hội làm cho người nghèo phải câm miệng hay chịu cam phận, để cho những kẻ giàu có hơn có thể ung dung hưởng thụ nếp sống của họ đang khi những người khác phải cố sống được thế nào hay thế ấy. Những đòi hỏi về sự phân phối của cải, sự quan tâm tới người nghèo và các quyền con người không thể được dập tắt bằng cái vỏ bọc tạo ra một sự đồng thuận trên giấy tờ hay một thứ hoà bình tạm bợ cho một thiểu số mãn nguyện. Phẩm giá con người và công ích giữ vị trí cao hơn sự tiện nghi của những người không chấp nhận từ bỏ những đặc quyền của mình. Khi những giá trị này bị đe dọa, cần phải gióng lên một tiếng nói tiên tri.

219. Hoà bình cũng không phải “chỉ là không có chiến tranh, dựa trên một thế cân bằng lực

lượng bấp bênh; hoà bình được hình thành bởi những cố gắng hằng ngày nhằm thiết lập một vũ trụ có trật tự theo ý muốn của Thiên Chúa, với một nền công lý hoàn hảo hơn giữa những con người”.^[179] Sau cùng, một nền hoà bình mà không phải là kết quả của sự phát triển toàn diện thì sẽ đi đến thất bại; nó sẽ luôn luôn sinh ra những xung đột mới và những hình thức bạo lực mới.

220. Người dân tại mọi quốc gia phát huy chiều kích xã hội của cuộc sống họ bằng cách hành động như những công dân dân thân và có trách nhiệm, chứ không phải như một đám đông đu đưa theo bất cứ thế lực nào. Chúng ta không được quên rằng “tư cách công dân có trách nhiệm là một nhân đức, và sự tham gia đời sống chính trị là một bổn phận đạo đức”.^[180] Nhưng trở thành một *dân tộc* đòi hỏi nhiều hơn thế. Nó là một tiến trình thường xuyên trong đó mỗi thế hệ mới phải tham gia: một cố gắng chậm chạp và vất vả đòi hỏi một ước muốn hoà nhập và một sự sẵn sàng đạt được điều này qua sự phát triển một nền văn hoá của sự gặp gỡ trong hoà bình và đa dạng.

221. Sự tiến bộ trong việc xây dựng một dân tộc trong hoà bình, công bằng và huynh đệ tuỳ thuộc bốn nguyên tắc liên quan tới các mối căng thẳng thường xuyên hiện hữu trong mọi thực tại xã hội. Các nguyên tắc này bắt nguồn từ các cột trụ của học thuyết xã hội của Hội Thánh, được dùng như “những thông số tham khảo hàng đầu và cơ bản để giải thích và đánh giá các hiện tượng xã hội”.^[181] Trong ánh sáng này, bây giờ tôi muốn nêu lên bốn nguyên tắc cụ thể này để hướng dẫn sự phát triển của đời sống trong xã hội và xây dựng một dân tộc mà ở đó các khác biệt được trở nên hoà hợp trong một cố gắng chung. Tôi làm điều này với niềm tin rằng việc áp dụng chúng có thể là một con đường đúng đắn dẫn tới hoà bình trong mỗi quốc gia và trong toàn thế giới.

Thời gian lớn hơn không gian

222. Có một sự căng thẳng thường xuyên giữa sự viên mãn và sự giới hạn. Viên mãn gọi ra ước muốn chiếm hữu hoàn toàn, trong khi giới hạn là một bức tường chắn trước mặt chúng ta. Hiểu theo nghĩa rộng, “thời gian” chỉ về sự viên mãn như là biểu thị của chân trời không ngừng rộng mở trước mặt chúng ta, trong khi từng khoảnh khắc chỉ về sự giới hạn như là biểu thị của trạng thái đóng kín. Người ta sống trong tình trạng căng thẳng giữa từng khoảnh khắc và cái chân trời lớn hơn, sáng hơn của một tương lai không tương như là mục đích cuối cùng lôi kéo chúng ta tới. Ở đây chúng ta có một nguyên tắc đầu tiên cho sự tiến bộ trong việc xây dựng một dân tộc: thời gian lớn hơn không gian.

223. Nguyên tắc này giúp chúng ta hoạt động từ từ nhưng chắc chắn, không bị ám ảnh bởi những kết quả tức thì. Nó giúp chúng ta kiên nhẫn chịu đựng những khó khăn và nghịch cảnh, hay những thay đổi không tránh khỏi trong các kế hoạch của mình. Nó mời gọi chúng ta chấp nhận sự căng thẳng giữa sự viên mãn và sự giới hạn, và dành ưu tiên cho thời gian. Một trong các khuyết điểm chúng ta thường gặp trong hoạt động chính trị-xã hội là người ta thích không gian và quyền lực hơn thời gian và các qui trình. Dành ưu tiên cho không gian có nghĩa là điên cuồng tìm cách níu kéo tất cả trong hiện tại, cố gắng chiếm hữu tất cả các không gian của quyền lực và sự tự khẳng định mình; là cô đọng các qui trình và cố níu kéo chúng. Dành ưu tiên cho thời gian có nghĩa là quan tâm tới việc khởi động các qui trình hơn là chiếm hữu không gian. Thời gian điều khiển các không gian, soi sáng chúng và biến chúng thành những mắt xích trong một chuỗi xích kéo dài, không có khả năng quay ngược trở lại. Vì vậy cái chúng ta cần là dành ưu tiên cho các hành động phát sinh các qui trình mới trong xã hội và lôi kéo sự tham gia của những người khác và những nhóm khác, những người có thể phát triển chúng tới chỗ chúng sinh hoa kết quả trong các biến cố lịch sử quan trọng. Không lo âu, nhưng đầy những xác tín rõ ràng và sự bền bỉ.

224. Thỉnh thoảng tôi tự hỏi liệu có ai trong thế giới hôm nay thực sự quan tâm tới việc tạo ra các qui trình xây dựng con người, thay vì muốn đạt được những kết quả tức thì đem lại những lợi lộc chính trị nhanh và ngắn hạn, mà không phát triển sự sung mãn của con người. Có lẽ lịch sử sẽ phán xét hạng người thứ hai này với tiêu chí được đề ra bởi Romano Guardini: “Thước đo duy nhất để đánh giá đúng một thời đại là hỏi xem nó có nuôi dưỡng sự phát triển và thành đạt của một cuộc sống con người sung mãn và thực sự có ý nghĩa, phù hợp với nét đặc trưng và các khả năng của thời đại ấy”.[182]

225. Tiêu chí này cũng được áp dụng cho việc loan báo Tin Mừng, là công việc đòi phải chú ý tới bức tranh lớn, mở ra cho các qui trình thích hợp và quan tâm tới dài hạn. Chính Chúa Giêsu trong cuộc sống trần thế này thường khuyến cáo các môn đệ rằng có những điều bây giờ họ chưa hiểu và họ sẽ phải chờ Chúa Thánh Thần đến (xem Ga 16:12-13). Dụ ngôn cỏ lùng giữa ruộng lúa (xem Mt 13:24-30) minh họa cho một khía cạnh quan trọng của loan báo Tin Mừng: kẻ thù có thể xâm nhập vào Nước Chúa và gieo tai họa, nhưng cuối cùng hắn sẽ bị đánh bại bởi sự tốt lành của cây lúa.

Hiệp nhất lướt thắng xung đột

226. Xung đột không thể được làm ngơ hay che giấu. Phải đối diện nó. Nhưng nếu chúng ta bị mắc kẹt trong xung đột, chúng ta mất tầm nhìn, chân trời của chúng ta bị thu nhỏ lại và chính thực tại bắt đầu tan rã. Ở trong xung đột, chúng ta mất ý thức về sự duy nhất sâu xa của thực tại.

227. Khi xảy ra xung đột, một số người chỉ biết nhìn rồi bỏ đi như thể chẳng có gì xảy ra; họ phủi tay rồi tiếp tục cuộc sống của mình. Những người khác thì bám chặt lấy nó khiến họ trở thành tù nhân của nó; họ bị mất phương hướng, phóng chiếu sự hoang mang và bất mãn của họ vào các tổ chức và vì thế làm cho không thể nào có được sự hiệp nhất. Nhưng cũng có một cách thứ ba, và đây là cách tốt nhất để xử lý xung đột. Đó là sẵn sàng trực diện với xung đột, giải quyết nó và làm nó trở thành mắt xích trong sợi dây của một qui trình mới. “Phúc cho những ai xây dựng hoà bình!” (Mt 5:9).

228. Bằng cách này, việc xây dựng hiệp thông giữa những bất đồng là điều có thể, nhưng nó chỉ có thể đạt được bởi những con người tuyệt vời biết vượt lên trên bề mặt của xung đột và nhìn người khác trong nhân phẩm sâu xa nhất của họ. Điều này đòi hỏi phải nhìn nhận một nguyên tắc thiết yếu cho việc xây dựng tình bạn trong xã hội: đó là hiệp nhất lớn hơn xung đột. Như thể tình liên đới, hiểu theo nghĩa sâu xa nhất và thách thức nhất của nó, trở thành một cách để làm lịch sử trong một môi trường sống mà các xung đột, căng thẳng và đối kháng có thể đạt được một sự hiệp nhất đa dạng và đem lại sức sống. Đây không phải là chọn một thái độ ba phải, hay chọn cách hoà tan người này vào người kia, nhưng là chọn một cách giải quyết trên bình diện cao hơn và giữ lại điều gì có giá trị và ích lợi ở cả hai bên.

229. Đây là nguyên tắc được rút ra từ Tin Mừng, nó nhắc nhở chúng ta rằng Đức Kitô đã qui tụ mọi sự nơi bản thân Ngài: trời và đất, Thiên Chúa và con người, thời gian và vĩnh cửu, thể xác và tinh thần, con người và xã hội. Dấu hiệu của sự hiệp nhất và hoà giải muôn loài này trong Ngài chính là hoà bình. Đức Kitô chính là “sự bình an của chúng ta” (Ep 2:14). Sứ điệp Tin Mừng luôn luôn bắt đầu bằng một câu chúc bình an, và bình an ở mọi thời đều làm rạng danh và xác nhận các mối quan hệ giữa các môn đệ Đức Kitô. Hoà bình là điều có thể, vì Chúa đã thắng thế gian và sự xung đột thường xuyên của nó “bằng cách hòa giải nhờ máu Ngài đổ ra trên thập giá” (Cl 1:20). Nhưng nếu chúng ta nhìn kỹ hơn những đoạn Kinh Thánh này, chúng ta sẽ thấy rằng quỹ đạo của sự hoà giải các khác biệt này nằm trong chính chúng ta, trong cuộc đời chúng ta, vốn luôn luôn bị đe dọa bởi sự chia rẽ và đổ vỡ.[183] Nếu các trái tim bị phân tán thành hàng ngàn mảnh, thì không dễ tạo được hoà bình đích thực trong xã hội.

230. Thông điệp hoà bình không nói về một sự dàn xếp qua thương lượng, nhưng là một niềm

tin chắc rằng sự hiệp nhất mà Chúa Thánh Thần đem đến có thể hoà giải mọi khác biệt. Nó khắc phục mọi xung đột bằng cách tạo ra một tổng hợp mới và đầy triển vọng. Sự khác biệt là một nét đẹp khi nó có thể không ngừng đi vào một qui trình hoà giải và đóng ấn cho một thứ giao ước văn hoá dẫn đến một sự “đa dạng hoà giải”. Như các giám mục Congo đã diễn tả: “Sự đa dạng sắc tộc của chúng ta là tài sản quý báu của chúng ta... Chỉ trong sự hiệp nhất, nhờ sự hoán cải của các tâm hồn và sự hoà giải, chúng ta có thể giúp đất nước mình phát triển trên mọi bình diện”.^[184]

Thực tại lớn hơn ý tưởng

231. Cũng có một sự căng thẳng thường xuyên giữa các ý tưởng và các thực tại. Các thực tại thì hiện hữu, còn các ý tưởng thì được làm ra. Phải có sự đối thoại liên tục giữa thực tại và ý tưởng, nếu không các ý tưởng sẽ trở thành xa rời thực tại. Thật nguy hiểm khi chỉ dừng lại ở những lời nói suông, những hình ảnh và những bài diễn văn hay. Vì vậy chúng ta có một nguyên tắc thứ ba: các thực tại lớn hơn các ý tưởng. Nguyên tắc này đòi chúng ta phải bác bỏ các phương tiện khác nhau nhằm che giấu thực tại: các dạng tinh tuyền siêu phàm, sự chuyên chế của chủ nghĩa tương đối, những lời nói sáo rỗng, những mục tiêu lý tưởng nhưng không thực tế, những nhãn hiệu của chủ nghĩa cực đoan phi lịch sử, những hệ thống đạo đức không có tình thương, những nghị luận trí thức không có minh triết.

232. Các ý tưởng là kết quả của sự khai triển các khái niệm, chúng được dùng để truyền thông, hiểu biết và thực hành. Các ý tưởng tách rời khỏi thực tại thường tạo ra những hình thức duy tâm và duy danh vô bổ, cùng lắm cũng chỉ giúp phân loại và định nghĩa, nhưng chắc chắn không dẫn đến hành động. Các thực tại được lý trí soi sáng mới thúc đẩy chúng ta đến hành động. Thái độ duy danh hình thức phải nhường chỗ cho tính khách quan hài hoà. Nếu không, chân lý sẽ bị xuyên tạc, đồ mỹ phẩm sẽ thế chỗ cho sự chăm sóc thân xác thực sự.^[185] Có những chính trị gia—thậm chí cả lãnh đạo tôn giáo—thường thắc mắc tại sao người ta không hiểu và theo họ, vì các đề nghị của họ quá rõ ràng và hợp lý. Lý do có lẽ là vì họ bị mắc kẹt trong lãnh vực các ý tưởng thuần tuý, dẫn đến việc giản lược chính trị và đức tin vào văn chương ngôn từ. Có những người khác bỏ hẳn sự đơn sơ để miệt mài với một thứ lý luận xa lạ với đa số dân chúng.

233. Các thực tại lớn hơn các ý tưởng. Nguyên tắc này liên quan tới sự nhập thể của lời và được đưa vào thực hành: “Căn cứ vào điều này, anh em nhận ra Thần Khí của Thiên Chúa: thần khí nào tuyên xưng Đức Giêsu Kitô là Đấng đã đến và trở nên người phàm, thì thần khí ấy bởi Thiên Chúa” (1 Ga 4:2). Nguyên tắc về thực tại, về một lời đã nhập thể và không ngừng cố gắng nhập thể mãi, là nguyên tắc cơ bản cho việc loan báo Tin Mừng. Nó giúp chúng ta thấy rằng lịch sử Hội Thánh là một lịch sử cứu độ, giúp chúng ta nhớ đến những vị thánh đã đưa Tin Mừng nhập thể vào đời sống của các dân tộc và gặt hái những hoa quả của truyền thống hai ngàn năm của Hội Thánh, mà không cần làm ra một hệ tư tưởng tách rời kho tàng này, như thể chúng ta muốn phát minh ra Tin Mừng một lần nữa. Đồng thời, nguyên tắc này thúc đẩy chúng ta đưa lời ra thực hành, thể hiện những công cuộc bác ái và công bằng để làm cho lời ấy sinh hoa kết quả. Không đưa lời vào thực hành, không biến lời thành thực tại, tức là xây trên cát, dừng lại ở trạng thái thuần ý tưởng và dẫn đến tình trạng bất động và vô hiệu quả của chủ nghĩa vị kỷ và ngộ đạo. Toàn thể lớn hơn thành phần

234. Cũng có một sự căng thẳng tự nhiên giữa toàn cầu hoá và địa phương hoá. Chúng ta cần chú ý tới cái toàn cầu để tránh sự hẹp hòi và tầm thường. Nhưng chúng ta cũng cần nhìn đến cái địa phương để giữ chân luôn chạm đất. Đi chung với nhau, cả hai giúp chúng ta tránh rơi vào một trong hai thái cực. Ở thái cực thứ nhất, người ta bị mắc kẹt vào một vũ trụ toàn cầu hoá trừu tượng, họ lẽo đẽo theo sau bước chân mọi người khác, trầm trồ khen ngợi cái thế giới hào nhoáng của những người khác, há hốc miệng và vỗ tay khi gặp lúc. Ở thái cực thứ hai, người ta

tìm đến với một bảo tàng của các truyền dân gian địa phương, một thế giới riêng, cứ quanh quẩn mãi với cùng những cái cũ, và không có khả năng để mình được thách thức bởi cái mới hay qui chuộng cái đẹp mà Thiên Chúa ban bên ngoài đường biên giới của họ.

235. Toàn thể lớn hơn thành phần, nhưng cũng lớn hơn tổng số các thành phần. Vì vậy, không cần bị ám ảnh quá nhiều bởi những vấn đề hạn hẹp và riêng biệt. Chúng ta cần không ngừng mở rộng chân trời của mình để thấy cái tốt lớn hơn mà tất cả chúng ta đều được hưởng. Nhưng phải làm điều này mà không tìm cách trốn tránh hay nhỏ bỏ gốc rễ. Chúng ta cần cắm sâu các gốc rễ của mình vào mảnh đất phì nhiêu và lịch sử của quê quán mình, đó là một quà tặng của Thiên Chúa. Chúng ta có thể làm ở qui mô nhỏ, trong khu vực chúng ta ở, nhưng với một nhãn quan rộng hơn. Và những người sống hết lòng trong một cộng đồng cũng không cần mất đi cá tính hay che giấu căn tính của họ; trái lại, họ nhận được những động lực mới để thăng tiến bản thân. Không cần bóp nghẹt cái toàn thể, cũng không cần làm cho cái đặc thù trở nên cần cỗi.

236. Ở đây mô hình của chúng ta không phải là hình cầu, nó không lớn hơn các thành phần của nó, ở đó mọi điểm đều cách đều tâm, và không có khác biệt nào giữa chúng. Trái lại, mô hình của chúng ta là hình khối đa diện, phản chiếu sự đồng qui của tất cả các thành phần, mỗi thành phần vẫn giữ được tính đặc trưng của nó. Hoạt động mục vụ cũng như hoạt động chính trị cố gắng qui tụ vào khối đa diện này cái gì là tốt nhất của mỗi loại hoạt động. Có chỗ cho những người nghèo và văn hoá của họ, các khát vọng và tiềm năng của họ. Ngay cả những người có thể bị coi là đáng ngờ do những sai lầm của họ, họ cũng có phần đóng góp mà chúng ta không thể bỏ qua. Chính sự đồng qui của các dân tộc là cái duy trì cá tính của họ trong trật tự vũ trụ này; chính tổng số những con người trong một xã hội theo đuổi công ích là cái thực sự có một chỗ đứng cho mọi người.

237. Đối với người Kitô hữu, nguyên tắc này cũng khơi dậy tính toàn thể hay toàn vẹn của Tin Mừng mà Hội Thánh truyền lại cho chúng ta và sai chúng ta đi rao truyền. Sự sung mãn và phong phú của Tin Mừng đón nhận các nhà nghiên cứu cũng như người lao động, các doanh nhân cũng như các nghệ sĩ, tóm lại, mọi người. Tài năng thiên bẩm của mỗi dân tộc, theo cách riêng của mình, đón nhận trọn vẹn Tin Mừng và hội nhập Tin Mừng trong các cách biểu hiện của mình về cầu nguyện, tình bằng hữu, công lý, sự đấu tranh và việc cử hành. Tin mừng là niềm vui của Cha, Đấng muốn rằng không một người bé mọn nào của Người bị hư mất, niềm vui của Chúa Chiên Lành khi tìm thấy con chiên lạc và đưa nó trở về đàn. Tin Mừng là men làm dậy bột và là thành phố trên đồi dội ánh sáng soi cho mọi dân tộc. Tự trong Tin Mừng có một nguyên tắc toàn thể: nó sẽ luôn luôn là tin mừng bao lâu nó còn được công bố cho mọi dân tộc, bao lâu nó còn chữa lành và kiện cường mọi khía cạnh của nhân loại, bao lâu nó còn đưa mọi người nam cũng như nữ vào đoàn tụ tại bàn tiệc của Nước Thiên Chúa. Toàn thể lớn hơn thành phần.

IV. ĐỐI THOẠI XÃ HỘI LÀ MỘT ĐÓNG GÓP CHO HOÀ BÌNH

238. Loan báo Tin Mừng cũng bao gồm con đường đối thoại. Đối với Hội Thánh hôm nay, nổi bật lên ba lãnh vực đối thoại mà Hội Thánh phải có mặt trong đó để cổ vũ sự phát triển đầy đủ con người và để mưu cầu công ích: đối thoại với nhà nước, đối thoại với xã hội—bao gồm đối thoại với các nền văn hoá và khoa học—và đối thoại với các tín đồ khác không thuộc Hội Thánh Công Giáo. Trong mỗi lãnh vực, “Hội Thánh nói từ ánh sáng của đức tin”,^[186] công hiến kinh nghiệm hai ngàn năm của mình và luôn lưu ý tới đời sống và những đau khổ của con người. Ánh sáng này vượt tầm lý trí con người, nhưng nó cũng có thể có ý nghĩa và làm phong phú cho những ai không phải là tín hữu và nó kích thích lý trí mở rộng nhân giới của nó.

239. Hội Thánh công bố “Tin Mừng bình an” (Ep 6:15) và muốn hợp tác với mọi nhà chức trách quốc gia và quốc tế trong việc bảo vệ lợi ích bao la của thế giới. Bằng việc rao giảng Đức Kitô, Đấng là chính sự bình an (xem Ep 2:14), cuộc tân phúc âm hoá kêu gọi mọi người đã rửa

tội trở thành những người xây dựng hoà bình và những chứng nhân đáng tin cho một đời sống hoà giải.[187] Trong một nền văn hoá ưu tiên coi đối thoại là một hình thức gặp gỡ, đây chính là lúc để thiết kế một phương tiện xây dựng sự đồng thuận và nhất trí đồng thời theo đuổi mục tiêu một xã hội công bằng, thiện chí và bao gồm. Tác giả chính, chủ thể lịch sử của tiến trình này, là cả một dân tộc và nền văn hoá của nó, chứ không phải một giai cấp, một thiểu số, một nhóm hay một tập thể ưu việt. Chúng ta không cần đến những kế hoạch do một ít người soạn cho một ít người, hay một thiểu số sáng suốt và to miệng đòi nói thay cho mọi người. Nhưng chúng ta cần sự đồng thuận để chung sống với nhau, một kế ước xã hội và văn hoá.

240. Nhà Nước có trách nhiệm bảo vệ và cổ vũ lợi ích chung của xã hội.[188] Dựa trên các nguyên tắc phân quyền và liên đới, và hoàn toàn dấn thân cho đối thoại chính trị và xây dựng sự đồng thuận, Nhà Nước đóng một vai trò cơ bản không thể thoái thác trong việc hoạt động cho sự phát triển toàn diện của mọi người. Ở thời điểm hiện nay, vai trò này đòi hỏi một sự khiêm tốn xã hội sâu xa.

241. Hội Thánh, trong đối thoại với Nhà Nước và xã hội, không có giải pháp cho từng vấn đề cụ thể. Cùng với các lãnh vực khác nhau của xã hội, Hội Thánh ủng hộ các chương trình nào đáp ứng tốt nhất cho nhân phẩm của mỗi người và lợi ích chung. Bằng cách này, Hội Thánh đề nghị rõ ràng các giá trị cơ bản của đời sống con người và các niềm tin, từ đó chúng có thể được biểu hiện trong hoạt động chính trị.

Đối thoại giữa đức tin, lý trí và khoa học

242. Đối thoại giữa khoa học và đức tin cũng thuộc về công cuộc loan báo Tin Mừng nhằm phục vụ hoà bình.[189] Trong khi thuyết duy nghiệm và duy khoa học “không chấp nhận giá trị của các hình thức hiểu biết khác ngoài các khoa học thực nghiệm”, [190] Hội Thánh đề nghị một con đường khác, kêu gọi một sự tổng hợp giữa việc sử dụng có trách nhiệm các phương pháp riêng của các khoa học thực nghiệm và các lãnh vực hiểu biết khác như triết học, thần học, cũng như chính đức tin, là cái nâng cao chúng ta tới mâu nhiệm vượt trên tự nhiên và trí khôn của con người. Đức tin không sợ lý trí; ngược lại, nó tìm kiếm và tin tưởng lý trí, vì “ánh sáng của lý trí và ánh sáng của đức tin, cả hai đều bắt nguồn từ Thiên Chúa” [191] và không thể mâu thuẫn nhau. Loan báo Tin Mừng chú ý tới các tiến bộ khoa học và muốn dọi trên chúng ánh sáng của đức tin và của luật tự nhiên để chúng tôn trọng địa vị trung tâm và giá trị tối thượng của con người ở mọi giai đoạn của sự sống. Mọi sự của xã hội có thể được phong phú nhờ sự đối thoại này, nó mở ra những chân trời mới cho tư tưởng và mở rộng các khả năng của lý trí. Đây cũng là một con đường của sự hoà hợp và hoà bình.

243. Hội Thánh không muốn cản bước tiến kỳ diệu của khoa học. Ngược lại, Hội Thánh vui mừng và thậm chí phấn khích nhìn nhận những tiềm năng to lớn mà Thiên Chúa đã ban cho trí tuệ loài người. Khi mà các khoa học—tập trung nghiêm ngặt vào lãnh vực tra cứu chuyên môn của nó—đạt được một kết luận mà lý trí không thể phi bác, đức tin không bao giờ nói ngược lại. Và các tín hữu cũng không thể coi một ý kiến khoa học tuy hấp dẫn nhưng không được kiểm chứng đủ mà có cùng giá trị như một tín điều của đức tin. Thịnh thoảng một số nhà khoa học đã vượt quá những giới hạn thẩm quyền khoa học của họ khi đưa ra một số lời phát biểu hay tuyên bố. Nhưng vấn đề ở đây không liên quan đến lý trí, mà liên quan đến việc cổ vũ một ý thức hệ riêng ngăn cản con đường đi tới đối thoại chân chính, bình tĩnh và hiệu quả.

Đối thoại đại kết

244. Dấn thân cho đại kết đáp ứng lời cầu nguyện của Chúa Giêsu “xin cho tất cả nên một” (Ga 17:21). Tính khả tín của sứ điệp Kitô giáo sẽ lớn hơn rất nhiều nếu các Kitô hữu có thể khắc phục sự những mối chia rẽ của họ và Hội Thánh có thể thể hiện “sự sung mãn của đặc tính công giáo độc đáo của họ nơi các con cái của mình, những người tuy kết hợp với Hội Thánh nhờ phép

rửa tội nhưng không hiệp thông đầy đủ với Hội Thánh”.^[192] Chúng ta không bao giờ được quên mình là những lữ khách đang sánh vai nhau trên đường. Có nghĩa là chúng ta phải có sự tin tưởng chân thành đối với người bạn đường của mình, gạt sang một bên mọi ngờ vực và nghi kỵ, và hướng cái nhìn của mình về điều chúng ta đang kiếm tìm: sự an bình rạng rỡ nơi khuôn mặt của Thiên Chúa. Tin tưởng người khác là một nghệ thuật, và hoà bình cũng là một nghệ thuật. Đức Giêsu nói với chúng ta: “Phúc cho những ai xây dựng hoà bình” (Mt 5:9). Khi đảm đương nhiệm vụ này, cả giữa chúng ta với nhau, chúng ta hiện thực hoá lời ngôn sứ xưa kia: “Họ sẽ đúc gươm đao thành cuốc thành cày” (Is 2:4).

245. Trong viễn tượng này, đại kết có thể được nhìn như là một đóng góp cho sự hiệp nhất của gia đình nhân loại. Tại Thượng Hội Đồng Giám Mục, sự hiện diện của Đức Thượng Phụ Constantinopôli, Đức Bartholomaios, tôi, và Tổng Giám Mục Canterbury, Đức Rowan Williams, là một hồng ân của Thiên Chúa và là một chứng tá Kitô giáo quý giá.^[193]

246. Trước sự phản chứng tá nghiêm trọng của tình trạng chia rẽ giữa các Kitô hữu, đặc biệt tại Châu Á và Châu Phi, việc tìm ra những con đường dẫn tới hiệp nhất trở nên cấp bách hơn bao giờ. Các nhà truyền giáo tại các châu lục ấy thường nhắc đến những lời chỉ trích, than phiền và nhạo báng mà gương mù của các Kitô hữu chia rẽ gây nên. Nếu chúng ta tập trung vào các niềm tin chung của chúng ta, và nếu chúng ta lưu tâm đến nguyên tắc “phẩm trật” của các chân lý, chúng ta sẽ có khả năng dứt khoát tiến tới những cách diễn tả chung về việc rao giảng, phục vụ và chứng tá. Con số đông vô kể những người chưa đón nhận Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô khiến chúng ta không thể nào đứng đưng. Do đó, dẫn thân cho một sự hiệp nhất để giúp họ chấp nhận Đức Giêsu Kitô không còn là vấn đề thuần túy ngoại giao hay gượng ép, mà là một con đường thiết yếu để loan báo Tin Mừng. Các dấu hiệu chia rẽ giữa các Kitô hữu tại các nước bị tàn phá vì bạo lực cũng thêm vào cho các nguyên nhân gây xung đột nơi những người lẽ ra phải là men của hoà bình. Có biết bao điều quan trọng hiệp nhất chúng ta lại! Nếu chúng ta thực sự tin vào hoạt động hoàn toàn tự do của Chúa Thánh Thần, chúng ta có thể học được lẫn nhau rất nhiều điều! Không chỉ là vấn đề biết thông tin tốt hơn về người khác, nhưng là gạt hái những gì Chúa Thánh Thần đã gieo nơi họ, cũng có nghĩa là một ân huệ cho chúng ta. Để đơn cử một ví dụ, trong cuộc đối thoại với các anh chị em Chính Thống Giáo, người Công Giáo chúng ta có cơ hội học được nhiều hơn về ý nghĩa của tính giám mục đoàn và kinh nghiệm của họ về tính chất thượng hội đồng. Qua việc trao đổi các ân huệ, Chúa Thánh Thần có thể dẫn chúng ta ngày càng đầy đủ hơn vào chân lý và sự thiện.

Quan hệ với Do Thái giáo

247. Chúng ta nhìn người Do Thái giáo với một cái nhìn đặc biệt vì giao ước của họ với Thiên Chúa không bao giờ bị huỷ, vì “khi Thiên Chúa đã ban ơn và kêu gọi, thì Người không hề đổi ý” (Rm 11:29). Cùng chia sẻ với người Do Thái một phần quan trọng của Sách Thánh, Hội Thánh nhìn dân của giao ước và đức tin của họ như một trong các cội nguồn thánh thiêng của căn tính Kitô giáo của mình (xem Rm 11:16-18). Là Kitô hữu, chúng ta không thể coi Kitô giáo như một tôn giáo ngoại lai; chúng ta cũng không kể những người Do Thái trong số những người được kêu gọi từ bỏ tà thần và phụng sự một Thiên Chúa thật (xem 1 Tx 1:9). Cùng với họ, chúng ta tin vào một Thiên Chúa Đấng hành động trong lịch sử, và cùng với họ chúng ta chấp nhận lời mặc khải.

248. Đối thoại và tình bạn với con cái Israel là một phần đời sống của các môn đệ Chúa Giêsu. Tình bạn đã lớn lên giữa chúng ta làm cho chúng ta cảm thấy cay đắng và thực sự ân hận vì những cuộc bách hại kinh hoàng mà họ đã phải chịu và đang tiếp tục phải chịu, đặc biệt các cuộc bách hại mà người Kitô hữu có dính líu vào.

249. Thiên Chúa tiếp tục hoạt động nơi dân của Giao Ước Cũ và làm phát sinh những kho tàng

khôn ngoan tuân chấy từ việc họ gặp gỡ lời Chúa. Vì lý do này, Hội Thánh cũng được thêm phong phú khi đón nhận những giá trị của Do Thái giáo. Tuy đúng là một số niềm tin của Kitô giáo không thể chấp nhận được đối với Do Thái giáo, và Hội Thánh không thể không rao giảng Đức Giêsu là Chúa và Đấng Mê-sia, nhưng cũng có một sự tương ứng phong phú cho phép chúng ta đọc chung với nhau các bản văn Kinh Thánh của Do Thái giáo và giúp nhau đào sâu kho tàng phong phú của Lời Chúa. Chúng ta cũng có thể chia sẻ những xác tín đạo đức và một mối quan tâm chung đối với sự công bằng và sự phát triển các dân tộc.

Đối thoại liên tôn

250. Một thái độ cởi mở trong chân lý và tình yêu phải là nét đặc trưng của đối thoại với các tín đồ của các tôn giáo ngoài Kitô giáo, bất chấp những trở ngại và khó khăn khác nhau, đặc biệt các hình thức của chủ nghĩa cực đoan ở cả hai phía. Đối thoại liên tôn là điều kiện cần để có hoà bình trên thế giới, và vì thế đây là một bổn phận của các Kitô hữu cũng như các cộng đồng tôn giáo khác. Sự đối thoại này trước hết là một cuộc trò chuyện về nhân sinh, hay, như lời các giám mục Ấn Độ đã phát biểu, chỉ đơn giản là “cởi mở với họ, chia vui sẻ buồn với họ”.^[194] Bằng cách này chúng ta học cách chấp nhận người khác và các lối sống, suy nghĩ và nói năng của họ. Chúng ta có thể tham gia với nhau trong bổn phận phục vụ công lý và hoà bình, là điều phải trở thành một nguyên tắc cơ bản cho các cuộc trao đổi của chúng ta. Tự nó, một sự đối thoại tìm kiếm hoà bình và công bằng xã hội, vượt lên trên mọi suy xét thuần túy thực tiễn, là một hành vi dẫn thân đạo đức giúp phát sinh một tình hình xã hội mới. Các cố gắng được thực hiện trong việc xử lý một số đề tài chuyên biệt có thể trở thành một tiến trình mà trong đó, nhờ biết lắng nghe nhau, cả hai bên đều có thể được thanh tẩy và thêm phong phú. Do đó, các cố gắng này cũng có thể biểu thị tình yêu đối với chân lý.

251. Trong cuộc đối thoại thân thiện và chân thành này, phải luôn luôn lưu ý tới dây liên kết cơ bản giữa đối thoại và rao giảng, nó giúp Hội Thánh duy trì và kiện cường mối quan hệ với những người ngoài Kitô giáo.^[195] Một chủ trương tạp giáo dễ dãi rốt cuộc sẽ là một cử chỉ chuyên chế của những người muốn coi thường các giá trị cao cả mà họ không có thẩm quyền. Thái độ cởi mở đích thực đòi hỏi sự gắn bó với các xác tín sâu xa nhất của mình, rõ ràng và vui vẻ trong căn tính của mình, đồng thời “mở lòng mình ra để hiểu phía bên kia” và “biết rằng đối thoại có thể làm giàu lẫn cho nhau”.^[196] Cái không có lợi là một thứ cởi mở ngoại giao nói “có” với mọi thứ để tránh các vấn đề, vì thái độ này có thể là cách đánh lừa người khác và chối bỏ điều tốt mà chúng ta được cùng chia sẻ một cách quảng đại với những người khác. Loan báo Tin Mừng và đối thoại liên tôn hoàn toàn không đối chọi nhau, chúng hỗ trợ lẫn nhau và nuôi dưỡng lẫn nhau.^[197]

252. Mối quan hệ giữa chúng ta với các tín đồ Hồi giáo có tầm quan trọng lớn, vì bây giờ họ đang hiện diện đáng kể tại các nước có truyền thống Kitô giáo, ở đó họ có thể tự do thờ phượng và trở thành thành phần đầy đủ của xã hội. Chúng ta không bao giờ được quên rằng họ “tuyên xưng đức tin của Abraham, và cùng với chúng ta họ tôn thờ một Thiên Chúa độc nhất và từ bị, Đấng sẽ xét xử loài người vào ngày tận thế”.^[198] Sách Thánh của Hồi giáo có giữ lại một số giáo lý của Kitô giáo; Đức Giêsu và Đức Maria được tôn kính đặc biệt và điều đáng cảm phục là thấy những người Hồi giáo, già cũng như trẻ, nam cũng như nữ, dành thời giờ cầu nguyện hằng ngày và trung thành dự các lễ nghi tôn giáo. Họ cũng nhìn nhận nhu cầu đáp lời Thiên Chúa bằng sự cam kết sống đạo đức và có lòng thương xót đối với những người cùng khổ.

253. Để duy trì đối thoại với Hồi giáo, nhất thiết phải có sự huấn luyện thích hợp cho tất cả những ai có liên quan, không những để họ có thể gắn bó chặt chẽ và vui vẻ với căn tính riêng của họ, mà còn để họ cũng có thể nhìn nhận các giá trị của những người khác, trân trọng các mối quan tâm trong các đòi hỏi của người khác và soi sáng cho các niềm tin chung. Người Kitô hữu

chúng ta phải mở rộng vòng tay yêu thương của mình để đón nhận và tôn trọng những người di dân Hồi giáo tại đất nước chúng ta giống như chúng ta hi vọng và xin được tiếp nhận và tôn trọng tại các đất nước Hồi giáo. Tôi xin và khẩn khoản nài xin các nước ấy cho phép người Kitô giáo được tự do thờ phượng và thực hành đức tin, giống như quyền tự do mà các tín đồ Hồi giáo được hưởng tại các nước Phương Tây! Đứng trước những sự việc đáng lo ngại của chủ nghĩa cực đoan bạo lực, lòng tôn trọng của chúng ta đối với các tín đồ Hồi giáo chân thực phải giúp chúng ta tránh những kiêu vơ đũa cả nắm vì thù hằn, bởi vì Hồi giáo chân chính và việc đọc Kinh Koran đúng đắn chống lại mọi hình thức bạo lực.

254. Những người ngoài Kitô giáo, bởi sáng kiến yêu thương của Thiên Chúa, khi họ trung thành với lương tâm của họ, họ có thể sống “công chính nhờ ân sủng Thiên Chúa”,^[199] và như vậy họ được “liên kết với mầu nhiệm vượt qua của Đức Giêsu Kitô”.^[200] Nhưng do chiều kích bí tích của ơn thánh sủng, hoạt động của Thiên Chúa nơi họ thường làm phát sinh những dấu hiệu và nghi thức, những biểu thị thánh thiêng để đưa những người khác vào một trải nghiệm cộng đồng về cuộc hành trình đến với Thiên Chúa.^[201] Tuy những dấu hiệu này thiếu ý nghĩa và hiệu năng của các bí tích do Đức Kitô thiết lập, chúng có thể là những đường kính Chúa Thánh Thần dùng để giải thoát những người ngoài Kitô giáo khỏi chủ nghĩa tự tại vô thần hay khỏi những kinh nghiệm tôn giáo thuần túy cá nhân. Cùng một Thần Khí ở mọi nơi tạo ra những hình thức khôn ngoan thực tiễn khác nhau để giúp người ta chịu đựng đau khổ và sống trong hoà bình và hoà hợp hơn. Là Kitô hữu, chúng ta cũng có thể thụ hưởng những kho tàng này đã được tích lũy từ nhiều thế kỷ, chúng có thể giúp chúng ta sống niềm tin của mình tốt đẹp hơn.

Đối thoại xã hội trong bối cảnh tự do tôn giáo

255. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nói đến tầm quan trọng của sự tôn trọng tự do tôn giáo, được coi là một quyền cơ bản của con người.^[202] Quyền này bao gồm “tự do chọn theo tôn giáo mà mình xét là thật và tự do biểu lộ các niềm tin của mình nơi công cộng”.^[203] Một chế độ đa nguyên lành mạnh, thực sự tôn trọng các khác biệt và đánh giá chúng đúng bản chất của chúng, sẽ không đòi hỏi tư riêng hoá các tôn giáo nhằm mục đích giảm lược chúng vào vùng tăm tối yên tĩnh của lương tâm mỗi cá nhân hay giới hạn chúng vào khuôn viên các nhà thờ [Kitô giáo], các hội đường [Do Thái giáo] hay các nhà thờ [Hồi giáo]. Đó sẽ là một dạng mới của chủ nghĩa kỳ thị và độc tài. Sự tôn trọng cần thiết dành cho những thiểu số theo thuyết bất khả tri hay không tin không thể được áp đặt một cách tùy tiện khiến cho các niềm tin của đa số những người có lòng tin phải cảm lạnh hay các truyền thống tôn giáo phong phú bị coi thường.

256. Khi xét đến các hiệu ứng của tôn giáo đối với đời sống công cộng, chúng ta phải phân biệt các cách thức khác nhau tôn giáo được thực hành. Các nhà trí thức và các nhà báo thường sử dụng những lối khái quát hoá thô thiển và hời hợt để nói về những khiếm khuyết của tôn giáo, và thường tỏ ra không có khả năng nhận ra rằng không phải tất cả các tín đồ—hay các lãnh đạo của họ—đều giống nhau. Một số chính trị gia lợi dụng sự lẫn lộn này để biện minh cho các hành vi kỳ thị. Có khi người ta khinh rẻ những tác phẩm phản ánh các niềm tin tôn giáo, họ quên mất sự thực là các tác phẩm tôn giáo kinh điển có thể có ý nghĩa cho mọi thời đại; chúng có sức bền bỉ mở ra những chân trời mới, kích thích tư tưởng, mở rộng trí tuệ và tâm hồn. Sự khinh rẻ này là do chứng cận thị của một số chủ nghĩa duy lý. Có hợp lý và sáng suốt không khi loại trừ một số tác phẩm chỉ vì chúng xuất hiện trong một bối cảnh niềm tin tôn giáo? Các tác phẩm này gồm những nguyên tắc mang đậm tính nhân đạo, và mặc dù chất chứa những biểu tượng và giáo huấn tôn giáo, chúng có một giá trị nhất định cho lý trí.

257. Là tín hữu, chúng ta cũng cảm thấy gần gũi những người không nhận mình thuộc về một truyền thống tôn giáo nào, nhưng chân thành tìm kiếm chân, thiện, mỹ, những điều mà chúng ta tin là được biểu hiện cao nhất nơi Thiên Chúa và bắt nguồn từ Thiên Chúa. Chúng ta coi họ là

những đồng minh quý trong sự dân thân bảo vệ nhân phẩm, xây dựng một sự chung sống hoà bình giữa các dân tộc và trong việc bảo vệ tạo thành. Các diễn đàn Aeropagi mới, chẳng hạn như Sân của Dân Ngoại, cung cấp cho chúng ta một chỗ gặp gỡ đặc biệt, ở đó “những người có đức tin và những người không tin có thể tham gia đối thoại về những vấn đề cơ bản trong các lãnh vực đạo đức, nghệ thuật và khoa học, và về việc tìm kiếm Đấng Siêu Việt”.[204] Đây cũng là một con đường dẫn tới hoà bình trong thế giới hỗn loạn của chúng ta.

258. Xuất phát từ một số vấn đề xã hội có tầm quan trọng cho tương lai của loài người, tôi đã thử trình bày rõ một lần nữa chiều kích xã hội tất yếu của sứ điệp Tin Mừng và khích lệ mọi Kitô hữu chứng minh cho điều này bằng lời nói, thái độ và hành động của họ.

CHƯƠNG NĂM

NHỮNG NGƯỜI LOAN BÁO TIN MỪNG ĐẦY THÁNH THẦN

259. Những người loan báo Tin Mừng đầy Thánh Thần là những người dũng cảm mở lòng mình ra cho hoạt động của Chúa Thánh Thần. Vào ngày lễ Ngũ Tuần, Chúa Thánh Thần đã làm cho các tông đồ ra khỏi chính mình và biến họ thành sứ giả công bố các kỳ công của Thiên Chúa, có khả năng nói cho mỗi người bằng thứ tiếng riêng của họ. Chúa Thánh Thần cũng ban cho họ ơn can đảm để công bố sự mới mẻ của Tin Mừng một cách dạn dĩ (*parrhesía*) mọi thời và mọi nơi, cả khi gặp chống đối. Chúng ta hãy chạy đến với Người hôm nay, vững vàng trong kinh nguyện, vì không cầu nguyện thì mọi hoạt động của chúng ta có nguy cơ vô hiệu quả và sứ điệp của chúng ta trở thành trống rỗng. Đức Giêsu muốn những người loan báo Tin Mừng không chỉ rao giảng bằng lời nói, nhưng trên hết bằng một đời sống được biến đổi bởi sự hiện diện của Thiên Chúa.

260. Trong chương cuối này, tôi không muốn trình bày một tổng hợp về linh đạo Kitô giáo, hay khai triển các chủ đề lớn như cầu nguyện, thờ lạy Thánh Thể, hay việc cử hành đức tin trong phụng vụ. Về tất cả các chủ đề này, chúng ta đã có những bản văn có giá trị của Huấn Quyền và những tác phẩm nổi tiếng của các tác giả lớn rồi. Tôi không dám thay thế hay làm tốt hơn các kho tàng này. Tôi chỉ muốn cung cấp một ít tư tưởng về tinh thần của việc tân phúc âm hoá.

261. Mỗi khi ta nói một cái gì là “có khí thế”, nó thường chỉ về một sức thúc đẩy bên trong gây khích lệ, tạo động lực, nuôi dưỡng và cống hiến ý nghĩa cho hoạt động cá nhân và cộng đồng của chúng ta. Việc phúc âm hoá đầy Thánh Thần không đồng nghĩa với một tập hợp các công việc được thực hiện vì bốn phận bất chấp các xu hướng và ước muốn riêng của một người. Ước gì tôi có được những lời thích hợp để khơi dậy niềm phấn khích cho một chương mới của việc phúc âm hoá đầy nhiệt huyết, vui tươi, quảng đại, can đảm, yêu thương vô bờ và hấp dẫn! Nhưng tôi nhận ra rằng không có lời khích lệ nào là đủ trừ khi lòng chúng ta cháy lửa của Chúa Thánh Thần. Việc phúc âm hoá đầy Thần Khí là công việc được hướng dẫn bởi Chúa Thánh Thần, vì Người là linh hồn của Hội Thánh được gọi để công bố Tin Mừng. Trước khi cống hiến một số động lực và gợi ý thiêng liêng, một lần nữa tôi cầu xin Chúa Thánh Thần ngự đến. Tôi nài xin Người đến và đổi mới Hội Thánh, khuấy động và thúc đẩy Hội Thánh mạnh bạo ra đi loan báo Tin Mừng cho mọi dân mọi nước.

I. CÁC LÝ DO CANH TÂN ĐỘNG LỰC TRUYỀN GIÁO

262. Những người loan báo Tin Mừng đầy Thánh Thần là những người cầu nguyện và làm việc. Có các khái niệm thần bí mà không có một sự vươn ra xã hội và truyền giáo thì chẳng ích gì cho việc loan báo Tin Mừng, cũng như những bài nói hay hoặc những thực hành xã hội hay mục vụ mà thiếu một linh đạo thì chẳng thể cải hoá các tâm hồn. Các phương thế đơn phương và

bất cập này chỉ có thể tiếp cận được một ít nhóm người và tỏ ra không có thể toả sáng bên ngoài những nhóm này vì chúng cắt xén Tin Mừng. Cái cần là khả năng vun trồng một không gian nội tâm có thể đem lại ý nghĩa cho sự dần thân và hoạt động.[205] Nếu không có những thời khắc lâu để thờ phượng, gặp gỡ Lời Chúa trong kinh nguyện, hay đối thoại chân thành với Chúa, công việc của chúng ta dễ dàng trở thành vô nghĩa; chúng ta mất năng lượng do sự chán ngán và những khó khăn, và nhiệt huyết của chúng ta tắt dần. Hội Thánh cấp thiết cần hơi thở sâu của kinh nguyện, và tôi rất mừng khi thấy ngày càng tăng số những nhóm người ở mọi cấp trong đời sống Hội Thánh chuyên tâm cầu nguyện và chuyển cầu, đọc lời Chúa trong kinh nguyện và liên lý châu Thánh Thể. Dù vậy, “chúng ta phải bác bỏ cái cám dỗ cung cấp một thứ linh đạo tư riêng và cá nhân, vì nó không phù hợp với những đòi hỏi của đức ái, chưa nói đến những hệ lụy của sự nhập thể”.[206] Luôn luôn có nguy cơ là một số thời khắc cầu nguyện có thể trở thành cái có để từ chối hiến thân truyền giáo; một lối sống tư riêng có thể khiến người Kitô hữu tìm trú ẩn nơi một số hình thức linh đạo sai lạc.

263. Chúng ta nên nghĩ đến các Kitô hữu thời kỳ đầu và nhiều anh chị em chúng ta trong suốt dòng lịch sử, họ là những người tràn trề niềm vui, can đảm không mệt mỏi và nhiệt tình trong việc rao giảng Tin Mừng. Một số người ngày nay thường tự an ủi mình rằng hoàn cảnh bây giờ không dễ dàng như xưa, nhưng chúng ta biết rằng đế chế Roma thời ấy không hề thuận lợi cho sứ điệp Tin Mừng, cho cuộc đấu tranh vì công lý, hay việc bảo vệ phẩm giá con người. Mỗi thời kỳ lịch sử đều ghi dấu những yếu đuối của con người, tính tham lam, tự mãn và ích kỷ, chưa nói gì đến những dục vọng luôn rình rập chúng ta. Những chuyện này luôn luôn hiện hữu dưới hình thức này hay hình thức khác,; chúng bắt nguồn từ những giới hạn của con người hơn là từ những hoàn cảnh cụ thể. Vì vậy chúng ta đừng nói rằng thời buổi ngày nay khó khăn hơn; nó chỉ khác hơn thôi; Nhưng chúng ta cũng hãy học nơi các thánh là những người đã đi trước chúng ta, đã đối diện với những khó khăn của thời họ. Vì thế tôi đề nghị chúng ta dừng lại để tìm ra một số lý do có thể giúp chúng ta hôm nay bắt chước họ.[207]

Gặp gỡ thân tình với tình yêu cứu độ của Đức Giêsu

264. Lý do đầu tiên cho việc loan báo Tin Mừng là tình yêu của Chúa Giêsu mà chúng ta đã lãnh nhận, kinh nghiệm cứu độ thôi thúc chúng ta ngày càng yêu mến Ngài nhiều hơn. Có tình yêu nào không cảm thấy nhu cầu nói với người yêu, chỉ ra người yêu, làm cho người yêu được biết đến? Nếu chúng ta không cảm thấy cháy bỏng ước muốn chia sẻ tình yêu này, chúng ta cần phải tha thiết cầu nguyện để Ngài một lần nữa đánh động lòng chúng ta. Chúng ta cần nài xin ơn Ngài hằng ngày, xin Ngài mở những trái tim lạnh nhạt của chúng ta và khuấy động đời sống ơn hứa và hứa hẹn của chúng ta. Đứng trước mặt Ngài với trái tim rộng mở và để Ngài nhìn chúng ta, chúng ta thấy được cái nhìn yêu thương mà ông Nathanael đã nhìn thấy hôm Đức Giêsu nói với ông: “Tôi đã nhìn thấy anh dưới cây vả” (Ga 1:48). Tốt biết bao khi đứng trước tượng chịu nạn, hay quỳ gối trước Thánh Thể, và chỉ đơn giản ở trong sự hiện diện của Ngài! Tốt biết bao khi một lần nữa ngài đánh động cuộc đời chúng ta và thúc đẩy chúng ta chia sẻ sự sống mới của Ngài! Điều xảy ra sau đó là “chúng ta nói ra điều chúng ta đã thấy và đã nghe!” (1 Ga 1:3). Sự khích lệ tốt nhất để chia sẻ Tin Mừng là qua việc suy niệm Tin Mừng với tình yêu, dừng lại ở mỗi trang và đọc bằng trái tim. Nếu chúng ta đến với Tin Mừng bằng cách này, vẻ đẹp của nó sẽ làm chúng ta kinh ngạc và không ngừng kích thích chúng ta. Nhưng muốn được như thế, chúng ta cần lấy lại một tinh thần chiêm niệm để có thể giúp chúng ta không ngừng nhận ra rằng mình được thừa hưởng một kho tàng làm chúng ta người hơn và giúp chúng ta sống một đời sống mới. Không có gì quý hơn mà chúng ta có thể trao ban cho người khác.

265. Cả cuộc đời Đức Giêsu, cách ngài đối xử với người nghèo, các hành động, tính chính trực, các hành vi quảng đại đơn sơ hằng ngày, và sau cùng sự hiến thân hoàn toàn của Ngài, tất

cả là điều quý giá và mặc khải mầu nhiệm sự sống thần linh của Ngài. Mỗi khi chúng ta khám phá lại điều này một cách mới mẻ, chúng ta trở nên xác tín rằng đó chính là điều mà những người khác đang cần, cho dù có thể họ không nhận ra: “Đáng quý vị không biết mà vẫn tôn thờ, thì tôi xin rao giảng cho quý vị” (Cv 17:23). Đôi khi chúng ta mất nhiệt tình truyền giáo là vì chúng ta quên rằng Tin Mừng thoả mãn các nhu cầu thâm sâu nhất của chúng ta, bởi vì chúng ta được dựng nên để hưởng nhận điều mà Tin Mừng cống hiến cho chúng ta: tình bạn với Đức Giêsu và tình yêu của các anh chị em chúng ta. Nếu chúng ta diễn tả được đầy đủ và đẹp đẽ nội dung cơ bản của Tin Mừng, chắc chắn sứ điệp này sẽ nói với những khát vọng thâm sâu nhất của trái tim con người: “Người truyền giáo xác tín rằng, qua hoạt động của Chúa Thánh Thần, đã hiện hữu trong các cá nhân và các dân tộc, dù chỉ trong tiềm thức, một sự mong đợi được biết chân lý về Thiên Chúa, về con người, và về cách làm thế nào để được giải thoát khỏi tội lỗi và sự chết. Sự phấn khởi của người truyền giáo trong việc loan báo Đức Kitô xuất phát từ niềm xác tín rằng Ngài đang đáp ứng niềm mong đợi ấy.”^[208] Niềm phấn khởi loan báo Tin Mừng dựa trên sự xác tín này. Chúng ta có một kho tàng sự sống và tình yêu không thể lừa dối, và một sứ điệp không thể làm chúng ta lạc đường hay thất vọng. Nó thấm nhập tận thâm cung lòng chúng ta, nâng đỡ và làm chúng ta thêm cao quý. Nó là một chân lý không bao giờ lỗi thời vì nó chạm đến phần trong con người chúng ta mà không gì khác chạm đến được. Cảm giác buồn sầu vô hạn của chúng ta chỉ có thể được chữa lành bởi một tình yêu vô biên.

266. Nhưng niềm xác tín này phải được nâng đỡ bởi trải nghiệm không ngừng được đổi mới của chúng ta về sự nếm cảm tình bạn và sứ điệp của Đức Kitô. Không thể kiên trì trong việc nhiệt tình loan báo Tin Mừng nếu chúng ta không xác tín từ kinh nghiệm bản thân rằng biết Đức Kitô và không biết Đức Kitô thì hoàn toàn khác nhau, đi cùng với Ngài thì khác với đi mù quáng, nghe thấy lời Ngài khác với không biết Ngài, chiêm ngắm Ngài, tôn thờ Ngài, tìm bình an nơi Ngài thì khác với không làm các điều ấy. Cố gắng xây dựng thế giới với Tin Mừng của Ngài thì khác với xây dựng nó với ánh sáng riêng của chúng ta. Chúng ta biết rõ rằng với Đức Kitô, cuộc đời trở nên phong phú hơn và với Ngài ta sẽ dễ tìm thấy ý nghĩa trong mọi sự hơn. Đó là lý do chúng ta loan báo Tin Mừng. Một người truyền giáo đích thực, người không bao giờ thôi là một môn đệ, biết rằng có Đức Kitô cùng đi với mình, nói với mình, thờ với mình, làm việc với mình. Họ cảm nhận được Đức Giêsu sống với mình giữa công cuộc truyền giáo. Nếu không nhìn thấy Ngài hiện diện tại tâm điểm sự dấn thân truyền giáo của chúng ta, lòng phấn khởi của chúng ta sẽ sớm nhạt nhòa và chúng ta không còn chắc chắn mình đang thông truyền điều gì; chúng ta thiếu sinh lực và đam mê. Một người không có xác tín, không phấn khởi, không chắc chắn và không yêu, người ấy chẳng thuyết phục được ai.

267. Hiệp nhất với Đức Kitô, chúng ta tìm điều Ngài tìm và yêu điều Ngài yêu. Chung cuộc, cái chúng ta tìm là vinh quang của Cha, chúng ta sống và hành động “để ngợi khen ân sủng rạng ngời của Người” (Ep 1:6). Nếu chúng ta muốn dấn thân hoàn toàn và cho đến cùng, chúng ta cần bỏ lại đằng sau mọi động cơ khác. Đây là động cơ dứt khoát, sâu nhất và mạnh nhất của chúng ta, lý do và ý nghĩa tối hậu đằng sau tất cả những gì chúng ta làm: vinh quang của Cha mà Đức Giêsu tìm kiếm từng giây từng phút trong cuộc đời Ngài. Là Người Con, Ngài vui mừng vì “hằng ở nơi cung lòng Cha” (Ga 1:18). Sở dĩ chúng ta là những người truyền giáo, chủ yếu là vì Đức Giêsu đã nói với chúng ta rằng, “điều làm Chúa Cha được tôn vinh là: anh em sinh nhiều hoa trái” (Ga 15:8). Vượt lên trên mọi sở thích và lợi ích riêng, mọi hiểu biết và động cơ của mình, chúng ta loan báo Tin Mừng là vì vinh quang cao cả của Cha, Đáng yêu thương chúng ta. Sự nếm cảm thiêng liêng được là một dân tộc

268. Lời Chúa cũng mời gọi chúng ta nhận ra rằng chúng ta là một dân tộc: “Xưa anh em chưa phải là một dân, nay anh em đã là dân của Thiên Chúa” (1 P 2:10). Là những người loan báo Tin

Mừng cho các linh hồn, chúng ta cần phát triển hương vị thiêng liêng của việc sống chan hoà với dân và khám phá ra rằng điều này tự nó là một nguồn vui tuyệt vời. Truyền giáo vừa là một niềm say mê Đức Giêsu, vừa đồng thời là niềm say mê dân của Người. Đứng trước Đức Giêsu chịu đóng đinh, chúng ta thấy được chiều sâu tình yêu của Ngài, tình yêu nâng chúng ta lên và kiên cường chúng ta, nhưng đồng thời, trừ khi chúng ta mù, chúng ta cũng bắt đầu nhận ra rằng cái nhìn cháy bỏng yêu thương của Đức Giêsu mở ra ôm ấp toàn thể dân của Ngài. Chúng ta một lần nữa nhận ra rằng Ngài muốn dùng chúng ta để đến gần với dân yêu dấu của Ngài hơn. Ngài chọn chúng ta từ giữa dân của Ngài và sai chúng ta đến với dân của Ngài; nếu không có ý thức thuộc về dân này, chúng ta không thể hiểu được căn tính thâm sâu của mình.

269. Chính Đức Kitô là mẫu mực của phương pháp loan báo Tin Mừng này, nó đưa chúng ta vào tận lòng của dân Ngài. Tốt biết bao cho chúng ta khi được chiêm ngắm sự thân mật gần gũi của Ngài với mọi người! Nếu Ngài nói chuyện với ai, Ngài nhìn thẳng vào mắt họ với một tình yêu và sự quan tâm sâu thẳm: “Đức Giêsu đưa mắt nhìn anh ta và đem lòng yêu mến” (Mk 10:21). Chúng ta thấy Ngài dễ đến gần như thế nào, khi ngài lại gần người mù (xem Mc 10:46-52) và ăn uống với những kẻ tội lỗi (xem Mc 2:16) mà không sợ bị người khác nghĩ mình là kẻ mê ăn uống và say sưa (xem Mt 11:19). Chúng ta thấy được sự tế nhị của Ngài khi cho phép người phụ nữ tội lỗi lấy dầu thơm xúc chân Ngài (xem Lc 7:36-50), và khi tiếp ông Nicôđêmô ban đêm (xem Ga 3:1-15). Hi sinh của Đức Giêsu trên thập giá không là gì khác hơn tột đỉnh của cách mà Ngài đã sống suốt cả đời Ngài. Được gương sáng Ngài đánh động, chúng ta muốn hoàn toàn đi vào các thành phần cấu tạo của xã hội này, chia sẻ cuộc sống với mọi người, lắng nghe các mối quan tâm của họ, giúp đỡ họ vật chất và tinh thần trong các nhu cầu của họ, vui với người vui, khóc với người khóc; tay trong tay với những người khác, chúng ta dần dần xây dựng một thế giới mới. Nhưng chúng ta làm điều này không phải vì ý thức về sự bó buộc, không phải như một bổn phận nặng nề, nhưng là kết quả của một quyết định bản thân, nó cho chúng ta niềm vui và ý nghĩa cho cuộc sống.

270. Đôi khi chúng ta bị cám dỗ trở thành kiểu Kitô hữu đứng xa để nhìn các vết thương của Chúa. Nhưng Đức Giêsu muốn chúng ta chạm vào sự khốn cùng của con người, chạm vào da thịt đau khổ của người khác. Ngài hi vọng chúng ta ngưng tìm kiếm những cái tháp ngà của cá nhân hay cộng đồng để che chở chúng ta khỏi vòng xoáy những nỗi bất hạnh của con người; trái lại, ngài muốn chúng ta đi vào thực tế đời sống của những người khác và biết được sức mạnh của sự dịu dàng. Mỗi khi làm như thế, đời sống chúng ta sẽ trở nên hoà nhập một cách kỳ diệu và chúng ta cảm nghiệm sâu xa thế nào là một dân tộc, thế nào là thành phần của một dân tộc.

271. Đứng là trong các hành vi ứng xử của chúng ta với thế giới, chúng ta phải trình bày các lý do cho niềm hi vọng của mình, nhưng không phải theo cách của một kẻ thù chỉ trích và lên án. Chúng ta được dạy khá rõ: “phải trả lời cách hiền hòa và với sự kính trọng” (1 P 3:15 [3:16]) và “hãy làm tất cả những gì anh em có thể làm được, để sống hòa thuận với mọi người” (Rm 12:18). Chúng ta cũng được dạy phải “lấy thiện mà thắng ác” (Rm 12:21) và “làm điều thiện cho mọi người” (Gl 6:10). Thay vì tìm cách tỏ ra hơn người khác, chúng ta phải “lấy lòng khiêm nhường mà coi người khác hơn mình” (Pl 2:3). Chính các tông đồ của Chúa đã “được toàn dân thương mến” (Cv 2:47; 4:21, 33; 5:13). Rõ ràng Chúa Giêsu không muốn chúng ta là những nhân vật quan trọng coi khinh kẻ khác, nhưng là những người nam người nữ của dân chúng. Đây không phải ý tưởng của giáo hoàng, hay một chọn lựa giữa các chọn lựa khác, mà là lệnh truyền trong lời Chúa quá rõ ràng, thẳng thắn và thuyết phục không cần giải thích, nếu không nó sẽ mất đi sức mạnh thách thức chúng ta. Chúng ta chỉ việc sống các lời ấy mà không cần giải thích, không cần bình luận. Sống như thế chúng ta sẽ biết được niềm vui của việc chia sẻ cuộc sống với dân trung thành của Thiên Chúa khi chúng ta cố gắng đốt lên một ngọn lửa trong lòng thế giới.

272. Yêu thương người khác là một sức mạnh thiêng liêng kéo chúng ta vào sự hiệp nhất với Thiên Chúa; thực vậy, ai không yêu thương “thì đi trong bóng tối” (1 Ga 2:11), “ở trong sự chết” (1 Ga 3:14) và “không biết Thiên Chúa” (1 Ga 4:8). Đức Bênêđictô XVI nói rằng “nhắm mắt trước người thân cận cũng là bịt mắt chúng ta trước Thiên Chúa”, [209] và rằng tình yêu, xét cho cùng, là ánh sáng *duy nhất* “có thể luôn luôn chiếu sáng một thế giới đang tối đi và cho chúng ta can đảm cần thiết để tiếp tục sống và làm việc”. [210] Khi chúng ta sống một thứ linh đạo gần gũi với người khác và tìm kiếm hạnh phúc của họ, lòng chúng ta được mở rộng trước các quà tặng tuyệt vời và đẹp nhất của Chúa. Khi chúng ta gặp gỡ người khác với lòng yêu thương, chúng ta học được một điều gì mới về Thiên Chúa. Mỗi khi mắt chúng ta mở ra để nhìn nhận người khác, chúng ta lớn lên trong ánh sáng của đức tin và của sự hiểu biết Thiên Chúa. Nếu chúng ta muốn tiến bộ trong đời sống thiêng liêng, chúng ta phải không ngừng là người truyền giáo. Hoạt động loan báo Tin Mừng làm giàu cho trí óc và tâm hồn; nó mở ra những chân trời thiêng liêng; nó làm chúng ta ngày càng thêm miễn cảm đối với các tác động của Chúa Thánh Thần, và nó đưa chúng ta vượt qua những cấu trúc thiêng liêng giới hạn. Một người truyền giáo nhiệt tình cảm nhận được niềm vui mình là một suối nước vọt ra để tưới mát người khác. Chỉ người nào cảm thấy hạnh phúc khi tìm lợi ích cho người khác, mong muốn hạnh phúc cho họ, người ấy mới có thể là người truyền giáo. Sự mở lòng này là một nguồn vui, vì “cho thì có phúc hơn là nhận” (Cv 20:35). Chúng ta không sống tốt hơn được khi trốn tránh, náu ẩn, từ chối chia sẻ, ngừng trao ban và đóng kín mình trong những tiện nghi của mình. Một nếp sống như thế không khác gì một cuộc tự sát từ từ.

273. Sứ mệnh của tôi giữa lòng dân không chỉ là một phần của đời tôi hay một cái phù hiệu mà tôi có thể gỡ bỏ; nó không phải một cái gì “phụ thêm” hay chỉ là một khoảnh khắc khác trong cuộc đời. Trái lại, nó là một cái gì tôi không thể dứt bỏ khỏi mình nếu không muốn tiêu diệt chính mình. *Tôi là một sứ mệnh* trên trái đất này; đó là lý do tại sao tôi có mặt trên trái đất này. Chúng ta phải coi mình như được đóng ấn, thậm chí được in nhãn bởi sứ mệnh mang ánh sáng, phúc lành, tạo sức sống, nuôi dưỡng, chữa lành và giải thoát. Nhìn khắp quanh mình, chúng ta bắt đầu nhận thấy những người điều dưỡng cho linh hồn, những thầy dạy cho linh hồn, những chính trị gia cho linh hồn, những người đã chọn hoà mình vào với người khác và cho người khác. Nhưng một khi chúng ta tách rời hoạt động khỏi đời sống riêng tư của mình, mọi thứ đổi thành màu xám và chúng ta sẽ luôn luôn cố đi tìm sự nhìn nhận hay khẳng định các nhu cầu của mình. Chúng ta hết còn là một dân tộc.

274. Nếu chúng ta muốn chia sẻ đời mình với người khác và quảng đại trao ban, chúng ta cũng phải nhận ra rằng mọi người xứng đáng với sự trao ban của chúng ta. Không phải vì đáng đáp nơi thân hình của họ, những khả năng của họ, ngôn ngữ của họ, cách suy nghĩ của họ, hay bất cứ sự thoả mãn nào mà chúng ta có thể nhận được, nhưng vì họ là công trình của Thiên Chúa, là tạo vật của Thiên Chúa. Thiên Chúa đã dựng nên con người ấy theo hình ảnh Ngài, và người ấy phản chiếu phần nào vinh quang của Thiên Chúa. Mọi con người đều là đối tượng của lòng nhân từ vô biên của Thiên Chúa, và chính Thiên Chúa hiện diện trong cuộc đời họ. Đức Giêsu đã hiến máu thánh châu báu của Ngài trên thập giá vì người ấy. Bất kể hình hài họ thế nào, mỗi người đều *vô cùng thánh thiện và xứng đáng với tình yêu của chúng ta*. Do đó, nếu tôi có thể giúp ít là một người có một cuộc sống tốt hơn, thì sự hiến mình của tôi đã được biện minh rồi. Là dân trung thành của Thiên Chúa quả là tuyệt vời. Chúng ta đạt được sự thành toàn khi phá đổ các bức tường ngăn cách và trong tim chúng ta chứa đầy những khuôn mặt và những cái tên!

Hoạt động nhiệm mầu của Đức Kitô phục sinh và của Thần Khí Ngài

275. Trong chương 2, chúng ta đã suy tư về sự thiếu vắng một linh đạo thâm sâu dẫn đến thái độ bị quan, tất định và hoài nghi. Một số người không dẫn thân cho truyền giáo bởi vì họ nghĩ sẽ

chẳng thay đổi được gì và có cố gắng bao nhiêu cũng vô ích. Họ nghĩ: “Sao tôi phải từ bỏ các tiện nghi và thú vui nếu tôi chẳng thấy có kết quả gì?” Thái độ này khiến người ta không thể làm người truyền giáo. Đây chỉ là một cái cớ dối trá để tiếp tục bị vướng mắc trong tiện nghi, lười biếng, bất mãn một cách vu vơ và ích kỷ, trống rỗng. Nó là một thái độ tự huỷ diệt, vì “người ta không thể sống mà không có hi vọng: cuộc đời sẽ trở nên vô nghĩa và không thể chịu đựng nổi”.^[211] Nếu chúng ta nghĩ rằng không cái gì thay đổi được, chúng ta phải nhớ rằng Đức Giêsu Kitô đã chiến thắng tội lỗi và sự chết và bây giờ là Đấng toàn năng. Đức Giêsu Kitô đang sống thực sự. Nói cách khác, “*nếu Đức Kitô đã không chỗi dậy, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng*” (1 Cr 15:14). Tin Mừng kể cho chúng ta rằng khi các tông đồ bắt đầu đi rao giảng, “*Chúa cùng hoạt động với các ông, và dùng những dấu lạ kèm theo mà xác nhận lời các ông rao giảng*” (Mc 16:20). Đó cũng là điều xảy ra hôm nay. Chúng ta được mời gọi khám phá và trải nghiệm điều đó. Đức Kitô sống lại và được tôn vinh là nguồn suối hi vọng của chúng ta, và Ngài sẽ không từ chối giúp đỡ chúng ta trong việc thực thi sứ mạng Ngài đã uỷ thác cho chúng ta.

276. Sự sống lại của Đức Kitô không phải là một biến cố của quá khứ; nó chứa đựng một sức mạnh cốt thiết đã thấm nhuần thế giới này. Ở đâu mà tất cả có vẻ như đã chết, ở đó các dấu hiệu phục sinh đột nhiên xuất hiện. Đó là một sức mạnh không thể cưỡng lại được. Thường chúng ta thấy Thiên Chúa có vẻ như không hiện hữu: chúng ta thấy khắp quanh mình những cảnh bất công, tội ác, thờ ơ, tàn bạo không ngớt. Nhưng cũng đúng là giữa cảnh tối tăm luôn luôn có một cái gì mới phát sinh và sớm hay muộn sẽ sinh hoa kết quả. Trên mặt đất bị san bằng, sự sống vẫn bùng dậy một cách ngoan cường. Bất kể hoàn cảnh đen tối đến đâu, sự thiện luôn luôn xuất hiện trở lại và lan toả. Mỗi ngày trong thế giới của chúng ta, cái đẹp luôn luôn tái sinh, nó lớn lên xuyên qua những bão tố của lịch sử. Các giá trị luôn luôn có khuynh hướng xuất hiện trở lại dưới những dạng mới, và loài người cũng đã tái sinh hết lần này qua lần khác từ những tình huống xem như là đã tận số. Sức mạnh của sự sống lại là như thế, và tất cả những người loan báo Tin Mừng là những công cụ của sức mạnh ấy.

277. Trong khi ấy, các khó khăn mới cũng không ngừng xuất hiện: các trải nghiệm về thất bại và yếu đuối làm chúng ta rất đau buồn. Qua kinh nghiệm, tất cả chúng ta biết rằng đôi khi một công việc không đem lại cho chúng ta sự thoả mãn mà chúng ta tìm kiếm, các kết quả thì ít và các sự thay đổi thì chậm chạp, và chúng ta bị cảm dỗ trở nên mệt mỏi. Nhưng hạ khí giới tạm thời vì mệt mỏi không đồng nghĩa với vĩnh viễn đầu hàng do sự bất mãn và sự bất lực làm nứt nẻ linh hồn. Cũng có khi chúng ta có thể chán nản trong cuộc đấu tranh vì cuối cùng chúng ta bị mắc kẹt trong chính mình, trong một thái độ vụ nghề nghiệp muốn tìm sự nhìn nhận, vỗ tay, tưởng thưởng và địa vị. Trong trường hợp này chúng ta không buông vũ khí, nhưng không còn nắm bắt được điều chúng ta tìm kiếm, sự sống lại không có ở đó. Trong các trường hợp như thế, Tin Mừng không còn được đón nhận như là sứ điệp tuyệt vời nhất mà thế giới này có thể công hiến, nhưng bị chôn vùi dưới một đống những lời bao biện.

278. Đức tin cũng có nghĩa là tin vào Thiên Chúa, tin rằng Người thực sự yêu chúng ta, Người có khả năng can thiệp một cách mâu nhiệm, Người không bỏ rơi chúng ta và Người rút ra điều thiện từ điều ác bằng quyền năng và tính sáng tạo vô biên của Người. Đức tin có nghĩa là tin rằng Thiên Chúa tiến bước khải hoàn trong lịch sử cùng với những người “được gọi, được chọn và trung thành” (Kh 17:14). Chúng ta hãy tin vào Tin Mừng khi Tin Mừng nói với chúng ta rằng Nước Thiên Chúa đã hiện diện trong thế giới này và đang lớn lên, ở đây và ở kia, cách này hay cách khác: giống như hạt cải nhỏ xíu lớn lên thành một cây to (xem Mt 13:31-32), giống như nắm men làm cho dậy cả đấu bột (xem Mt 13:33), và giống như hạt giống tốt mọc lên giữa cỏ dại (xem Mt 13:24-30) và luôn luôn có thể làm chúng ta ngạc nhiên thích thú. Nước Chúa đang ở đây, nó trở lại, nó đấu tranh để không ngừng phát triển. Sự phục sinh của Đức Kitô khắp nơi làm

phát sinh những hạt giống cho thế giới mới ấy; nếu chúng bị yếu đi, chúng lại mọc trở lại, vì sự phục sinh đã âm thầm được đan vào trong cơ cấu của lịch sử này, vì Đức Giêsu đã không sống lại một cách vô ích. Chúng ta chớ bao giờ đứng bên lề cuộc diễn hành của niềm hi vọng sống động này!

279. Vì không luôn luôn nhìn thấy các hạt giống này lớn lên, chúng ta cần có một sự chắc chắn nội tâm, một niềm xác tín rằng Thiên Chúa có khả năng hành động trong mọi tình huống, ngay cả giữa những cái bề ngoài có vẻ là thất bại: “chúng tôi chứa đựng kho tàng này trong những bình sành” (2 Cr 4:7). Niềm tin chắc này thường được gọi là “một cảm thức về mầu nhiệm”. Đó là biết một cách chắc chắn rằng tất cả những ai tin tưởng phó thác vào Thiên Chúa trong tình yêu sẽ sinh nhiều hoa trái (xem Ga 15:5). Sự sinh hoa kết quả này thường không nhìn thấy, khó nắm bắt và không thể định lượng. Chúng ta có thể biết khá chắc là cuộc đời chúng ta sẽ có kết quả, mặc dù không biết được như thế nào, ở đâu hay khi nào. Chúng ta có thể biết chắc rằng không một hành vi yêu thương nào của mình bị mất đi, hay bất cứ hành vi quan tâm nào của chúng ta đối với người khác. Không một hành vi yêu mến nào của chúng ta đối với Thiên Chúa sẽ bị mất đi, không một cố gắng quảng đại nào là vô nghĩa, không một sự chịu đựng đau đớn nào bị phí phạm. Tất cả các hành vi này bao bọc thế giới chúng ta giống như một lực sống. Đôi khi công việc chúng ta làm có vẻ như vô hiệu, nhưng truyền giáo không giống như một vụ giao dịch kinh doanh hay đầu tư, hay thậm chí như một hoạt động nhân đạo. Nó không phải là một buổi trình diễn ở đó chúng ta đếm xem có bao nhiêu khán giả đến xem do quảng cáo của chúng ta; nó là một cái gì sâu hơn nhiều, không lấy thước nào mà đo được. Có thể Chúa dùng các hi sinh của chúng ta để ban phúc lành cho các miền khác của thế giới mà chúng ta sẽ không bao giờ đến thăm. Chúa Thánh Thần hoạt động theo Người muốn, khi Người muốn và ở nơi nào Người muốn; chúng ta phó thác cho Người mà không đòi nhìn thấy các kết quả ẩn tượng. Chúng ta chỉ biết rằng dân thân của chúng ta là cần thiết. Chúng ta hãy học để biết nghỉ ngơi trong vòng tay âu yếm của Cha giữa các hoạt động quảng đại và sáng tạo của mình. Chúng ta hãy tiếp tục tiến tới; chúng ta hãy dâng cho Người mọi sự, để Người làm cho các cố gắng của chúng ta sinh hoa kết quả đúng thời đúng lúc.

280. Duy trì nhiệt tình truyền giáo sống động đòi chúng ta vững vàng tin cậy vào Chúa Thánh Thần, vì chính Người là Đấng “cứu giúp những nỗi yếu hèn của chúng ta” (Rm 8:6). Nhưng sự tin cậy quảng đại này cần được nuôi dưỡng, vì thế chúng ta cần liên lý kêu xin Chúa Thánh Thần. Người có thể chữa lành những gì làm chúng ta suy giảm nhiệt tình truyền giáo. Đúng là sự tin cậy này vào Đấng vô hình có thể làm chúng ta cảm thấy mất phương hướng: nó giống như chìm xuống biển sâu và không biết mình sẽ gặp những gì. Bản thân tôi từng thường xuyên trải nghiệm tình cảnh này. Nhưng không có sự tự do nào lớn hơn là để mình được Chúa Thánh Thần hướng dẫn, không tìm cách vạch kế hoạch và kiểm soát mọi sự từng chi tiết, trái lại để cho Người soi sáng, hướng dẫn và điều khiển chúng ta, dẫn đưa chúng ta đi đâu tùy theo ý Người. Chúa Thánh Thần biết rõ cái gì cần ở đâu và lúc nào. Hiệu quả một cách mầu nhiệm có nghĩa là như thế.

Sức mạnh truyền giáo của kinh nguyện chuyển cầu

281. Có một hình thức cầu nguyện thúc đẩy chúng ta đặc biệt dân thân cho công cuộc truyền giáo và tìm kiếm lợi ích của người khác, đó là: kinh nguyện chuyển cầu. Chúng ta hãy dừng lại ít phút và nhìn vào cõi lòng của Thánh Phaolô để xem kinh nguyện của ngài như thế nào. Kinh nguyện của ngài đầy ấp những con người: “...Tôi luôn vui sướng mỗi khi cầu nguyện cho anh em hết thảy, ... bởi vì tôi mang anh em trong lòng tôi” (Pl 1:4, 7). Ở đây chúng ta thấy kinh nguyện chuyển cầu không kéo tâm trí chúng ta ra khỏi việc chiêm niệm thực sự, vì chiêm niệm đích thực

luôn luôn có chỗ cho người khác.

282. Thái độ này trở thành một kinh nguyện tạ ơn Thiên Chúa cho người khác: “Tôi hằng cảm tạ Thiên Chúa của tôi vì anh em, về ân huệ Người đã ban cho anh em nơi Đức Kitô Giêsu” (1 Cr 1:4); “Tôi cảm tạ Thiên Chúa của tôi, mỗi lần nhớ đến anh em” (Pl 1:3). Hoàn toàn không ngờ vực, tiêu cực hoặc gây thất vọng, thái độ này là một cái nhìn thiêng liêng xuất phát từ đức tin sâu xa biết nhìn nhận những gì Thiên Chúa đang làm nơi cuộc đời của những người khác. Đồng thời, đây là lòng biết ơn tuôn ra từ một trái tim quan tâm tới người khác. Khi người truyền giáo đứng dậy sau khi cầu nguyện, lòng của họ được mở rộng hơn; không còn chỉ quan tâm đến bản thân mình, họ háo hức làm việc thiện và chia sẻ cuộc sống với những người khác.

283. Những người nam người nữ tuyệt vời của Thiên Chúa đều là những người chuyên cầu nguyện. Lời kinh chuyên cầu giống như “men trong trái tim của Thiên Chúa Ba Ngôi”. Đó là cách để đi sâu vào trái tim của Chúa Cha và khám phá ra những khía cạnh có thể dội ánh sáng trên những tình huống cụ thể và thay đổi chúng. Có thể nói tim của Thiên Chúa bị lời chuyên cầu của chúng ta đánh động, nhưng trên thực tế Người luôn luôn có ở đó trước. Cái mà lời chuyên cầu của chúng ta đạt được là sức mạnh, tình yêu và sự trung tín của Người được tỏ lộ rõ ràng hơn giữa dân chúng.

II. ĐỨC MARIA, MẸ CỦA VIỆC TÂN PHÚC ÂM HOÁ

284. Cùng với Chúa Thánh Thần, Đức Maria luôn luôn hiện diện giữa dân [Chúa]. Ngài cùng với các môn đệ cầu nguyện để xin Chúa Thánh Thần ngự đến (Cv 1:14) và nhờ đó diễn ra cuộc bùng phát truyền giáo vào ngày lễ Ngũ Tuần. Đức Maria là Mẹ của Hội Thánh truyền giáo, và không có Mẹ, chúng ta không bao giờ có thể thực sự hiểu rõ tinh thần của cuộc tân phúc âm hoá. Món quà của Chúa Giêsu cho dân của Ngài

285. Trên thánh giá, khi đang chịu đựng nơi thân thể mình cuộc hội ngộ đầy kịch tính giữa tội của thế gian và lòng thương xót của Thiên Chúa, Đức Giêsu có thể cảm nhận được sự hiện diện đầy an ủi của Mẹ và các bạn của Ngài dưới chân thánh giá. Vào giờ phút quyết định ấy, trước khi hoàn tất công trình mà Cha đã giao phó cho Ngài, Đức Giêsu nói với Đức Maria: “Thưa Bà, đây là con của Bà”. Rồi ngài nói với người bạn đầu yêu của Ngài: “Đây là mẹ của anh” (Ga 19:26-27). Những lời này của Đức Giêsu trong con háp hỏi chủ yếu không phải là để bày tỏ lòng tôn sùng và quan tâm đối với Mẹ của Ngài; đúng hơn, đó là một công thức của mặc khải để tỏ lộ màu nhiệm của một sứ mạng cứu rỗi đặc biệt. Đức Giêsu trở lại cho chúng ta Mẹ của Ngài. Chỉ sau khi làm xong việc này, Đức Giêsu biết rằng “bây giờ mọi sự đã hoàn tất” (Ga 19:28). Dưới chân thập giá, vào giờ phút tột đỉnh này của cuộc tạo dựng mới, Đức Kitô đưa chúng ta đến với Đức Maria. Ngài đưa chúng ta đến với Mẹ vì Ngài không muốn chúng ta đi trên đường đời mà không có một người mẹ, và dân của chúng ta đọc được nơi hình ảnh từ mẫu này tất cả các màu nhiệm của Tin Mừng. Đức Kitô không muốn rời Hội Thánh mà không để lại biểu tượng này của tình mẫu tử. Là người đã đem Đức Giêsu vào thế gian với một đức tin tuyệt vời, Mẹ Maria cũng đồng hành với “những người còn lại trong dòng dõi bà, là những người tuân theo các điều răn của Thiên Chúa và giữ lời chứng của Đức Giêsu” (Kh 12:17). Mối liên kết mật thiết giữa Đức Maria, Hội Thánh và từng tín hữu, dựa trên sự kiện mỗi người sinh ra Đức Kitô theo cách riêng của mình, đã được Chân Phước Isaac stella diễn tả thật tuyệt vời: “Trong Sách Thánh được linh hứng, những gì được nói về người trinh nữ làm mẹ theo một nghĩa phổ quát là Hội Thánh, đều được hiểu theo một nghĩa đặc thù là Trinh Nữ Maria... Tương tự, mỗi Kitô hữu cũng được gọi là hiện thân của Lời Thiên Chúa, là mẹ của Đức Kitô, là con gái và em gái của Ngài, vừa đồng trinh vừa đồng con cái... Đức Kitô đã ở chín tháng trong nhà tạm cung lòng của Đức Maria. Ngài ở trong nhà tạm đức tin của Hội Thánh cho tới ngày tận thế. Ngài sẽ ở mãi mãi trong sự hiểu biết và tình yêu của mỗi linh hồn tín hữu”.[212]

286. Đức Maria đã có thể biến cái chuồng bò lừa thành một mái ấm cho hài nhi Giêsu, với những mảnh tã nghèo nàn và một tình yêu thương chan chứa. Mẹ là nữ tỳ của Cha để ca hát tán tụng Cha. Mẹ là người bạn luôn luôn quan tâm đến cuộc đời chúng ta không thiếu rượu. Mẹ là người phụ nữ có trái tim bị lưỡi gươm đâm thấu và đồng cảm với những nỗi đau của chúng ta. Là mẹ của mọi người, Mẹ là dấu hiệu hi vọng cho các dân tộc đang quặn đau để sinh ra công lý. Mẹ là người truyền giáo đến gần chúng ta và đồng hành với chúng ta suốt dòng đời, dùng tình mẫu tử để mở lòng chúng ta ra đón nhận đức tin. Là người mẹ thực sự, mẹ đi bên cạnh chúng ta, chia sẻ các phần đau của chúng ta và hằng bao bọc chúng ta bằng tình thương của Thiên Chúa. Bằng nhiều tước hiệu khác nhau, thường gắn liền với các đền đài của Mẹ, Mẹ Maria chia sẻ lịch sử của mỗi dân tộc đã đón nhận Tin Mừng và trở thành một phần của căn tính lịch sử của dân tộc ấy. Nhiều cha mẹ Kitô hữu xin cho con cái họ được rửa tội tại một đền Đức Mẹ, để biểu lộ niềm tin của họ vào tình tử mẫu của Mẹ, tình tử mẫu sinh ra các con cái mới cho Thiên Chúa. Tại nhiều đền thờ Đức Mẹ, chúng ta có thể thấy Mẹ Maria tập hợp đồng đảo các con cái Mẹ, những người con hết sức cố gắng hành hương đến đó để được nhìn thấy Đức Mẹ và được Đức Mẹ nhìn thấy mình. Tại đây họ tìm được sức mạnh Thiên Chúa ban để chịu đựng những vất vả mệt nhọc và những đau khổ trong cuộc sống. Như Mẹ an ủi Thánh Juan Diego, Mẹ cũng ban cho họ niềm an ủi và tình thương tử mẫu, và thì thầm vào tai họ: “Con đừng lo lắng... Không phải Mẹ của con đang ở đây sao?”[213]

Ngôi Sao của cuộc tân phúc âm hoá

287. Chúng ta xin Mẹ của Tin Mừng sống chuyên cầu để lời mời gọi này cho một giai đoạn mới của việc loan báo Tin Mừng được toàn thể cộng đồng Hội Thánh đón nhận. Đức Maria là người phụ nữ đầy đức tin, sống và tiến bước trong đức tin,[214] và “cuộc lữ hành đức tin phi thường của Mẹ biểu thị một điểm qui chiếu cho Hội Thánh”. [215] Đức Maria để mình được Chúa Thánh Thần hướng dẫn trong hành trình đức tin hướng tới sứ mạng phục vụ và sinh hoa kết quả. Ngày nay chúng ta hướng về Mẹ và xin Mẹ giúp chúng ta loan báo sứ điệp cứu độ cho mọi người và giúp những người mới trở thành môn đệ đến lượt họ cũng trở thành những người loan báo Tin Mừng.[216] Trên con đường loan báo Tin Mừng này, chúng ta sẽ gặp những lúc khô khan, tăm tối và cả mệt mỏi. Bản thân Đức Maria đã từng trải nghiệm những thử thách này trong những năm tuổi thơ của Đức Giêsu tại Nadarét: “Đây là khởi đầu của Tin Mừng, tin mừng hân hoan. Tuy nhiên, không khó để nhận thấy nơi khởi đầu ấy một sự nặng nề đặc biệt của trái tim, gắn liền với một thứ đêm tối đức tin—những từ được Thánh Gioan Thánh Giá sử dụng—một thứ ‘màn che’ mà qua đó chúng ta phải đến gần Đấng Vô Hình và sống trong sự thân mật với mẫu nhiệm. Và đây chính là cách mà Đức Maria trong suốt nhiều năm đã sống trong sự thân mật với mẫu nhiệm Con của ngài, và tiến bước trong cuộc lữ hành đức tin của ngài”. [217]

288. Công cuộc loan báo Tin Mừng của Hội Thánh có một phong cách “Maria”. Mỗi khi nhìn lên Đức Mẹ, chúng ta một lần nữa tin vào bản chất cách mạng của tình thương và sự dịu dàng. Nơi Mẹ ta thấy rằng lòng khiêm nhường và dịu dàng không phải là nhân đức của kẻ những kẻ yếu đuối, nhưng của những người mạnh không cư xử tồi tệ với người khác để cảm thấy mình là quan trọng. Chiêm ngắm Đức Maria, chúng ta nhận ra rằng ngài là người từng ca ngợi Thiên Chúa vì “đã hạ bệ những kẻ quyền thế” và “đuổi người giàu có trở về tay trắng” (Lc 1:52-53) cũng là người đem đến một hơi ấm gia đình cho cuộc theo đuổi công lý của chúng ta. Ngài cũng là người can thận “ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng” (Lc 2:19). Đức Maria có khả năng nhận ra những dấu vết của Thần Khí Thiên Chúa trong những sự kiện lớn cũng như nhỏ. Mẹ liên lý chiêm ngắm mẫu nhiệm Thiên Chúa trong thế giới chúng ta, trong lịch sử nhân loại và trong đời sống thường ngày của chúng ta. Mẹ là người phụ nữ cầu nguyện và lao động ở Nadarét, và cũng là Đức Bà Phù Giúp, rời làng mình một cách “vội vã” (Lc 1:39) để đi phục vụ

người khác. Sự giao thoa này giữa công bằng và nhân hậu, giữa chiêm niệm và lo cho người khác, là cái làm cho cộng đồng Hội Thánh nhìn lên Đức Mẹ như là mẫu gương cho việc loan báo Tin Mừng. Chúng ta nài xin sự chuyển cầu từ mẫu của Mẹ để Hội Thánh có thể trở thành một mái ấm cho nhiều dân tộc, một người mẹ cho mọi dân tộc, và mở đường để một thế giới mới có thể được sinh ra. Chính Đức Kitô phục sinh đã nói với chúng ta với một quyền năng làm chúng ta tràn trề tin tưởng và hi vọng: “Này đây Ta đổi mới mọi sự” (Kh 21:5). Với Đức Mẹ, chúng ta tin tưởng tiến bước về sự hoàn thành lời hứa này, và chúng ta cầu nguyện với Mẹ:

*Maria, Trinh Nữ, Mẹ dấu yêu
bởi tác động của Chúa Thánh Thần,
Mẹ đã đón nhận Lời Sự Sống
tự thăm sâu đức tin khiêm cung của Mẹ:
Như Mẹ đã tự hiến hoàn toàn cho Đấng Hằng Hữu,
xin giúp chúng con cũng biết thưa “vâng”
trước tiếng gọi ngày càng cấp bách,
đi rao giảng Tin Mừng của Đức Giêsu.*

*Đầy tràn sự hiện diện của Đức Kitô trong lòng,
Mẹ đem niềm vui đến cho Gioan Tẩy Giả,
khiến thánh nhân trong lòng mẹ mình nhảy mừng.
Rộn ràng niềm vui sướng hân hoan,
Mẹ ca hát những kỳ công của Chúa.
Đứng dưới chân thập giá với lòng tin kiên vững,
Mẹ vui sướng nhận niềm an ủi phục sinh,
và cùng các môn đệ ngóng đợi Thánh Thần đến,
để Hội Thánh truyền giáo được khai sinh.*

*Nay xin Mẹ chuyển cầu cho chúng con
được một nhiệt huyết mới bắt nguồn từ phục sinh,
để chúng con đem cho mọi người
Tin Mừng của sự sống chiến thắng tử thần.
Xin cho chúng con niềm can đảm thánh thiện
biết tìm ra những lối đi mới
để quà tặng của cái đẹp không phai
có thể đến được với mọi người.*

*Ôi Trinh Nữ hằng lắng nghe và chiêm ngắm,
Mẹ tình yêu, Cô Dâu của tiệc cưới vĩnh cửu,
xin cầu cho Hội Thánh mà Mẹ là biểu tượng tinh tuyền,
để Hội Thánh không bao giờ đóng kín
hay đánh mất niềm say mê thiết lập Nước Chúa.*

*Ôi Ngôi Sao của cuộc tân phúc âm hoá,
xin giúp chúng con trở thành những chứng nhân rạng rỡ
cho tình hiệp thông và phục vụ,
cho đức tin nồng cháy và quảng đại,
cho công lý và tình thương đối với người nghèo,*

để niềm vui của Tin Mừng chạm đến tận cùng trái đất,
soi sáng cả những bờ rìa thế giới.

Lạy Mẹ của Tin Mừng sống động,
suối hạnh phúc cho những người hèn mọn của Thiên Chúa,
xin cầu cho chúng con.
Amen. Allêluia!

Ban hành tại Roma, cạnh Đền Thờ Thánh Phêrô, ngày 24 tháng 11 năm 2013, năm đầu tiên sứ vụ Giáo Hoàng của tôi, nhân ngày đại lễ Chúa Giêsu Kitô, Vua Vũ Trụ, và ngày kết thúc Năm Đức Tin.

PHANXICÔ

Trở về bảng NỘI DUNG	Trở về đầu Chương 1	Trở về đầu Chương 2	Trở về đầu Chương 3	Trở về đầu Chương 4	Trở về đầu Chương 5
--	---	---	---	---	---

CHÚ THÍCH

- [1] PHAOLÔ VI, Tông Huấn *Gaudete in Domino* (9-5-1975), 22: AAS 67 (1975), 297.
[2] *Ibid.* 8: AAS 67 (1975), 292.
[3] Thông Điệp *Deus Caritas Est* (25-12-2005), 1: AAS 98 (2006), 217.
[4] ĐẠI HỘI LẦN THỨ V CỦA CÁC GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH VÀ CARIBÊ, *Văn Kiện Aparecida*, 29-6-2007, 360.
[5] *Ibid.*
[6] PHAOLÔ VI, Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi* (8-12-1975), 80: AAS 68 (1976), 75.
[7] *Spiritual Canticle*, 36, 10.
[8] *Adversus Haereses*, IV, c. 34, n. 1: PG 7, pars prior, 1083: “Omnem novitatem attulit, semetipsum afferens”.
[9] PHAOLÔ VI, Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi* (8-12-1975), 7: AAS 68 (1976), 9.
[10] Cf. *Propositio* 7.
[11] BÊNÊĐICTÔ XVI, Bài giảng Thánh Lễ Bé Mạc Thượng Hội Đồng Giám Mục (28-10-2012): AAS 104 (2102), 890.
[12] *Ibid.*
[13] BÊNÊĐICTÔ XVI, Bài giảng Thánh Lễ Khai Mạc Đại Hội Lần Thứ V của các Giám Mục Châu Mỹ Latinh và Caribê (13-5-2007), *Aparecida*, Brazil: AAS 99 (2007), 437.
[14] Thông Điệp *Redemptoris Missio* (7-12-1990), 34: AAS 83 (1991), 280.
[15] *Ibid.*, 40: AAS 83 (1991), 287.
[16] *Ibid.*, 86: AAS 83 (1991), 333.
[17] ĐẠI HỘI LẦN THỨ V CỦA CÁC GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH VÀ CARIBÊ, *Văn Kiện Aparecida*, 29-6-2007, 548.
[18] *Ibid.*, 370.
[19] Cf. *Propositio* 1.
[20] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christifideles Laici* (30-12-1988),

32: AAS 81 (1989) 451.

[21] ĐẠI HỘI LẦN THỨ V CỦA CÁC GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH VÀ CARIBÊ, *Văn kiện Aparecida*, 29-6-2007, 201.

[22] *Ibid.*, 551.

[23] PHAOLÔ VI, Thông Điệp *Ecclesiam Suam* (6-8-1964), 9, 10, 11: AAS 56 (1964), 611-612.

[24] CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Sắc Lệnh về Đại Kết *Unitatis Redintegratio*, 6.

[25] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Ecclesia in Oceania* (22-11-2001), 19: AAS 94 (2002), 390.

[26] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christifideles Laici* (30-12-1988), 26: AAS 81 (1989), 438.

[27] Cf. *Propositio* 26.

[28] Cf. *Propositio* 44.

[29] Cf. *Propositio* 26.

[30] Cf. *Propositio* 41.

[31] CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Sắc Lệnh về Nhiệm Vụ của Giám Mục *Christus Dominus*, 11.

[32] Cf. BÊNÊĐICTÔ XVI, Diễn từ nhân Kỷ Niệm 40 Năm Sắc Lệnh *Ad Gentes* (11-3-2006): AAS 98 (2006), 337.

[33] Cf. *Propositio* 42.

[34] Cf. *Giáo Luật* 460-468; 492-502; 511-514; 536-537.

[35] Thông Điệp *Ut Unum Sint* (25-5-1995), 95: AAS 87 (1995), 977-978.

[36] CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến Chế Tín Lý về Hội Thánh *Lumen Gentium*, 23.

[37] GIOAN PHAOLÔ II, Tự Sắc *Apostolos Suos* (21-5-1998): AAS 90 (1998), 641-658.

[38] CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Sắc Lệnh về Đại Kết *Unitatis Redintegratio*, 11.

[39] Cf. *S. Th.*, I-II, q. 66, a. 4-6.

[40] *S. Th.*, I-II, q. 108, a. 1.

[41] “Chúng ta thờ phượng Thiên Chúa không phải bằng những lễ vật hay những quà tặng vật chất cho Người, nhưng đúng hơn là cho chúng ta và cho tha nhân. Thiên Chúa không cần các lễ vật của chúng ta, nhưng Người đòi chúng ta dâng những lễ vật ấy để tôn thờ Người và để mang lại lợi ích cho anh chị em chúng ta. Đối với Người, lòng thương xót là lễ vật đẹp lòng Chúa nhất, vì nó có sức khắc phục các khiếm khuyết trong việc tôn thờ và trong lễ vật của chúng ta, và vì hơn tất cả các thứ khác, lòng thương xót tìm kiếm lợi ích cho đồng loại của chúng ta” (*S. Th.*, II-II, q. 30, a. 4, ad 1).

[42] CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Sắc Lệnh về Mạc Khải *Dei Verbum*, 12.

[43] Tự Sắc *Socialium Scientiarum* (1-1-1994): AAS 86 (1994), 209.

[44] Thánh Tôma Aquinô cắt nghĩa rằng số lượng lớn các tạo vật và sự đa dạng của chúng “là ý muốn của tác nhân đệ nhất”, Người muốn rằng “cái gì mà một cá thể còn thiếu để phản chiếu sự tốt lành của Thượng Đế thì được bù lại bởi các cá thể khác”, vì sự tốt lành của Tạo Hoá “không thể được phản chiếu đầy đủ bởi chỉ một tạo vật mà thôi” (*S. Th.*, I, q. 47, a. 1). Vì vậy chúng ta cần hiểu rõ sự đa dạng của các chủng loại trong các mối liên hệ của chúng với nhau (cf. *S. Th.*, I, q. 47, a. 2, ad 1; q. 47, a. 3). Tương tự, chúng ta cần lắng nghe và bổ sung cho nhau trong nhận thức cục bộ của chúng ta về thực tại và về Tin Mừng.

[45] GIOAN XXIII, Diễn từ Khai Mạc Công Đồng Vaticanô II (11-10-1962): AAS 54 (1962), 792: “*Est enim aliud ipsum depositum fidei, seu veritates, quae veneranda doctrina nostra continentur, aliud modus, quo eadem enuntiantur*”.

[46] GIOAN PHAOLÔ II, Thông Điệp *Ut Unum Sint* (25-5-1995), 19: AAS 87 (1995), 933.

[47] *S. Th.*, I-II, q. 107, a. 4.

[48] *Ibid.*

[49] Số 1735

[50] Cf. GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Familiaris Consortio* (22-11-1981), 34: AAS 74 (1982), 123.

[51] Cf. THÁNH AMBROSIO, *De Sacramentis*, IV, 6, 28: PL 16, 464: “Tôi phải luôn luôn lãnh nhận bí tích này để được tha thứ tội lỗi. Nếu tôi liên tục phạm tội, tôi phải có thuốc chữa”; ID., op. cit., IV, 5, 24: PL 16, 463: “Những người ăn manna đều đã chết; những ai ăn thánh thể này sẽ được ơn tha các tội của họ”; SAINT CYRIL OF ALEXANDRIA, *In Joh. Evang.*, IV, 2: PG 73, 584-585: “Tôi xét mình và thấy mình bất xứng. Với những người nói như vậy, tôi nói: Vậy khi nào bạn sẽ xứng đáng? Khi cuối cùng bạn ra trình diện trước toà Chúa Kitô ư? Vậy nếu các tội lỗi ngăn cản bạn không đến gần [Ngài] và bạn không bao giờ ngưng phạm tội—vì như Thánh Vịnh nói, ‘nào ai biết lỗi của mình?’—bạn sẽ tiếp tục không dự phần vào ơn thánh hoá ban sự sống đời đời sao?”

[52] BÊNÊDICTÔ XVI, Diễn từ cho các Giám Mục Brazil tại Nhà Thờ Chính Toà São Paulo, (11-5-2007), 3: AAS 99 (2007), 428.

[53] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Pastores Dabo Vobis* (25-3-1992), 10: AAS 84 (1992), 673.

[54] PHAOLÔ VI, Thông Điệp *Ecclesiam Suam* (6-11-1964), 19: AAS 56 (1964), 609.

[55] THÁNH GIOAN CHRYSOSTOMÔ, *De Lazaro Concio*, II, 6: PG 48, 992D.

[56] Cf. *Propositio* 13.

[57] GIOAN PHAOLÔ, Tông Huấn *Ecclesia in Africa* (11-9-1995), 52: AAS 88 (1996), 32-33; ID., Thông Điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30 December 1987), 22: AAS 80 (1988), 539.

[58] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn *Ecclesia in Asia* (11-11-1999), 7: AAS 92 (2000), 458.

[59] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC CÔNG GIÁO HOA KỲ, “Mục vụ cho những người có xu hướng đồng tính luyến ái: Hướng dẫn chăm sóc mục vụ” (2006), 17.

[60] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC PHÁP, “Tur Vấn Gia Đình và Xã Hội, Mở rộng hôn nhân cho những người đồng giới? Hãy mở cuộc tranh luận!” (28-9-2012).

[61] Cf. *Propositio* 25.

[62] CÔNG GIÁO TIỀN HÀNH Ý, “Sứ Điệp của Đại Hội Toàn Quốc Gửi Giáo Hội và Tô Quốc” (8-5-2011).

[63] J. RATZINGER, *The Current Situation of Faith and Theology*. Giảng huấn tại Hội nghị các Chủ Tịch các Ủy Ban Giám Mục Châu Mỹ Latinh về Giáo Lý Đức Tin, Guadalajara, Mexico, 1996. Bản dịch tiếng Anh trong *L'Osservatore Romano*, Ấn bản tiếng Anh, 6-12-1996. Cf. ĐẠI HỘI LẦN THỨ V CỦA CÁC GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH VÀ CARIBÊ, *Văn kiện Aparecida*, 29-6-2007, 12.

[64] G. BERNANOS, *Journal d'un curé de campagne*, Paris, 1974, 135.

[65] Diễn từ Khai mạc Công Đồng Vaticanô II (11-10-1962): 4, 2-4: AAS 54 (1962), 789.

[66] J.H. NEWMAN, Thư ngày 26-1-1833, trong *The Letters and Diaries of John Henry Newman*, vol. III, Oxford 1979, 204.

[67] BÊNÊDICTÔ XVI, Bài giảng Thánh Lễ Khai mạc Năm Đức Tin (11-10-2012): AAS 104 (2012), 881.

[68] THOMAS À KEMPIS, *De Imitatione Christi*, Lib. I, IX, 5: . “Imaginatio locorum et mutatio multos fefellit” (“Dreaming of different places, and moving from one to another, has misled many”).

[69] Chúng ta có thể học được từ chứng từ của Thánh Têrêsa Lisieux khi ngài kể về một chị nữ

tu kia rất khó tính nhưng một trải nghiệm nội tâm đã có một tác động quyết định đối với chị ấy: “Một chiều mùa đông tôi đang làm công tác thường xuyên của mình. Trời lạnh và tối dần... Thành linh tôi nghe từ đằng xa những tiếng đàn nhạc nhịp nhàng. Tôi bắt đầu tưởng tượng ra một căn phòng thấp sáng, dát vàng, và trong phòng có các quý bà còn trẻ ăn mặc lịch lãm đang trao đổi cho nhau những lời tặng bốc xã giao. Rồi tôi nhìn sang người phụ nữ nghèo bị bệnh mà tôi đang chăm sóc. Thay vì tiếng nhạc du dương, tôi nghe thấy tiếng bà rên rỉ và than thở... Tôi không thể diễn tả nổi điều gì đang xảy ra trong tâm hồn mình. Tôi chỉ biết rằng Chúa đã soi sáng tâm hồn tôi bằng những tia sáng chân lý vượt quá sự hào nhoáng phù du của những thú vui trần thế, khiến tôi khó có thể tin vào niềm hạnh phúc của mình” (Ms. C, 29v-30r, in *Oeuvres Complètes*, Paris, 1992, 274-275).

[70] Cf. *Propositio* 8.

[71] H. DE LUBAC, *Méditation sur l'Église*, Paris, 1968, 321.

[72] HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HOÀ BÌNH, *Toát Yếu Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh*, 295.

[73] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christifideles Laici* (30-12-1988), 51: AAS 81 (1989), 413.

[74] THÁNH BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, Tuyên Bố *Inter Insigniores* về Vấn đề chấp nhận phụ nữ vào chức linh mục thừa tác (15-10-1976): AAS 68 (1977) 115, dẫn trong GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christifideles Laici* (30-12-1988), chú thích 190: AAS 81 (1989), 493.

[75] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Thư *Mulieris Dignitatem* (15-8-1988), 27: AAS 80 (1988), 1718.

[76] Cf. *Propositio* 51.

[77] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Ecclesia in Asia* (6-11-1999), 19: AAS 92 (2000), 478.

[78] *Ibid.*, 2: AAS 92 (2000), 451.

[79] Cf. *Propositio* 4.

[80] Cf. CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến Chế Tín Lý về Hội Thánh *Lumen Gentium*, 1.

[81] Bài Suy Niệm trong Phiên Hợp Chung I tại Hội Nghị Thường Kỳ XIII của Thượng Hội Đồng Giám Mục (8-10-2012): AAS 104 (2012), 897.

[82] Cf. *Propositio* 6; CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến Chế Mục Vụ về Hội Thánh trong Thế Giới Hôm Nay *Gaudium Spes*, 22.

[83] Cf. CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến Chế Tín Lý về Hội Thánh *Lumen Gentium*, 9.

[84] Cf. ĐẠI HỘI LẦN THỨ III CỦA CÁC GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH VÀ CARIBÊ, *Văn Kiện Puebla*, 23-3-1979, Nos. 386-387.

[85] Cf. CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến Chế Mục Vụ về Hội Thánh trong Thế Giới Hôm Nay *Gaudium Spes*, 36.

[86] *Ibid.*, 25.

[87] *Ibid.*, 53.

[88] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Thư *Novo Millennio Ineunte* (6-1-2001), 40: AAS 93 (2001), 295.

[89] *Ibid.*

[90] GIOAN PHAOLÔ II, Thông Điệp *Redemptoris Missio* (7-12-1990), 52: AAS 83 (1991), 300; cf. Tông Huấn *Catechesi Tradendae* (16 October 1979) 53: AAS 71 (1979), 1321.

[91] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Ecclesia in Oceania* (22-11-2001), 16: AAS 94 (2002), 383.

- [92] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Ecclesia in Africa* (14-9-1995), 61: AAS 88 (1996), 39.
- [93] THÁNH TÔMA AQUINÔ, *S. Th.* I, q. 39, a. 8 cons. 2: “Nếu không có Chúa Thánh Thần là sợi dây nối kết cả hai, chúng ta không thể hiểu được sự hiệp nhất liên kết giữa Cha và Con”; cf. I, q. 37, a. 1, ad 3.
- [94] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Ecclesia in Oceania* (22-11-2001), 17: AAS 94 (2002), 385.
- [95] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Ecclesia in Asia* (6-11-1999), 20: AAS 92 (2000), 478-482.
- [96] Cf. CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến Chế Tín Lý về Hội Thánh *Lumen Gentium*, 12.
- [97] GIOAN PHAOLÔ II, Thông Điệp *Fides et Ratio* (14-9-1998), 71: AAS 91 (1999), 60.
- [98] ĐẠI HỘI LẦN THỨ III CỦA CÁC GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH VÀ CARIBÊ, *Văn Kiện Puebla*, 23-3-1979, 450; cf. ĐẠI HỘI LẦN THỨ V CỦA CÁC GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH VÀ CARIBÊ, *Văn Kiện Aparecida*, 29-6-2007, 264.
- [99] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Ecclesia in Asia* (6-11-1999), 21: AAS 92 (2000), 482-484.
- [100] Số 48: AAS 68 (1976), 38.
- [101] *Ibid.*
- [102] Diễn từ Khai Mạc Đại Hội Lần Thứ V của các Giám Mục Châu Mỹ Latinh và Caribê (13-5-2007), 1: AAS 90 (2007), 446.
- [103] ĐẠI HỘI LẦN THỨ V CỦA CÁC GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH VÀ CARIBÊ, *Văn Kiện Aparecida*, 29-6-2007, 262.
- [104] *Ibid.*, 263
- [105] Cf. THÁNH TÔMA AQUINÔ, *S. Th.*, II-II, q. 2, a. 2.
- [106] ĐẠI HỘI LẦN THỨ V CỦA CÁC GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH VÀ CARIBÊ, *Văn Kiện Aparecida*, 29-6-2007, 264.
- [107] *Ibid.*
- [108] Cf. CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến Chế Tín Lý về Hội Thánh *Lumen Gentium*, 12.
- [109] Cf. *Propositio* 17.
- [110] Cf. *Propositio* 30.
- [111] Cf. *Propositio* 27.
- [112] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Thư *Dies Domini* (31 May 1998), 41: AAS 90 (1998), 738-739.
- [113] PHAOLÔ VI, Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi* (8-12-1975), 78: AAS 68 (1976), 71.
- [114] *Ibid.*
- [115] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Pastores Dabo Vobis* (25-3-1992), 26: AAS 84 (1992), 698.
- [116] *Ibid.*, 25: AAS 84 (1992), 696.
- [117] THÁNH TÔMA AQUINÔ, *S. Th.* II-II, q. 188, a. 6.
- [118] PHAOLÔ VI, Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi* (8-12-1975), 76: AAS 68 (1976), 68.
- [119] *Ibid.*, 75: AAS 68 (1976), 65.
- [120] *Ibid.*, 63: AAS 68 (1976), 53
- [121] *Ibid.*, 43: AAS 68 (1976), 33
- [122] *Ibid.*
- [123] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Pastores Dabo Vobis* (25-3-1992), 10: AAS 84 (1992), 672.

- [124] PHAOLÔ VI, Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi* (8-12-1975), 40: AAS 68 (1976), 31.
- [125] *Ibid.*, 43: AAS 68 (1976), 33.
- [126] Cf. *Propositio* 9.
- [127] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Pastores Dabo Vobis* (25-3-1992), 26: AAS 84 (1992), 698.
- [128] Cf. *Propositio* 38.
- [129] Cf. *Propositio* 20.
- [130] Cf. CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Sắc Lệnh về Phương Tiện Truyền Thông *Inter Mirifica*, 6.
- [131] Cf. *De Musica*, VI, 13, 38: PL 32, 1183-1184; *Confessiones*, IV, 13.20: PL 32, 701.
- [132] BÊNÊĐICTÔ XVI, Diễn từ cho buổi trình chiếu phim tài liệu “Art and Faith”—*Via Pulchritudinis* (25-10-2012): *L’Osservatore Romano* (27-10-2012), 7.
- [133] *S. Th.*, I-II, q. 65, a. 3, ad 2: “propter aliquas dispositiones contrarias”.
- [134] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Ecclesia in Asia* (6-11-1999), 20: AAS 92 (2000), 481.
- [135] BÊNÊĐICTÔ XVI, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Verbum Domini* (30-9-2010), 1: AAS 102 (2010), 682.
- [136] Cf. *Propositio* 11.
- [137] Cf. CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải *Dei Verbum*, 21-22.
- [138] Cf. BÊNÊĐICTÔ XVI, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Verbum Domini* (30-9-2010), 86-87: AAS 102 (2010), 757-760.
- [139] BÊNÊĐICTÔ XVI, Diễn từ trong Hội Nghị Khoáng Đại Lần Thứ Nhất của Thượng Hội Đồng Giám Mục (8-10-2012): AAS 104 (2012), 896.
- [140] PHAOLÔ VI, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Evangelii Nuntiandi* (8-12-1975), 17: AAS 68 (1976), 17.
- [141] GIOAN PHAOLÔ II, Sứ Điệp cho Người Khuyết Tật, *Angelus* (16-11-1980): *Insegnamenti*, 3/2 (1980), 1232.
- [142] HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HOÀ BÌNH, *Toát Yếu Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh*, 52.
- [143] GIOAN PHAOLÔ II, *Catechesis* (24 April 1991): *Insegnamenti*, 14/1 (1991), 853.
- [144] BÊNÊĐICTÔ XVI, Tựa Sắc *Intima Ecclesiae Natura* (11-11-2012): AAS 104 (2012), 996.
- [145] Thông Điệp *Populorum Progressio* (16-3-1967), 14: AAS 59 (1967), 264.
- [146] PHAOLÔ VI, Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi* (8-12-1975), 29: AAS 68 (1976), 25.
- [147] ĐẠI HỘI LẦN THỨ V CỦA CÁC GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH VÀ CARIBÊ, *Văn Kiện Aparecida*, 29-6-June 2007, 380.
- [148] HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HOÀ BÌNH, *Toát Yếu Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh*, 9.
- [149] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Ecclesia in America* (22-1-1999), 27: AAS 91 (1999), 762.
- [150] BÊNÊĐICTÔ XVI, Thông Điệp *Deus Caritas Est* (25-12-2005), 28: AAS 98 (2006), 239-240.
- [151] HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HOÀ BÌNH, *Toát Yếu Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh*, 12.
- [152] Tông Thư *Octogesima Adveniens* (14-5-1971), 4: AAS 63 (1971), 403.
- [153] THÁNH BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, Huấn Thị *Libertatis Nuntius* (6-8-1984), XI, 1: AAS 76 (1984), 903.

- [154] HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HOÀ BÌNH, *Toát Yếu Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh*, 157.
- [155] PHAOLÔ VI, Tông Thư *Octogesima Adveniens* (14-5-1971), 23: AAS 63 (1971), 418.
- [156] PHAOLÔ VI, Thông Điệp *Populorum Progressio* (26-3-1967), 65: AAS 59 (1967), 289.
- [157] *Ibid.*, 15: AAS 59 (1967), 265.
- [158] CONFERÊNCIA NACIONAL DOS BISPOS DO BRAZIL, *Exigências evangélicas e éticas de superação da miséria e da fome* (April 2002), Introduction, 2.
- [159] GIOAN XXIII, Thông Điệp *Mater et Magistra* (15-5-1961), 3: AAS 53 (1961), 402.
- [160] THÁNH AUGUSTINÔ, *De Catechizandis Rudibus*, I, XIX, 22: PL 40, 327.
- [161] THÁNH BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, Huấn Thị *Libertatis Nuntius* (6-8-1984), XI, 18: AAS 76 (1984), 907-908.
- [162] GIOAN PHAOLÔ II, Thông Điệp *Centesimus Annus* (1-5-1991), 41: AAS 83 (1991), 844-845.
- [163] GIOAN PHAOLÔ II, Bài giảng trong Thánh Lễ cầu cho việc Loan Báo Tin Mừng cho các Dân Tộc tại Santo Domingo (11-10-1984), 5: AAS 77 (1985), 358.
- [164] GIOAN PHAOLÔ II, Thông Điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30-12-1987), 42: AAS 80 (1988), 572.
- [165] Diễn từ tại Phiên Khai Mạc Hội Nghị Khoáng Đại Lần Thứ V của các Giám Mục Châu Mỹ Latinh và Caribê (13-5-2007), 3: AAS 99 (2007), 450.
- [166] THÁNH TÔMA AQUINÔ, *S. Th.*, II-II, q. 27, a. 2.
- [167] *Ibid.*, I-II, q. 110, a. 1.
- [168] *Ibid.*, I-II, q. 26, a. 3.
- [169] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Thư *Novo Millennio Ineunte* (6-1-2001), 50: AAS 93 (2001), 303.
- [170] *Ibid.*
- [171] Cf. *Propositio* 45.
- [172] THÁNH BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, Huấn Thị *Libertatis Nuntius* (6-8-1984), XI, 18: AAS 76 (1984), 908.
- [173] Cố gắng này bao gồm sự dẫn thân nhằm “loại trừ các nguyên nhân thuộc cơ chế khiến cho kinh tế toàn cầu không hoạt động tốt”: BÊNÊĐICTÔ XVI, Diễn từ cho Ngoại Giao Đoàn (8-1-2007): AAS 99 (2007), 73.
- [174] Cf. ỦY BAN XÃ HỘI CỦA HĐGM PHÁP, *Réhabiliter la politique* (17-2-1999); cf. PIUS XI, Message of 18-12-1927.
- [175] BÊNÊĐICTÔ XVI, Thông Điệp *Caritas in Veritate* (29-6-2009), 2: AAS 101 (2009), 642.
- [176] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christifideles Laici* (30-12-1988), 37: AAS 81 (1989), 461.
- [177] Cf. *Propositio* 56.
- [178] HĐGM CÔNG GIÁO PHILÍPPIN, Thư Mục Vụ *What is Happening to our Beautiful Land?* (29-1-1988).
- [179] PHAOLÔ VI, Thông Điệp *Populorum Progressio* (26-3-1967), 76: AAS 59 (1967), 294-295.
- [180] HĐGM CÔNG GIÁO HOA KỲ, Thư Mục Vụ *Forming Conscience for Faithful Citizenship* (Tháng 11-2007), 13.
- [181] HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HOÀ BÌNH, *Toát Yếu Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh*, 161.
- [182] *Das Ende der Neuzeit*, Würzburg, 1965, 30-31.

- [183] Cf. I. QUILES, S.J., *Filosofía de la educación personalista*, Buenos Aires, 1981, 46-53.
- [184] ỦY BAN THƯỜNG VỤ HĐGM CONGO, *Thư Chung về tình hình an ninh trong nước* (5-12-2012), 11.
- [185] Cf. PLATO, *Gorgias*, 465.
- [186] BÊNÊĐICTÔ XVI, Diễn từ cho Giáo Triều Rôma (21-12-2012): AAS 105 (2013), 51.
- [187] Cf. *Propositio* 14.
- [188] Cf. *Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*, 1910; HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG VỀ CÔNG LÝ VÀ HOÀ BÌNH, *Toát Yếu Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh*, 168.
- [189] Cf. *Propositio* 54.
- [190] GIOAN PHAOLÔ II, Thông Điệp *Fides et Ratio* (14-9-1998), 88: AAS 91 (1999), 74.
- [191] THÁNH TÔMA AQUINÔ, *Summa contra Gentiles*, I, 7; cf. GIOAN PHAOLÔ II, Thông Điệp *Fides et Ratio* (14-9-1998), 43: AAS 91 (1999), 39.
- [192] SECOND VATICAN COUNCIL, Sắc Lệnh về Đại Kết *Unitatis Redintegratio*, 4.
- [193] Cf. *Propositio* 52.
- [194] HĐGM ÁN ĐỘ, Tuyên Bố Chung của Đại Hội XXX: *Vai trò của Hội Thánh cho một nước Ấn Độ tốt đẹp hơn* (8-3-2013), 8.9.
- [195] Cf. *Propositio* 53.
- [196] GIOAN PHAOLÔ II, Thông Điệp *Redemptoris Missio* (7-12-1990), 56: AAS 83 (1991), 304.
- [197] Cf. BÊNÊĐICTÔ XVI, Diễn từ cho Giáo Triều Rôma (21-12-2012): AAS 105 (2006), 51; CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Hội Thánh *Ad Gentes*, 9; *Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*, 856.
- [198] CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến Chế Tín Lý về Hội Thánh *Lumen Gentium*, 16.
- [199] ỦY BAN THẦN HỌC QUỐC TẾ, *Kitô giáo và các Tôn Giáo trên Thế Giới* (1996), 72: *Enchiridion Vaticanum* 15, No. 1061.
- [200] *Ibid.*
- [201] Cf. *ibid.*, 81-87: *Enchiridion Vaticanum* 15, Nos. 1070-1076.
- [202] Cf. *Propositio* 16.
- [203] BÊNÊĐICTÔ XVI, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Ecclesia in Medio Oriente* (14-9-2012), 26: AAS 104 (2012), 762.
- [204] Cf. *Propositio* 55.
- [205] Cf. *Propositio* 36.
- [206] GIOAN PHAOLÔ II, Tông Thư *Novo Millennio Ineunte* (6-1-2001), 52: AAS 93 (2001), 304.
- [207] Cf. V.M. FERNÁNDEZ, “Espiritualidad para la esperanza activa. Discurso en la apertura del I Congreso Nacional de Doctrina Social de la Iglesia (Rosario 2011)”, in *UC Actualidad*, 142 (2011), 16.
- [208] GIOAN PHAOLÔ II, Thông Điệp *Redemptoris Missio* (7-12-1990), 45: AAS 83 (1991), 292.
- [209] BÊNÊĐICTÔ XVI, Thông Điệp, *Deus Caritas Est* (25-12-2005), 16: AAS 98 (2006), 230.
- [210] *Ibid.*, 39: AAS 98 (2006), 250.
- [211] HỘI NGHỊ ĐẶC BIỆT LẦN THỨ HAI CHO CHÂU ÂU CỦA THƯỢNG HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC, Sứ điệp cuối, 1: *L'Osservatore Romano*, Ấn bản hằng tuần tiếng Anh, 27-10-1999, 5.
- [212] ISAAC OF STELLA, *Sermo* 51: PL 194, 1863, 1865.
- [213] *Nican Mopohua*, 118-119.

[214] Cf. CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến Chế Tín Lý về Hội Thánh *Lumen Gentium*, 52-69.

[215] GIOAN PHAOLÔ II, Thông Điệp *Redemptoris Mater* (25-3-1987), 6: AAS 79 (1987), 366-367.

[216] Cf. *Propositio* 58.

[217] GIOAN PHAOLÔ II, Thông Điệp *Redemptoris Mater* (25-3-1987), 17: AAS 79 (1987), 381.

[†] **Phụ chú của người dịch:**

® Bản dịch tiếng Việt này dựa trên bản tiếng Anh chính thức của Vatican, POPE FRANCIS, *The Joy of the Gospel*, Vatican Press (2013). Các câu trích Kinh Thánh lấy từ bản dịch của Nhóm PVCCK với một ít thích nghi theo bản tiếng Anh.

Đã có khá nhiều phản ứng trái chiều, đồng tình (như Michael Novak), hay chống đối (như Rush Limbaugh) về Tông Huấn này, và từ cả các phe cực hữu lẫn cấp tiến tại Hoa Kỳ, hay phe tả (như các báo Guardian, Reuters của Anh), đặc biệt liên quan tới các quan điểm của Đức Giáo Hoàng về *chính trị* và *kinh tế*. **Tuy nhiên muốn hiểu đúng tư tưởng của Đức Giáo Hoàng, cần phải đọc Tông Huấn này theo chủ đích của chính ngài là lãnh vực *mục vụ***. Có thể xem thêm chi tiết tại các đường link dưới đây:

<http://vaticaninsider.lastampa.it/en/world-news/detail/articolo/usa-us-estados-unidos-papa-pope-el-papa-30384/>

<http://www.vietcatholic.net/News/Html/119628.htm>

Ở số 54, điểm gây tranh cãi là thuật ngữ “*trickle-down*” (“sự nhỏ giọt”) của bản dịch tiếng Anh mà một số người cho là dịch không chính xác và có ý tiêu cực. Bản gốc tiếng Tây Ban Nha viết là “*derame*” (“cái gì tràn ra, vung vãi ra”), bản tiếng Pháp dịch là “*rechute favorable*” (“cái tràn ra có lợi”). Trong bản tiếng Việt này, chúng tôi tạm dịch là “lọt sàng xuống nia”, một câu nói quen dùng trong tiếng Việt và xem ra hợp với bản tiếng Tây Ban Nha và bản tiếng Pháp và có lẽ phần nào lột tả đúng ý của tác giả hơn.

Xem bài phỏng vấn Đức Thánh Cha của ký giả báo La Stampa tại đây:

<http://www.vietcatholic.net/News/Html/119628.htm>

Đặc biệt xem nhận định khá chi tiết của Michael Novak tại đây:

<http://www.nationalreview.com/article/365720/agreeing-pope-francis-michael-novak>; bản dịch tiếng Việt của Vũ Văn An trên Vietcatholic.org: <http://vietcatholic.org/News/Html/119583.htm>